

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KHOA HỌC HÀNG HẢI

Theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Khánh Hòa, tháng 12 năm 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KHOA HỌC HÀNG HẢI
GIAI ĐOẠN: TỪ NĂM 2020 ĐẾN NĂM 2024

Theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Khánh Hòa, tháng 12 năm 2024



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KHOA HỌC HÀNG HẢI**

Kèm theo Quyết định số 137/QĐ-ĐHNT ngày 19 tháng 01 năm 2024

của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

STT	Họ và tên		Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Trang Sĩ	Trung	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Quách Hoài	Nam	Phó Hiệu trưởng	Phó CT thường trực	
3	Huỳnh Văn	Vũ	Trưởng khoa Kỹ thuật Giao thông	Phó chủ tịch	
4	Đinh Đồng	Lưỡng	Trưởng phòng ĐBCL&KT	Thư ký	
5	Phạm Hồng	Mạnh	Thư ký Hội đồng trường	Thành viên	
6	Tô Văn	Phương	Trưởng phòng Đào tạo Đại học	Thành viên	
7	Tổng Văn	Toàn	Trưởng phòng CTCT&SV	Thành viên	
8	Vũ Kế	Nghiệp	Trưởng phòng KHCN	Thành viên	
9	Vũ Thị	Lương	Kế toán trưởng	Thành viên	
10	Lê Việt	Phương	Trưởng phòng TC-NS	Thành viên	
11	Đỗ Quốc	Việt	Giám đốc TT HTVL&KN	Thành viên	
12	Nguyễn Văn	Hân	Giám đốc TT PVTH	Thành viên	
13	Nguyễn Quý	Hoàn	Giám đốc Thư viện	Thành viên	
14	Nguyễn Văn	Hòa	Giám đốc TT Thí nghiệm thực hành	Thành viên	
15	Nguyễn Thanh	Tuấn	Phó trưởng khoa Kỹ thuật Giao thông	Thành viên	
16	Hồ Đức	Tuấn	Trưởng BM Khoa học hàng hải	Thành viên	
17	Vũ Như	Tân	Giảng viên BM Khoa học hàng hải	Thành viên	
18	Trần Công	Minh	Giảng viên BM Khoa học hàng hải	Thành viên	
19	Hồ Lục Tiểu	Hà	Sinh viên lớp 63.KHHH1	Thành viên	

(Danh sách gồm có 19 người)

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC BẢNG	iv
DANH MỤC HÌNH	v
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	vi
Phần I. KHÁI QUÁT	1
1. Đặt vấn đề.....	1
2. Tổng quan chung	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	15
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	15
Mở đầu.....	15
Tiêu chí 1.1.	15
Tiêu chí 1.2.	18
Tiêu chí 1.3.	25
Kết luận về Tiêu chuẩn 1.....	27
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo.....	27
Mở đầu.....	27
Tiêu chí 2.1.	27
Tiêu chí 2.2.	31
Tiêu chí 2.3.	33
Kết luận về Tiêu chuẩn 2.....	35
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	35
Mở đầu.....	35
Tiêu chí 3.1.	36
Tiêu chí 3.2.	38
Tiêu chí 3.3.	40
Kết luận về Tiêu chuẩn 3.....	42
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	43
Mở đầu.....	43
Tiêu chí 4.1.	44
Tiêu chí 4.2.	46
Tiêu chí 4.3.	51
Kết luận về Tiêu chuẩn 4.....	57
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học.....	57

Mở đầu.....	57
Tiêu chí 5.1.	57
Tiêu chí 5.2.	60
Tiêu chí 5.3.	62
Tiêu chí 5.4.	66
Tiêu chí 5.5.....	68
Kết luận về Tiêu chuẩn 5.....	71
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....	71
Mở đầu.....	71
Tiêu chí 6.1.....	72
Tiêu chí 6.2.	75
Tiêu chí 6.3.....	77
Tiêu chí 6.4.	80
Tiêu chí 6.5.....	82
Tiêu chí 6.6.	85
Tiêu chí 6.7.....	87
Kết luận về Tiêu chuẩn 6.....	90
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên.....	91
Mở đầu.....	91
Tiêu chí 7.1.	91
Tiêu chí 7.2.	94
Tiêu chí 7.3.....	96
Tiêu chí 7.4.	98
Tiêu chí 7.5.	100
Kết luận về Tiêu chuẩn 7.....	103
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học.....	104
Mở đầu.....	104
Tiêu chí 8.1.	104
Tiêu chí 8.2.	106
Tiêu chí 8.3.	108
Tiêu chí 8.4.	111
Tiêu chí 8.5.	114
Kết luận về tiêu chuẩn 8.....	116
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	117

Mở đầu.....	117
Tiêu chí 9.1.....	117
Tiêu chí 9.2.....	120
Tiêu chí 9.3.....	123
Tiêu chí 9.4.....	124
Tiêu chí 9.5.....	126
Kết luận về Tiêu chuẩn 9.....	128
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng.....	129
Mở đầu.....	129
Tiêu chí 10.1.....	129
Tiêu chí 10.2.....	132
Tiêu chí 10.3.....	134
Tiêu chí 10.4.....	137
Tiêu chí 10.5.....	138
Tiêu chí 10.6.....	141
Kết luận về Tiêu chuẩn 10.....	143
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	144
Mở đầu.....	144
Tiêu chí 11.1.....	145
Tiêu chí 11.2.....	147
Tiêu chí 11.3.....	150
Tiêu chí 11.4.....	153
Tiêu chí 11.5.....	154
Kết luận về Tiêu chuẩn 11.....	156
Phần III. KẾT LUẬN	157
Phần IV. PHỤ LỤC	
Phụ lục 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG.....	
Phụ lục 2. QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ.....	
Phụ lục 3. KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của Kỹ thuật giao thông giai đoạn 2020-2024 ..	11
Bảng 4.1. Thống kê đề tài NCKH sinh viên ngành KHHH qua các năm	54
Bảng 4.2. Thống kê khảo sát kỹ năng mềm K63 ngành KHHH	54
Bảng 6.1. Thống kê trình độ đội ngũ GV của Khoa Kỹ thuật Giao thông qua 5 năm ..	73
Bảng 6.2. Tỷ lệ NH/GV của ngành KHHH trong 5 năm gần đây.....	75
Bảng 6.3. Thống kê về chức danh nghề nghiệp đội ngũ GV của Khoa KTGT giai đoạn 2020-2024	80
Bảng 6.4. Kết quả lấy ý kiến NH về HDGD của GV Khoa Kỹ thuật Giao thông so kết quả chung của GV toàn trường trong 5 HK gần nhất.....	81
Bảng 6.5. Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV Khoa KTGT ..	83
Bảng 8.1. Kết quả tuyển sinh ngành KHHH giai đoạn 2019-2024	105
Bảng 8.2. Kết quả học tập của sinh viên qua các năm (2020-2024)	110
Bảng 9.1. Số lượt truy cập tài liệu của sinh viên ngành KHHH tại Thư viện	121
Bảng 11.1. Tỷ lệ % SV tốt nghiệp (2020-2024).....	145
Bảng 11.2. Số lượng sinh viên thuộc các diện cảnh báo hoặc buộc thôi học hàng năm (2017-2023)	146
Bảng 11.3. Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp ngành KHHH	150

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Hệ thống ĐBCL bên trong Trường ĐHNT	7
Hình 2. Cấu trúc ĐBCL của Trường	7
Hình 3. Hệ thống đảm bảo chất lượng của Khoa KTGT.....	13

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	CHỮ VIẾT TẮT	TÊN ĐẦY ĐỦ
1.	BCN	Ban chủ nhiệm
2.	BLN	Ban liên ngành
3.	BLQ	Bên liên quan
4.	BM	Bộ môn
5.	CBVC	Cán bộ viên chức
6.	CĐR	Chuẩn đầu ra
7.	CĐTN	Chuyên đề tốt nghiệp
8.	CKĐL	Cơ khí Động lực
9.	CLB	Câu lạc bộ
10.	CLĐT	Chất lượng đào tạo
11.	CNTT	Công nghệ thông tin
12.	CSGD	Cơ sở Giáo dục
13.	CSV	Cựu sinh viên
14.	CSVC	Cơ sở vật chất
15.	CTCT&SV	Công tác Chính trị và Sinh viên
16.	CTDH	Chương trình dạy học
17.	CTĐT	Chương trình đào tạo
18.	CVHT	Cổ vấn học tập
19.	DN	Doanh nghiệp
20.	ĐATN	Đồ án tốt nghiệp
21.	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
22.	ĐBCL&KT	Đảm bảo Chất lượng và Khảo thí
23.	ĐCCTHP	Đề cương chi tiết học phần
24.	ĐCHP	Đề cương học phần
25.	ĐGQT	Đánh giá quá trình

26.	ĐH	Đại học
27.	ĐHNT	Đại học Nha Trang
28.	ĐTĐH	Đào tạo đại học
29.	ĐTSDH	Đào tạo sau đại học
30.	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
31.	GDĐC	Giáo dục đại cương
32.	GDDH	Giáo dục đại học
33.	GDTQ	Giáo dục tổng quát
34.	GĐ	Giảng đường
35.	GS	Giáo sư
36.	GV	Giảng viên
37.	HĐGD	Hoạt động giảng dạy
38.	HK	Học kỳ
39.	HP	Học phần
40.	KĐCL	Kiểm định Chất lượng
41.	KQHT	Kết quả học tập
42.	KTGT	Kỹ thuật giao thông
43.	KTX	Ký túc xá
44.	KHCN	Khoa học công nghệ
45.	KHHH	Khoa học Hàng hải
46.	KTOT	Kỹ thuật ô tô
47.	KTTT	Kỹ thuật Tàu thủy
48.	MTGD	Môi trường Giáo dục
49.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
50.	NCS	Nghiên cứu sinh
51.	NCV	Nghiên cứu viên
52.	NTD	Nhà tuyển dụng

53.	NTU	Nha Trang University
54.	NV	Nhân viên
55.	NH	Người học
56.	PGS	Phó giáo sư
57.	PPDH	Phương pháp dạy và học
58.	PPĐG	Phương pháp đánh giá
59.	PPGD	Phương pháp giảng dạy
60.	PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
61.	PVTH	Trung tâm Phục vụ Trường học
62.	QĐ	Quyết định
63.	QLHH	Quản lý hàng hải
64.	SĐH	Sau đại học
65.	SV	Sinh viên
66.	TCNS	Tổ chức - Nhân sự
67.	TĐG	Tự đánh giá
68.	THPT	Trung học phổ thông
69.	ThS	Thạc sĩ
70.	VC	Viên chức

Phần I

KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

1.1. Cấu trúc báo cáo tự đánh giá

Báo cáo TĐG cung cấp các thông tin cần thiết cho hoạt động đánh giá ngoài và KĐCL theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học (GDĐH) tại Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của GD&ĐT. Cấu trúc của Báo cáo TĐG gồm 4 phần: Phần I - Khái quát; Phần II - Tự đánh giá (TĐG) theo các tiêu chuẩn, tiêu chí; Phần III - Kết luận; Phần IV - Phụ lục.

Phần I: Khái quát

Giới thiệu tổng quan về cấu trúc và nội dung chính của báo cáo TĐG CTĐT của ngành KHHH theo các tiêu chuẩn. Mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình TĐG CTĐT, giải thích cách mã hóa các MC trong báo cáo TĐG, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động TĐG, sự tham gia của các BLQ. Trong phần này, báo cáo cũng trình bày mục đích, phạm vi, phương pháp và quy trình TĐG, mô tả tóm tắt về sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách chất lượng và hoạt động đảm bảo chất lượng (ĐBCL) của Khoa Kỹ thuật giao thông (KTGT) và của Trường Đại học Nha Trang (ĐHNT).

Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Phần TĐG theo các tiêu chuẩn, tiêu chí CTĐT ngành Khoa học hàng hải (KHHH) được thực hiện theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT, bao gồm 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí, gồm các nội dung TĐG về:

- (1) Mục tiêu và CĐR của CTĐT
- (2) Bản mô tả CTĐT
- (3) Cấu trúc và nội dung CTDH
- (4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học
- (5) Đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học (NH)
- (6) Đội ngũ giảng viên (GV), NCV
- (7) Đội ngũ nhân viên (NV)
- (8) NH và hoạt động hỗ trợ NH
- (9) CSVC và trang thiết bị

(10) Nâng cao chất lượng

(11) Kết quả đầu ra

Mỗi tiêu chí gồm có 05 phần:

1. Mô tả hiện trạng: nhận định thực trạng của CTĐT.

2. Điểm mạnh: phân tích và chỉ ra những điểm mạnh nổi bật.

3. Điểm tồn tại: những điểm hạn chế, tồn tại của CTĐT trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí.

4. Kế hoạch hành động: phát huy mặt mạnh, khắc phục những tồn tại.

5. Tự đánh giá: mức TĐG theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của GDĐH.

Sau khi mô tả và phân tích từng tiêu chí, bản báo cáo nêu tóm tắt điểm mạnh nổi bật, những tồn tại cơ bản của CTĐT, các kế hoạch hành động được xây dựng để nâng cao chất lượng đào tạo và kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn.

Phần III: Kết luận

Phần kết luận mô tả tóm tắt các điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần cải tiến chất lượng của CTĐT và đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng. Sau phần kết luận là bảng tổng hợp kết quả TĐG CTĐT ngành KHHH.

Phần IV: Phụ lục

Phần phụ lục bao gồm các quyết định (QĐ) thành lập Hội đồng TĐG, danh sách thành viên Ban thư ký và danh sách các nhóm công tác chuyên trách; kế hoạch TĐG; tổng hợp kết quả TĐG và cung cấp thông tin chi tiết về các cơ sở dữ liệu để KĐCL CTĐT ngành KHHH.

1.2. Mục đích tự đánh giá

Mục đích chính của lần TĐG này là để Trường và Khoa KHHH nhận định được những điểm mạnh, những tồn tại, hạn chế của CTĐT, từ đó xây dựng hệ thống giải pháp nhằm tiếp tục phát triển những điểm mạnh và từng bước khắc phục các tồn tại, hạn chế của CTĐT. Kết quả TĐG lần này là cơ sở để Trường và Khoa KTGT đăng ký đánh giá ngoài chính thức lần một đối với CTĐT ngành KHHH.

1.3. Phạm vi tự đánh giá

Trong lần TĐG này, CTĐT ngành KHHH được tổ chức TĐG tổng thể các hoạt động theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH (theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT kèm theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng) trong giai đoạn

05 năm, từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024. Số liệu theo năm hành chính được tính đến ngày 30/6/2024.

1.4. Quy trình tự đánh giá

CTĐT ngành KHHH tổ chức TĐG theo thứ tự các công việc như sau:

- Thành lập Hội đồng TĐG (19 người), Ban thư ký (08 người), các nhóm công tác chuyên trách (5 nhóm, 31 người).
- Lập Kế hoạch TĐG, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm công tác chuyên trách.
- Các nhóm công tác chuyên trách tiến hành phân tích các tiêu chuẩn, tiêu chí theo yêu cầu của Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT, thống kê các MC cần có, các MC đã có, các MC cần thu thập từ các đơn vị chức năng.
- Các đơn vị chức năng cung cấp thông tin MC.
- Các nhóm công tác chuyên trách dự thảo các tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công.
- Ban Thư ký tổng hợp và dự thảo báo cáo TĐG. Tổ chức phản biện chéo trong nội bộ.
- Ban Thư ký hoàn thiện dự thảo Báo cáo TĐG và gửi đến Tổ chuyên gia và Hội đồng góp ý.
- Ban Thư ký tiếp tục hoàn thiện Báo cáo TĐG và công bố Báo cáo trong nội bộ Trường để thu thập các ý kiến đóng góp.
- Ban Thư ký hoàn thiện báo cáo TĐG lần cuối, thông qua Chủ tịch Hội đồng TĐG và gửi báo cáo đến Bộ GD&ĐT và cơ quan KĐCL, thực hiện các thủ tục đăng ký đánh giá ngoài.

1.5. Phương pháp và công cụ tự đánh giá

Phương pháp và công cụ TĐG được thực hiện dựa trên Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH được ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-Bộ GD&ĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT và Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 ban hành Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH và các tài liệu hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng.

Đối với mỗi tiêu chí trong từng tiêu chuẩn, việc TĐG được tiến hành theo phương pháp sau:

- Thu thập các thông tin, MC liên quan.
- Mô tả để làm rõ thực trạng của ngành.
- Phân tích, so sánh, đối chiếu để chỉ ra các điểm mạnh và những tồn tại.

- Xây dựng kế hoạch hành động để cải tiến chất lượng, có nêu rõ thời gian, nguồn lực và phương pháp thực hiện.

- TĐG mức độ đáp ứng tiêu chí và tiêu chuẩn.

Quá trình thực hiện TĐG được tiến hành một cách khách quan, trung thực. Ngoài các thành viên Hội đồng TĐG, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách, Trường còn huy động các cá nhân, đơn vị liên quan cùng tham gia phối hợp, hỗ trợ để triển khai TĐG CTĐT ngành KHHH theo kế hoạch.

1.6. Lợi ích thu được

Những lợi ích chủ yếu mà Trường, Khoa KTGT và ngành KHHH nhận được thông qua lần TĐG này:

- Giúp đánh giá CTĐT đại học (ĐH) ngành KHHH để không ngừng phát triển chất lượng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, triết lý và MTGD của Trường.

- Giúp VC và GV trong Khoa KTGT ngày càng nhận thức tốt hơn về tầm quan trọng của công tác TĐG chất lượng CTĐT.

- Giúp đội ngũ trực tiếp tham gia hoạt động TĐG nâng cao kiến thức và có thêm kinh nghiệm về hoạt động ĐBCL và KĐCL đối với CTĐT.

- Giúp các đơn vị chức năng liên quan đến mọi hoạt động của Khoa nhận ra các mặt mạnh và hạn chế, từ đó xây dựng các giải pháp phát triển đơn vị tương xứng với tiềm năng.

- Giúp Trường, Khoa và BM KHHH tiếp tục xây dựng và lưu trữ hệ thống các MC trên tất cả các lĩnh vực công tác, phục vụ cho công tác quản lý và KĐCL.

1.7. Quy định về mã hoá các minh chứng

Mã MC trong báo cáo TĐG này được ký hiệu bằng chuỗi có 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: **Hn.ab.cd.ef**.

Trong đó:

H: viết tắt “Hộp minh chứng”.

n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh dấu từ số 1 đến hết.

ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (từ 01 đến 11).

cd: số thứ tự của tiêu chí.

ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí.

Ví dụ: H1.01.02.03: là MC thứ ba của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1.

Trong lần TĐG này, toàn bộ các MC phục vụ công tác đánh giá ngoài của CTĐT đã được số hóa và lưu trữ trong mục MC kiểm định tại địa chỉ <https://canbo.ntu.edu.vn/>,

trong mục MC kiểm định chọn ngành KHHH và chọn tiêu chuẩn để xem chi tiết danh mục MC trong từng hộp MC theo từng tiêu chí. Chuyên gia đánh giá ngoài cũng sẽ được cấp tài khoản để xem trực tuyến.

2. Tổng quan chung

2.1 Tổng quan về Trường Đại học Nha Trang

Trường ĐHNT trực thuộc Bộ GD&ĐT, có cơ sở tại số 02 Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Tiền thân của Trường là Khoa Thủy sản được thành lập ngày 01/8/1959 tại Học viện Nông Lâm, Hà Nội (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam), là nơi mở đầu cho sự nghiệp đào tạo cán bộ (CB) có trình độ ĐH của nghề cá Việt Nam. Ngày 16/8/1966, theo QĐ số 155/CP của Thủ tướng Chính phủ, Khoa Thủy sản được tách ra khỏi Học viện Nông Lâm để trở thành Trường Thủy sản.

Sau khi thống nhất đất nước, Trường di chuyển từ Hải Phòng vào thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa và lấy tên là Trường ĐH Hải sản theo QĐ số 01/QĐ-BHS ngày 04/10/1976 của Bộ Hải sản. Ngày 12/8/1981 Trường ĐH Hải sản được đổi tên thành Trường ĐH Thủy sản theo Công văn số 80TS/VP của Bộ Thủy sản. Theo QĐ số 172/QĐ-TTg ngày 25/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ, Trường đổi tên thành Trường ĐHNT.

Sứ mạng và tầm nhìn của Trường (được cập nhật trong Nghị quyết số 1038/NQ-ĐHNT ban hành ngày 06/10/2021 về Chiến lược phát triển Trường đến 2030, tầm nhìn 2045) là:

Sứ mạng của Trường là “*Nghiên cứu khoa học (NCKH), đào tạo nhân lực trình độ cao và chuyển giao tri thức đa lĩnh vực, chú trọng phát huy thế mạnh lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản*”.

Tầm nhìn của Trường là “*Đến năm 2045 là ĐH có thứ hạng cao của Việt Nam; thuộc nhóm đầu các ĐH ở Châu Á về một số ngành khoa học - công nghệ biển và thủy sản*”.

Theo QĐ số 840/QĐ-ĐHNT ngày 25/7/2019, triết lý và MTGD của Trường ĐHNT đã được xây dựng như sau:

TLGD của Trường là “*Chú trọng phát triển tính chuyên nghiệp, khả năng sáng tạo và ý thức trách nhiệm trong môi trường giáo dục hội nhập, gắn kết với thực tiễn nghề nghiệp và cộng đồng*”.

MTGD của Trường nhằm phát triển ở NH:

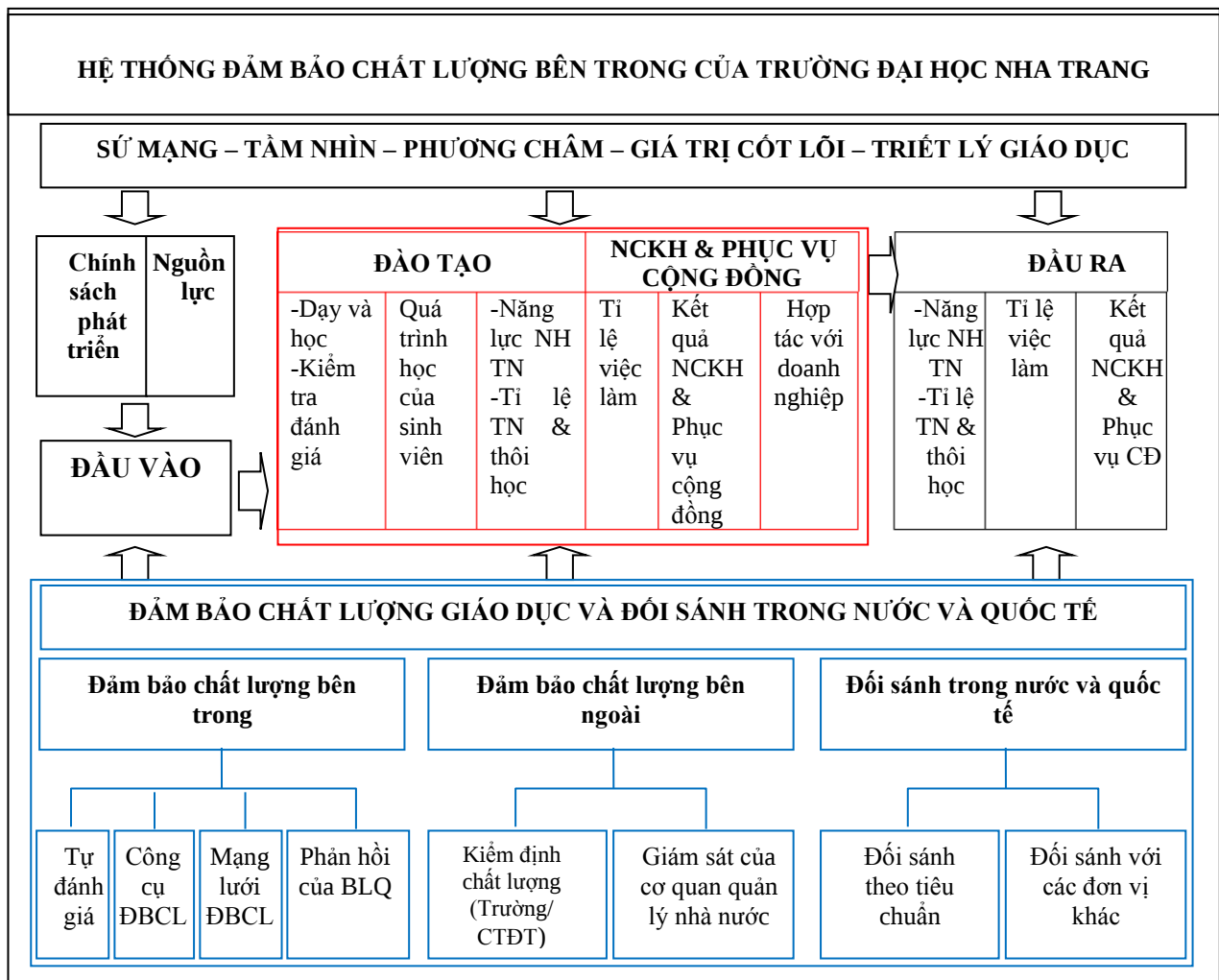
- + *Bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ và sức khỏe;*
- + *Kiến thức nền tảng và chuyên sâu về nghề nghiệp;*

- + *Kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn phù hợp với nghề nghiệp;*
- + *Khả năng nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ;*
- + *Tinh thần lập nghiệp, khả năng tự học, sáng tạo và thích ứng với môi trường hoạt động nghề nghiệp.*

Chính sách ĐBCL:

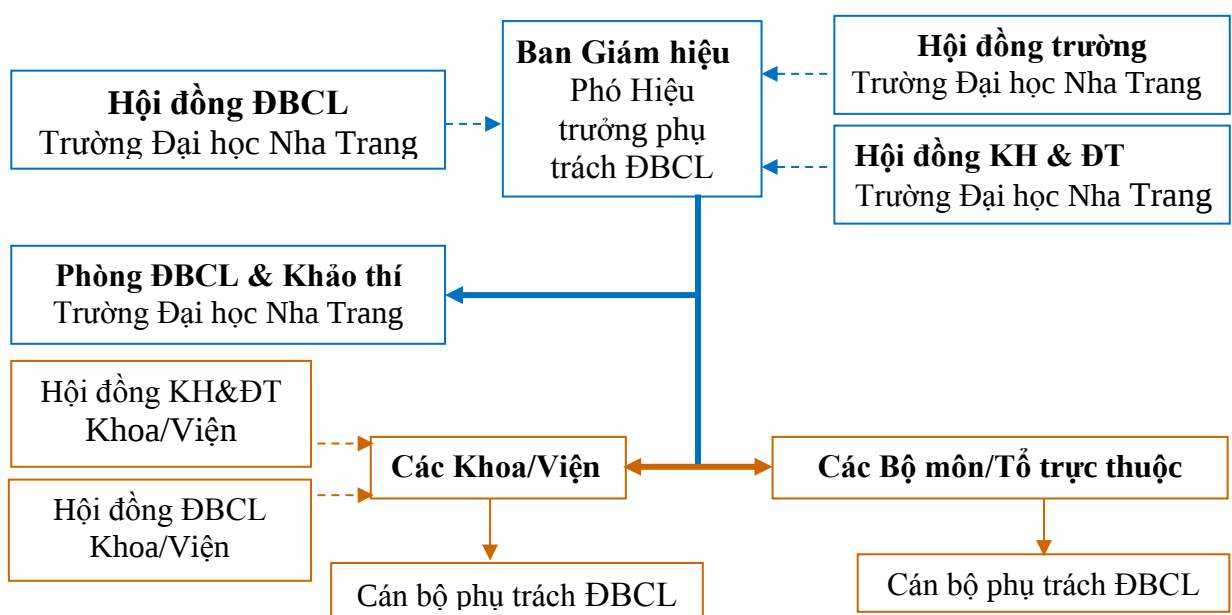
Ngày 30 tháng 07 năm 2019, Chủ tịch Hội đồng Trường ĐHNT đã ký QĐ số 854/QĐ-ĐHNT ban hành chính sách ĐBCL nhằm công bố công khai quan điểm chất lượng, những nguyên tắc cơ bản của hoạt động ĐBCL và cam kết của Nhà trường với các bên liên quan (BLQ), là cơ sở để các đơn vị và cá nhân trong Trường chủ động xây dựng kế hoạch nhằm thực hiện tốt các nội dung trong chính sách cũng như cam kết của Trường. Đến tháng 7 năm 2022, Hội đồng trường ban hành Nghị quyết số 31/NQ-ĐHNT ngày 04/7/2022 về chính sách bảo đảm chất lượng, có các điều chỉnh, bổ sung để đáp ứng kịp thời hoạt động ĐBCL của Nhà trường. Trên cơ sở các chính sách ĐBCL trên, HĐT cũng đã ban hành Nghị quyết số 1038/NQ-ĐHNT ngày 06/10/2021 về chiến lược phát triển ĐHNT đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, sau đó, tiếp tục được cụ thể hóa trong Nghị quyết số 08/NQ-ĐHNT ngày 16/02/2022 về kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Trường ĐHNT giai đoạn 2021-2025 về công tác bảo đảm chất lượng, kiểm định và xếp hạng. Xuyên suốt các nghị quyết trên là cơ sở để triển khai các hoạt động bảo đảm chất lượng trong toàn Trường.

Hệ thống ĐBCL bên trong của Trường được thể hiện ở Hình 1.



Hình 1. Hệ thống ĐBCL bên trong Trường ĐHNT

Cấu trúc ĐBCL của Trường được trình bày cụ thể ở Hình 2.



Hình 2. Cấu trúc ĐBCL của Trường

Tổ chức và hoạt động:

Hiện nay Trường ĐHNT có 15 Khoa, Viện và Trung tâm với chức năng đào tạo; 09 Viện, Trung tâm với chức năng nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ (KH-CN) và dịch vụ/phục vụ, 01 Thư viện trung tâm, 11 Phòng chức năng tham mưu và 06 Hội đồng tư vấn cho Hiệu trưởng. Các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ của Nhà trường dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, quản trị của Hội đồng trường, quản lý của Ban giám hiệu đứng đầu là Hiệu trưởng cùng với sự giám sát, phối hợp của các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên và Hội Cựu chiến binh Trường.

Về nhân sự, tính đến tháng 06/2024, tổng số VC-NLĐ của Trường là 663 người, bao gồm 457 GV (chiếm tỉ lệ 68,93%) và 206 VC hành chính, phục vụ (chiếm tỉ lệ 31,07%). Đội ngũ VC của Trường có 01 giáo sư (GS), 30 phó giáo sư (PGS), 176 Tiến sĩ (TS), 331 Thạc sĩ (ThS), 32 GV cao cấp, 67 GV chính và 07 chuyên viên chính. Tỉ lệ GV cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số GV cơ hữu là 37,42% (171/457), tỉ lệ GV cơ hữu có trình độ ThS trở lên trên tổng số GV cơ hữu là 57,55% (263/457).

Về hoạt động đào tạo, tính đến 06/2024, Trường có 11 ngành đào tạo TS, 19 ngành đào tạo ThS và 36 ngành đào tạo ĐH (60 chuyên ngành và CTĐT). CTĐT các trình độ được định kỳ rà soát, cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo tính liên thông. Để không ngừng duy trì và phát triển chất lượng hoạt động đào tạo, Trường đã thành lập Hội đồng ĐBCL và đã xây dựng Kế hoạch TĐG, đánh giá ngoài CTĐT giai đoạn 2017-2021, Kế hoạch KĐCL CTĐT trình độ ĐH giai đoạn 2021-2025 cho tất cả các CTĐT của Trường cũng như xây dựng Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Trường ĐHNT giai đoạn 2021-2025 về công tác ĐBCL, kiểm định và xếp hạng.

Thành tích đạt được:

Với gần 65 năm xây dựng và phát triển cùng với những thành tích đạt được, Nhà trường vinh dự được tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý của Đảng, Nhà nước, tiêu biểu như: Huân chương Lao động hạng Ba (1981), hạng Nhì (1986), hạng Nhất (1989); Huân chương Độc lập hạng Ba (1994), hạng Nhì (1999), hạng Nhất (2004); Anh hùng lao động (2006). Trường đã 03 lần được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cấp CSGD, lần I vào tháng 02/2009, lần II vào tháng 3/2018 và lần III vào tháng 8/2023.

2.2. Tổng quan về Khoa Kỹ thuật giao thông

Khoa KTGT – Trường ĐHNT được thành lập năm 2011 trên cơ sở đổi tên từ Khoa Kỹ thuật tàu thủy và chuyển đổi thêm Bộ môn (BM) KTOT từ Khoa Cơ khí, gồm có 03

BM: Kỹ thuật tàu thủy, Động lực và KTOT, từ ngày 01/08/2023 BM KHHH được thành lập dựa trên tách ngành KHHH từ BM Động lực kết hợp với điều chuyển BM Hàng hải từ Viện Công nghệ Khai thác thủy sản. Đến thời điểm hiện nay, Khoa có tổng cộng 31 CB, trong đó có 03 PGS, 11 TS và 14 ThS và 03 ĐH. Khoa KTGT là một trong những đơn vị có thế mạnh trong đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ. Hiện nay, Khoa KTGT đang tổ chức đào tạo các bậc học ĐH và sau đại học (SĐH) với các ngành cụ thể như sau:

- **Bậc ĐH:**

+ Ngành Kỹ thuật tàu thủy: Ngoài các lớp chính quy tại Trường, hiện nay Khoa đang mở các lớp bằng 2 tại các địa phương, trước hết là tại Bến Tre và Bình Định.

+ Ngành KTOT: Ngoài các lớp chính quy tại Trường, hiện nay Khoa đang mở 1 lớp bằng 2 tại Cần Thơ và các địa phương khác có nhu cầu.

+ Ngành KHHH (02 chuyên ngành KHHH; Quản lý hàng hải (QLHH) và Logistics)

+ Ngành Kỹ thuật cơ khí động lực

- **Bậc cao học:**

+ Ngành Kỹ thuật tàu thủy

+ Ngành KTOT

+ Ngành Kỹ thuật cơ khí động lực

- **Bậc tiến sĩ:**

+ Ngành Kỹ thuật tàu thủy

+ Ngành Kỹ thuật cơ khí động lực

Song song nhiệm vụ đào tạo, Khoa còn triển khai thực hiện các đề tài NCKH, tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực chuyên môn liên quan. Cụ thể:

- Thực hiện các hồ sơ thiết kế như thiết kế hoàn công, thiết kế cải hoán (phần vỏ, phần máy, phần trang thiết bị, ...), thiết kế kỹ thuật tàu thủy bằng các loại vật liệu khác nhau, đặc biệt đối với tàu cá các loại.

- Tư vấn công tác duyệt hồ sơ thiết kế tàu cá, xây dựng quy trình duyệt hồ sơ thiết kế, ... cho đăng kiểm viên hoặc cơ sở đăng kiểm tàu cá trên toàn quốc.

- Thiết kế công nghệ thi công tàu vỏ thép.

- Thiết kế, thi công và chuyển giao công nghệ các sản phẩm liên quan đến lĩnh vực thủy sản và du lịch biển bằng các loại vật liệu khác nhau.

- Thiết kế, chuyển giao công nghệ đóng sửa tàu bằng các loại vật liệu khác nhau.

- Tư vấn, thiết kế cải hoán, nâng cao hiệu quả sử dụng ô tô.
- Tư vấn thiết kế và hướng dẫn sử dụng thiết bị hiện đại kiểm tra chất lượng trong bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa chữa KTOT - xe cơ giới và máy động lực.
- Tư vấn thiết kế, chế tạo, chuyển giao công nghệ và thiết bị khai thác thủy sản trên các tàu đánh cá.
- Tư vấn các giải pháp kỹ thuật giảm ô nhiễm môi trường do phát thải động cơ ô tô, tàu thủy, giải pháp xác định công suất động cơ đã qua sử dụng, ...
- Tư vấn, giảng dạy, hướng dẫn chuyển giao các phần mềm chuyên ngành Kỹ thuật tàu thủy, Kỹ thuật Cơ khí động lực và KTOT.

Trải qua suốt chặng đường phát triển đến nay, KTGT đã đào tạo cho đất nước hàng nghìn cử nhân, ThS và TS, và hiện nay đang giữ nhiều vị trí chủ chốt trong các doanh nghiệp (DN) ở tất cả các lĩnh vực ngành nghề. Đồng thời đóng góp nhiều thành tựu đào tạo và NCKH nổi bật của Trường, đóng góp cho sự phát triển kinh tế xã hội đất nước.

Chức năng và nhiệm vụ:

KTGT có chức năng chính là tổ chức đào tạo trình độ các bậc ĐH, SDH, đào tạo và bồi dưỡng ngắn hạn; NCKH và chuyển giao tri thức trong lĩnh vực được Trường phân công.

KTGT thực hiện các nhiệm vụ chính sau:

- Quản lý CBVC và NH thuộc khoa theo phân cấp của Hiệu trưởng.
- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục đào tạo các bậc đối với các ngành được phân công quản lý theo kế hoạch chung của Trường.
- Theo dõi, giám sát, điều hành hoạt động giảng dạy (HDGD), NCKH, điều phối hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo của BM trực thuộc theo chiến lược chung của Trường.
- Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV, ngành nghề đào tạo và cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo và NCKH, tăng cường điều kiện ĐBCL đào tạo.
- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho CBVC, NH; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho GV, viên chức (VC) thuộc khoa.
- Tổ chức đánh giá CBVC trong khoa và tham mưu đánh giá CB quản lý trong Trường theo quy định của Nhà trường.
- Chủ trì và phối hợp với Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng tổ chức, bồi dưỡng, cấp chứng chỉ các khóa tập huấn ngắn hạn và các lớp dạy nghề (theo ủy quyền của Hiệu trưởng).
- Quản lý, sử dụng các tài sản thiết bị được giao.

- Thực hiện chế độ báo cáo về nhiệm vụ được giao theo quy định.

Nhân sự: Đội ngũ CB cơ hữu của Khoa năm 2024 có 30 giảng viên và 01 thư ký khoa. Trong đó, đội ngũ GV có 3 PGS, 11 TS, 13 ThS và 3 ĐH (Bảng 1). Ngoài ra, còn có sự tham gia giảng dạy của các GV ở các BM khác ở trong Trường và GV thỉnh giảng có trình độ ThS trở lên có năng lực giảng dạy.

Bảng 1.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của Kỹ thuật giao thông giai đoạn 2020-2024

Chỉ tiêu	ĐVT	2020	2021	2022	2023	2024
PGS, GS	Người	1	1	2	3	3
TS	Người	9	9	9	7	11
ThS	Người	13	13	13	15	13
ĐH	Người	0	0	0	0	3
Tổng số GV	Người	23	23	24	25	30
PGS, GS/TS	%	11	11	22	43	27
TS trở lên/Tổng số GV	%	43	43	43	40	43

2.3. Giới thiệu về ngành KHHH

Thông tin chung

Ngành KHHH được đào tạo từ khóa 55 được giao cho BM Động lực quản lý theo QĐ số 898/QĐ-ĐHNT của Hiệu trưởng ngày 18/09/2014.

Chương trình đào tạo (CTĐT) của Ngành KHHH đã cập nhật lại từ khóa 58 KHHH theo QĐ số 282/QĐ-ĐHNT của Hiệu trưởng ngày 11/03/2019 theo đó bổ sung thêm một số HP liên quan đến chuyên ngành Logistics.

Do nhu cầu của xã hội, Ngành KHHH đã xây dựng và bổ sung chuyên ngành QLHH VÀ LOGISTICS theo QĐ số 1275/QĐ -ĐHNT của Hiệu trưởng ngày 16/11/2021 thuộc ngành KHHH.

BM KHHH được thành lập ngày 01.08.2023 quản lý ngành KHHH (02 chuyên ngành KHHH – QLHH và Logistics) trên cơ sở tách ngành KHHH từ BM Động lực và điều chuyển BM Hàng hải từ Viện KHCN Khai thác Thủy sản. Nhân sự của BM hiện nay gồm có 7 cán bộ viên chức (CBVC), trong đó có 03 Tiến sĩ, 04 ThS (có 01 CB đang làm Nghiên cứu sau tiến sĩ tại nước ngoài). Đội ngũ CB BM là những người có kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, NCKH và chuyển giao công nghệ, có nhiều tâm huyết với nghề nghiệp.

MỤC TIÊU ĐẦU RA

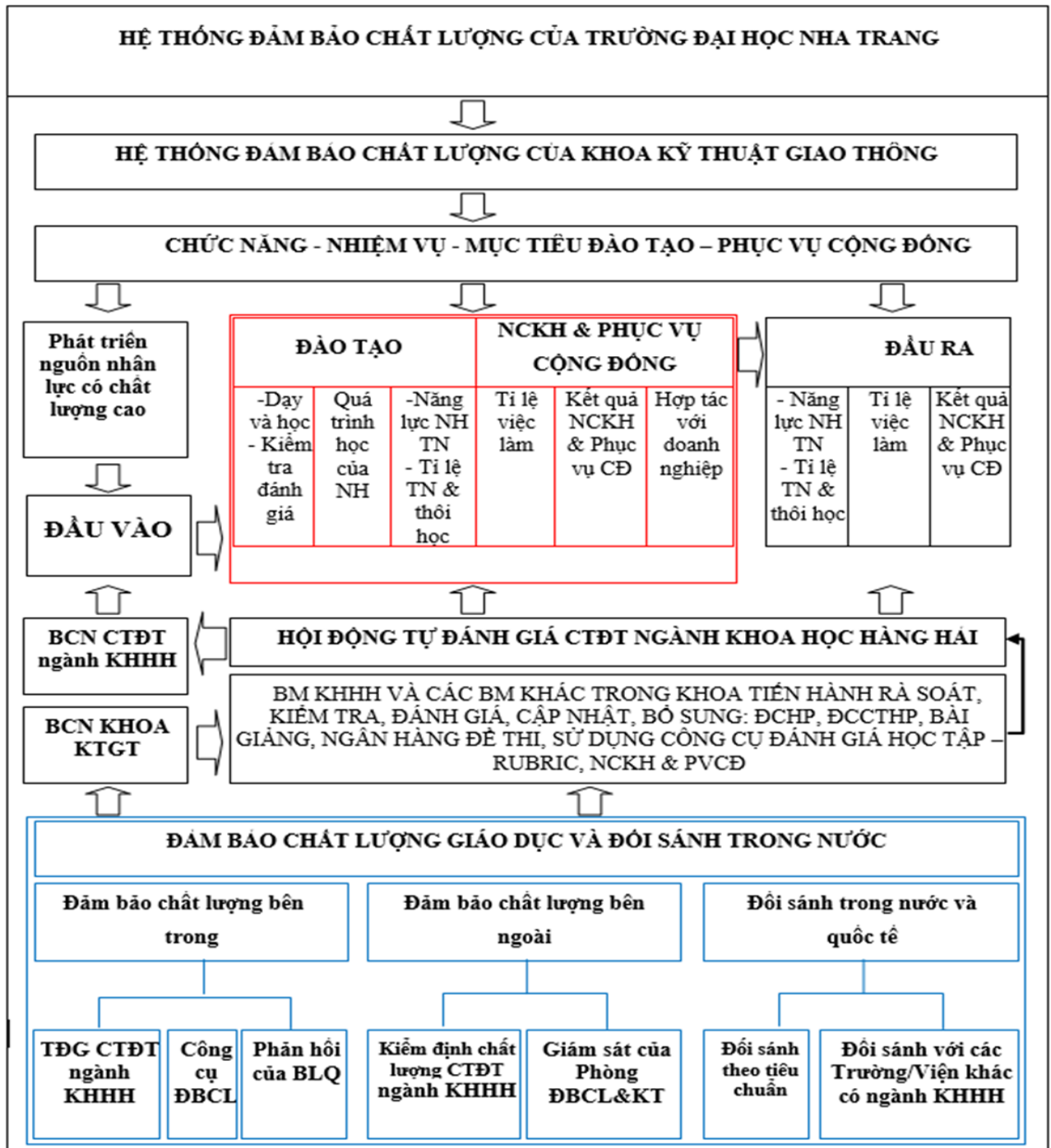
1. Có tri thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn; bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ, sức khỏe; các kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin (CNTT) và các kỹ năng mềm; từ đó vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc sau này;
2. Có khả năng vận dụng kiến thức cần thiết về cơ sở ngành và chuyên ngành QLHH và Logistics;
3. Có kỹ năng quản lý các hoạt động hàng hải và hải quan;
4. Có kỹ năng thực hiện dịch vụ hàng hải và Logistics;
5. Có khả năng thích ứng, tự nghiên cứu để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực QLHH & Logistics sáng tạo và chuyên nghiệp.

CƠ HỘI VIỆC LÀM

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân KHHH (chuyên ngành QLHH và Logistics) có thể làm CV, CB quản lý tại:

1. Cơ quan: Cảng vụ hàng hải, Bảo đảm an toàn hàng hải, Hải quan;
2. Công ty: Vận tải biển, Cảng biển và cảng nội địa, Đại lý tàu biển, Giám định và Bảo hiểm hàng hải;
3. DN: Logistics chuỗi cung ứng, vận tải, kho hàng, khai thác và môi giới hàng hóa;
4. Cơ sở đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực Khoa học hàng hải.

Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của KTGT được trình bày ở Hình 3.



Hình 3. Hệ thống đảm bảo chất lượng của Khoa KTGT

BM đã và đang hợp tác với các cơ sở sản xuất và đào tạo trong và ngoài nước (Tân Cảng Cái Mép, Công ty TNHH phát triển nguồn nhân lực tân cảng – STC, Viện Phát triển DN và Tài năng Việt Nam & Công ty Phú Phong Khánh Hòa, Mentoring, Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh, Cảng Quốc tế Nam Văn Phong, Công ty TNHH đầu tư thương mại quốc tế HIGOI, Công ty TNHH Maruwa Transport Organization Japan nhằm liên kết đào

tạo, gửi CB, sinh viên (SV) đến tham quan, kiến tập, thực tập đồng thời tiếp thu những kinh nghiệm, đề xuất từ thực tiễn nhằm cải tiến chương trình nâng cao chất lượng đào tạo.

Phát huy truyền thống xây dựng và phát triển Nhà trường, toàn thể CB GV đang ra sức học tập nâng cao trình độ, công bố Chuẩn đầu ra (CĐR), biên soạn giáo trình, bài giảng, tài liệu học tập và tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy (PPGD), nâng cao chất lượng đào tạo, đẩy mạnh hoạt động NCKH từng bước nâng cao vị thế của ngành, của trường trong khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

Số lượng NH theo học ngành KHHH trình độ ĐH có xu hướng tăng ổn định. Hiện tại BM đang đào tạo khoảng 500 NH, học viên ngành KHHH ở các bậc đào tạo. Tham gia đào tạo cho ngành KHHH còn có đội ngũ GV trong KTGT và các khoa khác trong Trường.

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

CTĐT ngành KHHH được cập nhật, điều chỉnh định kỳ nhằm thích ứng với bối cảnh hội nhập và phát triển của Công nghiệp vận tải biển và Logistics hiện nay. Hơn thế nữa việc cập nhật cũng nhằm phù hợp với những thay đổi về tầm nhìn, và đặc biệt mục tiêu chung của Trường ĐHNT. Mục tiêu của CTĐT ngành KHHH của Trường được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường, phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật GDĐH năm 2012. Mục tiêu của CTĐT là kết quả của quá trình TĐG được thực hiện một cách có hệ thống, chặt chẽ, qua nhiều cấp, bám sát sứ mạng, tầm nhìn, triết lý và mục tiêu giáo dục của Trường. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được tất cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan (BLQ), được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục Đại học

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu đào tạo được xác định dựa trên các quy trình, quy định, hướng dẫn, được ban hành và phổ biến công khai. Mục tiêu của CTĐT ngành KHHH hiện nay nhằm “*Có tri thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn; bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ, sức khỏe; các kỹ năng ngoại ngữ, CNTT và các kỹ năng mềm; từ đó vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc sau này; Có khả năng xây dựng kế hoạch và triển khai quản lý, khai thác cảng và đội tàu; Có khả năng vận hành và thực hiện các hoạt động KHHH; Có nghiệp vụ quản lý KHHH và lĩnh vực liên quan chuyên ngành KHHH; Có khả năng nghiên cứu và ứng dụng KHCN vào lĩnh vực KHHH.*” **[H1.01.01.01]**. So với mục tiêu CTĐT trước đó (năm 2016) được phát biểu khá tổng quát “*Chương trình giáo dục ĐH KHHH cung cấp cho SV môi trường học tập và những hoạt động giáo dục để họ hình thành và phát triển nhân cách, đạo đức, trí thức, các kỹ năng cơ bản và cần thiết nhằm phục vụ các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, quản lý kỹ thuật công nghệ KHHH đáp ứng nhu cầu xã hội*” **[H1.01.01.02]**, mục tiêu CTĐT lần

cập nhật gần nhất cụ thể và có định hướng rõ ràng hơn. Kết quả cập nhật mục tiêu CTĐT được thể hiện trong các QĐ ban hành CTĐT **[H1.01.01.01]**, được công bố công khai trên website của Trường (<https://tuyensinh.ntu.edu.vn/>). Những kết quả này dựa trên bộ tiêu chuẩn được ban hành theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT và các hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, và các quy định, hướng dẫn phát triển CTĐT của Trường **[H1.01.01.03]**. Trong đó sự cập nhật cũng thể hiện sứ mạng, tầm nhìn, triết lý và mục tiêu giáo dục của Trường **[H1.01.01.04]**; thông qua nhiều cấp từ BM, Ban chủ nhiệm (BCN) CTĐT, Tiểu ban liên ngành nhóm kỹ thuật, và hoàn thiện qua nhiều cấp quản lý **[H1.01.01.05]** **[H1.01.01.06]**. CTĐT ngành KHHH đã được cập nhật năm 2021.

Mục tiêu của CTĐT ngành KHHH được xác định phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn, phù hợp với định hướng chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2016-2020, chiến lược phát triển đến 2030, tầm nhìn 2045. Tính phù hợp của mục tiêu CTĐT ngành KHHH được thể hiện rõ qua mối quan hệ chặt chẽ với sứ mạng “NCKH, đào tạo nhân lực trình độ cao và chuyển giao tri thức đa lĩnh vực, chú trọng phát huy thế mạnh lĩnh vực KHCN biển và thủy sản”, và tầm nhìn “Đến năm 2045 là ĐH có thứ hạng cao của Việt Nam; thuộc nhóm đầu các ĐH ở Châu Á về một số ngành KHCN biển và thủy sản” của Trường ban hành qua các thời kỳ **[H1.01.01.04]**.

Theo kết quả khảo sát đội ngũ GV, 83% cho rằng mục tiêu của CTĐT phù hợp hoàn toàn và 17% cho rằng không phù hợp một phần với sứ mạng của Trường **[H1.01.01.06]**. Mục tiêu của CTĐT ngành KHHH phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật GDĐH hiện hành. Mục tiêu CTĐT ngành KHHH có sự tương thích chặt chẽ với mục tiêu của GDĐH thông qua các nội hàm như “Đào tạo NH có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. “Đào tạo trình độ cao đẳng để SV có kiến thức chuyên môn cơ bản, kỹ năng thực hành thành thạo, hiểu biết được tác động của các nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội trong thực tiễn và có khả năng giải quyết những vấn đề thông thường thuộc ngành được đào tạo”. “Đào tạo trình độ ĐH để SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo” **[H1.01.01.07]**. Các mục tiêu hiện thực hóa trong CTĐT bậc ĐH ngành KHHH. Cụ thể thể hiện trong các mục tiêu từ PEO1 đến PEO5. Tiếp theo đó được thể hiện rõ hơn trong

CĐR CTĐT ngành KHHH. Cuối cùng là thực hiện qua các trụ cột chuyên môn của ngành thông qua vị trí việc làm của NH sau khi tốt nghiệp.

Thêm vào đó, sự phù hợp của mục tiêu của CTĐT ngành KHHH với triết lý giáo dục của Trường “Phát triển tính chuyên nghiệp, khả năng sáng tạo và ý thức trách nhiệm trong môi trường giáo dục hội nhập, gắn kết với thực tiễn nghề nghiệp và cộng đồng” được thể hiện rõ bởi ma trận tương thích giữa mục tiêu CTĐT – Mục tiêu GDĐH – Mục tiêu giáo dục của Trường được thể hiện ở CTĐT cập nhật mới nhất **[H1.01.01.01]** **[H1.01.01.08]**, thông qua hệ thống các đề cương học phần (ĐCHP), đề cương chi tiết học phần (ĐCCTHP) của CTĐT; và được xây dựng, đánh giá, hoàn thiện theo tham khảo ý kiến qua nhiều cấp: BM, BCN CTĐT, BCN khoa KTGT, Tiểu ban liên ngành khối Kỹ thuật **[H1.01.01.05]**. Mục tiêu của CTĐT ngành KHHH của Trường cũng khá tương đồng với mục tiêu được công bố của các CTĐT ngành KHHH từ các trường ĐH trong nước **[H1.01.01.09]**, nhằm đào tạo NH có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân. Mục tiêu của CTĐT ngành KHHH phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động. Mục tiêu CTĐT được xây dựng dựa nguyên tắc lấy yêu cầu của thị trường lao động đối với kiến thức, kỹ năng và thái độ NH làm nền tảng; lấy ý kiến phản hồi của cựu sinh viên (CSV), cử nhân mới tốt nghiệp, NH năm cuối làm kênh tham khảo quan trọng; lấy tỉ lệ có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp làm thước đo đánh giá **[H1.01.01.10]**.

2. Điểm mạnh

CTĐT ngành KHHH có mục tiêu rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHNT và phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật giáo dục ĐH hiện hành. Mục tiêu CTĐT ngành KHHH phản ánh được nhu cầu thị trường, điều này thể hiện cụ thể qua các cập nhật hàng năm và điều chỉnh năm 2021. Bên cạnh đó, mục tiêu của CTĐT ngành KHHH còn được đối sánh với CTĐT tương ứng của các trường uy tín trong nước và tham khảo ý kiến của các BLQ.

3. Điểm tồn tại

Mục tiêu CTĐT ngành KHHH mới chỉ thể hiện phần nào sự đóng góp, tham gia trong lĩnh vực thủy sản, kinh tế biển – một trong những sứ mạng và tầm nhìn của Trường.

Việc điều chỉnh mục tiêu CTĐT sau khi khảo sát các BLQ qua các lần cập nhật còn chưa chi tiết và đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa KTGT tiếp tục cập nhật mục tiêu CTĐT ngành KHHH thể hiện rõ nét đóng góp về lĩnh vực thủy sản và kinh tế biển thông qua việc tăng cường xây dựng các chủ đề thực tập, chuyên đề cuối khóa, phát triển đề tài NCKH về các chủ đề về kỹ thuật phương tiện trong lĩnh vực thủy sản gắn liền với đào tạo nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế biển và phát triển bền vững.	Khoa KTGT	Từ năm học 2024 - 2025	Trưởng BM tập hợp ý kiến từ GV
2	Phát huy điểm mạnh	BM và BCN CTĐT ngành KHHH tiếp tục vận hành CTĐT đạt hiệu quả cao nhất bên cạnh đó xây dựng kế hoạch và thực hiện khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực ngành KHHH gắn với lần cập nhật hàng năm, cũng như duy trì đối sánh với CTĐT tương ứng của các trường uy tín trong nước thường xuyên.	Khoa KTGT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT ngành KHHH được xác định rõ ràng, được xây dựng theo các quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [**H1.01.02.01**], được cụ thể trong khung CTĐT trình

độ ĐH được áp dụng từ năm 2016 (cho khóa 58) đến năm 2020 như trình bày ở bảng sau **[H1.01.01.01]**. Các CĐR ngành KHHH theo chương trình này được phát biểu mang tính chung chung không rõ ràng.

CĐR 2016		CĐR 2021		CĐR chuyên biệt/tổng quát	Lý do điều chỉnh (nếu có)
CĐR 1	Hiểu biết các vấn đề về văn hóa - xã hội, kinh tế, pháp luật, có lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, ý thức trách nhiệm công dân, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.	PLO1	Có lập trường chính trị tư tưởng, biết vận dụng lý luận chính trị, quân sự, pháp luật và các phương pháp rèn luyện sức khỏe để thực hiện nghĩa vụ công dân và phát triển cá nhân	CĐR tổng quát	
CĐR 2	Hiểu và vận dụng hiệu quả kiến thức Toán, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn, tin học, các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành có trong chương trình giáo dục để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn		Có lập trường chính trị tư tưởng, biết vận dụng lý luận chính trị, quân sự, pháp luật và các phương pháp rèn luyện sức khỏe để thực hiện nghĩa vụ công dân và phát triển cá nhân	CĐR tổng quát	
CĐR 3	Năng lực tự học, tự nghiên cứu, ý thức học tập để nâng cao năng lực, có ý thức và phương pháp rèn luyện thân thể để không ngừng nâng cao sức khỏe		PLO3: Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo và các kỹ năng mềm cần thiết khác để làm việc và tự học suốt đời; đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu	CĐR tổng quát	

CĐR 2016		CĐR 2021		CĐR chuyên biệt/tổng quát	Lý do điều chỉnh (nếu có)
			bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản để tiếp cận giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và công việc chuyên môn		
CĐR 4	Có khả năng giao tiếp, làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm khi giải quyết những vấn đề liên quan đến chuyên môn	PLO4	Vận dụng các kiến thức cơ sở ngành về: Hàng hải, tàu thủy, luật, vận tải, ngoại thương, quản lý, ...để có thể học tốt những kiến thức chuyên môn của ngành đào tạo	CĐR chuyên biệt	
CĐR 5	Thực hiện công việc liên quan đến các hoạt động hàng hải như: Quản lý khai thác tàu biển và cảng biển; bảo hiểm hàng hải; an toàn và pháp chế hàng hải; tìm kiếm và cứu hộ trên biển...	PLO5	Vận dụng kiến thức chuyên ngành để thực hiện công việc chuyên môn trong lĩnh vực quản lý hàng hải và Logistics liên quan với vận tải thủy, bộ	CĐR chuyên biệt	
CĐR 6	Đáp ứng được các yêu cầu cơ bản về kiến thức vận hành tàu biển theo quy định của Bộ luật STCW-95	PLO6	Xây dựng kế hoạch và triển khai quản lý, khai thác cảng và đội tàu;	CĐR chuyên biệt	

CĐR 2016		CĐR 2021		CĐR chuyên biệt/tổng quát	Lý do điều chỉnh (nếu có)
CĐR 7	Có kỹ năng sửa chữa máy tàu thủy tương đương thợ bậc 2	PLO7	Thực hiện nghiệp vụ hải quan, bảo đảm an toàn hàng hải;	CĐR chuyên biệt	
CĐR 8	Đạt trình độ tiếng Anh TOEIC 400 điểm hoặc tương đương	PLO8	Xây dựng mối liên hệ và thực hiện các dịch vụ: Giám định và bảo hiểm hàng hải, Đại lý tàu biển và giao nhận hàng hóa	CĐR chuyên biệt	
		PLO9	Đề xuất phương án quản trị Logistics chuỗi cung ứng, quản lý vận tải và kho hàng	CĐR chuyên biệt	
		PLO10	Vận dụng các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, đàm phán; khả năng ngoại ngữ và tin học chuyên ngành để phục vụ cho công việc	CĐR tổng quát	
		PLO11	Đánh giá bối cảnh xã hội liên quan đến quản lý hàng hải và logistics để thích ứng, lập nghiệp và thăng tiến trong nghề nghiệp	CĐR chuyên biệt	

Đến năm 2021 (áp dụng cho khóa 63), CĐR được cập nhật với 11 PLO chi tiết và rõ ràng, điều chỉnh nhằm thích ứng với bối cảnh hội nhập và sự phát triển của công nghệ kỹ thuật trong ngành KHHH hiện nay, cụ thể nêu ở bảng trên **[H1.01.01.01]**. Vì vậy, so với CĐR được phát biểu trước đó, CĐR cập nhật mới cụ thể, rõ ràng và phù hợp với bối cảnh đào tạo ngành KHHH hiện nay hơn. Theo mô hình đánh giá năng lực ASK (Attitude - Skill - Knowledge), về mặt kiến thức yêu cầu NH phải đạt mức độ 3 trở lên

(mức độ vận dụng); về mặt kỹ năng chuyên môn yêu cầu NH phải đạt mức độ 4 (mức độ phân tích). So với các CTĐT ngành KHHH của các trường ĐH khác **[H1.01.01.09]** thì CDR ngành KHHH của Trường là khá tương đồng, cũng như đã bao quát được nội hàm chính nhằm đảm bảo cho NH đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

CDR của CTĐT bao quát được cả các yêu cầu chung, phù hợp với mục tiêu chung của Nhà trường, CTĐT được thể hiện thông qua các yếu tố cốt lõi mà NH cần đạt được sau khi tốt nghiệp về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm cũng như triển vọng việc làm trong tương lai, đáp ứng được mục tiêu đào tạo: “Chương trình GDĐH KHHH cung cấp cho NH môi trường giáo dục và những hoạt động giáo dục giúp NH hình thành và phát triển nhân cách, đạo đức, tri thức, các kỹ năng cơ bản cần thiết nhằm đạt thành công về nghề nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn, đáp ứng nhu cầu xã hội” và có sự tương quan chặt chẽ với CDR **[H1.01.01.01] [H1.01.01.05]**.

Bên cạnh đó, CDR của CTĐT ngành KHHH còn đáp ứng được các yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CDR và nội dung CTĐT thiết kế năm 2016 và 2021 cho thấy:

(1) *Về mặt kiến thức*: Có lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, biết vận dụng lý luận chính trị, quân sự, pháp luật và các phương pháp rèn luyện sức khỏe để thực hiện nghĩa vụ công dân và phát triển cá nhân; Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và tiếp cận các vấn đề thuộc lĩnh vực, ngành đào tạo; Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo và các kỹ năng mềm cần thiết khác để làm việc và tự học suốt đời; đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng CNTT cơ bản để tiếp cận giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và công việc chuyên môn.

(2) *Về mặt kỹ năng*: Vận dụng các kiến thức cơ sở ngành về: Hàng hải, tàu thủy, luật, vận tải, ngoại thương, quản lý, ... để có thể học tốt những kiến thức chuyên môn của ngành đào tạo KHHH; Vận dụng kiến thức chuyên ngành để thực hiện công việc chuyên môn trong lĩnh vực QLHH và Logistics liên quan với vận tải thủy, bộ; Xây dựng kế hoạch và triển khai quản lý, khai thác cảng và đội tàu KHHH; Thực hiện nghiệp vụ hải quan, bảo đảm an toàn hàng hải; Xây dựng mối liên hệ và thực hiện các dịch vụ: Giám định và bảo hiểm hàng hải, Đại lý tàu biển và giao nhận hàng hóa; Đề xuất phương án quản trị Logistics chuỗi cung ứng, quản lý vận tải và kho hàng; Vận dụng các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, đàm phán; khả năng ngoại ngữ và tin học chuyên ngành để

phục vụ cho công việc; Giao tiếp và làm việc theo nhóm để giải quyết vấn đề kỹ thuật chuyên ngành; Phân tích môi trường, bối cảnh xã hội liên quan đến sản xuất kinh doanh của DN nhằm đáp ứng xu hướng phát triển của ngành KHHH; Đánh giá cơ hội để thích ứng, lập nghiệp và thăng tiến trong nghề nghiệp.

(3) *Mức tự chủ và trách nhiệm đối với NH tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai*: Cảng vụ hàng hải, Bảo đảm an toàn hàng hải, Hải quan; Vận tải biển, Cảng biển và cảng nội địa, Đại lý tàu biển, Giám định và Bảo hiểm hàng hải ...; Logistics chuỗi cung ứng, vận tải, kho hàng, khai thác và môi giới hàng hóa ...; Cơ sở đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực KHHH ... các dự án chuyên ngành KHHH; **[H1.01.01.01]**. Để đáp ứng các yêu cầu chuyên biệt, các học phần (HP) được thiết kế với các CDR HP, đáp ứng cụ thể từng yêu cầu của CDR CTĐT, thể hiện cụ thể qua ma trận đóng góp của HP để đạt được CDR **[H1.01.01.01]**. Bên cạnh đó, CDR của CTĐT cũng đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghề nghiệp cho NH trong quá trình học tập và sau khi tốt nghiệp ra trường thông qua các đợt khảo sát hàng năm **[H1.01.01.10]**.

CDR của CTĐT ngành KHHH được đo lường và đánh giá về các mặt kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm của NH thông qua năng lực của NH khi giải quyết các bài tập tình huống trên lớp, giải quyết các bài tập nhóm, bài tiểu luận, bài thực hành nghề nghiệp và thực tập tốt nghiệp và thực hiện khoá luận tốt nghiệp trong suốt quá trình đào tạo **[H1.01.02.02]**. Mức độ yêu cầu cần đạt được của NH về từng mặt được chi tiết thông qua ma trận đóng góp của CDR từng HP đối với CDR của CTĐT **[H1.01.01.10] [H1.01.02.03]**. Kết quả khảo sát CBVC và GV, và NH năm cuối đánh giá CDR của CTĐT KHHH giai đoạn 2017-2021 đạt được tỉ lệ nhất trí cao, được truyền tải đầy đủ thông tin trong các báo cáo tổng hợp **[H1.01.02.04]**.

2. Điểm mạnh

CDR của CTĐT ngành KHHH đảm bảo được yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt trong đào tạo, trang bị cho NH chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp, giúp NH có triển vọng nghề nghiệp tốt trong tương lai. CDR của CTĐT được mô tả chi tiết với CDR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, kể cả vị trí việc làm mà NH cần đạt khi hoàn thành CTĐT. CDR của CTĐT được xác định rõ và được chuyển tải vào các HP thông qua ma trận CDR, thể hiện rõ nhất trong CTĐT khóa 63.

3. Điểm tồn tại

CĐR của CTĐT chưa thể hiện rõ sự phù hợp với nội dung phát huy thế mạnh của khoa học biển và thủy sản. Phát biểu các CĐR về phát triển tư duy (sáng tạo, phản biện, đổi mới...) khó định lượng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần tập trung phát huy thế mạnh khoa học biển và thủy sản của Trường, thông qua cập nhật CĐR có tính định lượng và áp dụng thực triển đào tạo. Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí (ĐBCL&KT), Trung tâm Hỗ trợ Việc làm và Khởi nghiệp (HTVL&KN) tập trung xây dựng và hoàn thiện cơ chế khuyến khích, xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với các DN, nhà tuyển dụng (NTD) trong việc lấy ý kiến phản hồi về mức độ đáp ứng CĐR hàng năm.	Khoa KTGT	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Trong lần cập nhật đến, BM và BCN CTĐT triển khai rà soát và phát biểu CĐR về liên quan đến phát triển các năng lực tư duy nêu trên. Từ các văn bản ban hành khoa KTGT và BM KHHH đã xây dựng được đề án kết hợp đào tạo giữa DN và ngành. Ngoài việc gửi SV đi thực tập còn phối hợp hướng dẫn đồ án và chuyên đề tốt nghiệp (CĐTN). Vận động DN hỗ trợ thiết bị trong đào tạo chuyên ngành cho ngành KHHH.	Khoa KTGT	Từ năm học 2024 - 2025	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các BLQ thông qua kết quả phỏng vấn, thảo luận, kết quả phản hồi ý kiến của GV, DN, CNH và NH năm cuối [H1.01.03.01]. Mức độ tương thích, phù hợp của CĐR với yêu cầu của thị trường lao động và sự quan tâm của các BLQ trên 3 trụ cột chính về kiến thức, kỹ năng, thái độ được thể hiện rõ ở các biên bản thảo luận với đại diện DN, CNH và báo cáo tổng hợp của BCN về kết quả khảo sát CĐR CTĐT [H1.01.02.03], [H1.01.03.02]. Bên cạnh đó, CĐR của CTĐT định kỳ được rà soát, điều chỉnh và cập nhật theo kế hoạch 2 năm/lần thông qua việc khảo sát, lấy ý kiến các BLQ, các thông báo, hướng dẫn cách viết CĐR, tổ chức cập nhật CTĐT, cũng như quy định về xây dựng và điều chỉnh CĐR của Trường [H1.01.03.03], được đánh giá và cập nhật bởi BCN CTĐT ngành KHHH [H1.01.01.06]. Trong lần cập nhật năm 2021 BCN CTĐT ngành KHHH đã hiệu chỉnh các CĐR, cụ thể:

1. Không chia nhỏ các CĐR như CTĐT đã thực hiện trước (kiến thức, kỹ năng) mà tóm tắt ngắn gọn, đầy đủ trong các CĐR từ PLO4 đến PLO10.

2. Xây dựng ma trận tương thích giữa CĐR và mục tiêu CTĐT.

Đồng thời, nhằm bảo đảm sự phù hợp giữa CĐR của từng HP với CĐR của CTĐT, BCN CTĐT ngành KHHH đã tiến hành họp để rà soát, đánh giá CĐR của từng HP. Kết quả của việc rà soát, đánh giá này được sự góp ý của Tiểu ban liên ngành Kỹ thuật trước khi hoàn thiện và ban hành [H1.01.03.04]. Sau khi được ban hành, CĐR của CTĐT được công bố công khai theo quy định trên website của Trường, của Phòng Đào tạo Đại học (ĐTĐH), của Khoa KTGT để cung cấp cho NH những thông tin cơ bản về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà NH sẽ nhận được sau khi tốt nghiệp, những vị trí việc làm mà NH có thể đảm nhận theo thâm niên công tác [H1.01.03.05]. CĐR của CTĐT ngành KHHH còn được giới thiệu công khai qua tờ quảng bá tuyển sinh hàng năm, được trình bày tại các hội nghị học tốt của ngành hàng năm, và các buổi họp mặt chào đón tân NH hàng năm [H1.01.03.06]. CĐR của CTĐT còn được giới thiệu cho NH năm thứ nhất thông qua HP Nhập môn ngành. Vì vậy, NH và các BLQ có cơ sở để phối hợp cùng GV và các đối tượng quản lý liên quan nỗ lực trong việc dạy và học, đổi mới PPGD, phương

pháp KTĐG để đạt được CĐR đã công bố. Tuy nhiên, việc lấy phiếu khảo sát các BLQ cho việc cập nhật CTĐT nói chung và CĐR nói riêng của CTĐT ngành KHHH còn chưa thực sự đầy đủ. Số lượng phiếu khảo sát gửi đi nhiều nhưng sự phản hồi của các BLQ còn ít về số lượng và chất lượng chưa cao.

2. Điểm mạnh

Định kỳ 2 năm/lần CĐR của CTĐT ngành KHHH được cập nhật, trong quá trình cập nhật có tham khảo, đối sánh với 03 CTĐT trong nước. Khi cập nhật hoặc thay đổi CĐR BCN CTĐT đã tham khảo góp ý của cựu NH, GV và DN. Việc cập nhật CĐR được phân tích và cân nhắc rất kỹ, được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, Khoa KTGT và BM.

3. Điểm tồn tại

Các mẫu khảo sát đối với DN, tổ chức và các NTD có nội dung lan man chưa được tinh chỉnh. Bên cạnh đó việc phân tích đánh giá kết quả khảo sát chưa được quan tâm. Đánh giá kết quả khảo sát mới dừng lại ở việc thống kê số lượng phiếu khảo sát, số người chọn các đáp án chưa có công cụ phân tích. Đối tượng khảo sát là các DN sản xuất trong lĩnh vực KHHH còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần tái thiết kế lại câu hỏi khảo sát. Khoa KTGT, BM KHHH phối hợp với Trung tâm HTVL&KN gia tăng số mẫu khảo sát và thực hiện khảo sát lặp lại với một số DN.	Khoa KTGT	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	CTĐT ngành KHHH cập nhật năm 2021, CĐR đã tham khảo góp ý của cựu NH, GV và DN để xây dựng và được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường/Khoa/BM. Trong lần cập nhật sắp tới sẽ điều chỉnh các HP môn học và hiệu chỉnh CĐR cho phù hợp với xu hướng phát triển của ngành (định hướng công nghệ 4.0).	Khoa KTGT	Từ năm học 2024 - 2025	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT ngành KHHH được xây dựng rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường. CĐR được xác định rõ ràng, đáp ứng được yêu cầu chung, yêu cầu chuyên biệt của NH và đáp ứng được yêu cầu của các BLQ. Mục tiêu và CĐR của CTĐT được định kỳ rà soát điều chỉnh. Mục tiêu của CTĐT có đối sánh với CTĐT của các trường khác trong nước và tham khảo ý kiến của các BLQ. CĐR của CTĐT được mô tả chi tiết với CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, kể cả vị trí việc làm mà NH cần đạt khi hoàn thành CTĐT. CĐR của CTĐT được xác định rõ và được chuyển tải vào các HP thông qua ma trận CĐR, có tham khảo, đối sánh với các CTĐT trong nước, tham khảo góp ý của các BLQ và được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường/Khoa/BM. Tuy nhiên, mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành KHHH vẫn còn một số tồn tại cần được khắc phục, bổ sung và hoàn thiện, đặc biệt, khảo sát và sử dụng thông tin nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động về ngành KHHH để cập nhật và điều chỉnh mục tiêu CTĐT, điều chỉnh các phát biểu của các CĐR về phát triển tư duy có thể định lượng được.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

CTĐT ngành KHHH trình độ ĐH được xây dựng theo các quy định chung của Bộ GD&ĐT và theo hướng dẫn của Trường. Nội dung của bản mô tả CTĐT bao gồm: thông tin về cơ sở đào tạo, CTĐT, mã ngành đào tạo, thời gian đào tạo, mục tiêu đào tạo, CĐR, nội dung CTĐT, kế hoạch giảng dạy trong từng học kỳ (HK), ma trận thể hiện vai trò của từng HP trong việc đạt được CĐR của CTĐT, điều kiện tốt nghiệp thông tin về khả năng làm việc, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp và phát triển sau tốt nghiệp của NH. Các ĐCHP và ĐCCTHP được thiết kế gồm các thông tin chi tiết về CĐR, phương pháp dạy học, KTĐG HP, tài liệu học tập, kế hoạch dạy học, các yêu cầu đối với NH. CTĐT và ĐCHP được công bố công khai và các BLQ có thể dễ dàng tiếp cận với nhiều hình thức.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT ngành KHHH hiện hành **[H1.01.01.01]** đáp ứng đúng yêu cầu được Quy định của Bộ GD&ĐT, được xây dựng đầy đủ thông tin và nội dung theo quy trình, biểu mẫu và hướng dẫn của Trường **[H1.01.01.03] [H2.02.01.01]**. Bản mô tả CTĐT ngành KHHH có đầy đủ nội dung và thông tin gồm: tên cơ sở đào tạo; tên CTĐT;

mã ngành đào tạo; thời gian đào tạo, mục tiêu và CĐR, PPGD và học tập; tiến trình đào tạo; quy trình đào tạo, cấu trúc CTĐT, nội dung CTĐT; số lượng tín chỉ từng HP và toàn bộ CTĐT, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; ma trận kỹ năng thể hiện sự đóng góp của các HP vào việc đạt được CĐR của CTĐT, được trình bày chi tiết trong CTĐT ban hành năm 2016 (khóa 58) và năm 2021 (khóa 63) [H1.01.01.01]. Cụ thể:

- Bản CTĐT ngành KHHH được ban hành năm 2016:

I.1. Tên chương trình đào tạo

Tiếng Việt: **Khoa học Hàng hải**

Tiếng Anh: **Maritime Science**

I.2. Tên ngành: **Khoa học Hàng hải** Mã số: **7840106**

I.3. Trình độ đào tạo: Đại học

I.4. Hình thức đào tạo: Chính quy

I.5. Định hướng đào tạo: Ứng dụng

I.6. Thời gian đào tạo: 4 năm

I.7. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 144 tín chỉ

I.8. Khoa/viện quản lý: KTGT

I.9. Giới thiệu về chương trình:

- Bản CTĐT ngành KHHH được ban hành năm 2021:

a) Đơn vị được giao quản lý	Khoa Kỹ thuật Giao thông
b) Tên chương trình	Khoa học Hàng hải
c) Ngành đào tạo	Khoa học Hàng hải
d) Mã số ngành đào tạo	7840106
e) Trình độ đào tạo	Đại học
f) Hình thức đào tạo	Chính quy
g) Thời gian đào tạo	4 năm
h) Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
i) Tên văn bằng tốt nghiệp	Cử nhân Khoa học Hàng hải
j) Thời gian cập nhật, điều chỉnh CTĐT	11/2021

Sau khi Bộ GD&ĐT ban hành Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 quy định về khối lượng kiến thức, quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT, Trường triển khai việc cập nhật CTĐT trong năm 2015 cho khóa 58 theo các quy định mới của Bộ GD&ĐT [H2.02.01.02] và ban hành vào tháng 12/2016 (áp dụng cho khóa

58 tuyển sinh năm 2016) **[H1.01.01.01]**. Sau đó, Trường đã xây dựng kế hoạch tiếp tục rà soát, cập nhật CTĐT **[H2.02.01.03]**, trước hết việc cập nhật cần tuân thủ các quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Vì vậy, giai đoạn 2017-2019, Trường đã ban hành các QĐ cập nhật, điều chỉnh các CTĐT trong Trường nói chung và ngành KHHH nói riêng, trong đó điều chỉnh, cập nhật các HP của chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh, các HP lý luận chính trị, ngoại ngữ theo quy định mới của Bộ GD&ĐT, quy định về HP nhập môn ngành, HP thay thế đề án/khóa luận tốt nghiệp để phù hợp với thực tiễn đào tạo của Trường **[H2.02.01.04]**. Kết quả là, CTĐT của khóa 60 và 61 đã được điều chỉnh bằng việc thay đổi, điều chỉnh tên HP, số tín chỉ của một số HP bằng các QĐ bổ sung **[H1.01.01.01] [H2.02.01.03]**.

Đồng thời, Trường xây dựng kế hoạch tổ chức và đánh giá CTĐT, thành lập Hội đồng, Tiểu ban, BCN phát triển CTĐT ngành KHHH, ban hành các hướng dẫn, quy định lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ nhằm phục vụ phát triển CTĐT ngành KHHH **[H2.02.01.05] [H2.02.01.06]**. BCN CTĐT ngành KHHH đã tiến hành xây dựng kế hoạch, thực hiện đánh giá CTĐT ngành KHHH theo quy trình đã thiết lập, lấy ý kiến các BLQ và qua các bước đánh giá thẩm định **[H2.02.01.07] [H2.02.01.08]**. Sau đó, BCN đã triển khai cập nhật CTĐT ngành KHHH căn cứ vào kết quả đánh giá CTĐT. Các dự thảo CTĐT ngành KHHH đã được BCN CTĐT ngành KHHH họp thảo luận để thống nhất và được Tiểu ban liên ngành thực hiện thẩm định và đánh giá **[H2.02.01.09]**. Kết quả của sự cải tiến là CTĐT điều chỉnh áp dụng cho khóa 62 (năm học 2020-2021) và CTĐT cập nhật mới áp dụng cho khóa 63 (năm học 2021-2022) **[H1.01.01.01]**. CTĐT khóa 62 đã điều chỉnh số tín chỉ, tên HP, sắp xếp lại thời gian giảng dạy của một số HP chuyên ngành, bỏ bớt và bổ sung một số HP mới nhằm đảm bảo đạt được CDR của CTĐT. CTĐT khóa 63 đã được cập nhật mới nhiều nội dung như mục tiêu và CDR của CTĐT, các ma trận tương thích và sắp xếp lại cấu trúc CTĐT theo hướng thực tế, tinh gọn giúp NH dễ dàng đạt được CDR của CTĐT **[H1.01.01.01]**. Cụ thể trong CTĐT ngành KHHH ban hành năm 2021 đã bổ sung các HP mới nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế và xu hướng phát triển ngành KHHH hiện tại và tương lai: *ngành vụ hải quan, bảo đảm an toàn hàng hải, quản trị Logistics chuỗi cung ứng, quản lý vận tải và kho hàng ...* Như vậy, bản mô tả CTĐT ngành KHHH đảm bảo đầy đủ thông tin và luôn được cập nhật trong giai đoạn 2016-2021. Mặc dù khi cập nhật CTĐT ngành KHHH có tổ chức

khảo sát và tổ chức hội nghị công giới để lấy ý kiến của các BLQ nhưng chủ yếu mới chỉ khảo sát từ các CSV từng học ngành KHHH.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành KHHH sau lần cập nhật năm 2021 về cơ bản có bố cục rõ ràng, đầy đủ thông tin về mục tiêu, CĐR, vị trí việc làm. BCN CTĐT khi xây dựng đã lấy ý kiến của GV, CSV và các BLQ. Bản CTĐT sau khi ban hành hiện đang áp dụng từ khóa 63 ngành KHHH.

3. Điểm tồn tại

Trong CTĐT, ma trận CĐR HP với CĐR của CTĐT chưa thấy sự tương thích rõ ràng. Chưa có sự tham gia đáng kể của các DN vận tải khi cập nhật bản mô tả CTĐT ngành KHHH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Từ năm học 2024-2025, BM KHHH, Khoa KTGT phối hợp với Phòng ĐBCL&KT, Trung tâm HTVL&KN triển khai lấy ý DN và các NTD đa dạng lĩnh vực ngành nghề để bản mô tả CTĐT hoàn thiện hơn. BM và BCN CTĐT ngành KHHH cũng sẽ thiết kế và hoàn thiện lại ma trận CĐR HP với CĐR của CTĐT thể hiện được các mức độ khác nhau của CĐR HP.	Khoa KTGT BM KHHH	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục vận hành và rà soát CTĐT ngành KHHH và chuẩn bị cập nhật cho lần tiếp theo vào năm 2024.	Khoa KTGT BM KHHH	Từ năm học 2024 - 2025	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

BM KHHH, Khoa KTGT đã tổ chức xây dựng đề cương các HP nhằm cung cấp đầy đủ thông tin theo QĐ số 371/QĐ-ĐHNT ngày 6/5/2016 về việc ban hành mẫu ĐCHP và ĐCCTHP, QĐ số 796/QĐ-ĐHNT ngày 6/9/2021 về việc ban hành mẫu ĐCCTHP, Thông báo số 203/TB-ĐHNT ngày 06/4/2020 về việc hướng dẫn điều chỉnh ĐCCTHP theo hình thức đào tạo E-learning và QĐ số 1287/QĐ-ĐHNT ngày 02/12/2021 về việc ban hành mẫu ĐCHP [H2.02.02.01]. Việc xây dựng các ĐCHP được phân công thực hiện đối với các GV phụ trách HP [H2.02.02.02], theo kế hoạch thống nhất toàn trường dựa vào Thông báo số 781/TB-ĐHNT ngày 02/12/2021 về kế hoạch tổ chức xây dựng và cập nhật ĐCHP [H2.02.02.03].

ĐCHP đóng vai trò vừa là bản mô tả quá trình giảng dạy, vừa là bản cam kết giúp GV và NH thực hiện đúng trách nhiệm của mình. Vì vậy, đề cương của các HP trong CTĐT ngành KHHH cung cấp đầy đủ thông tin: tên đơn vị quản lý HP; tên HP; số tín chỉ; CĐR của HP; tóm tắt nội dung HP, mục tiêu HP, KQHT mong đợi, nội dung chương mục của HP (gồm kiến thức, năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, các kỹ năng bổ trợ, và phẩm chất đạo đức, các yêu cầu của HP), điều kiện tiên quyết của HP; phương pháp dạy-học, tài liệu dạy-học (gồm các giáo trình và tài liệu tham khảo đa dạng); đánh giá KQHT NH giúp NH đạt được CĐR trong từng HP và đạt được CĐR của CTĐT [H2.02.02.04]. Mỗi HP có số tín chỉ xác định và có mã số riêng do Trường quy định, tỉ lệ giữa lý thuyết và thực hành được quy định cụ thể trong CTĐT [H1.01.01.01]. Dựa trên những thông tin cốt lõi của ĐCHP, BM đã tổ chức cho GV xây dựng ĐCCTHP với các thiết kế hoạt động dạy và học đến từng tuần học, hoặc từng chủ đề để vừa đảm bảo tính thống nhất của CTĐT vừa điều chỉnh linh hoạt cho phù hợp với từng khóa, từng lớp dạy [H2.02.02.01] [H2.02.02.04].

Các ĐCHP được BM KHHH và khoa KTGT tiến hành rà soát, cập nhật định kỳ theo QĐ số 13/QĐ-KKT-ĐHNT, Thông báo số 606/TB-ĐHNT và số 463/TB-ĐHNT của Trường về tổ chức cập nhật và thẩm định ĐCHP [H2.02.02.03] [H2.02.02.05]. Đứng trước tình hình đại dịch Covid-19, NH không thể đến trường học trực tiếp, Trường đã QĐ dạy học trực tuyến. Cũng xuất phát từ nhu cầu của xã hội hiện nay và ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, mẫu ĐCCTHP ứng dụng giảng dạy trên Elearning theo Thông báo số 203/TB-ĐHNT ngày 06/04/2020 và QĐ số 796/QĐ-ĐHNT về việc ban hành mẫu ĐCCTHP mới ngày 06/09/2021 [H2.02.02.01] nhằm rà soát và điều chỉnh quá trình học tập trực tuyến của NH. Những sự rà soát cập nhật này được tiến hành từ hình thức, nội dung, cách sắp xếp theo từng tuần, cập nhật tài liệu tham khảo cho từng HP trong ĐCHP

và thực hiện ở cấp BM và có sự phê duyệt của trường khoa. Gần đây nhất, Trường đã đưa ra Thông báo số 781/TB-ĐHNT về kế hoạch xây dựng và cập nhật ĐCHP và QĐ số 1287/QĐ-ĐHNT về việc ban hành mẫu ĐCHP để cập nhật lại ĐCHP của các môn học cho phù hợp với bối cảnh [H2.02.02.01] [H2.02.02.03]. Như vậy, đề cương các HP trong CTĐT ngành KHHH đảm bảo đầy đủ thông tin và được cập nhật theo định kỳ [H2.02.02.04] [H2.02.02.05]. Tuy nhiên, một số HP việc cập nhật còn hình thức, thiếu đồng bộ, chưa theo kịp sự tiến bộ khoa học và nhu cầu phát triển của xã hội. Một số ĐCHP có tài liệu dạy học chưa được cập nhật, KTĐG chưa đa dạng.

2. Điểm mạnh

Đề cương các HP có các thông tin theo quy định, đáp ứng của nội dung HP với mục tiêu, CDR HP và CDR CTĐT có cách đánh giá theo điểm quá trình, điểm cuối kỳ đặc biệt là phiên bản 2020-2021. ĐCCTHP được rà soát, cập nhật hàng kỳ và điều chỉnh theo quy định của Trường trên cơ sở ý kiến của các BLQ nhằm phù hợp với sự thay đổi của CTĐT, CDR và nhu cầu xã hội. ĐCCTHP được xây dựng và điều chỉnh linh hoạt phù hợp với từng khóa, từng lớp dạy và theo bối cảnh của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Hiện trong CTĐT ngành KHHH vẫn còn một số HP việc cập nhật còn hình thức, thiếu đồng bộ, chưa theo kịp sự tiến bộ khoa học và nhu cầu phát triển của xã hội. Một số ĐCHP có tài liệu dạy học chưa được cập nhật, KTĐG chưa đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Từ năm học 2022-2023, Khoa KTGT phối hợp với các BM có quản lý HP trong CTĐT ngành KHHH tiến hành rà soát các ĐCHP với sự tham gia của nhóm GV biên soạn HP liên quan nhằm nâng cao hiệu quả cập nhật, bắt kịp tiến bộ khoa học và nhu cầu phát triển của xã hội; điều chỉnh cập nhật ĐCCTHP, đảm bảo tính thống nhất trong triển khai bám sát quy định, quy trình về rà soát; bổ sung rubric, cập nhật giáo trình, tài liệu tham khảo mới trong đề cương các HP.	Khoa KTGT; BM KHHH	Từ năm học 2024 - 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện rà soát, cập nhật hàng kỳ và điều chỉnh theo quy định của Trường trên cơ sở ý kiến của các BLQ nhằm phù hợp với sự thay đổi của CTĐT, CĐR và nhu cầu xã hội. ĐCCTHP được xây dựng và điều chỉnh linh hoạt phù hợp với từng khóa, từng lớp dạy và theo bối cảnh của xã hội.	BM KHHH và GV	Từ năm học 2024 - 2025	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT và các ĐCHP được công bố công khai sau khi được xây dựng, cập nhật và điều chỉnh cho NH, DN, các BLQ thông qua Website chung [ctdt.ntu.edu.vn] trang website của BM, Khoa và Phòng ĐTDH [H2.02.03.01], thông qua brochure KHHH, trang quảng bá tuyển sinh các năm [H2.02.03.02]. Bản mô tả CTĐT và các ĐCHP được chuyển giao qua nhiều kênh khác nhau nhằm tạo thuận lợi cho các BLQ dễ dàng tiếp cận. GV phụ trách HP có trách nhiệm công bố ĐCHP/ĐCCTHP cho NH vào buổi học đầu tiên và/hoặc bằng các hình thức khác (ví dụ trên hệ thống NTU E-learning của Trường). Đồng thời, BM sẽ đưa lên trang web để CBVC, GV, NH và những người có nhu cầu tìm hiểu về chuyên ngành học biết và thực hiện [H2.02.03.01]. Việc sử dụng và công bố bản mô tả CTĐT và các ĐCHP bằng nhiều hình thức trên đã giúp cho NH nắm được các HP có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học. Vì bản mô tả CTĐT và các ĐCHP được đưa lên trang website của BM, Khoa và Trường nên các BLQ có thể dễ dàng tiếp cận vào bất cứ thời điểm nào từ các trang website. Tuy vậy, việc quảng bá về CTĐT chưa được đa dạng, chưa thực sự thu hút các BLQ và NH.

2. Điểm mạnh

Việc công khai bản mô tả CTĐT và các ĐCHP đa dạng với nhiều hình thức công khai giúp các BLQ dễ dàng tiếp cận và hiểu về CTĐT ngành KHHH. Điều này

giúp gắn kết giữa Trường và DN trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đồng thời giúp BCN chương trình cập nhật CTĐT đáp ứng yêu cầu của các BLQ.

3. Điểm tồn tại

Chưa có nhiều kênh thông tin bên ngoài để công bố đến DN và NH tiềm năng để giúp họ hiểu rõ hơn CTĐT, từ đó có thể thu hút thêm NH. Hệ thống thông tin, phần mềm hỗ trợ việc lưu trữ và chia sẻ thông tin còn thiếu tính hệ thống, đồng bộ và chưa đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa KTGT phối hợp với Phòng CNTT hoàn thiện hệ thống thông tin, phần mềm hỗ trợ việc lưu trữ và chia sẻ thông tin, phục vụ tốt hơn cho quá trình tiếp cận, tìm hiểu thông tin, nghiên cứu, làm việc và học tập của NH, GV và các nhà quản lý; gia tăng kết nối với các kênh thông tin bên ngoài Trường để công bố đến DN và NH tiềm năng để giúp họ hiểu rõ hơn CTĐT, từ đó có thể thu hút thêm NH.	Khoa KTGT; BM KHHH	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện bản mô tả CTĐT và các ĐCHP được công bố công khai, đa dạng với nhiều hình thức khác nhau trên trang thông tin điện tử của Trường/Khoa/BM. Các BLQ dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Trường và DN trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các BLQ.	BM KHHH và GV	Từ năm học 2024 - 2025	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Đề cương các HP đáp ứng của nội dung HP với mục tiêu, CĐR HP và CĐR CTĐT có cách đánh giá theo điểm quá trình, điểm cuối kỳ. Bản mô tả CTĐT ngành KHHH và ĐCHP, ĐCCTHP được thể hiện đầy đủ các thông tin và định kỳ bổ sung, điều chỉnh, cập nhật, được công bố công khai và các BLQ dễ dàng tiếp cận và NH có thể chủ động hoạch định kế hoạch và lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân một cách hợp lý theo từng HK, từng năm và trong toàn khóa. Quá trình bổ sung, điều chỉnh bản mô tả CTĐT ngành KHHH được dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau từ CNH, GV, các nhà khoa học, các NTD, các nhà chuyên môn trên cơ sở tiếp thu ý kiến các BLQ, đối sánh với các CTĐT trong nước và quốc tế. Hơn nữa, ĐCCTHP được xây dựng cụ thể đến từng tuần học/ từng chủ đề, đảm bảo dựa trên ĐCHP nhưng được điều chỉnh linh hoạt cho phù hợp với từng khóa, từng lớp học. Tuy nhiên, Trường cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin, phần mềm hỗ trợ việc lưu trữ và chia sẻ thông tin và mời các chuyên gia, DN, NTD tham gia vào việc xây dựng, đánh giá CTĐT, kết quả đầu ra của NH. Gia tăng nhiều kênh thông tin bên ngoài để công bố đến DN và NH tiềm năng để giúp họ hiểu rõ hơn CTĐT, từ đó có thể thu hút thêm NH. Bên cạnh đó, cũng cần chú trọng xây dựng rubric, cập nhật tài liệu tham khảo, giáo trình, đảm bảo ma trận CĐR HP với CĐR của CTĐT thể hiện rõ nét các mức độ khác nhau của CĐR HP.

Tổng số tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Chương trình dạy học (CTDH) ngành KHHH được thiết kế dựa trên CĐR với cấu trúc hợp lý và có thứ tự, cụ thể: *khối kiến thức giáo dục đại cương (GDĐC), giáo dục tổng quát (GDTQ), kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành*. Mỗi HP trong CTĐT đều có những đóng góp để đạt được CĐR của CTĐT. CTDH được thiết kế riêng cho các HP trên cơ sở: *cấu trúc logic, theo trình tự và mang tính linh hoạt, tích hợp, thể hiện tính khoa học để đáp ứng tốt CĐR của HP và của toàn bộ CTĐT*. Thông qua ma trận thể hiện sự đóng góp của HP để đạt CĐR thể hiện tất cả các HP đều có vai trò nhất định trong việc giúp NH đạt được CĐR. Định kỳ hàng năm BCN CTĐT rà soát và cập nhật CTDH nhằm phù hợp với nhu cầu nhân lực của xã hội.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành KHHH được thiết kế theo CĐR và dựa trên quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT về phát triển chương trình GDĐH. CTDH cũng xây dựng theo hướng dẫn của Trường về xây dựng CTĐT của Trường ĐHNT **[H3.03.01.01]**. Việc thiết kế CTDH luôn chú trọng đến tính hợp lý để đáp ứng các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm theo hướng tiếp cận các khối kiến thức có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. CTDH còn phải đáp ứng CĐR về giáo dục phẩm chất đạo đức, kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, thể chất và kiến thức về khoa học nền tảng. Cụ thể, CTDH được thiết kế: *các HP về Khoa học Xã hội và Nhân văn; Toán, Khoa học Tự nhiên, Công nghệ và Môi trường; Ngoại ngữ; Giáo dục Thể chất và Quốc phòng An ninh trong khối kiến thức GDĐC* **[H3.03.01.02]**, **[H1.01.01.01]**. Các HP đáp ứng CĐR về kiến thức và kỹ năng chuyên môn được đáp ứng bởi khối lượng kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành **[H1.01.01.01]**.

Dựa trên CĐR của CTĐT, một hoặc một chuỗi các HP được thiết kế để đáp ứng CĐR của CTĐT và được thể hiện rõ trong ma trận HP-CĐR **[H1.01.01.01]**. Hội đồng xây dựng CTDH ngành KHHH luôn phân tích và đề xuất các hướng xây dựng CTDH có điều chỉnh để phù hợp với sự thay đổi của xã hội, được thể hiện rõ ràng nhất là HP Quản lý đội tàu, Giám định và Bảo hiểm hàng hải, Xếp dỡ, vận chuyển hàng hóa và đồ án môn học, Hàng hóa và quản lý kho hàng, Logistics cảng. Các HP được đưa vào CTĐT hướng tới kiến thức và kỹ năng phù hợp với các vị trí việc làm đặc trưng của ngành KHHH, QLHH và Logistics hiện nay. Trong CTĐT phiên bản 2021 cũng đã cập nhật kịp thời HP Quản lý rủi ro hàng hải để đáp ứng dần xu hướng về lĩnh vực khai thác vận tải biển đang là ngành chủ chốt khi thác kinh tế biển **[H1.01.01.01]**. Thêm vào đó, các ĐCHP cũng được thiết kế chỉ rõ các CĐR của mỗi HP nhằm đạt được CĐR nào của CTĐT **[H2.02.02.04]**.

Trong mỗi HP của CTĐT ngành KHHH, phương pháp dạy học được xây dựng với nhiều hình thức khác nhau, kết hợp thuyết giảng với nghiên cứu tình huống, giải quyết vấn đề, dạy học thông qua dự đồ án, tổ chức học tập theo nhóm, đóng vai nhằm tăng sự hứng thú của NH. Mức độ tự chủ và trách nhiệm của NH được thể hiện qua các hoạt động thảo luận nhóm, thuyết trình; và các hoạt động dạy học gắn chặt với việc giúp NH đạt được CĐR của HP, qua đó đạt được CĐR của CTĐT **[H3.03.01.03]** **[H2.02.02.04]**. Bên cạnh đó, một số HP chuyên ngành, hướng dẫn đồ án, CĐTĐN BM và Khoa đã chủ

động làm việc với DN để nhận được sự hỗ trợ giảng dạy, hướng dẫn thực tập nhằm giúp NH tiếp cận thực tế và tham gia nhiều hoạt động gắn với DN [H3.03.01.04].

Để đánh giá NH theo các văn bản quy định và hướng dẫn của Trường BM đã xây dựng các phương pháp kiểm tra, đánh giá được xác định phù hợp, tương thích với CĐR. Để đạt được KQHT mong đợi GV trong một HP đã có các hoạt động kiểm tra, đánh giá KQHT của NH đa dạng bao gồm tự luận, trắc nghiệm kết hợp vấn đáp và được thực hiện trong suốt quá trình học tập đến khi kết thúc HP [H3.03.01.05] [H3.03.01.03]. Bên cạnh đó, phương pháp kiểm tra, đánh giá KQHT của NH thường xuyên được cập nhật để phù hợp, góp phần đạt được CĐR một cách hiệu quả trong ĐCCTHP [H2.02.02.04].

Sau mỗi HK, nhà Trường đã thu thập thông tin của NH sau mỗi HK nhằm đánh giá HĐGD HP của GV về mức độ đạt được CĐR, và định kỳ hàng năm lấy ý kiến của NH năm cuối về nhận xét tổng thể toàn khóa học làm căn cứ xem xét hiệu chỉnh cho phù hợp [H3.03.01.06]. Kết quả khảo sát cho biết rằng, ý kiến NH đánh giá các HP của CTĐT ngành KHHH là phù hợp với yêu cầu của CĐR. Phần lớn các ý kiến của NH đánh giá HĐGD của GV đạt được CĐR của HP [H2.03.01.07].

2. Điểm mạnh

CTDH ngành KHHH được thiết kế phù hợp với CĐR kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm NH (phiên bản cập nhật năm 2021), cấu trúc các HP trong CTDH luôn đảm bảo tỉ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức GDĐC, cơ sở ngành và chuyên ngành; PPGD, học tập, KTĐG KQHT của NH trong ĐCCTHP góp phần đạt được CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Mức độ gắn kết về cấu trúc nội dung một số HP tự chọn thuộc khối kiến thức trong chương trình GDTQ với CĐR mang tính cơ sở ngành và chuyên ngành là chưa cao. CĐR các HP chưa đảm bảo mức độ phát triển kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm theo tiến trình học tập, chưa thể hiện phương pháp đo lường, đánh giá các CĐR về tư duy đổi mới, tinh thần khởi nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Rà soát lại các HP tự chọn trong khối kiến thức GDTQ.	Phòng ĐTĐH; Khoa KTGT	Từ năm học 2024-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian	Ghi chú
		- BCN chương trình đặt hàng nội dung kiến thức GDTQ để tạo sự gắn kết và liên thông nội dung giữa GDTQ và cơ sở ngành và chuyên ngành. - Thiết kế CDR các HP đảm bảo mức độ phát triển kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm theo tiến trình học tập, thể hiện được phương pháp đo lường, đánh giá các CDR về các HP.			
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục đánh giá cấu trúc các HP trong CTDH để luôn đảm bảo tỉ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức GDĐC, cơ sở ngành và chuyên ngành; - Cập nhật, điều chỉnh PPGD, học tập, KTĐG KQHT của NH trong ĐCCTHP nhằm đảm bảo CDR của CTĐT.	Phòng ĐTĐH; Khoa KTGT	Hai năm một lần	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng

Mỗi HP trong CTDH ngành KHHH đều được thiết kế có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi HP nhằm đạt được CDR [H1.01.01.01]. Các HP Toán, Khoa học tự nhiên cung cấp kiến thức nền tảng, khả năng tư duy, khả năng tính toán cho các HP thuộc khối kiến thức cơ sở. Khối kiến thức cơ sở ngành gồm một số HP như Đồ họa Vẽ kỹ thuật, Lý thuyết và kết cấu tàu thủy, Luật vận

tải, Địa lý vận tải và Vận tải đa phương thức, Máy và thiết bị tàu thủy, Thực tập cấu tạo tàu thủy và cảng biển, Quản lý rủi ro hàng hải giúp NH có kiến thức nền tảng cung cấp những kiến thức căn bản về chuyên môn, sự tiếp cận kiến thức ngành học với NH về lĩnh vực KHHH. NH có thể nắm được các nguyên lý cơ bản về lý thuyết, kết cấu cơ bản làm cơ sở để tiếp cận được các vấn đề thuộc lĩnh vực KHHH. Khối kiến thức chuyên ngành gồm một số Xếp dỡ, vận chuyển hàng hóa và đồ án môn học, Quản lý và khai thác cảng, Hàng hóa và quản lý kho hàng, Đại lý tàu biển và giao nhận hàng hóa, Giám định và Bảo hiểm hàng hải, Logistics cảng, Thực tập chuyên ngành giúp NH có kiến thức chuyên sâu để thực hiện công việc chuyên môn trong lĩnh vực QLHH và Logistics liên quan với vận tải thủy, bộ. Ngoài ra HP Thực tập ngành giúp SV có thời gian trải nghiệm môi trường DN giúp NH vận dụng kiến thức về chuyên môn kết hợp với kỹ năng đã học để làm quen với việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong việc xây dựng kế hoạch và triển khai quản lý, khai thác cảng và đội tàu **[H3.03.02.01] [H3.03.02.02]**.

Theo quy định của Trường định kỳ BM KHHH lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về nội dung HP, PPGD và đánh giá có được thực hiện để cập nhật và hoàn thiện CTDH **[H3.03.02.03]**. Đối tượng khảo sát là GV giảng dạy chuyên ngành, NH của ngành KHHH và các DN sử dụng NH tốt nghiệp của ngành nhằm đánh giá mức độ đáp ứng của các HP với CĐR. Kết quả khảo sát được phân tích một cách chi tiết, làm cơ sở để cập nhật CTĐT định kỳ ngành KHHH **[H3.03.02.04], [H3.03.02.01]**.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT được xây dựng dựa trên mỗi HP và được thiết kế rõ ràng. Phải thỏa mãn các yêu cầu: nội dung các HP trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và được lấy ý kiến phản hồi của các BLQ; Có tính liên thông giữa các HP trong các khối kiến thức và CĐR của từng HP phù hợp với CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

CĐR của CTĐT được xây dựng dựa trên ý kiến đóng góp của các DN. Đối với lĩnh vực Vận tải biển và Logistics nói chung, các DN tại Việt Nam tập trung nhiều vào mảng dịch vụ nên các nhóm HP xây dựng theo CĐR có sự thiên lệch về khối kiến thức, đáp ứng nhu cầu thực tế về lao động tại DN vận tải và quản lý. Vì vậy mức độ các HP đóng góp vào một CĐR cụ thể liên quan tính toán, thiết kế, tính định hướng lâu dài cho ngành Logistics chưa được rõ nét. Thêm vào đó việc khảo sát GV giảng dạy mang nhiều tính chủ quan, đối tượng SV đi làm quả thực nhiều khi họ cũng ít quan tâm đến các vấn đề này, sau khi họ đang có công việc làm tại DN.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Đa dạng DN có nhu cầu tuyển dụng SV và đang sử dụng CSV ngành KHHH tham gia khảo sát. - Nâng cao tinh thần trách nhiệm của CSV tham gia khảo sát để có cái nhìn khách quan hơn.	Phòng ĐTĐH; Khoa KTGT	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy tính liên thông giữa các HP, đặc biệt là những HP được cập nhật bổ sung (2 năm/lần).	Phòng ĐTĐH; Khoa KTGT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành KHHH có cấu trúc, trình tự logic, theo đó các HP trong CTDH được cấu trúc bảo đảm sự gắn kết và trình tự tiếp cận các khối kiến thức từ kiến thức tổng quát, cơ sở ngành, chuyên ngành và bổ trợ ngành, bảo đảm chương trình có khối kiến thức thống nhất trong 4 năm học tương đương với 8 HK. Trình tự và logic trong CTDH thể hiện ở lịch trình tiếp cận các khối kiến thức: khối kiến thức GDTQ được bố trí xen kẽ ở nhiều HK tùy theo hướng (nhánh) trụ cột chuyên môn của ngành KHHH, đặc biệt các HP chính trị được trải đều trong 5 kỳ liên tiếp nhưng vẫn đảm bảo tính logic từ HP Triết đến HP Tư tưởng Hồ Chí Minh. Tương tự khối kiến thức cơ sở chuyên ngành được thiết kế trước các HP chuyên ngành cũng căn cứ vào khối kiến thức trụ cột bổ trợ cho các lĩnh vực chuyên môn của ngành. Trong HK thứ 7 và 8, NH được tự chọn nhiều HP tự chọn của ngành, thực tập ngoài trường và làm đồ án tốt nghiệp. Cấu trúc chương trình được thiết kế đảm bảo cho NH vận dụng và tổng hợp các kiến thức một cách hợp lý [H1.01.01.01].

Tính chặt chẽ, logic còn được thể hiện trong mối liên hệ tương hỗ giữa các HP với nhau, trong đó mỗi HP đều đòi hỏi phải có các HP tiên quyết, nhất là các HP cơ sở và chuyên ngành. Do đó, nếu như không tích lũy đủ số HP cần thiết, NH sẽ không được giao thực hiện đồ án tốt nghiệp (ĐATN). Điều này cũng được thể hiện một cách rõ ràng và cụ thể qua sơ đồ kế hoạch thực hiện CTĐT phân bố theo HK và theo nhóm HP **[H3.03.03.01]**.

Nội dung CTDH ngành KHHH thường xuyên được cập nhật định kỳ 2 năm/lần theo hướng dẫn của Trường **[H3.03.03.02]**. Việc cập nhật CTDH được thực hiện dựa trên việc lấy ý kiến các BLQ về cấu trúc và nội dung của CTDH **[H3.03.02.04]**. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước và nước ngoài, như Trường ĐH Bách khoa Hà Nội; ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM;... để đảm bảo CDR về kiến thức, kỹ năng và thái độ **[H3.03.03.03]**. Trong đó về kiến thức như đã đề cập ở trên gồm 3 khối kiến thức cơ bản trong lĩnh vực KHTN, KHXX&NV. Kỹ năng bao gồm kỹ năng chuyên môn như phân tích, đánh giá, giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm. Thái độ được thể hiện qua phẩm chất cá nhân và cách ứng xử đối với công việc trong lĩnh vực vận tải biển và khả năng học tập suốt đời. Những CDR này đều được các trường ĐH trong và ngoài nước chú trọng và xây dựng cho chương trình KHHH. Vì vậy, CTĐT được cập nhật năm 2021 đã thể hiện sự khác biệt, như trong bảng sau.

CTDH cũng được thiết kế bảo đảm tính linh hoạt, tích hợp và tổng hợp được các kiến thức và kỹ năng đặc biệt thông qua các HP như ĐATN và thực tập ngoài DN. Ngoài ra, các mức độ tích hợp từ thấp đến cao có thể được tìm thấy trong các HP khác nhau. Nhiều HP có hoạt động thuyết trình đòi hỏi NH phải có kỹ năng tìm và tổng hợp tài liệu, làm việc nhóm, và diễn thuyết trước đám đông như: Phương pháp NCKH, Công nghệ mới trong vận tải và quản lý xuất nhập khẩu,...

Kiến thức	CTDH 2016	CTDH 2021	Ghi chú
Khối kiến thức	Số tín chỉ (tỷ lệ %)	Số tín chỉ (tỷ lệ %)	
Đại cương	38 (29,2)	48 (33,3)	
Bổ trợ	6 (13,6)	6 (4,2)	
Cơ sở ngành	42(32,3)	36 (25)	
Kiến thức ngành	44(33,9)	38 (26,4)	
Tốt nghiệp		10 (6,9)	

2. Điểm mạnh

Các HP đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo tính kế thừa, bổ trợ lẫn nhau trong chương trình. CTDH được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật nhằm để phù hợp với thực tế. Năng lực nghề nghiệp, thực hành của NH được xác định rõ ràng, được chuyển tải vào CTĐT và ĐCCTHP. Bên cạnh đó để cải tiến nội dung giảng dạy, BM cũng thường xuyên đối sánh CTDH ngành KHHH với các CTDH trong nước.

3. Điểm tồn tại

Các HP GDTQ và cơ sở ngành chưa cập nhật thường xuyên. Các HP chuyên ngành KHHH có tính định hướng lâu dài cho ngành KHHH còn thiếu. Kỹ năng thực tập, thực hành, thực tế và kỹ năng giao tiếp của NH đáp ứng chưa cao nhu cầu của NTD.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Rà soát và cập nhật kiến thức một số HP trong GDTQ và cơ sở ngành. - Bổ sung HP có tính định hướng lâu dài ngành KHHH. - Bổ sung nội dung, trang thiết bị thực hành, cho SV thực tập ngoài trường nhiều hơn.	Phòng ĐTĐH; Khoa KTGT	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	- Đối sánh với CTĐT của một số trường nước ngoài. - Định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật HP trong CTDH.	Phòng ĐTĐH; Khoa KTGT	2 năm/ lần	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

CTDH ngành KHHH được thiết kế phù hợp với CĐR kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm NH, trong đó mỗi HP có đóng góp rõ ràng cho việc đạt được CĐR và được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các HP khối kiến thức

GDĐC/GDTQ, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. CTDH được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần với sự tham khảo các CTĐT tiên tiến trong và ngoài nước để đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Cấu trúc các HP trong CTDH đảm bảo tỉ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức GDTQ, cơ sở ngành và chuyên ngành; PPGD, học tập, KTĐG KQHT của NH trong ĐCCTHP góp phần đạt được CĐR của CTĐT. Nội dung chi tiết của từng HP thể hiện rõ CĐR phù hợp với CĐR của CTĐT và được lấy ý kiến GV, DN trong CTĐT năm 2021. Năng lực nghề nghiệp của NH được xác định rõ ràng, được chuyển tải vào CTĐT, ĐCCTHP, làm cơ sở để cải tiến nội dung giảng dạy. CTDH được đối sánh với nhiều CTDH trong nước. Tuy nhiên, nội dung khối kiến thức định hướng lâu dài cho ngành KHHH còn thiếu. CĐR các HP chưa đảm bảo mức độ phát triển kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm theo tiến trình học tập, chưa thể hiện phương pháp đo lường, đánh giá các CĐR về tư duy đổi mới, tinh thần khởi nghiệp. Tính khả thi khi triển khai sự phân nhiệm CĐR của CTĐT cho các HP bắt buộc chưa rõ nét. Kỹ năng thực tập, thực hành, thực tế và kỹ năng giao tiếp của NH đáp ứng chưa cao nhu cầu DN.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Ngành Quản lý vận tải mà trong thời đại ngày nay vận tải biển chiếm ưu thế tuyệt đối (trên 90% lượng hàng hóa lưu thông trên thế giới) và dịch vụ Logistics là một lĩnh vực quan trọng và đa diện trong hoạt động kinh doanh và quản lý hiện đại. Logistics đóng vai trò quan trọng trong việc điều phối, quản lý và tối ưu hóa các hoạt động vận chuyển, lưu trữ và quản lý hàng hóa từ nguồn gốc đến đích cuối cùng. Ngành Logistics bao gồm các hoạt động như vận chuyển, quản lý kho bãi, quản lý đơn hàng, quản lý chuỗi cung ứng và các dịch vụ hỗ trợ liên quan. Mục tiêu chính của Logistics là đảm bảo rằng hàng hóa được vận chuyển đúng thời gian, địa điểm và trong điều kiện tốt nhất, từ việc quản lý thông tin, quản lý lưu trữ, đến quá trình vận chuyển và phân phối.

Theo như dự báo của Diễn đàn kinh tế thế giới, đến năm 2030, chỉ riêng sự tăng trưởng của ngành Thương mại điện tử đã giúp số lượng phương tiện giao thông tăng tới 36%. Theo xếp hạng của Aglity năm 2022, thị trường Logistics của Việt Nam xếp thứ 11 trong nhóm 50 thị trường Logistics mới nổi trên toàn cầu. Điều này cho thấy nhu cầu nhân lực của ngành này đang trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết.

Từ những thực tế này, đề ngành KHHH phát triển xứng tầm, đòi hỏi nước ta cần có một đội ngũ kỹ sư, CB ngành QLHH và Logistics được đào tạo bài bản, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Trường đã định hướng phương pháp dạy và học (PPDH) theo hướng tiếp cận năng lực NH, lấy NH làm trung tâm, nâng cao tính tự chủ, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của NH. Mục tiêu giáo dục của Trường và của ngành KHHH được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các BLQ từ đó có cơ sở để các GV trong trường lựa chọn phương pháp tiếp cận dạy và học phù hợp với những nguyên tắc cơ bản cốt lõi mà Nhà trường mong đợi. CTĐT của ngành KHHH được thiết kế để đạt CDR của ngành đào tạo về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Nha Trang đã có văn bản tuyên bố chính thức về triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục:

Triết lý giáo dục được Hội đồng trường đưa vào nghị quyết và được tập thể Lãnh đạo, CB và GV Trường xây dựng và lấy ý kiến của GV toàn trường [H4.04.01.01]. Triết lý giáo dục sau khi xây dựng hoàn thiện được tuyên bố rõ ràng trong QĐ số 840/QĐ – ĐHNT, ngày 25/07/2019 “*Chú trọng phát triển tính chuyên nghiệp, khả năng sáng tạo và ý thức trách nhiệm trong môi trường giáo dục hội nhập, gắn kết với thực tiễn nghề nghiệp và cộng đồng*”. Các nội dung, từ khóa quan trọng trong triết lý là cơ sở để mỗi GV sử dụng PPGD phù hợp nhằm đạt được những mục tiêu như chuyên nghiệp, sáng tạo và trách nhiệm trong môi trường giáo dục hội nhập. Với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có “Bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ và sức khỏe; Kiến thức nền tảng và chuyên sâu về nghề nghiệp; Kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn phù hợp với nghề nghiệp; Khả năng nghiên cứu và ứng dụng khoa học – công nghệ; Tinh thần lập nghiệp, khả năng tự học, sáng tạo và thích ứng với môi trường hoạt động nghề nghiệp [H4.04.01.02].

Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tất cả cán bộ, GV và NH của Trường và đặc biệt GV và SV ngành KHHH hiểu rõ và thực hiện:

Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục được tập thể CB, GV nghiên cứu, góp ý một cách cẩn thận, chi tiết trước khi ban hành [H4.04.01.01], qua đó toàn thể CB GV đều

hiểu rõ bản chất của triết lý và mục tiêu giáo dục của Trường ĐHNT. Từ triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường, CB và GV ngành KHHH đã xây dựng mục tiêu giáo dục của CTĐT ngành KHHH một cách phù hợp, chú trọng việc *“Có tri thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn; bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ, sức khỏe; các kỹ năng ngoại ngữ, CNTT và các kỹ năng mềm; từ đó vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc sau này; Có khả năng vận dụng kiến thức cần thiết về cơ sở ngành và chuyên ngành QLHH và Logistics; Có kỹ năng quản lý các hoạt động hàng hải và hải quan; Có kỹ năng thực hiện dịch vụ hàng hải và Logistics; Có khả năng thích ứng, tự nghiên cứu để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực QLHH & Logistics sáng tạo và chuyên nghiệp.”* [H4.04.01.03]. Vấn đề này đã thể hiện rõ trong phát triển CTĐT của ngành KHHH chuyên ngành QLHH- Logistics từ K63: cấu trúc của CTĐT được thiết kế theo hai mảng chính, thứ nhất là Giáo dục tổng quát bao gồm các nội dung về xã hội nhân văn và nghệ thuật (22TC); Toán tin học, tự nhiên, công nghệ và môi trường (13TC); Ngoại ngữ (8TC); Thể chất và Quốc phòng-An ninh (11TC); mảng thứ 2 là Giáo dục chuyên nghiệp bao gồm trang bị kiến thức cơ sở ngành (42TC); Chuyên ngành (38TC) và công tác tốt nghiệp 10TC.

Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục của Nhà trường được giới thiệu/phổ biến tới các BLQ:

Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường phù hợp với mục tiêu giáo dục trình độ ĐH quy định tại Điều 39 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 [H4.04.01.04] và đã được công bố trên cổng thông tin điện tử của Trường [H4.04.01.05], phổ biến qua các kênh thông tin khác nhau, đặc biệt là trong lễ kỷ niệm 60 năm thành lập trường để toàn thể CBVC, NH của Trường và các BLQ đều có thể tiếp cận [H4.04.01.06]. GV của Khoa KTGT được phổ biến trong các cuộc họp hàng tháng của Khoa, để các GV nắm bắt, sau đó truyền tải ý nghĩa của Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục trong các giờ giảng trên lớp, các buổi chào cờ hàng tháng của SV và trong các ĐCCTHP [H4.04.01.07].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHNT đã có văn bản tuyên bố chính thức về triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục, được tất cả CB, GV và NH của Trường và đặc biệt GV và SV ngành KHHH hiểu rõ và thực hiện, bên cạnh đó triết lý giáo dục cũng được giới thiệu/phổ biến rộng rãi tới các BLQ.

3. Điểm tồn tại

Một số GV và NH nắm chưa rõ về triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục nên chưa có nhiều thay đổi trong thực tiễn hoạt động dạy và học. Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường chưa đa dạng hình thức quảng bá vì vậy DN và NTD chưa có điều kiện tiếp cận.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh truyền thông, phổ biến triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường cũng như mục tiêu của CTĐT ngành KHHH đến các BLQ, đặc biệt là NH, GV và NTD.	Khoa KTGT	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Khai thác tính rõ ràng của triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường để GV, NH và các BLQ có thể hiểu và thấm nhuần triết lý và mục tiêu của Trường.	Khoa KTGT	Từ năm học 2024 - 2025	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Các khoa/BM, GV xây dựng hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR:

Quy định đào tạo theo hệ thống tín chỉ, bao gồm các quy định về tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi HP; xét và công nhận tốt nghiệp đã được áp dụng cho tất cả các CTĐT hiện hành [H4.04.02.01]. Theo đó, để đạt được CĐR của CTĐT: Mỗi HP trong CTĐT được thiết kế PPGD đa dạng, phù hợp với hình thức đào tạo tín chỉ; từng HP được thể

hiện rõ trong ĐCCTHP nhằm đạt được CĐR [H4.04.02.02]. Như vậy, CTĐT và ĐCCTHP của chuyên ngành KHHH được xây dựng rõ ràng và theo hướng đáp ứng CĐR.

Đối với HĐGD, GV đã chủ động thực hiện theo ĐCCTHP đã được xây dựng và áp dụng linh hoạt nhiều PPGD tích cực, đa dạng, phù hợp với hình thức đào tạo tín chỉ như: Các PPGD: Thảo luận và báo cáo nhóm, giảng dạy theo cách đặt vấn đề, giải quyết tình huống, thực hiện bài tập, tổ chức dạy học theo dự án/ đề án được áp dụng nhằm giúp NH đạt được các CĐR [H4.04.02.02].

Việc triển khai dạy học kết hợp sử dụng hệ thống quản lý học tập NTU E-learning được bắt đầu từ năm 2018 [H4.04.02.03]. Số liệu thống kê, có 100% các HP lý thuyết trong CTĐT đều được triển khai giảng dạy trên hệ thống NTU E-learning theo kế hoạch chung của trường, hoặc kết hợp (blended teaching) giữa giảng dạy trực tiếp và trực tuyến đã giúp cho NH có thể chủ động được thời gian học tập [H4.04.02.02]. GV cũng có thể triển khai các nội dung học tập và phương pháp KTĐG đa dạng. Có thể tổng hợp một số PPGD được thể hiện trong ĐCCTHP như sau:

a/ Chuẩn bị của giảng viên:

- Chuẩn bị ban đầu trên E-Learning:

+ Thông báo hình thức đánh giá quá trình; Cung cấp ĐCCTHP;

+ Cung cấp TLTK chính, bài giảng PP và các tài liệu tham khảo khác

- Đến từng chương/chủ đề:

+ Trên E-Learning: Nêu những nội dung trọng yếu; Cung cấp tài liệu tham khảo và hướng dẫn SV tìm kiếm tài liệu trên mạng có liên quan đến chủ đề; Tạo diễn đàn theo chủ đề trên đó nêu câu hỏi/bài tập và yêu cầu đối với SV, diễn đàn cũng là nơi trả lời câu hỏi/bài tập, giải đáp thắc mắc và trao đổi với SV.

+ Trên giảng đường: Giải đáp thắc mắc và trả lời những vấn đề, câu hỏi đã nêu ra từ chủ đề trước đó. Tóm tắt, kết luận. Diễn giảng những nội dung chính trong chủ đề kế tiếp. Hướng dẫn SV tự tìm kiếm tài liệu tham khảo có liên quan. Gợi ý nêu vấn đề và đặt câu hỏi cho SV về nhà nghiên cứu

b/ Chuẩn bị của người học:

- Chuẩn bị ban đầu: Theo các thông báo chi tiết trên E-Learning;

- Đến từng chương/chủ đề:

+ Nghiên cứu lại những nội dung mà GV đã diễn giảng trong chủ đề trước đó. Chuẩn bị các câu hỏi để hỏi GV (nếu còn thắc mắc). Đọc bài giảng và các tài liệu tham khảo ở những nội dung có liên quan đến chủ đề mà GV sắp diễn giảng trên giảng đường,

+ Vào E-Learning nghiên cứu những điểm trọng yếu và thực hiện các yêu cầu của GV.

Ngoài ra người học còn được yêu cầu thực hiện giảng dạy dựa trên đặt vấn đề, thảo luận nhóm, báo cáo seminar một số chủ đề của học phần, chia nhóm để thực hiện các bài thực hành, đồ án môn học...

Nâng cao chất lượng dạy là hoạt động thường xuyên và được nhà trường hết sức quan tâm. Qua các buổi sinh hoạt học thuật ở BM, hội thảo, hội nghị các cấp về nâng cao chất lượng đào tạo, nhiều giải pháp được đưa ra qua các đề tài, các tham luận nâng cao chất lượng đào tạo. Hàng năm, GV trong khoa KTGT tham gia hội thảo nâng cao chất lượng đào tạo để thảo luận, trao đổi về PPGD, đánh giá KQHT trong đào tạo nhằm cung cấp cho GV PPGD và đánh giá NH sát với thực tế hơn [H4.04.02.04].

Phòng ĐBCL&KT xây dựng “Diễn đàn đổi mới PPGD, đánh giá và quản lý ĐH” để GV và CBVC có thể chia sẻ tài liệu, kinh nghiệm trong giảng dạy, hay thảo luận về PPGD [H4.04.02.05].

Các khoa/BM, GV hướng dẫn NH sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR:

Đối với hoạt động học tập, việc đào tạo theo học chế tín chỉ tăng cường hoạt động tự học, thúc đẩy NH chủ động hơn. GV của Khoa luôn chú trọng rèn luyện phương pháp tự học, tự nghiên cứu cho NH. Cố vấn học tập (CVHT) được Trường giao nhiệm vụ tư vấn cho NH về phương pháp học tập và NCKH theo QĐ số 1159/QĐ-ĐHNT [H4.04.02.06]. Do đó, CVHT các lớp ngành KHHH luôn chú trọng việc trao đổi, hướng dẫn NH phương pháp học tập chủ động, tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng tìm kiếm tài liệu học tập thông qua các buổi sinh hoạt trên lớp và trong HP Nhập môn ngành KHHH cho SV năm 1 hoặc buổi đầu tiên giới thiệu đề cương chi tiết môn học và phương pháp tiếp cận môn học. Bên cạnh đó, trong suốt quá trình học tập, BM KHHH cũng tổ chức hoạt động ngoại khóa, hội nghị học tốt, tham quan các cảng biển trong khu vực như Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh, Cảng Quốc tế Nam Vân Phong..., các cơ sở kinh doanh vận tải, logistics nhằm xây dựng phương pháp học tập hiệu quả [H4.04.02.07].

Thêm vào đó, Khoa và BM KHHH cũng hỗ trợ kết nối nhiều hoạt động ngoại khóa trong quá trình đào tạo nhằm đạt được CĐR. Một số hoạt động được tổ chức thường niên:

- Cuộc thi tìm kiếm tài năng trẻ Logistics Việt Nam do Valoma phối hợp với Cục Xuất Nhập khẩu (Bộ Công Thương) được tổ chức hàng năm cho các SV các trường ĐH và cao đẳng trên toàn quốc với mục tiêu tạo sân chơi thiết thực, tạo sự đam mê, hướng nghiệp logistics, gắn kết giữa SV, nhà trường và DN, qua đó nâng cao chất lượng nguồn nhân lực logistics **[H4.04.02.08]**. Thông qua cuộc thi, SV được tăng cường kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và học tập cũng như tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

- Cuộc thi vận tải biển và Logistics được tổ chức hàng năm giữa các lớp trong ngành KHHH, qua cuộc thi này, SV được đào tạo và tập huấn chuyên môn, được trải nghiệm các quy trình hoạt động của các loại hình vận tải biển và Logistics, việc tổ chức thi đấu giữa các đội với nhau, sự cọ xát giữa các đội giúp SV nâng cao năng lực chuyên môn, mở rộng hiểu biết về ngành học cho SV, gắn kết tình cảm giữa thầy và trò, giao lưu SV giữa các khóa, rèn luyện kỹ năng mềm như làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, khả năng giao tiếp,...**[H4.04.02.09]**.

Thực hiện chế tạo sản phẩm thực tế trong các đồ án, khóa luận tốt nghiệp: BM KHHH đã đẩy mạnh việc ứng dụng những kiến thức lý thuyết vào thực tế thông qua việc thực hiện công tác tốt nghiệp, tạo ra các sản phẩm thực tế của ngành QLHH-L, qua đó giúp SV ra trường không bị bỡ ngỡ, nhanh chóng tiếp cận với công việc ,...**[H4.04.02.10]**.

- Thực tập, tham quan thực tế: Ngoài việc thực tập tại trường, SV năm cuối còn được đi đến thực tập tại các cảng biển, Công ty vận tải hàng hóa, Công ty logistics, Cảng vụ hàng hải, Các công ty về Đại lý tàu biển và Giao nhận hàng hóa, Công ty Giám định hàng hóa...thời gian thực tập tại nhà máy ngày càng tăng lên, cụ thể, trong năm học 2024 - 2025, số tuần thực tập của một số SV tại nhà máy đã tăng lên từ 8 thành 12 tuần. Qua thực tập, SV được đào kỹ năng thực hành, kỹ năng mềm và nâng tầm hiểu biết lý thuyết ,...**[H4.04.02.11]**. Trường ĐHNT đã xây dựng hướng dẫn các phương pháp dạy học, KTĐG đáp ứng CĐR ,...**[H4.04.02.12]**, đảm bảo SV ra trường đạt được các kết quả mong đợi.

GV/NH hài lòng với các hoạt động dạy và học/các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT:

GV của khoa KTGT nói chung và BM KHHH nói riêng đều rất hài lòng với các hoạt động dạy học và phương pháp đánh giá (PPĐG) hiện nay, trong các năm qua, không có xảy ra bất kỳ trường hợp GV phản đối, hay khiếu kiện gì về giảng dạy, tất cả GV đều nỗ lực hết mình để tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp. Khoa KTGT thường xuyên

tổ chức các buổi hội thảo, đổi mới PPGD, thông qua các buổi hội thảo, tranh luận sôi nổi, GV chia sẻ những kinh nghiệm tích lũy được qua quá trình giảng dạy [H4.04.02.04].

Nhằm đánh giá và nâng cao chất lượng giảng dạy của GV, Trường đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH về HĐGD của GV trong mỗi HK, trong đó có các tiêu chí đánh giá PPGD như: phương pháp truyền đạt, hiệu quả của việc phối hợp các PPGD, việc tư vấn học tập cho NH ngoài giờ lên lớp. Kết quả khảo sát năm học 2022-2023 cho thấy 100% GV BM KHHH đều được NH đánh giá đạt loại tốt; và gần như 100% SV đánh giá các GV ngành KHHH giảng dạy nhiệt tình, dễ hiểu và có các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng cho SV [H4.04.02.11], kết quả đánh giá này đã thể hiện được sự hài lòng của SV đối với các hoạt động dạy và học của ngành KHHH.

2. Điểm mạnh

Khoa KTGT, GV BM KHHH đã và đang xây dựng các hoạt động dạy học/PPGD đa dạng, phù hợp để đạt được CDR, và có những hướng dẫn NH sử dụng các hoạt động học tập phù hợp, từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR. GV/NH luôn hài lòng với các hoạt động dạy và học/các PPDH được sử dụng trong CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Thời gian NH tiếp cận với thực tế tại các cơ sở thực tập về cơ bản là đầy đủ. Mặc dù thế, việc đưa NH đi thực tế tại các Công ty Logistics lớn còn hạn chế về địa điểm và mới ở giai đoạn ghi nhớ giữa các Công ty với Khoa và Nhà Trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng thời gian đi thực tế tại nhà máy từ năm 1 đến năm 4 bằng cách tổ chức các chương trình tham quan, thực tập.	Khoa KTGT; BM KHHH	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường số lượng và chất lượng các hoạt động dạy-học hiệu quả, đặc biệt là các hoạt động ngoại khóa.	Khoa KTGT; BM KHHH	Từ năm học 2024 - 2025	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả hiện trạng

Học tập suốt đời được thể hiện không chỉ qua việc tự học, tự nghiên cứu của SV khi còn ngồi trên ghế ĐH mà còn tiếp tục diễn ra trong suốt quá trình học tiếp lên các bậc học cao hơn và khi đi làm. Để giúp NH có khả năng học tập suốt đời, BM KHHH, khoa KTGT và Trường ĐHNT đã có các hoạt động dạy và học như sau:

100% đề cương chi tiết các môn học/học phần mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm:

“Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo và các kỹ năng mềm cần thiết khác để làm việc và tự học suốt đời” [H4.04.01.03] là một trong những CĐR của CTĐT ngành KHHH, hướng đến rèn luyện thói quen suy nghĩ độc lập, tự giải quyết vấn đề và phát triển các kỹ năng nghề nghiệp để tự tin hơn trên con đường lập nghiệp trong tương lai của NH.

CTĐT ngành KHHH được thiết kế bao gồm các HP giúp NH rèn luyện kỹ năng về tiếng Anh (Tiếng Anh chuyên ngành 1: 3TC và Tiếng Anh chuyên ngành 2: 3TC), lồng ghép tiếng Anh chuyên ngành trong các bài giảng cho các môn chuyên ngành, tin học, soạn thảo văn bản, giao tiếp, làm việc nhóm,...và hoạt động thực tập làm khóa luận tốt nghiệp hoặc CĐTĐN tương đương cho SV ở năm cuối có thể vận dụng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành đã học để giải quyết các vấn đề khoa học và thực tiễn [H4.04.01.03]

Các hoạt động dạy và học của GV và SV ngành KHHH đều được thể hiện cụ thể chi tiết ở ĐCCTHP, mỗi chủ đề trong đề cương đều có hướng dẫn PPDH phù hợp để giúp NH có thể tự chuẩn bị các nội dung trước và sau khi đến lớp. Định kỳ mỗi HK, các GV đều cập nhật, mô tả rõ ràng việc sử dụng tổ hợp các phương pháp dạy-học theo từng tuần hoặc từng chủ đề trong ĐCCTHP, các hoạt động dạy-học được bố trí xen kẽ giữa giảng dạy lý thuyết hoặc thực hành kết hợp với thảo luận, bài tập nhóm, thuyết trình, tiểu luận nhóm,... để NH rèn luyện và nâng cao các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và các kỹ năng mềm khác [H4.04.02.02].

100% đề cương chi tiết các HP mô tả và nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH:

Đề cương chi tiết của mỗi HP sẽ do một GV phụ trách chính - chủ nhiệm HP và một đến hai GV phụ trách cho môn học [H4.04.02.02]. Hàng năm, BM KHHH đều yêu cầu GV phụ trách rà soát đề cương, cập nhật các kiến thức mới, các chủ đề chuyên môn đều có các hướng dẫn dạy-học phù hợp, yêu cầu của NH cần phải nghiên cứu những nội dung gì, tài liệu nào cần đọc trước khi đến lớp, cũng như các bài tập, đồ án về nhà làm và những gì cần tiếp tục nghiên cứu thêm sau này.

Ngoài việc học trên lớp, GV còn tổ chức các hoạt động khác, như các câu lạc bộ (CLB) Tiếng Anh, cuộc thi Vận tải biển và Logistics, Cuộc thi tìm kiếm tài năng trẻ Logistics Việt Nam do Valoma phối hợp với Cục Xuất Nhập khẩu (Bộ Công Thương) tổ chức hàng năm, giúp SV có thêm các sân chơi chuyên môn, qua đó tạo được hứng thú để SV hình thành thói quen học tập suốt đời [H4.04.02.07], [H4.04.02.08].

GV sử dụng các hoạt động dạy học/PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời:

Hàng năm, có rất nhiều hoạt động nhằm nâng cao kỹ năng của SV ngành KHHH được Trường, Khoa KTGT và BM KHHH tổ chức:

- Hoạt động tham quan Cảng biển, DN Logistics, vận chuyển hàng hóa cho các tân SV, những chuyến đi thực tế này cung cấp cho SV những quan sát đầu tiên về môi trường làm việc cũng như hoạt động của lĩnh vực QLHH, quản trị logistics giúp SV hình thành những ý niệm ban đầu về ngành học KHHH, từ đó thiết lập kế hoạch học tập và rèn luyện những kỹ năng cần thiết cho công việc trong tương lai [H4.04.02.10].

- Khóa học phát triển kỹ năng mềm được tổ chức góp phần giúp rèn luyện thêm các kỹ năng cần thiết, kích thích tinh thần học tập trong SV [H4.04.03.01].

- Trung tâm HTVL&KN tổ chức các hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp cho SV của Trường nhằm trang bị kiến thức về khởi nghiệp, kỹ năng để SV có khả năng tự tổ chức hiệu quả việc học tập và phát triển các ý tưởng sáng tạo trong SV góp phần nâng cao hoạt động NCKH [H4.04.03.02].

- GV BM KHHH còn sử dụng kết hợp nhiều hoạt động dạy học khác nhau, như dạy trên lớp, NTU E-learning, nhóm Zalo được xây dựng cho từng HP, nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Cụ thể ngoài việc giao bài tập, tình huống trên lớp, GV còn giao bài tập và tình huống qua hệ thống NTU E-learning để rèn luyện NH về khả năng học tập suốt đời. Ngoài việc giải đáp trực tiếp trên lớp, GV còn giải đáp cho NH qua hệ thống NTU E-learning, qua nhóm Zalo của lớp HP, qua

đó rèn luyện NH kỹ năng tương tác trong quá trình học. Mặt khác, Nhà trường còn tổ chức tuần học số, góp phần đa dạng hóa hình thức dạy học; phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, thúc đẩy phát triển năng lực cá nhân và đáp ứng nhu cầu học tập linh hoạt, đa dạng, mọi lúc, mọi nơi của NH; từng bước thực hiện mục tiêu chuyển đổi số của Nhà trường **[H4.04.03.03]**.

Bên cạnh đó, một số HP Tiếng Anh tổng quát và Tiếng Anh chuyên ngành được chú trọng trang bị cho SV trong quá trình đào tạo, điều này khuyến khích SV trau dồi khả năng sử dụng ngoại ngữ để nâng cao khả năng tự đọc hiểu các tài liệu nước ngoài, giúp quá trình tự học hiệu quả hơn, giúp giao tiếp và thực hiện công việc mà yêu cầu của ngành nghề đòi hỏi **[H4.04.01.03]**.

Ngoài ra, SV ngành KHHH đã tham gia nhiều hơn các cuộc thi cấp quốc gia, góp phần nâng cao kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập toàn cầu và cách mạng công nghệ mới 4.0: Cuộc thi Tìm kiếm Tài năng trẻ Logistics Việt Nam cấp quốc gia được tổ chức hàng năm **[H4.04.02.07]**, cũng như cuộc thi Vận tải biển và Logistics trong ngày hội kỹ thuật của Khoa KTGT **[H4.04.02.08]**. Thông qua những danh hiệu và thành tích đạt được sẽ là động lực thúc đẩy, kích thích tinh thần học tập và trao dồi các kỹ năng trong SV.

Các hoạt động dạy và học nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH:

CTĐT ngành KHHH được thiết kế đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của SV thông qua SV có thể học cùng một lúc 2 ngành đào tạo (có thể cùng hoặc khác khối ngành) **[H4.04.03.04]**, hay sau khi tốt nghiệp ĐH, NH cũng có thể học lên các CTĐT ThS ngành KHHH tại các cơ sở đào tạo có cùng chuyên ngành hoặc Ths ngành KTTT, KTCKDL **[H4.04.03.05]** và TS ngành ngành KHHH tại các cơ sở đào tạo có cùng chuyên ngành hoặc TS ngành CKDL **[H4.04.03.06]**. Trường cũng xây dựng cổng thông tin học tập trực tuyến NTU E-learning để cung cấp thông tin học tập suốt đời của NH và hỗ trợ cho việc học ở các bậc khác nhau **[H4.04.02.03]**.

Những hoạt động NCKH cũng là cơ hội để SV rèn luyện trau dồi kỹ năng, áp dụng kiến thức sách vở vào việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong xã hội hoặc đối với công việc trong tương lai. Ngoài ra, đây cũng chính là cách xây dựng động cơ học tập và hình thành thói quen học tập suốt đời vì hoạt động NCKH sẽ thúc đẩy tinh thần dám nghĩ, dám làm, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, khơi dậy lòng yêu ngành nghề, thúc đẩy ham muốn tìm tòi, khám phá và học hỏi **[H4.04.03.07]**. Bảng 4.1 thống kê số lượng đề tài

NCKH của SV ngành KHHH qua các năm, tổng số SV tham gia NCKH từ năm 2018-2023 có 03 em. Do đặc thù là ngành mới do vậy việc đốc thúc cho SV ngành KHHH thực hiện các đề tài NCKH vẫn đang còn hạn chế.

Bảng 4.1. Thống kê đề tài NCKH sinh viên ngành KHHH qua các năm

TT	MS	TÊN ĐỀ TÀI	SVTH	LỚP	GVHD
1	SV2019-13-02	Thiết kế chế tạo mô hình cảng container	Lê Anh Minh	59.KHHH	Nguyễn Thái Vũ
2	SV2020-13-27	Xây dựng mô hình động các thiết bị mô phỏng một số hoạt động khai thác hàng hải cho sa bàn CMIT đã có	Nguyễn Hữu Tín	60.KHHH	Hồ Đức Tuấn
3	SV2021-13-16	Thiết kế chế tạo sa bàn Cảng Cam Ranh	Đậu Thụ Mỹ Yên	61.KHHH	Nguyễn Thái Vũ

<https://phongkcn.ntu.edu.vn/%C4%90e-tai-khoa-hoc/%C4%90e-tai-NCKH-cua-sinh-vien>

Kỹ năng mềm là một yêu cầu không thể thiếu đối với SV ngành KHHH. Kết quả khảo sát SV K63 ngành KHHH [H4.04.03.08] cho thấy phần lớn SV cho rằng họ đã được trang bị kỹ năng giải quyết vấn đề (65,8%), kỹ năng giao tiếp ứng xử (64,6%) và kỹ năng làm việc nhóm (87,3%) trong quá trình học tập tại Trường (bảng 4.2), thông qua các khóa đào tạo kỹ năng mềm (60,9%) [H4.04.03.01], các buổi thảo luận trên lớp (74,7%) và đi làm thêm (72,2%). Kỹ năng xin việc, viết CV, phỏng vấn là những kỹ năng SV năm cuối muốn được trau dồi thêm (83,3%). Cuối cùng, về PPGD kỹ năng mà SV mong muốn, đa số SV muốn được trải nghiệm thực tế tại DN (83,3%), tiếp đến là được thực hành, tương tác tại lớp (64,1%).

Bảng 4.2. Thống kê khảo sát kỹ năng mềm K63 ngành KHHH

Những kỹ năng mềm nào bản thân sinh viên đã được trang bị khi học ở Trường ĐH Nha Trang ? (Khảo sát 79 sinh viên)			
STT	Tên kỹ năng	Số lượng	Tỉ lệ
1	Kỹ năng giao tiếp ứng xử	51	64,6%
2	Kỹ năng thuyết trình	70	88,6%
3	Kỹ năng giải quyết vấn đề	52	65,8%
4	Kỹ năng làm việc nhóm	69	87,3%

Em đã làm thế nào để trau dồi kỹ năng mềm? (Khảo sát 79 sinh viên)			
STT	Cách thức	Số lượng	Tỉ lệ
1	Tham gia CLB, đội tình nguyện	39	49,4%
2	Tích cực tham gia các buổi thảo luận trên lớp	59	74,7%
3	Tham gia các khóa đào tạo kỹ năng mềm	26	32,9%
4	Đi làm thêm	57	72,2%
Đến thời điểm hiện tại, Bạn mong muốn trau dồi kỹ năng gì? (Khảo sát 79 sinh viên)			
STT	Kỹ năng cần thiết	Số lượng	Tỉ lệ
1	Kỹ năng xin việc, viết CV, phỏng vấn	65	83,3%
2	Kỹ năng giải quyết vấn đề, ra QĐ	49	62,8%
3	Kỹ năng giao tiếp, ứng xử nơi công sở	51	65,4%
4	Kỹ năng xây dựng hình ảnh cá nhân	32	41%
5	Kiến thức về thị trường lao động, các công ty và ngành nghề tiềm năng	60	76,9%
Thời gian học Kỹ năng mềm (Nếu sinh viên muốn tham gia khóa học kỹ năng) (Khảo sát 79 sinh viên)			
STT	Thời gian	Số lượng	Tỉ lệ
1	Tập trung các buổi tối trong tuần	44	56,4%
2	Tập trung ngày cuối tuần	38	48,7%
Phương pháp giảng dạy Kỹ năng mềm mà sinh viên mong muốn (Khảo sát 79 sinh viên)			
STT	Phương pháp	Số lượng	Tỉ lệ
1	Thuyết giảng	25	32,1%
2	Sinh viên được thực hành, tương tác tại lớp	50	64,1%
3	Sinh viên được trải nghiệm thực tế (đến tận DN)	65	83,3%
4	Hội thảo, hội nghị của DN tổ chức tại Trường	30	38,5

2. Điểm mạnh

CTĐT được xây dựng và cập nhật áp dụng từ khóa 63 ngành KHHH có tính kế thừa, các HP được thiết kế theo lộ trình kiến thức từ thấp đến cao, liên hệ chặt chẽ với nhau, do đó, sau khi tốt nghiệp ĐH, NH có thể học tiếp trình độ ThS, TS. Bên cạnh đó GV cũng sử dụng các hoạt động dạy học/PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng đáp ứng khả năng học tập suốt đời. Toàn bộ đề cương chi tiết các môn học/HP

mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm và nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH.

3. Điểm tồn tại

NH vẫn chưa được trang bị nhiều kỹ năng mềm và khả năng tự học thông qua các HP chính thức trong CTĐT.

Việc tích lũy các kỹ năng và khả năng tự học của SV chủ yếu diễn ra thông qua các hoạt động thực hành và ngoại khóa.

Thiết bị phục vụ đào tạo, thực hành, NCKH còn thiếu nhiều. Tỷ lệ NH tham gia NCKH so tổng số NH toàn khóa còn quá ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Bổ sung thêm các hoạt động trên lớp để nâng cao kỹ năng mềm và khả năng tự học cho SV. - Xây dựng dự án trang bị cơ sở vật chất phục vụ thực hành, thực tập để nâng cao kỹ năng chuyên môn, tạo điều kiện để SV tự học. - Tổ chức các khóa hướng dẫn xây dựng các thuyết minh đề tài NCKH để tăng cường số lượng các nghiên cứu trong SV.	Khoa KTGT; BM KHHH	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức thường xuyên hơn các hoạt động ngoại khóa để SV có thêm cơ hội phát triển năng lực và khả năng tự học. Thường xuyên cập nhật CTĐT và ĐCCTHP cho phù hợp với xu thế và nhu cầu phát triển của xã hội.	BM KHHH và GV	Từ năm học 2024 - 2025	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Trường ĐHNT đã xây dựng mục tiêu giáo dục và công bố công khai đến các BLQ. Bên cạnh mục tiêu chung thì CTĐT ngành KHHH cũng đã xây dựng những mục tiêu riêng, cụ thể và được công khai rộng rãi trên các văn bản, các phương tiện thông tin đại chúng. Để đạt được mục tiêu, BM đã triển khai các hoạt động dạy học thích hợp để đạt được các yêu cầu về chất lượng đào tạo. Trong quá trình học tập, NH được tham gia các hoạt động ngoại khóa, được tổ chức định kỳ để tạo điều kiện cho NH rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm. Ngoài ra, SV cũng được trải nghiệm thực tế tại các nhà máy thông qua các đợt tham quan và thực tập. Tuy nhiên, việc phổ biến triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục vẫn còn một số hạn chế, một số GV và NH vẫn còn mơ hồ về triết lý giáo dục, nhiều NTD cũng chưa biết đến triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Trong quá trình dạy học, bên cạnh việc đổi mới phương pháp và hoạt động dạy học thì việc đánh giá KQHT của NH là một khâu quan trọng, góp phần khẳng định chất lượng đào tạo của đơn vị đào tạo.

Đánh giá KQHT bằng nhiều hình thức sẽ giúp cho NH củng cố lại kiến thức đã được học, đồng thời có kế hoạch, phương pháp học tập hiệu quả để đạt kết quả tốt hơn. Thông qua các hoạt động đánh giá kết quả của NH, GV trau dồi thêm kỹ năng cũng như có thể triển khai các phương pháp dạy học một cách hợp lý.

Bên cạnh thực hiện về đổi mới nội dung, CTDH, PPGD, Trường ĐHNT cũng đã ban hành những quy định cụ thể về việc đánh giá KQHT của NH. Khoa KTGT thực hiện theo chủ trương, chỉ đạo của Nhà Trường đã xây dựng kế hoạch, quy trình hoạt động, phương pháp KTĐG phù hợp với CĐR và được cập nhật, công khai định kỳ hàng năm trên website và hệ thống NTU E-learning của Nhà trường.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Theo nội dung của QĐ số 753/QĐ-ĐHNT ngày 13/8/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ ĐH của Trường ĐHNT thì hoạt động đánh giá KQHT của NH ngành KHHH được thực hiện theo đúng kế hoạch và quy trình rõ ràng, minh bạch xuyên suốt

khóa học. Dựa vào khung kế hoạch công tác năm học của Trường để lên kế hoạch cho việc đăng ký GD của GV, đăng ký HP của NH và hoạt động KTĐG KQHT của NH theo từng HP trong CTĐT. Việc đánh giá KQHT của NH của ngành KHHH được thực hiện theo quy định đào tạo tín chỉ hiện hành **[H5.05.01.01]** và Phòng ĐBCL&KT chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và đánh giá. Việc đánh giá KQHT của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR bao gồm hướng dẫn quy trình tổ chức hoạt động KTĐG, thiết kế các phương pháp, công cụ KTĐG...**[H5.05.01.02]**. NH được đánh giá năng lực ngoại ngữ để sắp xếp lớp học ngoại ngữ có trình độ phù hợp với bản thân **[H5.05.01.03]**.

Nhà trường ban hành các tài liệu hướng dẫn GV thiết kế các phương pháp kiểm tra và đánh giá NH như Sổ tay PPGD và đánh giá (2010), Thang cấp độ tư duy Bloom, tài liệu hướng dẫn Đánh giá trong dạy học trực tuyến, Tài liệu tập huấn E-learning 2020 **[H5.05.01.04]**. Các hoạt động/phương pháp KTĐG KQHT của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CĐR. KQHT của các HP trong CTĐT ngành KHHH được đánh giá theo các quy định hiện hành **[H5.05.01.01]**. Các nội dung đánh giá bao phủ toàn bộ nội dung HP và đáp ứng toàn bộ CĐR của HP. Các PPĐG được thiết kế phù hợp để đo lường mức độ đạt CĐR. Cụ thể, GV phụ trách đề xuất các hình thức/hoạt động/phương pháp đánh giá quá trình (ĐGQT) và thi kết thúc HP phù hợp nhằm xác định được mức độ kiến thức và kỹ năng NH cần đạt mục tiêu, CĐR từng HP, CTĐT và được thể hiện thông qua ma trận CĐR-HP **[H5.05.01.05]**. CTĐT ngành KHHH được thiết kế cụ thể cho từng HP, từng HP có ĐCCTHP thể hiện việc đánh giá KQHT của NH. Do đó, việc NH được đánh giá dựa trên các hình thức được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR của CTĐT **[H5.05.01.06]**.

Về kiến thức, các yêu cầu về kiến thức trong các đề thi KTĐG bám sát ĐCCTHP nhằm đáp ứng được CĐR của từng HP. Đề thi được GV phụ trách HP chuẩn bị và được Trường BM duyệt trước khi đưa vào kỳ thi. Nội dung đề thi đảm bảo đánh giá toàn bộ các CĐR của HP và có sự cân đối giữa nội dung thi giữa kỳ và thi cuối kỳ **[H5.05.01.07]**.

Về kỹ năng, với các phương pháp KTĐG đa dạng (bài kiểm tra trên lớp, thi tự luận, thi thực hành, thi vấn đáp, bài tiểu luận, bài tập nhóm, bài báo cáo thực tập,...) rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho NH (kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề, tổng hợp, làm việc nhóm,...) **[H5.05.01.08]**.

Về thái độ, tiêu chí đánh giá được thực hiện qua việc thời lượng tham gia các hoạt động của NH bằng cách điểm danh, tham gia xây dựng bài học của NH ở trên lớp. Bên cạnh đó, việc điểm rèn luyện cuối kỳ cũng là một kênh đánh giá ý thức, thái độ của NH về học tập, chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Nhà trường trong việc tham gia các hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội, các hoạt động cộng đồng **[H5.05.01.09]**.

Kết thúc khóa học, SV được đánh giá thông qua ĐA/CD tốt nghiệp và được hướng dẫn thực hiện công tác tốt nghiệp rõ ràng và được đánh giá dựa trên bảng tiêu chí nhận xét đánh giá của GV hướng dẫn, GV phản biện và phiếu chấm của hội đồng bảo vệ [H5.05.01.10].

Trong giai đoạn giãn cách xã hội do dịch COVID-19, các PPĐG được thay đổi/cập nhật phù hợp với hình thức thi, kiểm tra trực tuyến như kiểm tra trắc nghiệm, thi trắc nghiệm, tự luận kết hợp với vấn đáp, vấn đáp trực tuyến, ... [H5.05.01.11]. Các hình thức KTĐG được sử dụng chủ yếu dựa trên kinh nghiệm, chưa có sự đánh giá về sự/mức độ tương thích và phù hợp với mục tiêu của HP và chưa thể hiện rõ được mức độ đạt được CĐR ở cấp độ cụ thể trong giai đoạn này.

2. Điểm mạnh

Các quy định, văn bản hướng dẫn về đánh giá KQHT của NH luôn được cập nhật phù hợp với CĐR và thực hiện đầy đủ theo từng năm học. Hình thức KTĐG kết quả của từng HP thuộc ngành KHHH đều được thiết kế rõ ràng, linh hoạt và phù hợp với CĐR của CTĐT và được công khai trên website của BM, Khoa và Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Việc thay đổi hình thức dạy học và đánh giá giữa các năm học do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 khiến cho việc dạy học các HP chưa được đồng bộ và ổn định.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng ngân hàng đề thi đánh giá cuối kỳ cho các HP chuyên ngành một cách đồng bộ và có hệ thống, tương thích với CĐR của từng HP và toàn bộ CTĐT.	Khoa KTGT; BM KHHH	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục cập nhật ĐCHP, ĐCCTHP với phương pháp dạy học và hình thức KTĐG cụ thể rõ ràng cho từng HP thuộc ngành KHHH; - Phối hợp các phòng ban liên quan như Phòng ĐTĐH, Phòng ĐBCL&KT, Phòng CNTT triển	Khoa KTGT; BM KHHH	Từ năm học 2024-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		khai đối chiếu KQHT của NH theo từng HK. Việc đối chiếu này có thể thực hiện bằng phân tích thống kê hoặc điều tra khảo sát nhằm kiểm tra tính tương thích và mức độ phù hợp của các hình thức đánh giá KQHT với CĐR của mỗi HP.			

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả hiện trạng

Việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ ĐH của Trường ĐHNT theo QĐ số 753/QĐ-ĐHNT, ngày 13/8/2021, các quy định đánh giá KQHT của NH được thể hiện cụ thể trong các quy định hiện hành của Nhà Trường (thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số...) [H5.05.02.01] được công bố công khai trên website của Trường [H5.05.02.02]. Đánh giá KQHT hiện nay không chỉ căn cứ vào điểm thi kết thúc HP mà còn đảm bảo đáp ứng đạt CĐR từ điểm thi giữa kỳ (đối với HP từ 3TC trở lên) và điểm bộ phận bao gồm điểm quá trình và điểm chuyên cần, được công khai trong ĐCHP. ĐCCTHP ngành KHHH có quy định rõ ràng cách đánh giá HP, bao gồm: Điểm đánh giá HP bao gồm điểm ĐGQT, điểm thi giữa kỳ và điểm thi kết thúc HP; phương pháp, hình thức, tiêu chí kiểm tra, đánh giá điểm quá trình. Hình thức, phương pháp thi kết thúc HP cũng thể hiện rõ trong ĐCCTHP [H5.05.02.03].

Các quy định đánh giá KQHT của NH được thể hiện cụ thể trong các quy định và Phòng ĐBCL&KT chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và đánh giá được công bố công khai trên website và GV phụ trách HP cũng phổ biến đến NH trong buổi đầu tiên lên lớp. Thời gian thi kết thúc HP do Phòng ĐTDH lập kế hoạch [H5.05.02.04].

Việc đánh giá ĐA/CD tốt nghiệp được quy định cụ thể thông qua quy trình triển khai công tác tốt nghiệp [H5.05.02.05]; Quy định các HP thay thế ĐA/CD tốt nghiệp, [H5.05.02.06]. Từ năm 2019 - 2020 quy định kiểm tra đạo văn đối với NH làm ĐA/CD tốt nghiệp [H5.05.02.07]. Trước mỗi kỳ thực hành, thực tập, BM KHHH gửi Kế hoạch chi tiết của đợt thực hành, thực tập để NH biết và thực hiện. Ngoài ra, NH tham gia học tập tại Trường được đánh giá cả hai mặt: KQHT và rèn luyện tư tưởng, đạo đức. KQHT được đánh giá thông qua điểm của từng HP do GV giảng dạy đánh giá; kết quả rèn luyện, đạo đức được đánh giá thông qua việc đánh giá kết quả rèn luyện [H5.05.02.08], [H5.05.02.09].

2. Điểm mạnh

Các quy định về đánh giá KQHT của NH theo CTĐT Khoa KTGT rõ ràng và được thông báo công khai vào buổi đầu của HK và trên hệ thống NTU-Elearning. NH luôn nắm bắt được kế hoạch, hình thức KTĐG cũng như các quy định về đánh giá, kiểm tra của từng HP và năm học theo kế hoạch của Nhà trường.

Các tiêu chí, tỉ trọng, hình thức đánh giá KQHT được các GV dạy cùng HP thống nhất với nhau nhằm đảm bảo độ tin cậy của kết quả đánh giá. Các cột điểm liên quan tới KQHT của NH được công bố minh bạch trong lớp và lưu trữ trên hệ thống NTU E-learning.

3. Điểm tồn tại

Lướt truy cập vào website và hệ thống NTU E-learning của NH để tìm hiểu kỹ các quy định về đánh giá KQHT nêu trong ĐCCTHP chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đa dạng các hình thức đánh giá gồm: Bài tập lớn, thuyết trình, các bài kiểm tra định kỳ, thi giữa kỳ đều sẽ được thực hiện trên hệ thống NTU E-learning nhằm khuyến khích NH chủ động truy cập hơn trong quá trình học và có thể TĐG năng lực học của mình thông qua các dạng bài tập tự thực hiện.	Khoa KTGT	Từ năm học 2024-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	- Tăng cường sử dụng hệ thống NTU E-learning đăng tải thường xuyên các hoạt động kiểm tra, đánh giá KQHT trong quá trình học. - Các câu hỏi và giải đáp liên quan hoạt động kiểm tra, đánh giá KQHT được thực hiện công khai trên NTU E-learning.	Khoa KTGT	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

Phương pháp và quy trình KTĐG KQHT được xác định cụ thể trong: Quy định đào tạo ĐH, cao đẳng hệ chính quy theo học chế TC; Quy định đánh giá HP, tổ chức thi kết thúc HP đào tạo ĐH, cao đẳng hệ chính quy; Quy định tổ chức và quản lý thực tập; Quy định về việc hướng dẫn thực hiện công tác tốt nghiệp trình độ ĐH, giao khóa luận, CĐTĐN, tổ chức đánh giá khóa luận, CĐTĐN ĐH hệ chính quy **[H5.05.03.01], [H5.05.03.02], [H5.05.03.03]**.

Hình thức đánh giá KQHT của NH được quy định rõ ràng, chi tiết trong ĐCCTHP ngành KHHH và được GV cập nhật trên hệ thống NTU E-learning, Website BM đầu mỗi HK **[H5.05.03.04]**.

Hình thức đánh giá KQHT của NH đa dạng, đáp ứng mục tiêu của từng môn học, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng, đáp ứng CĐR của các HP, bao gồm các hình thức: Thi viết (Tự luận, trắc nghiệm), vấn đáp, làm bài tập lớn, tiểu luận, đi thực tế môn học hoặc kết hợp giữa các hình thức trên **[H5.05.03.05]**.

Đề thi tự luận hay trắc nghiệm đều đảm bảo đánh giá được kiến thức, kỹ năng cơ bản của HP. Quy trình biên soạn đề thi, duyệt đề thi, nộp đề thi, in sao đề thi, bảo quản đề thi đảm bảo tính bảo mật, khách quan và công bằng. Tất cả các HP 3TC trong CTĐT

trình độ ĐH được đánh giá qua 03 cột điểm, trong đó cột điểm quá trình chiếm trọng số khoảng (30-40)% (gồm những điểm thành phần như: điểm chuyên cần, xây dựng bài, thuyết trình, các bài kiểm tra định kỳ); điểm thi giữa kỳ chiếm tỷ trọng khoảng (20-30)% và điểm kiểm tra kết thúc HP chiếm tỷ trọng 40%. Các HP 2TC chỉ có 2 cột điểm là điểm quá trình (thường chiếm 50%) và điểm thi kết thúc HP (thường chiếm 50%) **[H5.05.03.01]**.

Cuối mỗi HK, Nhà trường tổ chức một kỳ thi kết thúc HP. Phòng ĐTĐH xây dựng kế hoạch thi. Khoa, BM quản lý HP tổ chức biên soạn đề thi, duyệt đề, sao in đề thi, coi thi, chấm thi, nhập điểm thi, tiếp nhận ý kiến phản hồi của NH sau khi công bố kết quả thi. **[H5.05.03.05], [H5.05.03.04]**.

Mỗi bài thi đều do hai CB chấm thi độc lập, thực hiện đúng quy định chấm thi kết thúc HP, bảng điểm HP ngoài chữ kí của CB coi thi, đủ chữ ký của hai CB chấm thi, đều có ký xác nhận của Trưởng BM/Khoa để đảm bảo sự khách quan, công bằng, công khai trong công tác chấm thi **[H5.05.03.05]**.

Sau khi chấm thi, lên bảng điểm, GV sẽ nhập điểm lên hệ thống quản lý đào tạo để công bố điểm cho NH, bảng điểm sẽ được sao in thành 3 bản gồm: Bản gốc nộp cho Phòng ĐTĐH để kiểm tra rà soát; 01 bản sao lưu trong túi bài thi; 01 bản sao lưu tại văn phòng BM để giải đáp thắc mắc khiếu nại về điểm số của NH **[H5.05.03.06]**.

Nhà trường tổ chức thanh tra kiểm tra công tác đánh giá kết quả, thi kết thúc HP ở mỗi HK. Đầu mỗi năm học, Nhà trường sẽ kiện toàn Tổ giám sát thi để triển khai việc giám sát các kỳ thi của tất cả các hình thức và trình độ đào tạo theo kế hoạch thi tại Trường và các cơ sở liên kết đào tạo **[H5.05.03.07]**.

Phòng ĐBCL&KT chịu trách nhiệm chính trong việc giám sát, thanh tra công tác quản lý đề thi, coi thi, chấm thi, nhập điểm và quản lý túi bài thi sau mỗi kỳ thi **[H5.05.03.08]**.

Hàng năm, Nhà trường đều có những hướng dẫn chi tiết, tập huấn về cách thức thiết kế, đánh giá câu hỏi và đề thi cho GV, đã triển khai sử dụng rubric trong đánh giá kết quả học tập **[H5.05.03.05]**.

Đối với Đồ án tốt nghiệp (ĐATN) hoặc CĐTĐN, Khoa KTGT thực hiện theo Quy định hướng dẫn thực hiện công tác tốt nghiệp trình độ ĐH hệ chính quy. Các quy định về điều kiện đăng ký xét làm ĐATN/CĐTĐN, điểm trung bình chung tích lũy xét chọn làm ĐATN/CĐTĐN, các tiêu chí đề tài làm ĐATN/CĐTĐN được thông báo công khai và

rõ ràng, đảm bảo tính công bằng và phân loại đối tượng NH. Quy trình chấm ĐATN/CĐTN, các phiếu nhận xét của GV hướng dẫn, GV phản biện, thành viên HĐ đánh giá ĐATN/CĐTN đều có tiêu chí rõ ràng về thái độ làm việc, tiến độ làm bài, khung lý thuyết, phương pháp sử dụng, kết quả thực tiễn... với các trọng số hợp lý. Cách tính điểm của ĐATN/CĐTN cụ thể như sau: Điểm đánh giá ĐATN/CĐTN chính thức là điểm trung bình cộng có trọng số của điểm trung bình các thành viên hội đồng đánh giá (Hệ số 3), CB phản biện (Hệ số 2) và CB hướng dẫn (Hệ số 1), được làm tròn một chữ số thập phân **[H5.05.03.09]**. Bên cạnh đó năm học 2019-2020, Nhà trường đã tiến hành kiểm tra đạo văn đối với ĐATN/CĐTN, theo đó ĐATN/CĐTN sẽ được quét bằng phần mềm phát hiện đạo văn do Nhà trường sử dụng và tỷ lệ cho phép là 25%. Nếu ĐATN/CĐTN sau hai lần kiểm tra và chỉnh sửa, nộp lần ba vẫn còn phạm lỗi đạo văn thì không được tổ chức đánh giá **[H5.05.03.10]**. Bên cạnh đánh giá KQHT, việc đánh giá kết quả rèn luyện của NH cũng đảm bảo độ tin cậy, độ bao quát với tất cả các hoạt động của NH, bao gồm: Ý thức học tập; Ý thức tham gia NCKH; Ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế trong Nhà trường; Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội; Phẩm chất công dân và quan hệ với cộng đồng; Ý thức, kết quả tham gia công tác CB lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong Nhà trường hoặc các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của NH. Việc đánh giá kết quả rèn luyện được thực hiện cuối mỗi kỳ học. Quy trình đánh giá được thực hiện hợp lý, từ NH TĐG cho đến tập thể lớp, CVHT đánh giá, và cuối cùng là Hội đồng đánh giá cấp Khoa **[H5.05.03.11]**, **[H5.05.03.12]**.

Kết thúc mỗi HK, Nhà trường đều tiến hành lấy ý kiến NH về CTĐT và các HĐGD của GV **[H5.05.03.13]**. Từ kết quả khảo sát, Nhà trường xác định phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, sự công bằng và đánh giá mức độ tích lũy của NH về kiến thức, kỹ năng và năng lực; bên cạnh đó phát hiện kịp thời những sai sót trong quá trình tổ chức KTĐG, những vướng mắc của NH để khắc phục và sửa đổi trong những năm học tiếp theo. Tuy nhiên, công tác thống kê, phân tích định lượng đề thi, kết quả thi chưa được thực hiện, do đó chưa đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi với CĐR của HP.

2. Điểm mạnh

Phương pháp KTĐG KQHT NH của Khoa KTGT đa dạng về hình thức như: Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, đồ án, chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình

thức. Nội dung đề thi đảm bảo độ tin cậy, bao quát nội dung học, được các TBM phê duyệt trước khi đưa vào sử dụng. Đa số ý kiến khảo sát của NH ngành KHHH hài lòng về các hình thức đánh giá, đảm bảo độ tin cậy, phản ánh đúng năng lực và đảm bảo công khai, công bằng đối với NH.

3. Điểm tồn tại

Công tác thống kê, phân tích định lượng đề thi, kết quả thi chưa được thực hiện, do đó chưa đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi với CDR của HP.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	- Tăng cường sử dụng hệ thống NTU E-learning đăng tải thường xuyên các hoạt động kiểm tra, đánh giá KQHT trong quá trình học. - Đa dạng các hình thức đánh giá gồm bài tập lớn, thuyết trình, các bài kiểm tra định kỳ, thi giữa kỳ đều sẽ được thực hiện trên hệ thống NTU E-learning nhằm khuyến khích NH chủ động truy cập hơn trong quá trình học và có thể TĐG năng lực học của mình thông qua các dạng bài tập tự luyện thêm. - Các câu hỏi và giải đáp liên quan hoạt động kiểm tra, đánh giá KQHT cũng sẽ được thực hiện công khai trên diễn đàn trao đổi của hệ thống NTU E-learning.	Khoa KTGT, BM KHHH	Từ năm học 2024-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2	Khắc phục tồn tại	Các GV phụ trách các HP cần thiết lập các hội đồng đánh giá lại nội dung chương trình cũng như hình thức đánh giá của HP để điều chỉnh, bổ sung kịp thời.	Khoa KTGT, BM KHHH	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7).

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Mô tả hiện trạng

Các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá NH được quy định rõ ràng [H5.05.04.01], [H5.05.04.02], [H5.05.04.03], [H5.05.04.04], [H5.05.04.05]. Đối với ĐGQT, GV phụ trách HP có trách nhiệm trả bài, sửa bài cho NH trong thời gian giảng dạy HP; NH có quyền phản hồi lại các kết quả để được giải đáp; tất cả các điểm ĐGQT đều được công bố cho NH trước khi thi. Việc phản hồi kịp thời về kết quả ĐGQT giúp NH có thể chủ động điều chỉnh quá trình học tập để cải thiện KQHT cũng như nỗ lực hơn cho kỳ thi kết thúc HP, đồng thời giúp GV có thể điều chỉnh PPGD cho phù hợp. Đối với điểm thi kết thúc HP, trong vòng 10 ngày sau đợt thi, GV phụ trách HP có trách nhiệm nhập điểm lên phần mềm đào tạo để NH có thể truy cập thông qua tài khoản cá nhân (<https://sinhvien.ntu.edu.vn>). Đối với bài thi giữa kỳ, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo điểm, nếu NH có nhu cầu phúc khảo bài thi làm đơn gửi GV giảng dạy lớp HP và BM. Đối với kết quả thi kết thúc HP, trong vòng 15 ngày kể từ ngày công bố điểm, nếu có nhu cầu phúc khảo, NH có thể làm đơn xin phúc khảo bài thi gửi về văn phòng khoa quản lý HP và sẽ được trả lời kết quả kết quả chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày nhận đơn [H5.05.04.04].

Trường hợp phát hiện có sự nhầm lẫn hay sai sót khi vào điểm và nhập điểm thi, muộn nhất là 25 ngày sau khi công bố điểm, NH có thể phản hồi với GV phụ trách HP để được điều chỉnh điểm. Kết quả điểm tổng hợp của NH sau khi sửa lại được cập nhật

lại trên hệ thống của Trường, phiếu điều chỉnh điểm được lưu trong túi bài thi tại BM. Đối với thi vấn đáp và kết quả bảo vệ ĐATN/CĐTN, điểm được công bố công khai sau buổi thi, buổi bảo vệ **[H5.05.04.01]**. Các quy định nói trên đều được công khai tới NH và GV trên cổng thông tin điện tử của Trường. Việc phản hồi cho NH các kết quả kiểm tra, ĐGQT học tập ngành KHHH được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định của Nhà trường. NH cũng có thể dễ dàng truy cập và theo dõi KQHT (theo HK, năm học, khoá học) cũng như tiến độ hoàn thành chương trình học của mình bất cứ lúc nào trên phần mềm quản lý đào tạo thông qua tài khoản cá nhân.

Các QĐ về việc cảnh báo KQHT của NH được thực hiện rõ ràng, công khai và kịp thời giúp NH nắm được tình hình để cải thiện việc học tập **[H5.05.04.02]**. Cuối mỗi HK, Phòng CTSV&SV thực hiện các công việc liên quan để báo cáo việc cảnh báo KQHT, điểm rèn luyện của NH và gửi về Khoa KTGT. Trên cơ sở này, CVHT sẽ tổ chức gặp gỡ và tư vấn nhằm giúp các NH có học lực yếu, kém cải thiện việc học và có các phương pháp thích hợp để cải thiện KQHT và có thể tốt nghiệp đúng hạn **[H5.05.04.06]**.

Nhìn chung, việc phản hồi kịp thời kết quả đánh giá đến NH đã được thể hiện trên ba nội dung công việc chính: Thông báo triển khai công tác GV nhập điểm vào phần mềm; các QĐ cảnh báo; và các hoạt động tư vấn/trợ giúp NH yếu kém.

2. Điểm mạnh

KQHT của NH được thông báo kịp thời và chính xác, được lưu trữ đầy đủ trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của Trường, do vậy các BLQ có thể tham khảo, tư vấn và hỗ trợ NH cải thiện việc học tập của mình.

3. Điểm tồn tại

Việc trả bài, sửa bài và phản hồi kết quả ĐGQT cho NH trước khi thi kết thúc HP vẫn chưa được tất cả các GV triển khai đồng bộ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định về thông tin, lưu trữ KQHT của SV một cách đầy đủ, chính xác và an toàn.	Khoa KTGT	Từ năm học 2024-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2	Khắc phục tồn tại	- Thúc đẩy công tác chấm thi và công bố điểm giữa kỳ, cuối kỳ đúng thời hạn quy định. Nhà trường có cơ chế khuyến khích NH phản hồi kịp thời kết quả ĐGQT dạy học. - Tăng cường giám sát tất cả GV việc thực hiện quy định trả bài, sửa bài, công bố điểm ĐGQT cho NH trước khi thi kết thúc HP.	Khoa KTGT Nhà trường	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Mô tả hiện trạng

Quy trình khiếu nại về KQHT được Trường ĐHNT triển khai theo hướng giúp NH tiếp cận một cách thuận lợi bằng những quy định cụ thể và công khai trên website và các kênh truyền thông chính thức của Nhà trường, qua đó NH được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về phản ánh, kiến nghị về KQHT. Cụ thể, hoạt động khiếu nại kết quả đánh giá NH được thể hiện qua công tác phúc khảo bài thi, điều chỉnh điểm thi, điểm kiểm tra. Nhà trường đã ban hành các quy định, quy trình, hướng dẫn cụ thể về việc phúc khảo bài thi, điều chỉnh điểm kiểm tra, điểm thi, quy định về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo qua các minh chứng đã thu thập được với các văn bản quy định đánh giá HP, kết hợp với các quy định tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo [H5.05.04.03], [H5.05.05.01]. Các văn bản này được công bố rộng rãi và rõ ràng trên cổng thông tin điện tử của Phòng ĐTDH, Phòng CTSV&SV để NH dễ dàng tiếp cận. Những nội dung có liên quan cũng được giới thiệu đến NH trong chương trình Tuần sinh hoạt công dân [H5.05.05.02], qua đó NH có thể dễ dàng nắm thông tin và có phương hướng cho việc phản ánh, kiến nghị về KQHT.

Việc khiếu nại về KQHT luôn được xử lý theo quy trình đã được quy định **[H5.05.04.03]**, **[H3.03.01.04]**. Đối với điểm quá trình và điểm kiểm tra giữa kỳ, GV thông báo trực tiếp tại lớp hoặc công khai trên NTU E-learning nhằm đảm bảo tính công bằng, tạo ra sự tin cậy đối với NH. Điểm thi kết thúc HP được công bố kịp thời và công khai đến NH thông qua tài khoản NH ngay sau khi GV nộp điểm về cho Phòng ĐTDH và khóa quyền nhập điểm **[H5.05.05.03]**. Nếu thấy kết quả thi không tương xứng với bài làm hoặc điểm trên phần mềm không chính xác thì NH có thể phản hồi về cho GV giảng dạy HP qua email hoặc vào website trường tải mẫu đơn để làm đơn phúc khảo gửi lên Văn phòng Khoa **[H5.05.05.04]**. GV xem lại bài thi và làm phiếu điều chỉnh kết quả điểm thi (nếu có sai sót), và sau đó BM/ Khoa kiểm tra, ký xác nhận **[H5.05.05.05]**. Do đó, trong những năm qua, công tác điều chỉnh điểm HP đã được các GV phụ trách HP phối hợp với Trưởng BM giải quyết kịp thời cho NH. Sau đó Phòng ĐTDH sẽ tiến hành điều chỉnh điểm cho NH đồng thời cập nhật lại điểm trên hệ thống nếu thật sự xảy ra sơ sót về KQHT. Theo quy trình của Trường khiếu nại điểm thi được giải quyết cho NH đảm bảo không quá 15 ngày kể từ ngày công bố điểm. Nếu quá trình giải quyết chưa thỏa đáng hoặc NH vẫn chưa hài lòng về kết quả đã cập nhật, NH có thể tiếp tục khiếu nại ở mức cao hơn được đề cập ở Quy định tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo **[H5.05.04.05]**. Không những thế, Trường còn cung cấp đầy đủ các số điện thoại của tất cả phòng ban trên trang website của Trường để NH có thể phản ánh kịp thời các vấn đề liên quan đến công tác giảng dạy và đánh giá KQHT **[H5.05.05.05]**.

Kết quả báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ NH về HDGD của GV qua từng HK và báo cáo tổng kết công tác NH hàng tháng và hàng năm của Khoa KTGT và Phòng CTSV&SV cho thấy công tác giải quyết các khiếu nại của NH ngành KHHH đã được thực hiện đúng quy định, không xảy ra trường hợp NH khiếu nại kéo dài **[H5.05.05.06]**.

Ngoài ra, NH còn thể hiện các ý kiến phản hồi, khiếu nại về KQHT của mình trong quá trình học tại Trường ĐHNT thông qua nhiều hình thức khác nhau như trao đổi trực tiếp với CVHT, điền vào phiếu khảo sát NH về HP hay khảo sát thông tin dạy và học, qua các hòm thư góp ý, diễn đàn trên trang mạng xã hội Zalo/Facebook, và đặc biệt qua các buổi đối thoại trực tiếp giữa NH và lãnh đạo Trường được tổ chức định kì **[H5.05.05.07]**.

Ngoài các ưu điểm trên thì cũng tồn tại một số khó khăn cho SV trong việc tìm và tải các mẫu văn bản phục vụ cho việc khiếu nại, điều chỉnh điểm vì có một số văn bản,

biểu mẫu không còn tồn tại trên hệ thống website của trường sau khi trường sử dụng trang web mới.

2. Điểm mạnh

Các thủ tục khiếu nại và giải quyết khiếu nại về KQHT đơn giản, thuận tiện, được công bố trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường và được phổ biến rộng rãi tới NH ngay từ tuần sinh hoạt công dân đầu mỗi khóa mới.

Đội ngũ GV và CVHT đã hỗ trợ tốt và đảm bảo được quyền lợi cho NH khi có thắc mắc về KQHT.

3. Điểm tồn tại

Sau khi website Trường nâng cấp, cải tạo thì một số văn bản về quy trình điều chỉnh điểm kiểm tra, điểm thi, khiếu nại KQHT đã bị thay đổi đường dẫn và vị trí lưu trữ gây khó khăn trong việc tìm kiếm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	- Nhà trường và Khoa tăng cường phổ biến rộng rãi đến NH về tất cả những quy định liên quan đến điều chỉnh điểm và khiếu nại KQHT.	BCN Khoa KTGT; CVHT, Ban cán sự lớp	Đầu mỗi năm học; định kỳ hàng năm.	
		- GV và CVHT tiếp tục hỗ trợ, đảm bảo quyền lợi cho NH khi có thắc mắc về KQHT.	GV và CVHT	Mỗi HK	
2	Khắc phục tồn tại	- Khoa góp ý, phối hợp với Phòng CNTT điều chỉnh giao diện trang web của từng phòng ban thân thiện hơn với người dùng.	Phòng CNTT; Khoa KTGT; NH	Định kỳ hàng năm	
		- Các tài liệu, văn bản giấy tờ liên quan đã được cập nhật theo đường link mới trên website.	P.ĐTĐH; P.ĐBCL&KT	Định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Các quy định về kiểm tra, đánh giá KQHT của NH theo CTĐT ngành KHHH rõ ràng và được thông báo công khai, kịp thời tới NH. NH luôn nắm bắt được thông tin về kế hoạch đánh giá kiểm tra, hình thức cũng như những quy định về việc đánh giá, kiểm tra của từng HP và năm học theo kế hoạch của Nhà trường. Các phương pháp kiểm tra - đánh giá KQHT luôn được đổi mới, đa dạng các hình thức, phương pháp khác nhau nhằm đánh giá một cách chính xác nhất năng lực của NH và được NH đánh giá cao. KQHT của NH được lưu trữ đầy đủ trên hệ thống phần mềm quản lý của Nhà trường. Bên cạnh đó, các thủ tục khiếu nại về KQHT đơn giản, thuận tiện và được GV giải quyết một cách nhanh chóng và thỏa đáng giúp NH có thể điều chỉnh, cải thiện KQHT của mình.

Bên cạnh những điểm mạnh đạt được, việc kiểm tra, đánh giá KQHT của ngành KHHH vẫn còn một số thiếu sót, điển hình như còn hạn chế trong việc áp dụng khoa học đánh giá để khảo sát mức độ tương thích của các hình thức kiểm tra, đánh giá với CDR của các HP, việc giám sát các quy định trả bài, sửa bài, công bố điểm ĐGQT cho NH trước khi thi kết thúc HP. Từ những hạn chế này, Khoa KTGT đã vạch ra kế hoạch hành động cụ thể từ năm học 2024 – 2025 nhằm khắc phục những hạn chế còn tồn tại, đổi mới PPĐG kiểm tra KQHT một cách hiệu quả hơn, từ đó giúp nâng cao chất lượng đào tạo của ngành KHHH.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 5/5.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Được thành lập năm 1959, Trường Đại học Thủy sản (hiện là Trường ĐHTN) là trường ĐH lớn, đa ngành, có truyền thống ở khu vực Duyên hải miền Trung. Trường hiện có tổng số CBVC là 642 vào tháng 12/2023. Khoa KTGT của Trường, được thành lập năm 2011, là khoa quản lý và vận hành CTĐT ngành KHHH, hiện có 23 GV cơ hữu (01 PGS, 9 TS, 13 ThS và nghiên cứu sinh (NCS)) và 01 thư ký khoa được đào tạo đúng chuyên môn ở trong và ngoài nước, năng động, trẻ trung, giàu nhiệt huyết và đã được tham gia các lớp tập huấn về PPGD, phương pháp NCKH và đạt chuẩn giảng dạy ở bậc ĐH. Khoa KTGT đã được Bộ GD&ĐT và Trường cho phép đào tạo ngành KHHH năm 2014. Với đội ngũ GV, nghiên cứu viên (NCV) giàu năng lực và kinh nghiệm, Khoa

KTGT đảm bảo đủ năng lực để tổ chức triển khai CTĐT của ngành KHHH ở bậc ĐH có chất lượng.

Đội ngũ GV, NCV của nhà Trường hiện tại đáp ứng nhu cầu và nhiệm vụ chính: đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng (PVCĐ). Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng. Hàng năm nhà Trường thực hiện công khai các tiêu chí tuyển dụng nhằm lựa chọn GV và NCV đúng yêu cầu vị trí tuyển dụng. Nhà Trường cũng thường xuyên rà soát và đánh giá năng lực của đội ngũ GV và NCV thông qua nâng hạng và các chứng chỉ chuyên môn. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó. Bên cạnh đó, việc xây dựng và đánh giá vị trí việc làm theo kết quả công việc của GV, NCV được công khai đánh giá và xếp loại hàng năm. Đa dạng các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu cho GV và NCV luôn được quan tâm, giám sát, đánh giá, phân tích và đối sánh nhằm mục tiêu tinh và chất lượng về đội ngũ đáp ứng nhu cầu công viện hiện tại và phát triển trong thời gian tới của nhà Trường.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Từ nhu cầu đào tạo và chiến lược phát triển Trường hiện tại và tương lai định kỳ xây dựng/cập nhật quy hoạch phát triển đội ngũ GV. Trường ĐHNT đã xác định rõ ràng và xuyên suốt mục tiêu phát triển mạnh về chất lượng và số lượng của đội ngũ GV và NCV. Điều này nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao và đa dạng của xã hội trong tương lai. Trên cơ sở kết quả phân tích bối cảnh kinh tế xã hội và thực trạng phát triển của Trường ĐHNT, chiến lược phát triển đội ngũ và bộ máy tổ chức của Trường đến 2030 và tầm nhìn 2045 đã được xây dựng để định hướng nhu cầu về đội ngũ GV [H6.06.01.01]. Cụ thể, đội ngũ GV của Trường được quy hoạch đạt 100% GV có đầy đủ các chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp; tăng ít nhất 10 TS/năm, ít nhất 03 PGS, GS/năm, đạt 40% TS/GV, 20% PGS, GS/TS; trong đó số lượng GS, PGS, TS thuộc lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản chiếm 50%, có 3-5 GS/PGS/mỗi ngành và đạt 20% GV có khả năng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh; trên

30% GV có năng lực NCKH phục vụ xuất bản quốc tế, đăng ký bản quyền sáng chế; có ít nhất 10 nhóm nghiên cứu chuyên sâu, mang tính liên ngành, đa lĩnh vực [H6.06.01.02], [H6.06.01.03].

Hàng năm, trên cơ sở ĐGQT giảng dạy, NCKH và PVCD (bao gồm cả khối lượng và chất lượng) cũng như nguyện vọng, nhu cầu phát triển chuyên môn của từng GV, các tổ BM và Khoa KTGT sẽ thực hiện phân tích, rà soát nhằm cập nhật/điều chỉnh việc thực hiện kế hoạch về: (i) nhu cầu học tập, đào tạo và bồi dưỡng để phát triển đội ngũ GV, NCV của khoa và (ii) nhu cầu cần tuyển dụng, tiếp nhận, bố trí công việc. Bên cạnh đó, theo chiến lược phát triển Trường, công tác quy hoạch và thực tiễn đào tạo của Khoa KTGT, mỗi nhiệm kỳ trưởng khoa sẽ xây dựng Đề án công tác nhiệm kỳ để xây dựng kế hoạch chi tiết phát triển đội ngũ GV nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn về đào tạo trong suốt nhiệm kỳ [H6.06.01.04]. Trường cũng có các chính sách thu hút CBVC, GV có trình độ cao về công tác tại Trường, cụ thể là hỗ trợ tiền, chỗ ở cho các GV có trình độ TS được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H6.06.01.05], [H6.06.01.06] và chính sách kéo dài thời gian công tác đối với các GV có trình độ cao đến tuổi nghỉ hưu ở những ngành có nhu cầu [H6.06.01.07], [H6.06.01.08], [H6.06.01.09]. Dù vậy, chính sách thu hút và tuyển dụng hiện tại cùng với điều kiện địa lý ở miền Trung, khó tuyển dụng được GV trẻ, thực sự có chất lượng cao cho ngành KHHH.

Bảng 6.1. Thống kê trình độ đội ngũ GV của Khoa Kỹ thuật Giao thông qua 5 năm

Chỉ tiêu	ĐVT	2020	2021	2022	2023	2024
PGS, GS	Người	1	1	2	3	3
TS	Người	9	9	9	7	11
ThS	Người	13	13	13	15	13
ĐH	Người	0	0	0	0	3
Tổng số GV	Người	23	23	24	25	30
PGS, GS/TS	%	11	11	22	43	27
TS trở lên/Tổng số GV	%	43	43	43	40	43

Về mặt chất lượng đội ngũ giảng dạy, **Bảng 6.1** cho thấy Khoa KTGT đã rất nỗ lực xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ GV [H6.06.01.02] [H6.06.01.03] theo hướng tăng tỉ lệ GV đạt trình độ TS, chức danh PGS, GS phù hợp với chiến lược phát triển của Trường và Khoa để đáp ứng các yêu cầu phát triển của giai đoạn 2019 – 2023, tầm nhìn đến 2030 [H6.06.01.01]. Tỉ lệ TS và PGS, GS của Khoa KTGT sẽ tiếp tục tăng lên trong các năm kế tiếp vì hiện có 01 GV của khoa đang thực hiện NCS trong

và ngoài nước. Dù vậy, vẫn còn 01 GV trong Khoa KTGT chưa thực hiện đúng quy hoạch học tập nâng cao trình độ đã được phê duyệt giai đoạn 2019-2023. Ngoài lý do chủ quan của bản thân từng cá nhân và lý do khách quan là việc đăng bài trên tạp chí quốc tế khá khó, một phần còn do việc hỗ trợ, kiểm tra, giám sát chưa chặt chẽ và thiếu chính sách, chế tài đối với việc thực hiện quy hoạch và kế hoạch chung **[H6.06.01.08]**. Khoa KTGT định hướng tập trung vào việc xuất bản/phản biện các bài báo quốc tế, quốc gia uy tín, triển khai các đề tài, dự án, hoạt động tư vấn, dịch vụ, đào tạo ngắn hạn cho các DN cũng như ứng dụng các kiến thức về kinh tế và kinh doanh vào các lĩnh vực khác nhau. Đề án công tác nhiệm kỳ 2019 – 2023 đã lập kế hoạch xây dựng các nhóm chuyên trách về: (i) thành lập các nhóm nghiên cứu, (ii) nhóm quan hệ địa phương và DN và (iii) nhóm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ **[H6.06.01.03]**.

Có thể thấy rằng, phát triển đội ngũ GV của Khoa theo hướng tăng tỉ lệ TS/GV và PGS, GS/TS cũng đã đáp ứng được với kế hoạch phát triển của Khoa KTGT trong lĩnh vực KHCN và hoạt động PVCĐ **[H6.06.01.01]**, **[H6.06.01.03]**. Trong giai đoạn 2019 – 2023, một số GV của Khoa đã trở thành các chuyên gia có uy tín, các phản biện tình nguyện, tin cậy và thường xuyên của một số tạp chí quốc tế uy tín thuộc danh mục ISI/Scopus cũng như được mời làm chủ tịch các tiểu ban khoa học trong các hội thảo quốc tế.

2. Điểm mạnh

Khoa chú trọng và đã xây dựng được quy hoạch đáp ứng 03 nhiệm vụ chính của GV đó là giảng dạy, NCKH và PVCĐ.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù đội ngũ GV của khoa KTGT đang phát triển về số lượng và nâng cao về trình độ chuyên môn. Nhưng xét tổng thể hiện Khoa chưa có chính sách đột phá nhằm thu hút và tuyển dụng, cùng với vị trí địa lý, hiện tại khó tuyển dụng cho các ngành trong Khoa (KHHH, KHHH).

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đề xuất cơ chế đặc thù cho KHHH để thu hút nhân lực GV trẻ, thực sự có chất lượng cao.	Giảng viên; BM KHHH; Khoa KTGT	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Kiểm tra, giám sát chặt chẽ hơn và đôn đốc, hỗ trợ việc thực hiện quy hoạch phát triển đội ngũ GV theo từng năm.	GV; BM KHHH; Khoa KTGT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Thông tư 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 cho biết tỉ lệ NH/ĐH chính quy trên một GV không vượt quá các định mức 20 SV/GV [H6.06.02.01]. Hiện tại Khoa KTGT và các ngành cũng đang nỗ lực để đáp ứng tỉ lệ trên, đến 12/2023, Khoa KTGT có 25 GV cơ hữu (3 PGS, 7 TS, 15 ThS) và 01 thư ký khoa [H6.06.02.02]. Số liệu thống kê về tỉ lệ NH/GV ở Bảng 6.2 cho thấy trong giai đoạn đánh giá đều không vượt quá hơn quy định (25 NH/GV) [H6.06.02.03].

Bảng 6.2. Tỷ lệ NH/GV của ngành KHHH trong 5 năm gần đây

Chỉ tiêu	K61	K62	K63	K64	K65
Số lượng NH đầu vào	13	24	103	125	162
Tổng số NH	13	10	92	118	162
Tổng số GV	20	20	21	21	25
Tỉ lệ NH/GV	0,65	0,5	4,38	5,62	6,48

Bảng 6.2 cũng cho thấy trình độ đội ngũ của Khoa KTGT và BM KHHH đã được cải thiện trong giai đoạn 2019-2023 để đáp ứng ngày càng tốt hơn các yêu cầu của các quy định hiện hành [H6.06.02.01].

Về quy định chế độ làm việc đối với GV bao gồm: khối lượng, thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn của GV tại Trường được thực hiện theo QĐ số 64/2008/QĐ-BGDĐT, Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT và Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT. Bên cạnh đó, hằng năm, trước khi bắt đầu các HK, Trường và Khoa sẽ xây dựng kế hoạch giảng dạy cho GV. Dự kiến phân công và định mức rõ từng HP đối với từng GV trong Khoa dựa trên khối lượng công việc dự kiến được tính cho mỗi GV trong năm học. Sau khi phân công phân công giảng dạy của tổ BM, các hoạt động NCKH và PVCD dự kiến của cá nhân sẽ được công khai trong toàn khoa. Trên cơ sở đó mỗi GV sẽ biết khối lượng công việc của mình cần làm trong năm học. Sau đó, Khoa và các tổ BM sẽ căn cứ trên khối lượng công việc từng GV đã dự kiến so sánh với khối lượng công việc theo quy định để điều chỉnh kịp thời và thông báo cho toàn thể các GV được biết về việc phân

công giảng dạy và các công việc khác nhằm đảm bảo sự công bằng, minh bạch cho các GV **[H6.06.02.04], [H6.06.02.05]**.

Công việc của GV được quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường, bao gồm: định mức giảng dạy, định mức NCKH và PVCĐ. Tất cả các hoạt động của GV đều được quy đổi thành giờ giảng dạy, giờ NCKH và giờ PVCĐ. GV phải đảm nhiệm định mức giảng dạy mỗi năm từ 100 đến 350 giờ chuẩn tùy theo chức danh nghề nghiệp, trong đó tối thiểu 50% giờ đứng lớp trực tiếp. Định mức về giờ NCKH tối thiểu cũng được quy định rõ ràng theo học hàm, học vị và chức danh nghề nghiệp của GV **[H6.06.02.06], [H6.06.02.07]**.

Khoa KTGT và tổ BM chuyên môn trực tiếp quản lý các hoạt động của GV cùng với Trường và các đơn vị chức năng cùng tham gia vào việc giám sát, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV trong mỗi năm học như: Phòng ĐBCL&KT, Phòng Tổ chức - Nhân sự (TCNS), Phòng KHCN, Phòng Công tác chính trị và SV (CTCT&SV), Phòng ĐTDH và Phòng Đào tạo Sau đại học (ĐTSDH) **[H6.06.02.07]**. Cụ thể, Phòng ĐBCL&KT theo dõi và thống kê giờ làm việc của GV ở các hoạt động sinh hoạt học thuật cấp BM, cấp Khoa, tham gia các hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo..., Phòng ĐTDH và Phòng ĐTSDH theo dõi và thống kê các giờ giảng dạy DH và SDH, hướng dẫn chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp và hướng dẫn đề tài ThS của GV, Phòng KHCN theo dõi và thống kê các hoạt động NCKH các cấp, bài báo, tham gia hội nghị, hội thảo chuyên ngành..., Phòng CTCT&SV theo dõi và thống kê giờ của GV trong hoạt động CVHT và các hoạt động ngoại khóa của NH. Kết quả đánh giá khối lượng công việc của các VC được sử dụng làm căn cứ để tính toán hưởng vượt giờ và phân loại lao động cũng như danh hiệu thi đua hằng năm **[H6.06.02.06], [H6.06.02.07]**.

Hằng năm Trường và Khoa đã có nhiều biện pháp để cải tiến chất lượng đào tạo và tạo điều kiện cho các GV tham gia hoạt động NCKH và PVCĐ như: (i) cân đối khối lượng công việc, giờ dạy phù hợp chuyên môn giữa các GV trong tổ chuyên môn để đảm bảo không GV nào bị quá tải; (ii) những HP chung bố trí 2-3 GV cùng phối hợp giảng dạy theo đúng thế mạnh chuyên môn của mỗi GV; và (iii) mời giảng và hướng dẫn chuyên đề, đề tài tốt nghiệp từ DN **[H6.06.02.08]**. Hơn nữa, bắt đầu từ năm học 2021-2022, để tuân thủ quy định của pháp luật về định mức giờ làm thêm (không vượt quá 300 giờ/năm/người), Trường đã thực hiện rà soát chặt chẽ khối lượng giờ giảng của GV và có kế hoạch bố trí trợ giảng cũng như các giải pháp khắc phục **[H6.06.02.09]**.

Trường và Khoa cũng tạo mọi điều kiện cho GV và CBLQ tham gia các hoạt động NCKH, giảng dạy và bồi dưỡng nghiệp vụ ở cả trong và ngoài nước và các hoạt động PVCD [H6.06.02.10]. Trong giai đoạn 2019-2023, CBVC trong Khoa KTGT tương đối hài lòng, không có đơn từ khiếu nại về khối lượng, chất lượng công việc được phân công cũng như kết quả đánh giá các công việc đã thực hiện [H6.06.02.11].

Mặc dù thế, việc giám sát, đo lường một số hoạt động PVCD của GV chưa giám sát chặt chẽ, nguyên nhân có thể kể đến là do tính đa dạng của các hoạt động, thường diễn ra ở ngoài trường và khó đo lường mức chất lượng, do đó chưa tạo được động lực và khuyến khích GV tham gia.

2. Điểm mạnh

HDGD, NCKH của đội ngũ GV được đo lường và giám sát chặt chẽ. Được công khai trên trang điện tử để toàn bộ CB trong khoa có thể biết và giám sát.

3. Điểm tồn tại

Hiện chưa có công cụ để đo lường và giám sát một số hoạt động PVCD của GV trong khoa.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đề xuất các quy định quy đổi hoạt động PVCD để đánh giá khối lượng và chất lượng công việc của GV.	Khoa KTGT	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì tỷ lệ GV/NH đáp ứng quy định hiện hành.	Khoa KTGT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Để phát triển đội ngũ GV, NCV nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và PVCD, công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển luôn được lãnh đạo Trường, Khoa quan tâm. Trong giai đoạn 2020-2024, Khoa KTGT có tổng số 07 GV được tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển.

Trường đã ban hành quy định về tuyển dụng và đào tạo bồi dưỡng GV, NCV tại Trường **[H6.06.03.01]**. Hằng năm, căn cứ vào quy hoạch chiến lược phát triển, Trường đã bổ sung đội ngũ GV trẻ có trình độ, năng lực đáp ứng kịp thời nhu cầu của các hoạt động chuyên môn cũng như các nhiệm vụ về quản lý trong việc phát triển các ngành nghề đào tạo. Trường đã tổ chức triển khai công tác tuyển dụng VC theo đúng quy định của Nhà nước với các hình thức tổ chức thi tuyển và xét tuyển, trong đó các tiêu chí tuyển dụng bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật được xác định rõ ràng **[H6.06.03.01]**, **[H6.06.03.02]**.

Nhà trường cũng đã xây dựng quy trình bổ nhiệm rõ ràng, tuân theo các quy định chung, đồng thời cũng có những tiêu chí cụ thể **[H6.06.03.01]**, **[H6.06.03.03]**. Các tiêu chí bổ nhiệm các chức danh nghề nghiệp của GV, NCV và bổ nhiệm, điều chuyển CBLQ cho các đơn vị trong Trường và Khoa KTGT đã được triển khai đồng bộ và minh bạch. Bên cạnh đó, Trường và Khoa KTGT luôn chú trọng đến việc phát triển đội ngũ GV đánh ứng nhu cầu phát triển: tăng về số lượng và tốt về chất lượng. Cụ thể, việc tuyển dụng GV ở Trường và Khoa được thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy trình và quy định tuyển dụng của Nhà nước. Các tiêu chí cụ thể về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, đạo đức nghề nghiệp và năng lực nghiên cứu, khả năng phát triển chuyên môn, các ứng viên có bằng TS được ưu tiên tuyển dụng **[H6.06.03.01]**, **[H6.06.03.02]**. Tuy nhiên, các tiêu chí chung của Trường về tuyển dụng GV đôi khi chưa thực sự phù hợp với đặc thù và định hướng phát triển của ngành KHHH **[H6.06.03.02]**. Để đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành đào tạo KHHH trong tương lai dài hạn: (i) tiếp tục nâng cao chất lượng và phát triển quy mô đào tạo ngành KHHH; (ii) tập trung đầu tư về chất lượng cho các lớp của ngành KHHH mà Khoa KTGT bắt đầu mở lớp đào tạo từ năm học 2019-2023. Khoa KTGT cần xây dựng các tiêu chí riêng, đặc thù cho việc tuyển dụng GV ngành KHHH để phù hợp với định hướng phát triển ngành đào tạo KHHH.

Số lượng tuyển dụng được đề xuất từ các BM chuyên ngành và khoa. Sau đó Trường công bố công khai bằng công văn, trên cổng thông tin điện tử và niêm yết tại Phòng TCNS. Quy trình tuyển dụng theo quy định bao gồm các bước cụ thể như sau: (i) trên cơ sở quy hoạch, Phòng TCNS phối hợp cùng các đơn vị xác định số lượng nhân sự cần bổ sung để đề xuất chỉ tiêu tuyển dụng, xác định các điều kiện dự tuyển, thời gian tuyển dụng trình Hiệu trưởng phê duyệt quy trình; (ii) căn cứ trên phê duyệt của Hiệu

trường, Phòng TCNS thông báo tuyển dụng trên các phương tiện đại chúng, cổng thông tin điện tử của Trường, và tiếp nhận hồ sơ; (iii) Phòng TCNS tổ chức sơ tuyển; (iv) tổ chức tuyển dụng (thi tuyển kết hợp xét tuyển); (v) thông báo kết quả tuyển dụng; (vi) phê duyệt kết quả tuyển dụng; (vii) ký hợp đồng; (viii) thực hiện quy định tập sự [H6.06.03.03]. Các ứng viên đăng ký vị trí GV của Trường phải đảm bảo các quy định chung quy định tại Điều 22 của Luật Viên chức năm 2010 [H6.06.03.04], Điều 4 của Nghị định 29/2012/NĐ-CP [H6.06.03.05] và Điều 5 Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT [H6.06.03.06]. Bên cạnh đó, các tiêu chuẩn về phẩm chất, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp được thông tin rõ ràng, chi tiết trong các Thông báo tuyển dụng [H6.06.03.02]. Sau mỗi đợt tuyển dụng, Phòng TCNS sẽ công khai kết quả tuyển dụng được công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường và được gửi đến khoa, BM liên quan. Ứng viên sau khi trúng tuyển phải trải qua thời gian tập sự theo quy định (đối với ngạch GV là 1 năm). Kết thúc thời gian tập sự, khoa và BM sẽ tiến hành đánh giá nội dung tập sự thông qua đề cương. Khi ứng viên đạt được các yêu cầu của quy định Trường, giảng tập sự sẽ được chính thức bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp [H6.06.03.03] [H6.06.03.07].

2. Điểm mạnh

Quy trình tuyển dụng GV và CB của Trường ĐHNT được công khai, minh bạch và thực hiện đúng quy định của pháp luật Nhà nước. Bên cạnh đó, các ứng viên có học vị Tiến sĩ được ưu tiên trong quá trình tuyển dụng.

3. Điểm tồn tại

Đội ngũ giảng dạy của một số ngành trong khoa Khoa KTGT còn thiếu về số lượng chưa đáp ứng với quy mô đào tạo cũng như số lượng SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xem xét xây dựng và đề xuất lên Trường một số tiêu chí tuyển dụng riêng biệt, đặc thù dựa trên yêu cầu phát triển ngành KHHH.	Khoa KTGT	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Sử dụng thêm mạng xã hội làm phương tiện phổ biến, công khai các thông báo tuyển dụng đến ứng viên.	Phòng CNTT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV của Trường, Khoa được thực hiện dưới nhiều hình thức, nhiều văn bản và nhiều đơn vị chức năng khác nhau. Cụ thể, các tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ được thể hiện ở các khía cạnh như: (i) trình độ (PGS/GS, TS, ThS), các loại văn bằng, chứng chỉ hỗ trợ giảng dạy (ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ sư phạm...); (ii) chức danh nghề nghiệp; (iii) các công trình khoa học đã công bố [H6.06.04.01]; và (iv) các kết quả khảo sát đánh giá HĐGD của GV hằng năm [H6.06.04.02], [H6.06.04.03].

Bảng 6.3. Thống kê về chức danh nghề nghiệp đội ngũ GV của Khoa KTGT giai đoạn 2020-2024

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	2023	2024
GV cao cấp	1	1	2	2	4
GV chính	3	4	6	7	6
GV	16	16	13	16	20
Tổng số GV	20	21	21	25	30

Kết quả **Bảng 6.1** và **Bảng 6.3** cho thấy trình độ (PGS/GS, TS, ThS) của đội ngũ GV của Khoa KTGT và BM KHHH đã được cải thiện qua thời gian trong suốt giai đoạn 2020 - 2024. Hiện tại, đa số GV tham gia giảng dạy của CTĐT ngành KHHH đều có trình độ SĐH, tốt nghiệp ở các trường ĐH lớn trong nước và nước ngoài và đều đã tham gia các lớp tập huấn về PPGD ĐH, phương pháp NCKH và đạt chuẩn chức danh giảng dạy ở bậc ĐH [H6.06.02.02].

Trường và Khoa định kỳ sẽ tiến hành khảo sát lấy ý kiến của NH để đánh giá hoạt động của GV. **Bảng 6.4** trình bày kết quả NH đánh giá GV của Khoa KTGT trong 5 HK gần đây. Kết quả cho thấy, đội ngũ GV của Khoa KTGT đáp ứng khá tốt với yêu cầu đào tạo và đang dần được cải thiện qua từng HK [H6.06.04.03].

Bảng 6.4. Kết quả lấy ý kiến NH về HĐGD của GV Khoa Kỹ thuật Giao thông so kết quả chung của GV toàn trường trong 5 HK gần nhất

Chỉ tiêu	HKI/ NH2019- 2020	HKII/ NH2020- 2021	HKI/ NH2021- 2022	HKII/ NH2022- 2023	HKI/ NH2023- 2024	HKI/ NH2023- 2024
Thang điểm A - A+						
Khoa KTGT	74,29%	73,33%	92,11%	93,02%	100%	95,24%
Toàn trường	93,43%	82,39%	94,5%	94,87%	99,5%	98,66%
Thang điểm C - A-						
Khoa KTGT	25,71%	26,67%	7,89%	6,98%	0%	4,76%
Toàn trường	6,57%	17,61%	5,5%	5,13%	0,5%	1,33%

GV được đánh giá với các tiêu chí rõ ràng về khối lượng, chất lượng giảng dạy, kết quả NCKH và PVCD **[H6.06.04.01]** để phân thành các mức bao gồm: (i) không hoàn thành nhiệm vụ; (ii) hoàn thành nhiệm vụ; (iii) hoàn thành tốt nhiệm vụ; và (iv) hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Việc đánh giá này sẽ diễn ra với mỗi GV ở ba cấp là tổ BM, Khoa KTGT và trường. Trong giai đoạn 2019-2023 chỉ có 01 trường hợp của khoa không đạt mức hoàn thành nhiệm vụ là do: không hoàn thành NCS **[H6.06.04.04]**, **[H6.06.04.05]**. Các GV sẽ được bình chọn các danh hiệu thi đua gồm lao động tiên tiến và chiến sĩ thi đua khi hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, các tiêu chí dùng để đánh giá, phân loại và khen thưởng GV hiện mới thực sự chú trọng đến HĐGD và NCKH **[H6.06.04.05]**. Hoạt động PVCD vẫn chưa thực sự được chú trọng và lượng hóa chi tiết để làm tiêu chí đánh giá, xếp loại GV.

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ GV được xác định và được đánh giá thường xuyên hằng năm, với quy trình rõ ràng và có tham khảo ý kiến của các BLQ. Đội ngũ GV Khoa KTGT có đủ năng lực để tổ chức triển khai CTĐT của ngành KHHH một cách đầy đủ và hiệu quả, trong đó đội ngũ GV có trình độ PGS và TS liên tục gia tăng trong những năm gần đây.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một số tiêu chí đánh giá chưa đo lường được, còn chung chung. Điều này mô hình chung chưa là động lực thúc đẩy GV phấn đấu, nhất là tiêu chí liên quan đến các hoạt động gắn kết và PVCĐ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Lượng hóa các hoạt động PVCĐ làm cơ sở để đánh giá xếp loại VC.	Khoa KTGT	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đa dạng hóa các kênh đánh giá, xếp loại VC.	Khoa KTGT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Trên cơ sở kết quả phân tích bối cảnh kinh tế xã hội và thực trạng phát triển của Trường ĐHNT với kỹ thuật [H6.06.01.01], Trường đã xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ GV đến năm 2025 với các chỉ tiêu về nhu cầu nhân lực cụ thể như: (i) mỗi ngành đào tạo phải có 2-3 chuyên gia đầu đàn làm hạt nhân để củng cố, phát triển đội ngũ GV; và (ii) tỉ lệ TS/GV đạt 40% và PGS, GS/TS đạt 20% [H6.06.01.01]. Từ đó, Trường đã xác định nhu cầu để thực hiện quy hoạch về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV qua từng giai đoạn [H6.06.05.01].

Đề án công tác nhiệm kỳ 2019-2023 của khoa KTGT, trên cơ sở chiến lược phát triển đội ngũ và quy hoạch về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV của Trường. Khoa KTGT xác định rõ yêu cầu cấp thiết về phát triển chuyên môn của đội ngũ GV lên trình độ TS, PGS/GS đáp ứng xu thế mở rộng quy mô của Trường, hội nhập quốc tế và đào tạo trình độ TS ngành KHHH tại Khoa. Đề án đã xây dựng kế hoạch hằng năm về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, đặc biệt là phát triển lên trình

độ TS, PGS/GS [H6.06.01.03]. Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV và kế hoạch thực hiện của Khoa KTGT cũng được phân tích, đánh giá, thảo luận, bổ sung, cập nhật theo yêu cầu thực tiễn của CTĐT qua báo cáo tổng kết năm học và phương hướng hoạt động của khoa trong năm học mới [H6.06.01.04]. Trên cơ sở đó, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm sẽ được thiết kế theo quy trình và quy định của Trường về công tác đào tạo bồi dưỡng [H6.06.05.02]. Vào đầu mỗi năm học, Trường có kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng cho CBVC chung cho toàn trường [H6.06.05.02].

Trường và Khoa KTGT đã có nhiều hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ GV nhằm đáp ứng hiệu quả những yêu cầu đặt ra đối với CTĐT ngành KHHH trong suốt những năm qua. Thể hiện dưới nhiều hình thức như: đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ GV mới, khuyến khích và tạo mọi điều kiện cho GV học tập nâng cao trình độ chuyên môn ở trong và ngoài nước. Điều này được thể hiện rõ với 100% GV của Khoa KTGT đều có trình độ SDH, trong đó có 2 PGS, 9 TS, 14 ThS và 01 NCS hiện đang học trong nước và nước ngoài vào năm 2023 [H6.06.02.02], [H6.06.05.03].

NCKH và tham gia các hoạt động thực tế sản xuất nhằm giúp phát triển năng lực của GV nhằm phát triển trình độ GV lên PGS/GS và TS luôn được Trường và Khoa chú trọng và quan tâm [H6.06.05.04]. GV trong Khoa luôn được khuyến khích và tạo điều kiện để tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng viết đề cương nghiên cứu, viết bài báo khoa học, các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (cho GV hạng 1, 2 và 3). Các lớp bồi dưỡng kỹ năng giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh và giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành cho CBVC do Trường tổ chức luôn có sự tham gia đông đủ của GV trong khoa. Hằng năm, Khoa KTGT thường khuyến khích các GV trẻ đi thực tế tại các cơ sở sản xuất, tham dự các hội thảo khoa học ở trong nước và quốc tế để nâng cao chất lượng các bài giảng, các nghiên cứu của mỗi GV. Từ đó nâng cao chất lượng đào tạo ngành KHHH [H6.06.05.05]. Kết quả phân tích từ **Bảng 6.5** cho thấy trong suốt giai đoạn 2019-2023, Khoa KTGT GV, NCV được đào tạo và bồi dưỡng phát triển chuyên môn theo kế hoạch hàng năm [H6.06.01.03] [H6.06.01.04].

Bảng 6. 5. Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV Khoa KTGT

Tiêu chí	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Kế hoạch						
TS	0	1	0	0	1	0
Bồi dưỡng lý luận chính trị	0	0	1	3	1	1
Bồi dưỡng chuyên môn	5	5	5	5	5	14

Bên cạnh đó, GV có trình độ chuyên môn cao luôn được Trường và Khoa KTGT cũng khuyến khích tham gia đào tạo, hỗ trợ cho các GV trẻ tập sự thông qua các quy định về công tác trợ giảng [H6.06.05.06] dựa trên khảo sát đào tạo, bồi dưỡng thông qua kênh GV [H6.06.05.06]. Ngoài ra, Khoa cũng đã luôn khuyến khích và tạo điều kiện để GV trẻ được nâng cao năng lực thông qua việc tham gia các đề tài, dự án của các GV có kinh nghiệm, học hàm và học vị cao [H6.06.05.07]. Vì thế, năng lực của đội ngũ GV trong Khoa KTGT cũng được nâng lên hàng năm, thể hiện cụ thể: số lượng GV tham gia các công bố trên các tạp chí khoa học trong nước và tạp chí khoa học quốc tế gia tăng với số lượt GV của khoa tham gia xuất bản trên các tạp chí quốc tế uy tín [H6.06.05.07].

Mặc dù thế lãnh đạo khoa KTGT cũng luôn quan điểm rằng, để đáp ứng nhu cầu về phát triển đội ngũ, quy trình giám sát việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tại Trường được thiết kết chặt chẽ. Cụ thể, trong quá trình được cử đi học ThS, TS trong và ngoài nước, các CBVC phải thực hiện việc gửi báo cáo tiến độ định kỳ 6 tháng/lần về đơn vị quản lý trực tiếp và Phòng TCNS. Bên cạnh đó, Trường còn tổ chức các buổi gặp gỡ các CBVC đi học bị quá hạn để cùng trao đổi, tìm hướng tháo gỡ khó khăn [H6.06.05.08]. Trong giai đoạn 2019-2023, có 01 GV trong Khoa chưa thực hiện đúng kế hoạch học tập nâng cao trình độ đã được đôn đốc, nhắc nhở và đã có giải trình, kế hoạch khắc phục. Hàng năm, kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, NCV được giám sát, đánh giá và báo cáo ở Hội nghị CBVC của cả Khoa KTGT [H6.06.05.09] và Trường.

2. Điểm mạnh

Các văn bản về chính sách và quy hoạch đào tạo và phát triển đội ngũ chuyên môn đã được Trường và Khoa công khai minh bạch và rõ ràng. Các GV được hỗ trợ, tạo điều kiện để hoàn thành và phát triển chuyên môn theo đúng thời gian và chuyên môn của các ngành.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Khoa và BM đã tiến hành khảo sát đánh giá đào tạo, bồi dưỡng nhằm đảm bảo sự phù hợp của CTĐT ngành KHHH nhưng chưa thực hiện khảo sát chính thức ý kiến đánh giá, phản hồi của các GV về tính phù hợp và hiệu quả của các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đối với công tác chuyên môn của bản thân và của Khoa, của CTĐT ngành KHHH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khảo sát chính thức ý kiến đánh giá, phản hồi của các GV về tính phù hợp và hiệu quả của các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đối với công tác chuyên môn của bản thân và của Khoa, của CTĐT ngành KHHH.	Khoa KTGT; Phòng TCNS	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tạo điều kiện cho VC tham gia các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.	Khoa KTGT; Phòng TCNS	Hằng năm	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Mỗi GV của trường được giao định mức giảng dạy, NCKH và PVCĐ [H6.06.06.01]. Trước khi ban hành các tiêu chí, nhà Trường luôn gửi văn bản lấy ý kiến từ tất cả GV và NCV [H6.06.06.02]. Định mức đánh giá kết quả công việc của GV định kỳ được rà soát, cập nhật và điều chỉnh để phù hợp với thực tiễn công việc [H6.06.06.01].

Các quy định chi tiết về việc tổ chức, triển khai và đánh giá hiệu quả HĐGD của GV giúp phân loại được kết quả công việc được Trường công khai minh bạch và rõ ràng [H6.06.06.03]. Theo quy định việc đánh giá GV và người lao động được chia làm hai bước gồm có: (i) phân loại lao động theo các mức không hoàn thành/hoàn thành/hoàn thành tốt/hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; (ii) trên cơ sở kết quả phân loại lao động để suy tôn danh hiệu [H6.06.06.04]. GV và người lao động khi nhận danh hiệu thì đưa cũng được nhận khen thưởng về vật chất và đây là điều kiện để xét tăng lương trước thời hạn.

Hàng năm, việc đánh giá, phân loại thi đua và khen thưởng dựa trên cơ sở kết quả công việc. Điều này giúp GV có ý thức phấn đấu, trách nhiệm hơn trong việc cố gắng hoàn thành tốt ba nhiệm vụ của GV. Kết quả phân loại lao động và bình xét danh hiệu thi đua hằng năm của Khoa KTGT trong 5 năm gần đây đều đạt trên 95% GV hoàn thành tốt nhiệm vụ, 80% đạt danh hiệu lao động tiên tiến trở lên **[H6.06.06.05]**.

Trường luôn có chính sách khuyến khích NCKH bằng hình thức thưởng tiền cho các tác giả là CBVC của Trường có công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín (ISI/Scopus). Ngoài ra các công trình khoa học còn được quy đổi tính giờ NCKH cho các GV kết nối hợp tác KHCN với Trường. Nhà trường cũng như hỗ trợ một phần công tác phí cho các hoạt động tham dự Hội nghị, Hội thảo ở trong và ngoài nước **[H6.06.01.06]**. Cũng như các hoạt động khác, hoạt động NCKH và PVCD được định kỳ được rà soát, cập nhật, điều chỉnh để phù hợp để tạo động cơ khuyến khích GV làm việc tốt hơn. Một minh chứng cụ thể, tiền thưởng cho các tác giả là CBVC của Trường có công bố trên các tạp chí SSCI/SCIE hạng Q1 (mức xếp hạng theo Scimago) đã được tăng lên 40 triệu đồng vào năm 2020 trong khi theo quy định năm 2018 thì được thưởng 30 triệu đồng và không phân hạng tạp chí SSCI/SCIE theo thông lệ quốc tế **[H6.06.06.01]**. Bên cạnh đó, bắt đầu từ năm 2018, Trường đã có quy định về hoạt động PVCD và thực hiện kê khai về PVCD để đánh giá nhiệm vụ của GV, BM và đơn vị hàng năm.

GV có thành tích xuất sắc sẽ được đề xuất để đạt các danh hiệu khen thưởng cao hơn: Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, Bằng khen Chính phủ, Huân chương Lao động (hạng nhất, nhì, ba) và các danh hiệu cao quý khác như nhà giáo ưu tú, nhà giáo nhân dân. Danh hiệu thi đua các cấp là một trong những căn cứ để xét việc nâng lương trước thời hạn cho CB, GV **[H6.06.06.06]**. Năm học 2019 - 2020, tập thể Khoa KTGT được nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và nhiều GV được nhận bằng khen các cấp **[H6.06.06.07]**. Trong nhiệm kỳ trưởng khoa 2019-2023 trong Khoa KTGT không có đơn từ khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho các GV **[H6.06.06.08]**.

2. Điểm mạnh

Việc phân loại lao động và bình xét danh hiệu thi đua được thực hiện theo quy trình chặt chẽ và minh bạch. Các quy định tổ chức, triển khai và đánh giá hiệu quả HĐGD của GV giúp phân loại được kết quả công việc của GV. Các hình thức khen

thường, nâng lương trước thời hạn tạo động lực cho GV, NCV trong giảng dạy và NCKH rõ ràng và có tính phân loại tốt.

3. Điểm tồn tại

Hiện có quy định và quy trình đánh giá phân loại GV và NCV, tuy nhiên Trường chưa có khảo sát chính thức ý kiến GV, NCV về việc có thực sự đồng ý, hài lòng với việc quản trị theo kết quả công việc.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Phòng TCNS xây dựng, triển khai khảo sát, lấy ý kiến GV và NCV về sự hài lòng với việc quản trị theo kết quả công việc của GV.	Phòng TCNS	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì chính sách khen thưởng đối với VC và NLĐ được xếp loại LĐTT trở lên.	Phòng TCNS	Hằng năm	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

QĐ số 403/QĐ-ĐHNT ngày 24/4/2015 quy định về hoạt động KHCN. Hoạt động NCKH của GV và NCV được thực hiện theo quy định trên. Cụ thể, hoạt động KHCN được xác lập với 10 hoạt động cụ thể hướng tới phát triển, cải tiến kỹ thuật và nâng cao hoạt động NCKH cho GV, NH và PVCĐ [H6.06.07.01].

GV bên cạnh việc giảng dạy thì phải hoàn thành các khối lượng giờ NCKH theo quy định của Trường. Hoạt động NCKH bao gồm các hoạt động: thực hiện đề tài, dự án các cấp, viết bài báo, hướng dẫn NH NCKH, tham gia các hội thảo khoa học trong và ngoài nước, tham gia các seminar học thuật, tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên đề về NCKH, phản biện bài báo khoa học [H6.06.01.06]. Số giờ NCKH quy đổi cho từng hoạt

động này được quy định hiện tại Quy chế chi tiêu nội bộ và các điều chỉnh của Trường **[H6.06.06.01]**. Khối lượng giờ NCKH và các hoạt động NCKH của từng GV được Phòng KHCN thống kê và xác định rõ ràng, Phòng ĐBCL&KT giám sát và đánh giá tổng kết vào cuối mỗi năm học và công bố trên phần mềm quản lý đào tạo của Trường. Trong giai đoạn 2019-2023, phần lớn các GV của Khoa đều vượt số giờ NCKH theo quy định. Dù vậy, một vài GV ở trình độ ThS vẫn còn thiếu giờ NCKH dù mức độ thiếu không nhiều. Chỉ có 01 trường hợp bị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ do thiếu nhiều giờ NCKH trong suốt giai đoạn đánh giá **[H6.06.07.02]**, **[H6.06.06.05]**.

Có nhiều đợt xét duyệt đề tài các cấp được thực hiện trong một năm của nhà Trường, các bước tiến hành gồm: (i) GV đăng ký đề tài NCKH với tổ BM theo thông báo về đăng ký danh mục đề tài NCKH của Phòng KHCN; (ii) Khoa KTGT ra QĐ tổ chức các hội đồng khoa học độc lập để xét duyệt các đề tài trên cơ sở bản thuyết minh của đề tài của chủ nhiệm đề tài; (iii) Phòng KHCN thẩm tra các đề tài đề xuất của Khoa KTGT trước khi báo cáo Trường; (iv) lãnh đạo Trường ra QĐ giao đề tài trên cơ sở kết quả xét duyệt của Hội đồng Khoa học và đào tạo Trường **[H6.06.07.03]**.

Trong nhiều năm học gần đây, hoạt động NCKH của Khoa KTGT được giám sát chặt chẽ phân cấp từ tổ BM, Khoa và Phòng KHCN quản lý ở cấp trường. Hoạt động này được chú trọng từ khâu nắm bắt, đề xuất ý tưởng và nhu cầu từ thực tiễn, DN, cho đến việc tham gia tuyển chọn, viết thuyết minh và triển khai thực hiện đề tài, nhiệm vụ KHCN. Việc quản lý hoạt động KHCN của khoa được thể hiện trong các báo cáo kế hoạch và kết quả thực hiện hàng tháng, hằng năm của Khoa KTGT và Trường. Các kết quả NCKH cũng được thống kê hằng năm để lưu trữ, công bố trên web của Khoa, Trường và để truyền thông, cũng như làm cơ sở để tổ BM, Khoa đánh giá thi đua hằng năm và cải tiến chất lượng hoạt động NCKH và được Phòng KHCN giám sát, ghi nhận, tổng hợp, lưu trữ và đánh giá hằng năm **[H6.06.07.04]**. Bên cạnh đó, để khuyến khích CBVC của Trường có công bố trên các tạp chí SSCI/SCIE hạng Q1 (mức xếp hạng theo Scimago), mức thưởng cho 01 bài báo hạng Q1 đã được tăng lên 40 triệu đồng vào năm 2020 trong khi theo quy định năm 2018 thì chỉ thưởng 30 triệu đồng và không phân hạng tạp chí SSCI/SCIE theo thông lệ quốc tế **[H6.06.06.01]**.

Trong giai đoạn 2019-2023 cho thấy Khoa KTGT đã có nỗ lực đáng ghi nhận trong lĩnh vực NCKH nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và góp phần quảng bá hình ảnh của Khoa **[H6.06.07.04]**. Với số lượng GV là 25, trong 5 năm gần đây (2019-2023) các GV

của Khoa KTGT đã xuất bản hàng trăm bài báo quốc tế uy tín (ISI/Scopus). Trong Khoa KTGT, BM KHHH, BM đảm nhiệm dạy các HP chuyên ngành chính của ngành KHHH, có số lượng bài báo bình quân/GV lớn hơn mức bình quân chung của toàn Khoa trong giai đoạn 2019-2023 ở tất cả các loại báo khoa học... Ngoài ra, Khoa KTGT cũng đã rất nỗ lực chủ trì thực hiện đề tài các cấp, tiêu biểu là đã hoàn thành 01 đề tài Nafosted và 01 đề tài cấp Bộ **[H6.06.07.05]**. Đồng thời, đội ngũ GV của Khoa còn tham gia trong nhiều đề tài các cấp cũng như tham gia viết sách, giáo trình phục vụ giảng dạy. Các hoạt động này được Phòng KHCN thống kê, giám sát và đánh giá hoạt động NCKH & PVCĐ của các GV hằng năm **[H6.06.07.04]**. Ngoài ra hàng năm khoa KTGT cũng tổ chức các hội thảo có sự kết hợp với các đơn vị trong và ngoài trường **[H6.06.07.06]**.

Như vậy, thông qua hoạt động giám sát, đánh giá chặt chẽ của BM, Khoa và Trường, thành tích về NCKH của các GV trong giai đoạn 2019-2023 là tương đối tốt. Dù vậy, các hoạt động KHCN của Khoa hiện vẫn chủ yếu tập trung vào một số nhóm nghiên cứu của các GV giàu kinh nghiệm và học hàm, học vị cao, thường liên quan nhiều đến các vấn đề đơn ngành. Một số GV có trình độ ThS của Khoa do chưa có nhiều uy tín, kinh nghiệm và hướng nghiên cứu mới nên thường rất khó đầu thầu thành công đề tài các cấp. Nhằm tạo điều kiện cho các GV trẻ của khoa tìm kiếm các hướng nghiên cứu mới, đa dạng và gắn kết các nhóm nghiên cứu ở trong và ngoài khoa, Khoa KTGT đã tham gia tổ chức các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế và gần đây đã tổ chức 01 hội thảo khoa học của 3 trường tại Nha Trang vào tháng 11/2021.

2. Điểm mạnh

Số lượng bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín luôn đạt hoặc vượt chỉ tiêu mà Khoa KTGT đăng ký nhiệm vụ hàng năm. Bên cạnh đó, các hoạt động NCKH của GV trong Khoa ngày càng đa dạng và chất lượng luôn được nâng cao.

3. Điểm tồn tại

Trong một số năm học từ năm 2019 đến 2023 vẫn còn một vài GV thiếu giờ NCKH khi đối chiếu với quy định của nhà Trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khuyến khích GV (đặc biệt GV trẻ) tham gia hướng dẫn NH NCKH, tham gia các nhóm nghiên cứu, tích cực tham gia các hội thảo chuyên môn để tìm kiếm các hướng nghiên cứu mới.	Khoa KTGT	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì chính sách khen thưởng đối với VC có các bài báo chất lượng.	Phòng TCNS	Hằng năm	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Trường và Khoa KTGT luôn chú trọng đến quy hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ GV để đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD trong giai đoạn 2019-2023 với tầm nhìn dài hạn. Quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm được quy định và thực hiện rõ ràng, công khai, minh bạch theo đúng quy định. Khối lượng giảng dạy và NCKH của đội ngũ GV được đo lường và giám sát chặt chẽ. Tỷ lệ NH/GV của CTĐT ngành KHHH đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT. Đội ngũ GV cơ hữu được quy hoạch và được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp. Đặc biệt, đội ngũ PGS, TS được đào tạo liên tục và phát triển nhanh, đảm bảo đủ năng lực để tổ chức triển khai CTĐT của ngành KHHH trình độ ĐH cách có chất lượng. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV thông qua các hình thức thi đua khen thưởng, nâng lương được triển khai để tạo động lực làm việc. Kết quả cho thấy hoạt động NCKH của Khoa ngày càng được chú trọng, đặc biệt các bài báo khoa học công bố trên các tạp chí khoa học uy tín ở trong và ngoài nước của các GV trong Khoa ngày càng tăng và có bước phát triển bền vững.

Tuy nhiên, việc đo lường và giám sát một số hoạt động PVCD của GV chưa sát với thực tế. Một vài tiêu chí đánh giá chưa là động lực thúc đẩy GV thực sự phấn đấu, nhất là tiêu chí liên quan đến các hoạt động gắn kết và PVCD. Trường chưa có khảo sát

chính thức ý kiến GV, NCV về việc có thực sự đồng ý, hài lòng với việc quản trị theo kết quả công việc của GV hằng năm. Chưa thực hiện khảo sát chính thức ý kiến đánh giá, phản hồi của các GV về tính phù hợp và hiệu quả của các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đối với công tác chuyên môn của bản thân và của Khoa, của CTĐT ngành KHHH. Khoa KTGT chưa xây dựng các tiêu chí riêng, đặc thù cho việc tuyển dụng GV ngành KHHH để phù hợp với định hướng phát triển ngành KHHH.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 7/7.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ NV ở các đơn vị được quy hoạch một cách hợp lý tùy theo nhu cầu của đơn vị qua từng thời kỳ và phù hợp với chiến lược phát triển chung của nhà trường. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn CB công NV xác định và phổ biến công khai, việc tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân sự được lấy ý kiến của tập thể trước khi QĐ cuối cùng được đưa ra. Năng lực của đội ngũ NV được đánh giá một cách công khai và minh bạch dựa trên những tiêu chuẩn chung của nhà trường và tiêu chuẩn riêng của đơn vị. Các nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV được xác định rõ ràng từ ban đầu thông qua sự đánh giá của VC quản lý và nguyện vọng của tập thể cũng như nguyện vọng riêng của từng cá nhân. Việc quản trị theo kết quả công việc của NV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã ban hành CLPT Trường ĐHNT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, trong đó xác định số lượng VC quản lý là 183 người và VC phục vụ, dịch vụ là 189 người (đến năm 2025) [H7.07.01.01]. Năm 2023, căn cứ Kế hoạch CLPT Trường ĐHNT giai đoạn 2030, tầm nhìn đến năm 2045 [H7.07.01.02], Nhà trường đã xây dựng và ban hành Đề án về công tác phát triển đội ngũ giai đoạn 2021-2025 nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD, theo đó, Nhà trường đã xác định mục tiêu đến năm 2025 là: “*duy trì ổn định số lượng VC của Nhà trường không quá 900 người, đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa VC hành chính với GV, NCV theo tỷ lệ 1:4*” [H7.07.01.03]. Năm

2015, Nhà Trường có xây dựng Đề án vị trí việc làm (đã trình Bộ chủ quản nhưng chưa ban hành chính thức), trong đó có xác định 84 vị trí việc làm gắn với công tác hỗ trợ phục vụ với số người làm việc gắn với công việc hỗ trợ phục vụ là 196 người, có mô tả năng lực cần có đối với các vị trí cần thiết **[H7.07.01.04]**. Hiện tại, Nhà trường đã ban hành Đề án vị trí việc làm năm 2023 cho phù hợp với nhu cầu phát triển mới của Trường, để đào tạo cho số SV dự báo năm 2030 là 30.000 SV với số lượng đội ngũ NV tăng lên 185 người năm 2025 và 220 người năm 2030 **[H7.07.01.05]**.

Nhà trường có các chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV làm việc tại các đơn vị dịch vụ, hỗ trợ, được thể hiện trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường **[H7.07.01.06]**. Cụ thể: (i) NV được hỗ trợ phụ cấp công vụ bằng 25% lương cộng phụ cấp chức vụ; (ii) NV trẻ, có mức thu nhập dưới 6.000.000đ/tháng sẽ được Trường hỗ trợ thêm cho đủ 6.000.000 đ/tháng; (iii) được thưởng phụ cấp tăng thêm cuối năm (lương tháng 13) như đội ngũ GV; (iiii) NV các đơn vị (Phòng KH-TC, Phòng TC-NS, Phòng CTCT&SV, Phòng Hợp tác quốc tế) được cử đi giao định với các cơ quan, đơn vị trong nội thành Nha Trang được hỗ trợ từ 200.000đ-500.000đ/tháng tùy thuộc vào công việc chuyên môn; (iiiii) được hỗ trợ về thủ tục hành chính và kinh phí để tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ như thăng hạng chức danh nghề nghiệp (chuyên viên, chuyên viên chính). Ngoài ra, chính sách thu hút tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV còn được đưa ra trong các thông báo tuyển dụng hằng năm của Trường. Các chính sách này vừa cụ thể, vừa đa dạng, phù hợp với các đối tượng khác nhau cần tuyển.

Việc quy hoạch đội ngũ NV làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống thông tin và các dịch vụ hỗ trợ theo đúng chuyên môn, năng lực đáp ứng được mục tiêu đào tạo, NCKH và PVCĐ đã được Nhà trường nhận định trong CLPT Trường và đề án vị trí việc làm của Trường. Kế hoạch tuyển dụng CB hợp đồng lao động tạo nguồn cũng được Trường thông báo đến các đơn vị trực thuộc để đăng ký số lượng, chỉ tiêu tuyển dụng. Sau khi các đơn vị đề xuất số lượng chỉ tiêu tuyển dụng, Nhà trường tiến hành xem xét nhu cầu công tác của từng đơn vị, đồng thời dựa trên kế hoạch CLPT để trình Hội đồng trường phê duyệt số lượng chỉ tiêu tuyển dụng và thông báo đến các đơn vị bằng văn bản **[H7.07.01.07]**.

Hiện tại, Trường có 18 phòng ban và các trung tâm phục vụ, với sự phân bố số lượng NV phù hợp dựa trên quy hoạch, tạo điều kiện thuận lợi cho nhu cầu sử dụng của Trường. Tính đến thời điểm 31/10/2023, toàn Trường có 658 CBVC, trong đó khối hành chính có 198 CBVC (bao gồm 173 VC quản lý, hành chính và 25 NV hợp đồng phục vụ), chiếm 30,1%. Số VC quản lý, hành chính có trình độ tiến sĩ có 15 người (7,6%), ThS 68 người

(34,3%), ĐH 53 người (26,8%), cao đẳng 02 người (1,0%) và trung cấp 09 người (4,5%). Số lượng NV hiện tại của Trường đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD [H7.07.01.08].

Hàng năm, Nhà trường có thực hiện khảo sát NH về thái độ phục vụ của CB, VC hành chính thông qua hoạt động khảo sát SV năm cuối về chất lượng khóa học. Kết quả khảo sát SV năm cuối năm 2022 cho thấy có 78,49% số SV được hỏi hài lòng với thái độ phục vụ của CB, VC hành chính, tuy nhiên vẫn còn 4,73% SV được hỏi chưa thật sự hài lòng về thái độ phục vụ của CB, VC hành chính [H7.07.01.09]. Nhà trường triển khai lấy ý kiến phản hồi của GV đối với đội ngũ VC hành chính, phục vụ [H7.07.01.10].

Khoa KTGT có 25 GV, chuyên viên với chuyên ngành kỹ năng giảng dạy và đạo đức nghề nghiệp tốt, có nhiều thành tích trong NCKH, có kinh nghiệm thực tế, luôn trao đổi chuyên môn học thuật với các nhà khoa học trong nước và quốc tế, giao lưu và học hỏi kinh nghiệm thực tiễn nghề nghiệp từ các DN [H6.06.02.02].

Đội ngũ NV hỗ trợ trực tiếp tại Khoa KTGT đáp ứng được yêu cầu phát triển của Khoa/Viện và CTĐT, hiện tại khoa có 01 NV là thư ký Khoa, phụ trách các công việc theo chức trách và nhiệm vụ của Thư ký. Ngoài ra, công việc của Khoa còn nhận được sự hỗ trợ đặc biệt của các NV hỗ trợ từ các đơn vị khác như Phòng ĐTĐH, Phòng CTCT&SV, Phòng TC-NS, Phòng ĐBCL&KT, viện nghiên cứu chế tạo tàu thủy để hỗ trợ các nhu cầu khác của SV đối với CTĐT ... Kết quả khảo sát về chất lượng khóa học năm 2022 của SV năm cuối ngành KHHH cho thấy SV rất hài lòng về đội ngũ quản lý và phục vụ đào tạo (đạt số điểm 4,27/5) [H7.07.01.09].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có triển khai thực hiện việc quy hoạch đội ngũ NV thông qua việc phân tích về số lượng đội ngũ làm việc hiện tại và có dự kiến số lượng cho thời gian tới trong Kế hoạch CLPT Trường đến năm 2020, tầm nhìn 2030; CLPT Trường đến năm 2030, tầm nhìn 2045 và Đề án công tác phát triển đội ngũ giai đoạn 2021-2025 nhằm đáp ứng định hướng phát triển của Trường và Khoa/Viện.

- Có chính sách và thực hiện tuyển dụng bổ sung đội ngũ NV hỗ trợ hằng năm.

- Đội ngũ NV có trình độ ThS, CVC ngày càng nhiều; đã huy động được một số GV kiêm nhiệm công tác hành chính làm gia tăng chất lượng của các đơn vị quản lý, phục vụ.

3. Điểm tồn tại

Đội ngũ NV hỗ trợ trực tiếp tại khoa mới chỉ có 01 thư ký khoa nên đôi khi chưa hỗ trợ kịp thời cho NH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường sự hỗ trợ của GV và các NV phòng ban đối với SV.	Khoa KTGT; BM KHHH	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện và có các chính sách tuyển dụng, đãi ngộ, khen thưởng và bồi dưỡng chuyên môn phù hợp và xứng đáng cho đội ngũ NV hỗ trợ. Thường xuyên cập nhật số liệu nhu cầu nhân lực theo tình hình thực tế để đáp ứng kịp với sự thay đổi của nhà trường dựa trên chiến lược phát triển số lượng SV của ngành KHHH, thể hiện rõ mục tiêu về sự phát triển của BM trong thời gian tới.	Khoa KTGT; BM KHHH	Từ năm học 2024 - 2025	

5. Tự đánh giá

Đạt: (Điểm TĐG: 5/7 điểm).

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHNT và Khoa KTGT rất chú trọng đến công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ NV nhằm đạt được sự hỗ trợ tốt nhất cho công tác đào tạo, NCKH và PVCD. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được Nhà trường xác định rõ ràng, minh bạch thông qua Quy định tuyển dụng, tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp VC tại Trường ĐHNT và Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm VC giữ chức vụ quản lý là Trưởng đơn vị, Phó trưởng đơn vị [H7.07.02.01] [H7.07.02.02]. Các ứng viên khi ứng tuyển vào vị trí VC hành chính cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ và tin học theo quy định, được thể hiện rõ

ràng tại các thông báo tuyển dụng **[H7.07.02.03]**. Mặt khác, việc lựa chọn NV để bổ nhiệm vào các vị trí Trưởng/Phó các đơn vị cũng cần đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể về trình độ, năng lực và kinh nghiệm công tác **[H7.07.02.02]**. Trường cũng đã xác định rõ ràng các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV trên cơ sở Khung năng lực của vị trí việc làm ban hành kèm theo Đề án vị trí việc làm **[H7.07.02.04]**.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV của Trường và của Khoa được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các BLQ. Các văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý rộng rãi trước khi chính thức ban hành **[H7.07.02.05]**. Hằng năm, Trường có rà soát nhiệm vụ chuyên môn của từng bộ phận nhằm bổ sung yêu cầu về tiêu chí, nhất là các tiêu chí về bằng cấp, ngoại ngữ, tin học và tiêu chuẩn về đạo đức phục vụ công tác khi tuyển dụng hay điều chuyển công việc **[H7.07.02.06]**. Trên cơ sở chiến lược phát triển nhân sự của Nhà trường, khi có nhu cầu, Khoa sẽ làm tờ trình đề xuất nhu cầu tuyển dụng NV, Nhà trường sẽ tổng hợp đề xuất của các đơn vị và xây dựng kế hoạch tuyển dụng với các chỉ tiêu và tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, cụ thể và minh bạch **[H7.07.02.07]**. Bên cạnh đó, Nhà trường thành lập các Hội đồng tuyển dụng VC để đảm bảo tính chính xác và khách quan trong quá trình tuyển dụng **[H7.07.02.08]**.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV; kế hoạch tuyển dụng; kết quả tuyển dụng của Trường đều được công khai, minh bạch bằng các phương thức: gửi văn bản cho các đơn vị, công bố trên trang thông tin điện tử của Trường (<https://www.ntu.edu.vn>) và thông báo email tới các đơn vị trong Trường, đến email từng cá nhân trong đơn vị có liên quan. Phòng TC-NS lưu giữ các QĐ tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động nhân sự **[H7.07.02.09]**. Trong chu kỳ đánh giá, Khoa cũng như Nhà trường không có khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển NV.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV rõ ràng. Các tiêu chí tuyển dụng NV được quy định cụ thể, rõ ràng và được công bố công khai. Kế hoạch, kết quả tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc và công khai, minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống mô tả công việc, vị trí việc làm chưa rõ các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể cho việc thu hút, ưu tiên và đặc thù riêng cho từng khoa khi tuyển dụng đội ngũ NV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Hoàn thiện các văn bản, các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể cho việc thu hút CB, GV.	Trường ĐHNT; Khoa KTGT	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì các quy trình quy định hiện hành và trong những năm tới tới phải lấy thêm ý kiến đóng góp từ đội ngũ NV để có thể cải thiện hơn nữa các quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển đảm bảo đội ngũ nhân sự cho hoạt động của CTĐT. Cùng với đó phòng TCNS cần xem xét, tham mưu cho ban giám hiệu bổ sung các quy định về các trường hợp đặc biệt, đặc cách nhưng vẫn không trái quy định hiện hành.	Trường ĐHNT; Khoa KTGT	Từ năm học 2024 - 2025	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7 điểm)

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Công tác xây dựng đội ngũ nhân viên có chuyên môn cao được Nhà trường xác định là nhiệm vụ hàng đầu trong chiến lược phát triển của trường, với mục tiêu số NV ở mức dưới 30% tổng số CBVC của Trường nhưng chất lượng NV luôn được bồi dưỡng nâng cao, việc đánh giá năng lực của đội ngũ NV là việc làm thường xuyên trong quá trình đánh giá chất lượng đào tạo của Trường.

Năng lực của đội ngũ NV được xác định ngay từ khâu tuyển dụng VC [H7.07.03.01]. Các tiêu chuẩn để tuyển dụng theo từng vị trí được xác định ngay từ đầu thông qua bằng cấp, lĩnh vực chuyên môn, trình độ học vấn, kinh nghiệm làm việc và qua quá trình phỏng vấn trực tiếp.

Việc đánh giá phân loại VC đều có biểu mẫu, hướng dẫn rõ ràng và được thực hiện vào cuối mỗi năm học [H7.07.03.02]. Các nội dung đánh giá, tiêu chí xếp loại được cập nhật thường xuyên, được thể hiện rõ ràng qua các quy định của Nhà trường [H7.07.03.03]. Việc thực hiện đánh giá đội ngũ NV được thực hiện dựa trên các quy định đã được ban hành và sự thống nhất của tập thể đối với cá nhân được đánh giá, các QĐ về các QĐ công nhận kết quả xếp loại chất lượng VC, NLĐ được công bố công khai toàn trường. Kết quả phân loại lao động của CBVC đều được TĐG bởi chính người lao động, được xác nhận của lãnh đạo đơn vị và tập thể về năng lực chuyên môn, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các BLQ. [H7.07.03.04].

Bên cạnh đó, Trường đã bước đầu tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ trong việc đánh giá năng lực đội ngũ NV thông qua việc SV được tham gia đánh giá về mức độ hài lòng đối với việc phục vụ của NV các Phòng ban, Trung tâm, Thư viện [H7.07.03.05]. Tuy nhiên việc đánh giá sự hài lòng về mức độ phục vụ của đội ngũ NV cần mở rộng hơn đối với các BLQ như GV, phụ huynh SV, người bên ngoài đến liên hệ công việc. Ý kiến phản hồi này là cơ sở để các đơn vị và đội ngũ NV các Phòng ban, Trung tâm, Thư viện có được những biện pháp cải tiến thiết thực, nâng cao hiệu quả công tác nhằm phục vụ các yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD tốt hơn và phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

2. Điểm mạnh

Có đầy đủ quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực trong đội ngũ NV. Thông tin về quy định được xác định rõ ràng dựa trên quy định của cơ quan chủ quản, luật VC và tổng hợp từ góp ý của toàn thể đội ngũ NV, người lao động toàn Trường.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá mức độ phục vụ của đội ngũ NV chưa được mở rộng đối với các BLQ như phụ huynh NH, người bên ngoài đến liên hệ công việc.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thêm phương pháp để lấy ý kiến và xác định sự hài lòng của các BLQ đối với các QĐ đánh giá năng lực đội ngũ NV thông qua các số liệu thống kê, bảng biểu.	Trường ĐHNT; Khoa KTGT	Từ năm học 2024 - 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường và khoa KTGT cần tiếp tục duy trì và cập nhật thêm các quy định hiện hành.	Trường ĐHNT; Khoa KTGT	Từ năm học 2024 - 2025	

5. Tự đánh giá

Đạt: (Điểm TĐG: 5/7 điểm)

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Để thực hiện Chiến lược phát triển và tầm nhìn của Trường ĐHNT đến 2030, tầm nhìn đến 2045, trong đó Chiến lược phát triển yêu cầu 100% VC hành chính được bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ, sử dụng thuần thục các phần mềm ứng dụng công nghệ số trong hoạt động quản lý, Trường đã ban hành Quy định về công tác ĐTBĐ công chức, VC Trường ĐHNT **[H7.07.04.01]**. Trên cơ sở đó, Trường đã tiến hành công tác khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ **[H7.07.04.01]** cho đội ngũ NV trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc rồi cho đăng ký nguyện vọng trước khi ban hành kế hoạch thực hiện .

Trên cơ sở nhu cầu của NV phục vụ hàng năm Trường đã xây dựng và ban hành Kế hoạch ĐTBĐ công chức, VC, người lao động Trường ĐHNT. Trong Kế hoạch có cả hai mảng là đào tạo và bồi dưỡng và các thông tin cụ thể khác như mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, số lượng, tên, địa điểm, hình thức, kinh phí các lớp học nhằm nâng cao hiệu quả của công tác bồi dưỡng công chức, VC, người lao động. Trường cũng ra thông báo công khai về các khóa đào tạo và bồi dưỡng, kể cả ở nước ngoài.

Chuẩn hóa đội ngũ, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học, theo nhu cầu giảng dạy, NCKH và quản lý phục phục. Khắc phục đào tạo, bồi dưỡng không sát hợp với chuyên môn, nghiệp vụ; Định kỳ đánh giá CC,VC theo quy định, qua đó phát hiện bồi dưỡng, giao nhiệm vụ, bổ nhiệm những VC có năng lực và uy tín cao và ngược lại xem xét miễn nhiệm những người không hoàn thành nhiệm vụ và giảm chỉ số tín nhiệm của quần chúng.

Ngoài ra, trong chiến lược phát triển Trường ĐHNT đến 2030, tầm nhìn đến 2045 **[H7.07.04.02]** nêu rõ yêu cầu 100% VC hành chính được bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ, sử dụng thuần thục các phần mềm ứng dụng công nghệ số trong hoạt động quản lý của Nhà trường. Ngoài ra, Nhà trường đề án vị trí việc làm trong toàn Trường đang được xây dựng từ 2015 **[H7.07.04.03]**.

Từ năm 2018 đến 2022 có 750 CBVC tham gia đào tạo tập huấn bồi dưỡng các lớp, trong đó chỉ tính riêng năm 2020 có 07 VC tham gia lớp tập huấn về chuyên viên chính, 02 VC tham gia tập huấn đấu thầu qua mạng và một số lớp tập huấn khác **[H7.07.04.04]**. Bên cạnh đó Nhà trường thường xuyên mở các lớp an toàn PTN **[H7.07.04.05]**, tổ chức các hội nghị về mô hình quản lý PTN **[H7.07.04.06]** để nâng cao chất lượng phục vụ của đội ngũ NV.

Theo kế hoạch quy hoạch chuyên môn của Khoa KTGT, giai đoạn 2023 - 2024 có tổng số 09 GV được cử đi ĐTSDH và lý luận chính trị, trong đó có 3 GV hoàn thành học vị Tiến sĩ, 01 GV hoàn thành ThS, 04 hoàn thành trung cấp chính trị và 01 GV đang học cao cấp chính trị **[H7.07.04.07]**. Bên cạnh đó, có 14 GV được cử đi đào tạo bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh, chức danh nghề nghiệp, Tập huấn bảo vệ quyền sở hữu đối với thành quả sáng tạo - Hướng dẫn tra cứu và viết bản mô tả sáng chế,... **[H7.07.04.07]**.

Việc đào tạo bồi dưỡng (2019-2021) được Phòng TCNS lên kế hoạch và gửi về các phòng ban và các Khoa/Viện tham gia bồi dưỡng như bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý; bồi dưỡng kỹ năng thư ký văn phòng, bồi dưỡng kỹ năng chữa cháy-sơ cấp cứu, an toàn trong lao động **[H7.07.04.08]**. Hằng năm, Nhà trường cử các CB tham gia một số khóa học ngắn hạn, lớp bồi dưỡng chuyên sâu như kiến thức nghi thức giao tiếp và lễ tân ngoại giao, bồi dưỡng nghiệp vụ đối ngoại năm 2020 **[H7.07.04.09]**, lớp tập huấn về quốc tế hóa trong GDDH, tổ chức ở Bình Dương vào tháng 12 năm 2019 **[H7.07.04.10]**.

Hằng năm, Nhà trường đều có các thông báo bằng văn bản gửi đến các đơn vị, lập danh sách CBVC đăng ký đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, từ đó có kế hoạch để cử CB tham gia các khóa học tập bồi dưỡng, phù hợp với tính chất công việc nhằm nâng cao chất lượng làm việc, nâng cao chất lượng phục vụ của Nhà trường **[H7.07.04.11]**.

Các KQHT bồi dưỡng của CBVC đều được ghi nhận trong các đánh giá cuối năm, vừa để quản lý các hoạt động của CBVC, vừa ghi nhận các kết quả đạt được của CBVC.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ CBVC dựa vào chiến lược phát triển của Nhà trường và xây dựng các giải pháp để triển khai thực hiện kế hoạch cụ thể. Trường đã hình thành được đội ngũ VC có chất lượng cao, có năng lực, có trình độ chuyên môn và đa số đều trẻ nên khả năng nắm bắt nhanh nhạy với công việc, hoàn thành tốt khối lượng công việc được phân công.

3. Điểm tồn tại

- Nhà trường chưa có các giải pháp tối ưu để khuyến khích, giám sát CBVC thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ theo kế hoạch.

- Một số ít CBVC chưa thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch đã đăng ký.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện các việc khảo sát và triển khai đào tạo nghiệp vụ chuyên môn cho NV để đáp ứng và theo kịp nhu cầu phát triển xã hội, xây dựng các kế hoạch đào tạo và tăng cường các biện pháp giám sát để nâng cao trình độ CB, GV.	Trường ĐHNT; Khoa KTGT	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường hơn nữa số lượng đội ngũ NV có chất lượng cao.	Trường ĐHNT; Khoa KTGT	Từ năm học 2024 - 2025	

5. Tự đánh giá

Đạt: (Điểm TĐG: 5/7 điểm).

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã ban hành Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị và cá nhân trong Nhà trường. Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, CB quản lý, GV và NV được phân định rõ ràng **[H7.07.05.01]**. Tất cả các NV xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện các nhiệm vụ theo phân công vào đầu HK (về khối lượng, tiến độ và thời gian hoàn thành), các văn bản này sẽ được tập hợp cho lãnh đạo đơn vị xem xét, điều này sẽ giúp cho việc phân công, theo dõi, giám sát và hỗ trợ tốt hơn **[H7.07.05.02]**. Kết quả làm việc của mỗi cá nhân được đánh giá, phân loại vào cuối năm học theo quy định phân loại kết quả công việc của Nhà trường **[H7.07.05.03]** với các mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Trên cơ sở đó, Hội đồng thi đua của Nhà trường sẽ dựa vào các quy định và các tiêu chuẩn để bình bầu và đánh giá. Kết quả này sau đó sẽ được công khai đối với toàn bộ CB NV **[H7.07.05.04]**. Các cá nhân có quyền khiếu nại các kết quả phân loại lao động trước khi Nhà trường công bố kết quả chính thức. Các quy định về thi đua và khen thưởng rõ ràng, tuân thủ theo quy định của Nhà nước **[H7.07.05.05]**. Các CBVC có thành tích xuất sắc sẽ được giới thiệu cho các danh hiệu ở các cấp cao hơn: Bằng khen của Bộ GD&ĐT hay biểu dương khen thưởng các CB học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh **[H7.07.05.06]**. Nhà trường còn có nhiều hoạt động khen thưởng nhằm khích lệ tinh thần làm việc và phấn đấu của người lao động, cụ thể như việc nâng lương trước hạn đối với cá nhân có thành tích xuất sắc **[H7.07.05.07]**, chính sách hỗ trợ phụ cấp cho NV hành chính và CBVC trẻ, thưởng tiền cho CBVC có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế đạt kết quả cao, đi du lịch nước ngoài... Với những chính sách đúng đắn và phù hợp nhằm thúc đẩy các cá nhân phát triển, đồng thời thúc đẩy cho quá trình đào tạo, tạo dựng một môi trường làm việc ổn định **[H7.07.05.08]**. Trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả của công việc, Nhà trường đều triển khai lấy ý kiến rộng rãi của các cá nhân trong toàn trường và thường xuyên được rà soát lại qua từng năm học **[H7.07.05.09]**. Hiện nay Nhà trường đang xây dựng và triển khai công cụ đánh giá KPI's tại một vài đơn vị, tiến tới sẽ áp dụng cho tất cả các đơn vị trong toàn Trường **[H7.07.05.10]**. Tuy nhiên việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc vẫn còn phải tiếp tục xây dựng và củng cố để hoàn thiện. Việc quản trị theo kết quả công việc của NV để tạo động lực hỗ trợ nghiên cứu khoa học (NCKH). Việc áp dụng nhiều chế độ khuyến khích khác nhau như quy chiếu giờ NCKH cho các đề tài, dự án, tham gia hội thảo hay viết bài báo, tính giờ GD hay tặng thưởng cho các bài báo khoa học chuyên ngành đăng trên các tạp chí có chỉ số trong danh mục... đều có ý nghĩa hỗ trợ và

khuyến khích NCKH. Các hoạt động gắn kết và PVCĐ ngày càng được khuyến khích và đẩy mạnh trong và ngoài Trường với sự tham gia của toàn thể CBNV và SV trong toàn trường. Đội ngũ NV của các phòng ban như Phòng CTCT&SV, Phòng Hợp tác Quốc tế, Trung tâm HTVL&KN đóng vai trò là cầu nối giữa GV và SV trong các hoạt động tình nguyện mùa hè xanh, các chương trình hỗ trợ đồng bào miền núi, hỗ trợ SV nghèo vượt khó, chuyển xe không đồng đưa SV nghèo về quê ăn tết, ngày hội việc làm để kết nối với các DN...đều được thực hiện hằng năm. Tuy nhiên, các hoạt động gắn kết và PVCĐ chưa được lượng hóa cụ thể làm cơ sở để đánh giá chất lượng VC và bình xét danh hiệu thi đua.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chính sách, quy định về thi đua khen thưởng rõ ràng, minh bạch nên đã động viên và khuyến khích được đội ngũ NV nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ.

Trường không có đơn từ khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho đội ngũ NV phục vụ... trong giai đoạn TĐG.

3. Điểm tồn tại

- Kế hoạch triển khai xây dựng KPI thí điểm tại một số đơn vị đã công bố năm 2020 nhưng chưa có đánh giá.

- Trường vẫn chưa có khảo sát ý kiến chính thức từ NV phục vụ để biết được chính xác tỷ lệ hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Nhà trường đưa ra những quy định khen thưởng các trường hợp đặc biệt nằm ngoài phạm vi công việc được giao hoặc ngoài phạm vi môi trường làm việc hằng ngày. - Bên cạnh đó có những đánh giá kết quả hoàn thành công việc của các đơn vị và khảo sát sự hài lòng về việc quản trị kết quả công việc.	Trường ĐHNT; Khoa KTGT	Từ năm học 2024 - 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì mô hình quản trị theo kết quả công việc của NV, đưa ra thêm nhiều tiêu chí đánh giá cụ thể hơn nữa để NV có thể chủ động theo dõi và thực hiện.	Trường ĐHNT; Khoa KTGT	Từ năm học 2024 - 2025	

5. Tự đánh giá

Đạt: (Điểm TĐG: 4/7 điểm).

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Đội ngũ NV của Khoa KTGT nói riêng và Nhà trường nói chung được thiết kế chi tiết và kỹ càng dựa trên mục tiêu chung của Nhà trường, lấy tầm nhìn của Nhà trường làm nền tảng. Các quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV cũng được lấy ý kiến từ CB công NV trước khi được ban hành chính thức. Tuy nhiên, cần quy định và tiêu chí rõ ràng để ưu tiên cho các đối tượng đặc biệt nhằm thu hút thêm các cá nhân có kinh nghiệm thực tế trong các lĩnh vực, đạt thành tích xuất sắc trong lĩnh vực chuyên môn hoặc cá nhân có ảnh hưởng lớn ở một số lĩnh vực nhất định.

Việc thực hiện đánh giá năng lực đội ngũ NV được thực hiện dựa trên các quy định đã được ban hành với đầy đủ quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá. Tuy nhiên, để kết quả đạt được của quá trình đào tạo nghiệp vụ cho đội ngũ NV được đánh giá kỹ lưỡng và rõ ràng, cần có bảng tổng hợp đánh giá kết quả đạt được của cả quá trình đào tạo.

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV được xác định dựa trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc của từng NV với các chức danh khác nhau. Tuy nhiên, cần có bảng tổng hợp đánh giá kết quả đạt được của cả quá trình đào tạo thay vì đơn lẻ.

Việc quản trị theo kết quả công việc của NV được đánh giá qua chỉ số định lượng cụ thể. Quy định về khen thưởng cũng rõ ràng giúp cho NV chủ động trong thi đua. Việc đánh giá kết quả công việc và thi đua khen thưởng đều được công khai, minh bạch. Tuy nhiên, chưa có quy định rõ ràng về khen thưởng những NV thuộc trường hợp đặc biệt.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 5/5.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Triết lý dân chủ là điểm nhấn của Nghị quyết 29-NQ/TW về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đào tạo, "lấy NH làm trung tâm", tích cực hoá hoạt động học tập. Điều này thống nhất với triết lý của nhiều nền giáo dục trên thế giới.

Chính vì vậy, trong những năm qua, Nhà trường và KTGT và BM luôn cung cấp đầy đủ, kịp thời cho SV ngành KHHH các tài nguyên học tập cần thiết và môi trường thuận lợi để đảm bảo hoạt động học tập đạt hiệu quả. Chính sách tuyển sinh phù hợp, rõ ràng, cụ thể; phương pháp xét tuyển công khai. Nhà trường cũng thiết lập một hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH một cách minh bạch. Đồng thời các hoạt động tư vấn và hỗ trợ NH được thực hiện một cách kịp thời và thường xuyên. Ngoài ra, việc xây dựng và duy trì môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan sạch, xanh, đẹp, nhiều tiện ích đã tạo được sự thoải mái cho người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, hoạt động hỗ trợ NH của ngành KHHH nói riêng và các ngành đào tạo khác của Nhà trường nói chung.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHNT luôn thực hiện đúng các quy định trong quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT [**H8.08.01.01**]. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, đầy đủ và chi tiết trong nội dung đề án tuyển sinh của Trường qua từng năm học. Chính sách tuyển sinh được cập nhật phù hợp theo những quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, phù hợp với sứ mạng tầm nhìn của Trường và phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Trong đề án đã xác định chính sách xét tuyển, chính sách ưu tiên xét tuyển, đối tượng xét tuyển và phương pháp xét tuyển, phạm vi, ngành tuyển sinh, lịch tuyển sinh, phương thức đăng ký dự tuyển và lệ phí tuyển sinh [**H8.08.01.02**]. Các chính sách và quy định tuyển sinh (đối tượng, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên...) được công bố công khai trên trang tuyển sinh của Trường [**H8.08.01.03**]. Trong đó, có các tổ hợp xét tuyển đúng quy định [**H8.08.01.04**], phù hợp với ngành KHHH và chính sách miễn 100% phí ký túc xá (KTX) cho thí sinh trúng tuyển một số ngành kỹ thuật [**H8.08.01.05**].

Hàng năm, các thông tin về tuyển sinh bao gồm chính sách tuyển sinh, khối thi, chỉ tiêu tuyển sinh của các chương trình, ngành và chuyên ngành KHHH công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, tờ rơi, bảng điện quảng cáo, trên các kênh thông tin như website chính thức của trường, trang fanpage, chương trình tư vấn trực tuyến truyền hình online tuyển sinh và hướng nghiệp, và trên các phương tiện thông tin đại chúng khác. Hàng năm Nhà trường phối hợp cùng với các đơn vị tổ chức như Báo Tuổi trẻ, Thanh niên thực hiện tư vấn tuyển sinh tại các tỉnh và thành phố. Nhà trường cũng có kế hoạch tư vấn chuyên sâu giúp SV và phụ huynh hiểu rõ chương trình đào tạo và giải đáp những thắc mắc **[H8.08.01.06]**.

Nhà trường cũng tích cực thu hút học sinh giỏi thông qua tiêu chí xét tuyển thẳng đối với các học sinh đạt được những thành tích nổi bật trong học tập **[H8.08.01.07]**.

Ngoài ra, Khoa KTGT để thu hút sự quan tâm của học sinh, phụ huynh, hàng năm Khoa có trao các suất học bổng cho thủ khoa đầu vào, hỗ trợ cho SV có hoàn cảnh khó khăn lấy từ nguồn kinh phí tài trợ học bổng cho SV từ các DN, cựu SV, các tổ chức trong và ngoài nước **[H8.08.01.08]**. Tuy nhiên, chính sách tuyển sinh vẫn còn một số hạn chế như chế độ miễn giảm học phí dành cho con em ngư dân chưa đủ “mạnh” để thu hút NH vào ngành KHHH. Có thể thấy rằng kết quả tuyển sinh của ngành KHHH đạt kết quả khá tốt so với mặt bằng chung toàn trường cả về số lượng và chất lượng đầu vào dựa trên sự cân đối hài hòa số lượng các nhóm ngành cũng như nguồn lực đào tạo của Khoa và Nhà trường (số liệu này được thể hiện ở Bảng 8.1.)

Bảng 8. 1. Kết quả tuyển sinh ngành KHHH giai đoạn 2019-2024

Năm tuyển sinh	Chỉ tiêu (SV)	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Tỷ lệ trúng tuyển so với chỉ tiêu (%)
2019-2020	50	13	15	26
2020-2021	50	23	15	46
2021-2022	80	104	18	130
2022-2023	80	127	17	159
2023-2024	80	162	20.5	203

Nguồn: Kết quả tính toán từ Đề án tuyển sinh (2019-2024)

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh của Trường được xây dựng hàng năm, có nội dung đầy đủ, rõ ràng. Chính sách tuyển sinh được công khai trên trang tuyển sinh của Trường và cập nhật thường xuyên.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường mới chỉ có chính sách miễn ở KTX cho SV, mà chưa có những chính sách về miễn giảm học phí cho con em nông dân, ngư dân học ngành KHHH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Phân tích chuyên sâu về những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của chính sách tuyển sinh bằng cách khảo sát, phỏng vấn nhóm chuyên đề đối với NH năm nhất của ngành KHHH để hoàn thiện chính sách tuyển sinh cho ngành. - Khảo sát dự báo nhu cầu nguồn nhân lực ngành KHHH từ các DN trong và ngoài tỉnh.	Phòng ĐTĐH; Khoa KTGT; BM KHHH Khoa KTGT; Trung tâm HTVL&KN	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì chính sách tuyển sinh rõ ràng, minh bạch, cập nhật, hoàn thiện và được công bố công khai bằng nhiều hình thức trên các phương tiện truyền thông đại chúng.	Phòng ĐTĐH, Khoa KTGT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Đạt (điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Đối với Khoa KTGT nói riêng và Trường ĐHNT nói chung, việc tuyển chọn NH được xác định là một khâu quan trọng góp phần quyết định trong việc thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo. Trường đã sử dụng kết quả thi trung học phổ thông (THPT) quốc gia theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT [H8.08.01.01], đề án tuyển sinh (từ năm 2019 đến 2023) [H8.08.01.02] và kế hoạch tuyển sinh của Trường [H8.08.02.01]. Việc tuyển chọn NH được quy định bằng những tiêu chí rõ ràng như quy định về đối tượng, phạm

vi và phương thức tuyển sinh. Phương thức và tiêu chí tuyển chọn NH được cập nhật hàng năm [H8.08.02.02], [H8.08.02.03] dựa trên cơ sở ý kiến của CBVC tham mưu của Phòng ĐTDH thông qua các thông báo tuyển sinh [H8.08.02.04]. Các tiêu chí này thể hiện rõ trong các đề án tuyển sinh hàng năm và được cập nhật bổ sung sửa đổi qua các năm. Trong các đề án tuyển sinh, Nhà trường đã bổ sung thêm nhiều phương án tuyển sinh dựa trên kết quả của kỳ thi THPT Quốc gia, xét tuyển dựa theo học bạ THPT và hình thức xét tuyển thẳng. Đồng thời mở rộng tổ hợp xét tuyển. Bên cạnh đó phương thức nộp hồ sơ xét tuyển cũng được thay đổi, mở rộng linh hoạt bằng các phương pháp khác nhau như: nộp trực tiếp, qua đường bưu điện, nộp trực tuyến.

Đối với ngành KHHH bên cạnh các tiêu chí tuyển chọn chung của Trường, Trường sử dụng thêm phương thức/tiêu chí xét bằng điểm học bạ [H8.08.02.04] THPT, thay đổi bổ sung tổ hợp xét tuyển, tăng điểm chuẩn (chấp nhận trường hợp số lượng SV ít vẫn mở lớp) nhằm tăng chất lượng đầu vào. Sau mỗi đợt tuyển sinh, Trường tổ chức họp lấy ý kiến của Hội đồng tuyển sinh, lãnh đạo các Khoa và Tổ tư vấn tuyển sinh để đánh giá rút kinh nghiệm nhằm có điều chỉnh, bổ sung trong các kỳ tuyển sinh tiếp theo [H8.08.01.07].

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH luôn được xác định rõ ràng và công bố công khai. Các tiêu chí tuyển chọn được đánh giá khách quan và mở rộng thay đổi kịp thời.

3. Điểm tồn tại

Ngành KHHH chưa có tiêu chí và phương án tuyển sinh riêng để cải thiện số lượng và chất lượng SV. Công tác dự báo nhu cầu nguồn nhân lực ngành KHHH chưa được triển khai rộng rãi. Chính sách tuyển sinh hằng năm chủ yếu dựa vào cơ sở dữ liệu tuyển sinh của năm vừa qua, chưa có phân tích chuyên sâu về tồn tại, hạn chế và nguyên nhân bằng những phương pháp có độ tin cậy cao hơn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành phân tích mối tương quan giữa KQHT bậc THPT môn tiếng Anh, với kết quả thi	Phòng ĐTDH; Khoa KTGT; BM KHHH	Từ năm học 2024-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian	Ghi chú
		đầu vào và KQHT tại Khoa KTGT của NH để từ đó xác định phương pháp tuyển chọn đánh giá đúng năng lực tiếng Anh của NH.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh thuận lợi trong việc lựa chọn hình thức xét tuyển và tham gia đăng ký xét tuyển.	Phòng ĐTDH	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Đạt (điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình học được phân bổ trong 8 học kỳ, trung bình mỗi học kỳ người học học 18 tín chỉ nhằm đảm bảo người có học lực trung bình hoàn thành CTĐT đúng hạn. Khối lượng học tập và CĐR của CTĐT được Trường quy định trong văn bản quy định và quyết định về CTĐT được phê duyệt, trong đó quy định rõ khối lượng học tập, cơ sở đánh giá người học [H1.01.01.01]. Trường có hệ thống giám sát về sự tiến bộ của người học trong học tập qua các kênh quản lý đào tạo [H8.08.03.01], cùng với việc thực thi theo chức năng, nhiệm vụ của cả hệ thống gồm Phòng CTCT&SV [H8.08.03.02], CVHT, GVGD, văn phòng Khoa và BM. Công tác CVHT được thực hiện theo mục 3, điều 12 quy chế công tác SV [H8.08.03.03]. Khối lượng học tập trong từng HK của NH được quy định cụ thể theo Quy định ĐTDH và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường [H8.08.03.04], và được hướng dẫn trong sổ tay SV [H5.05.02.02]. Việc giám sát sự tiến bộ của người học trong học tập được thực hiện sau mỗi học kỳ, Trường (thông qua CVHT) thông báo KQHT và rèn luyện đến NH và gia đình NH, trong đó, có những thông tin cụ thể về KQHT và rèn luyện, số tín chỉ tích lũy được, hoàn thành/nợ học phí. Thông qua kết quả học tập, Phòng CTCT&SV, Khoa và CVHT theo dõi quá trình học tập của SV, cảnh báo học vụ hàng kỳ để SV có kế hoạch học tập thích hợp,

tránh được tình trạng bị buộc thôi học, SV có thành tích học tập và rèn luyện tốt sẽ được xét khen thưởng và cấp học bổng **[H8.08.03.05]**, **[H8.08.03.06]**, **[H8.08.03.07]**. Tất cả thông tin của người học về học tập và rèn luyện đều dễ dàng theo dõi tại mọi nơi, mọi thời điểm trên cổng quản lý đào tạo. Bên cạnh đó, CVHT có thể theo dõi KQHT và rèn luyện SV của lớp trên phần mềm đào tạo mà Trường đã phân quyền cho mỗi CVHT **[H8.08.03.01]** và thông qua các buổi họp lớp theo định kỳ, CVHT thực hiện các nhiệm vụ trong đó có công tác đánh giá việc rèn luyện của SV và học tập của SV. Để đảm bảo tiến độ học tập và KQHT, Trường thông báo lịch học tập cho SV đăng ký học phần theo từng học kỳ tại phần mềm đào tạo **[H8.08.03.01]**.

Về cơ chế giám sát, báo cáo và phản hồi sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH được thực hiện thường xuyên thông qua các kênh như sau:

- CVHT: có nhiệm vụ theo dõi, góp ý và điều chỉnh quá trình học tập của SV trong suốt thời gian học tại Trường. Theo quy định, mỗi lớp đều được cố vấn bởi 01 CVHT trong suốt khóa học (04 năm). Cụ thể, vào thời điểm đầu năm của năm học thứ nhất, trong buổi sinh hoạt đầu khóa SV gặp gỡ CVHT của mình. CVHT có nhiệm vụ tổ chức họp mặt với lớp định kỳ 4 lần trong mỗi học kỳ nhằm cung cấp thông tin cũng như hỗ trợ cho SV. Ngoài ra, nhờ vào Quy chế học vụ trong đó quy định rất chi tiết các vấn đề liên quan việc đăng ký kế hoạch học tập, đăng ký học phần, quy định về hoạt động kiểm tra, đánh giá... SV (dưới sự hỗ trợ của CVHT) có thể dễ dàng tiếp cận và thực hiện. Bên cạnh đó, CVHT dễ dàng theo dõi, giám sát sự tiến bộ của người học.

- Các cuộc họp Giao ban Trường, Khoa, họp Bộ môn: thực hiện rà soát, đánh giá và lên kế hoạch chiến lược cho các hoạt động của Trường, Khoa, của Bộ môn. **[H8.08.03.08]**

Kế hoạch học tập của SV ngành KHHH được Bộ môn xác định ngay khi SV vừa nhập học (học kỳ 1 năm thứ nhất) và sau đó được thực hiện xuyên suốt trong các học kỳ còn lại ở HP Nhập môn ngành KHHH. Trong mỗi học kỳ, dưới sự hướng dẫn hỗ trợ của CVHT, NH thực hiện việc đăng ký học phần (tự sắp thời khóa biểu và chọn lựa môn học phù hợp). Việc đăng ký học phần được thực hiện trên hệ thống thông tin tích hợp tại website Hệ thống quản lý của trường. Ngoài ra, hệ thống này còn đảm bảo việc kiểm tra học phần tiên quyết khi nhập kế hoạch học tập và kiểm tra việc trùng lịch học khi đăng ký môn học. Vì vậy, tiến độ học tập của các NH luôn được đảm bảo đúng trình tự và được xác định.

Việc theo dõi sự tiến bộ của NH thông qua kết quả học tập và điểm rèn luyện cũng được thực hiện xuyên suốt. Thông qua tài khoản cá nhân trên Hệ thống quản lý, CVHT có thể kiểm tra kết quả học tập của SV. Trên cơ sở đó, CVHT có thể một mặt tư vấn cho SV điều chỉnh kế hoạch học tập cho phù hợp, mặt khác báo cáo về Bộ môn, Khoa để nắm tình hình và có hành động can thiệp khi cần thiết. **[H8.08.03.09]**

Bảng 8. 2. Kết quả học tập của sinh viên qua các năm (2020-2024)

Năm học	Tổng sv	Xuất sắc		Giỏi		Khá		T.Bình Khá		T.Bình		Yếu		Kém	
		SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %
19-20	64	0	0	1	1.56	5	7.81	0	0	21	32.81	37	57.81	0	0
20-21	83	0	0	1	1.20	14	16.87	0	0	44	53.01	19	22.89	0	0
21-22	157	1	0.64	14	8.92	65	41.40	0	0	38	24.20	27	17.20	12	7.64
22-23	265	0	0	14	5.28	100	37.74	0	0	94	35.47	41	15.47	13	4.91
23-24	394	0	0	19	4.82	101	25.63	176	44.67	62	15.74	18	4.57	15	3.81

Nguồn: Số liệu tính toán dựa trên phần mềm đào tạo

2. Điểm mạnh

Kế hoạch học tập được thực hiện cụ thể, khoa học giúp NH có nhiều cơ hội lựa chọn các HP, thời gian học phù hợp với nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của bản thân. Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của NH được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp GV, CVHT nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện chưa phát huy hết hiệu quả, chậm cập nhật dữ liệu, chưa chỉ ra trách nhiệm của đội ngũ có liên quan như CVHT, GV, bộ phận chức năng,...

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Tích hợp trên phần mềm quản lý đào tạo chức năng cảnh báo học tập, cảnh báo rèn luyện đến NH, gia đình, CVHT, BM, Khoa. Đồng thời tích hợp cơ chế	Phòng ĐTĐH; Phòng CTCT&NH; Khoa KTGT	Từ năm học 2024-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		phản hồi của các BLQ nhằm giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH, khối lượng học tập của NH. - Nghiên cứu cơ chế hoạt động của đội ngũ CVHT nhằm phát huy vai trò chủ đạo của đội ngũ này trong giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy vai trò của các phòng ban, tối ưu các quy trình và hiệu quả của hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện bằng phần mềm quản lý đào tạo, đội ngũ CVHT, GV, BM KHHH, Đoàn Khoa KTGT và các bộ phận chức năng trong Trường.	Phòng ĐTĐH; Phòng CTCT&NH; Khoa KTGT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Đạt (điểm TĐG: 4/7)

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả hiện trạng

Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH được tiến hành liên tục và hiệu quả trong suốt quá trình học tập của sinh viên tại Trường ĐHNT.

Hoạt động tư vấn học tập được Phòng CTCT&SV cùng lực lượng GV thực hiện với vai trò CVHT. Ngay từ khi bước vào Trường cho đến khi tốt nghiệp, NH có thể tiếp nhận đầy đủ thông tin tư vấn, hỗ trợ học tập cần thiết qua sổ tay SV [H5.05.02.02]. Mỗi năm học, Phòng CTCT&SV đều có kế hoạch làm việc để tư vấn cho SV chọn tên HP, khối lượng tín chỉ... sao cho hiệu quả nhất [H8.08.04.01]. Trong quá trình học, SV có thể nhận được đầy đủ thông tin tư vấn, hỗ trợ học tập cùng với phương pháp học tập hiệu quả

từ lực lượng CVHT, GV dạy HP **[H8.08.04.02]**. CVHT làm công việc cố vấn theo kế hoạch làm việc của Phòng CTCT&SV **[H8.08.04.01]**. Mỗi tuần, CVHT sẽ có TKB cho sinh hoạt lớp nhằm hỗ trợ SV đăng ký HP, lựa chọn hay hủy HP, thiết kế thời khóa biểu, xây dựng tiến độ và kế hoạch học tập phù hợp ... **[H8.08.04.02]**.

Hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH được Trường chú trọng thông qua việc thành lập Trung tâm HTVL&KN. Trung tâm giúp đỡ SV không chỉ về học tập mà còn về chỗ ở, bảo hiểm y tế, việc làm thêm, lớp kỹ năng mềm và những thông tin về ngành đào tạo tại buổi tiếp đón SV mới của Khoa **[H8.08.04.03]**.

Ngay từ lúc mới nhập học, sinh viên đã được Nhà trường và Khoa tổ chức đón tiếp và tư vấn rất chu đáo về các thủ tục nhập học, thông tin tổng quan về Trường và Khoa, về CTĐT, Quy định và Quy chế đào tạo, phương pháp hòa nhập với môi trường học tập mới thông qua Phương hướng, nhiệm vụ năm học của Nhà trường, Kế hoạch đón tiếp sinh viên đầu khóa của Nhà trường và của Khoa KTGT, Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa của Nhà trường về Trường, về học vụ, về thư viện, về công tác đoàn hội **[H8.08.04.04]**. Ngoài ra, SV năm nhất được Khoa KTGT tổ chức đi ngoại khóa tại cảng quốc tế Nam Vân Phong, cảng Cam Ranh, các cơ sở về hàng hải tại địa phương để SV tiếp cận thực tế về ngành nghề hàng hải **[H8.08.04.05]**.

Giữa mỗi năm học, Nhà trường tổ chức đối thoại giữa sinh viên và lãnh đạo Nhà trường nhằm thu thập thông tin phản hồi của sinh viên về tất cả hệ thống quản lý của Nhà trường để có thể làm hài lòng người học **[H8.08.04.05]**.

Hàng năm Nhà trường, Khoa đều tổ chức chương trình Tư vấn hướng nghiệp cho SV, Ngày hội tư vấn và tuyển dụng việc làm. Qua đó, SV ngành KHHH nâng cao được nhận thức về cơ hội việc làm trong bối cảnh mới **[H8.08.04.05]**.

Bên cạnh đó, Trường ĐHNT có Quỹ khuyến học, giúp hỗ trợ các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập, những sinh viên đạt kết quả tốt trong học tập và rèn luyện **[H8.08.04.06]**.

Ngoài các tổ chức như Trung tâm HTVL&KN, Phòng CTCT&SV, Khoa và BM, SV còn nhận được sự hỗ trợ tích cực từ các tổ chức Đoàn thanh niên và Hội sinh viên. Đoàn – Hội các cấp thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và tình nguyện **[H8.08.04.07]**. Đặc biệt, ở cấp Khoa với vai trò Đoàn Thanh niên Khoa thường xuyên phối hợp tổ chức các hoạt động thiết thực cho sinh viên Ngành KHHH

nói riêng và Khoa KTGT nói chung với các hoạt động tiêu biểu như: chương trình Giao lưu Chào tân sinh viên, các hoạt động chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam, giải bóng đá, các hoạt động chào mừng nhà Phụ nữ Việt Nam và chiến dịch làm sạch bãi biển, khu bảo tồn biển [H8.08.04.08]. Các hoạt động trên được tổ chức nhằm phát triển các kỹ năng mềm, xây dựng một môi trường thân thiện, hòa đồng, tạo sự gắn kết giữa mỗi sinh viên với nhau, giữa sinh viên với Thầy/Cô, giữa lớp với lớp, giữa lớp với Khoa, Nhà trường... giúp hỗ trợ tích cực cho việc học tập của NH. Từ đó, đào tạo nên những người vừa tốt chuyên môn, vừa có kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội, giúp tăng cơ hội có việc làm cho NH sau khi tốt nghiệp.

Trong quá trình học tập ở các năm cuối, NH luôn được BM KHHH cung cấp đầy đủ thông tin về các mẫu báo cáo thực tập, thực tế, khóa luận tốt nghiệp. Trong năm học cuối, sinh viên ngành KHHH sẽ được bố trí thực tập tại các cơ quan, doanh nghiệp hoạt động về lĩnh vực hàng hải ở 28 tỉnh thành ven biển. Các cơ quan, doanh nghiệp có uy tín, môi trường làm việc tốt, chất lượng luôn được Khoa kết nối như Chi cục Hàng hải, Hiệp hội cá ngừ, Công ty TNHH Hải Vương,... Trong quá trình thực tập, Khoa cử giảng viên có kinh nghiệm để hỗ trợ, tư vấn và kiểm tra tình hình thực tập của SV [H8.08.04.09], [H8.08.04.10].

Bên cạnh các hoạt động học tập theo chương trình đào tạo, SV còn có cơ hội tham gia hoạt động NCKH SV hàng năm. Đây là hoạt động hỗ trợ nhằm giúp các em làm quen với NCKH, tạo tiền đề để các em có thể học lên các bậc học cao hơn sau khi tốt nghiệp đại học [H8.08.04.11].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động liên quan đến việc tư vấn, hỗ trợ NH được Trường, Khoa và Bộ môn thực hiện rất hiệu quả. Việc thực hiện hoạt động nhằm kịp thời tháo gỡ những khó khăn liên quan đến lựa chọn học phần trong CTĐT, phương pháp học tập, rèn luyện, hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm được thực hiện kịp thời. Việc tiếp cận và sử dụng một cách hiệu quả sự trợ giúp của các BLQ (CVHT, trợ lý SV, Phòng ban chức năng, Đoàn - Hội SV, GV) cũng mang lại hiệu quả tích cực.

3. Điểm tồn tại

Kết quả tư vấn và hỗ trợ chưa đạt được kỳ vọng điển hình là chưa có nhiều thành tích nổi bật của SV trong học tập, việc làm và NCKH. Tỷ lệ SV tự nguyện tham gia NCKH vẫn còn thấp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường các hoạt động NCKH, thực tế nghề nghiệp, ngoại khóa, hoạt động thực tập cho NH; xây dựng kế hoạch thực hành thực tập tại cơ quan/doanh nghiệp xuyên suốt toàn bộ CTĐT.	Trung tâm HTVL&KN; Khoa KTGT; BM KHHH	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì hoạt động tư vấn học tập, NCKH, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các hoạt động thực tế nghề nghiệp cho NH ngành KHHH.	Trung tâm HTVL&KN; Khoa KTGT; BM KHHH	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Đạt (điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả hiện trạng

Cơ sở đào tạo của Trường bao gồm 2 cơ sở, trong đó trụ sở chính tại 02 Nguyễn Đình Chiểu có khu vực dành cho đào tạo, thư viện, thực hành, ký túc xá SV và 09 Tôn Thất Tùng khu vực dành cho Khoa và các phòng ban chức năng. Cơ sở của trường luôn tạo được môi trường thuận tiện và thoải mái cho làm việc và học tập. Cùng với việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất theo hướng khép kín (giảng đường (GV), PTN và TH, thư viện, KTX, cơ sở y tế, công trình thể thao...), Trường đã chú ý cải tạo cảnh quan ngày càng khang trang, đẹp đẽ, xanh mát, trở thành một trong 15 ngôi trường ĐH đẹp nhất Việt Nam [H8.08.05.01]. Trường thực hiện những hoạt động thu thập ý kiến phản hồi của NH, trong đó có hoạt động lấy ý kiến của SV về môi trường tâm lý, cảnh quan [H5.05.04.04], [H8.08.05.02], đối thoại giữa SV với lãnh đạo Khoa, lãnh đạo Trường, thường xuyên tạo môi trường tâm lý, xã hội thoải mái, an toàn, giúp SV yên tâm học tập và nghiên cứu cũng như sinh hoạt và vui chơi giải trí [H8.08.05.03]. Hệ thống các khu KTX (xây dựng mới và nâng cấp) với các phòng ở khang trang, sạch sẽ và khép

kín, đảm bảo chỗ ở cho 3.000 đến 4.000 SV có nhu cầu nội trú. Hoạt động quản lý KTX từng bước được cải tiến theo hướng coi SV vừa là đối tượng được phục vụ vừa là đối tượng cần được giáo dục **[H8.08.05.04]**. Khuôn viên xung quanh các GD, thư viện... cũng được cải tạo theo hướng tăng cường cây xanh và thảm cỏ **[H8.08.05.05]**. Các tân SV được Trường chào đón bằng buổi lễ long trọng nhằm tạo tâm lý tích cực cho các em SV hoà nhập vào môi trường học tập mới **[H8.08.05.06]**. Các buổi sinh hoạt công dân đầu khoá sẽ giúp tân SV nâng cao nhận thức về đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, và hiểu rõ quyền lợi, nghĩa vụ và ý thức trách nhiệm của công dân **[H8.08.05.06]**.

Khuôn viên trường được lắp đặt hệ thống Internet tạo điều kiện thuận lợi cho SV tra cứu thông tin phục vụ học tập và nghiên cứu. Các phòng học có phòng được trang bị máy lạnh hoặc không gian mở nhưng đảm bảo là khuôn viên yên tĩnh và sạch sẽ nên tạo môi trường thoải mái cho việc học tập.

Công tác phòng chống cháy nổ được Trường quan tâm, trang bị hệ thống báo cháy, chữa cháy; hàng năm tập huấn phòng chống cháy nổ cho SV. Phòng y tế luôn có NV túc trực để hỗ trợ y tế cho người học **[H8.08.05.07]**.

Trường có qui định về Văn hoá học đường và Quy tắc ứng xử dành cho CBVC, NLD tại trường và SV như quy định trang phục, thẻ đeo của SV... nhằm tạo ra sự trật tự, kỷ cương học đường **[H8.08.05.08]**.

Hoạt động đoàn hội: mùa hè xanh, hoạt động giúp đỡ cộng đồng, hiến máu, phong trào thể thao; văn nghệ,... giúp sinh viên giao lưu học tập và nâng cao kỹ năng sống.

Nhà trường luôn quan tâm đến cảm nhận của SV về môi trường, cảnh quan của Trường nên mỗi năm đều tổ chức khảo sát lấy ý kiến sinh viên, hoặc thu thập ý kiến thông qua Đối thoại ban lãnh đạo trường và SV **[H8.08.04.08]** tạo cho người học cảm thấy thoải mái, được quan tâm và hứng thú khi học tập và nghiên cứu tại Trường.

2. Điểm mạnh

Môi trường cảnh quan xanh, sạch, đẹp, an toàn cùng với hệ thống chăm sóc y tế, sức khỏe tích cực luôn được ban lãnh đạo Trường ĐHNT quan tâm tạo điều kiện thuận lợi nhất để SV phát huy tối đa nhiệm vụ học tập, NCKH và phát triển toàn diện bản thân. Ngoài ra SV thường xuyên được cập nhật thông tin, nắm bắt kịp thời những quy định mới góp phần tạo nên môi trường sống và học thuật hoàn thiện hơn.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động nhắc nhở SV chú ý bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp của Trường chưa được quan tâm thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch chăm lo sức khỏe tâm lý học đường cho NH, kế hoạch cho các hoạt động ngoài giờ dành cho NH ngành KHHH; thành lập các CLB cho NH, như CLB tiếng Anh, CLB NCKH, CLB ca hát....	Phòng CTCT&NH; Khoa KTGT; BM KHHH	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	- Duy trì các hoạt động để khuôn viên Trường luôn được xanh, sạch, đẹp. - Tiếp tục duy trì môi trường tâm lý, xã hội cởi mở, thân thiện và các khu vực tự học cho NH. - Phát huy ý thức của NH về quy tắc ứng xử, xây dựng môi trường sư phạm, môi trường cảnh quan, môi trường sống và học tập tại Trường.	Trung tâm Phục vụ trường học (PVTH); Khoa KTGT; BM KHHH	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Đạt (điểm TĐG: 5/7)

Kết luận về tiêu chuẩn 8

Trong những năm qua, chất lượng NH và hoạt động hỗ trợ NH được Nhà trường, Khoa và BM xác định là một trong những khâu then chốt trong hoạt động đào tạo. Chính sách tuyển sinh, phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng, công bố công khai, và cập nhật thường xuyên theo đúng quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Từ khi nhập học đến khi kết thúc quá trình học tập, NH luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời để giải quyết những khó khăn trong học tập và rèn luyện. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH đã được Nhà trường phối hợp với Khoa, BM xây dựng và công bố công khai. Khối lượng học tập được phân bổ hợp lý giữa các năm giúp NH có thể tiếp thu tốt nhất các kiến thức, kỹ năng,...trong chương trình đào tạo.

Nhà trường đã có sự đầu tư đáng kể vào cơ sở vật chất phục vụ đào tạo. Giảng đường, thư viện, hội trường, nhà đa năng, sân vận động, KTX,... được xây dựng mới,

cải tạo, sửa chữa nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu học tập, sinh hoạt, và các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao của sinh viên. Môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xung quanh Trường xanh sạch đẹp đã tạo tâm lý thoải mái, an toàn cho NH, góp phần phát huy sự sáng tạo của NH. Nhiều hoạt động ngoại khóa được tổ chức, qua đó góp phần giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống lành mạnh và hình thành những kỹ năng mềm cần thiết cho SV. Hoạt động nhắc nhở SV chú ý bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp của trường chưa được quan tâm thường xuyên.

Trong những năm học tới, Nhà Trường và Khoa sẽ thực hiện các giải pháp mang tính đồng bộ để giải quyết những vấn đề còn tồn đọng, chất lượng NH và hoạt động hỗ trợ người học được nâng cao, góp phần vào sự lớn mạnh của Khoa.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 5/5

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Nhà trường nói chung và Khoa KTGT nói riêng luôn đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị để hỗ trợ tốt các hoạt động đào tạo và NCKH của CBVC, NLĐ, GV và NH.

Trong những năm gần đây, Nhà trường đã tập trung đầu tư cải tạo, sửa chữa và xây mới khu làm việc, giảng đường, hệ thống KTX khá khang trang, mua sắm trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH cho CB, GV và SV. Phần lớn các phòng học đã được trang bị hệ thống âm thanh, máy chiếu, đáp ứng được nhu cầu ứng dụng CNTT trong giảng dạy và học tập. Điều kiện làm việc cho khối văn phòng được cải thiện, các phòng ban, khoa đều có phòng làm việc riêng, chuyên viên được trang bị bàn ghế, tủ tài liệu, máy tính. Hệ thống thư viện, thiết bị thí nghiệm, thực hành được chú trọng đầu tư, hệ thống thông tin điện tử trong Nhà trường được cải tạo, nâng cấp, 100% đơn vị đã nối mạng internet.

Với yêu cầu không ngừng nâng cao CLĐT, trong những năm tới Nhà trường sẽ chú trọng đầu tư nâng cấp CSVN, trang thiết bị giảng dạy, học tập và NCKH.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trong thời gian 20 năm gần đây, Trường ĐHNT đã khai thác từ nhiều nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất, đặc biệt chú trọng đến cơ sở vật chất của phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng nhằm phục vụ tốt cho công tác đào tạo và NCKH.

Hiện nay, Trường ĐHNT có 03 khu vực trong đó địa điểm Số 02 Nguyễn Đình Chiểu là cơ sở chính bao gồm văn phòng làm việc của Ban Giám hiệu, phòng ban chức năng, các phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, phòng học, GD. Bên cạnh đó, Trường còn có thư viện, khu KTX, hội trường, nhà thi đấu đa năng, sân vận động... Cơ sở chính hiện có 154 phòng làm việc, cơ bản đáp ứng chỗ làm việc và diện tích cho tất cả các tổ chức, đơn vị, BM **[H9.09.01.01]**.

Để ĐBCL về hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng và các trang thiết bị, Trường ĐHNT tổ chức kiểm kê hằng năm và công khai theo QĐ 1250/QĐ-ĐHNT của Hiệu trưởng Trường **[H9.09.01.02]**.

Hệ thống phòng làm việc của Khoa KTGT và các BM được bố trí ở cơ sở số 02 Nguyễn Đình Chiểu với khuôn viên khang trang và tiện nghi có tổng diện tích sử dụng rộng trên 500 m². Đặc biệt vị trí này rất thuận tiện cho quá trình đến liên hệ làm việc của các đơn vị bên ngoài trong quá trình hợp tác, nghiên cứu với Khoa. Đồng thời, nhà trường tạo điều kiện bố trí các Phòng Thực hành Hải đồ và Thủy nghiệp, Phòng Thực hành máy điện hàng hải, Phòng Mô phỏng điều động tàu tàu, Phòng Chuyên đề khá thuận lợi cho SV liên hệ, thực hành và nghiên cứu trong quá trình học tập **[H9.09.01.03]**.

Tổng diện tích phòng học hiện tại là 24.474 m², đạt tỉ lệ 3,26 m²/SV với 128 phòng học các loại có sức chứa từ 60 đến 120 SV; 05 phòng họp và 03 hội trường lớn với 11.021 chỗ ngồi, được phân bố tại các khu GD và khu làm việc; tất cả các phòng học được trang bị đầy đủ thiết bị hiện đại, hỗ trợ công tác giảng dạy (chẳng hạn như máy chiếu, Tivi, Thiết bị âm thanh, hệ thống mạng không dây miễn phí đã phủ sóng trong toàn Trường, ...) và có người phụ trách công tác vệ sinh môi trường, phòng học riêng cho từng GD **[H9.09.01.04]**. Số lượng và các loại phòng học cơ bản đã đáp ứng yêu cầu về học tập cho tất cả các ngành đào tạo của Trường nói chung và ngành KHHH nói riêng.

Để đáp ứng hiệu quả hoạt động học tập của NH, Trường ĐHNT tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi của NH theo Quy định **[H9.09.01.05]** cụ thể nhận xét của SV năm cuối ngành KHHH giai đoạn 2017-2021 về tiêu chí nhà trường có đầy đủ trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập, thực hành đạt tỷ lệ “đồng ý” và “hoàn toàn đồng ý” trên 70% **[H9.09.01.06]**. Vẫn còn trường hợp NH kiến nghị cần thường xuyên sửa chữa, bảo trì,

bảo dưỡng cơ sở vật chất, trang thiết bị kịp thời cho phòng học (quạt, micro, máy chiếu, hệ thống loa, bàn ghế, ổ cắm điện, wifi, tivi...), một số phòng bị vang giọng ảnh hưởng đến chất lượng người nghe, bàn ghế bố trí chưa phù hợp cho hoạt động dạy học tích cực **[H9.09.01.06]**. Ngoài ra, các ý kiến về phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị cũng được nêu ra và thảo luận tại các Hội nghị CBVC và Đối thoại CBVC hằng năm **[H9.09.01.07]**.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHNT có đủ hệ thống phòng học, phòng làm việc cũng như các phòng chức năng đạt chuẩn được trang bị đầy đủ, tạo điều kiện thuận lợi nhất phục vụ cho đào tạo và NCKH. Quản lý các phòng học theo quy định chung của Trường đảm bảo hiệu quả tốt.

3. Điểm tồn tại

Một số trang thiết bị trong phòng học hoạt động thiếu ổn định, cần phải được thường xuyên sửa chữa và thay mới.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục có chính sách duy trì các điểm mạnh.	Nhà trường Khoa KTGT	Hàng năm	
2	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh việc triển khai mua sắm, sửa chữa, triển khai đầu tư cho các phòng làm việc và khu vực GD phục vụ đào tạo và NCKH của CBVC, NH.	Nhà trường	Từ năm học 2024-2025	
		Thực hiện bảo dưỡng định kì các trang thiết bị sẵn có để đảm bảo hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng của GV và NH trong Trường, Khoa nói chung và ngành KHHH nói riêng.	Trung tâm PVTH	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trường có thư viện, phòng đọc, được trang bị các trang thiết bị để hoạt động, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT. Thư viện được bố trí ở khuôn viên gần 4.000m², yên tĩnh, thoáng mát, trang bị hiện đại với 13 phòng đọc tổng diện tích 1.400m² với 1.000 chỗ ngồi, có sơ đồ cụ thể; phục vụ chung cho SV toàn Trường, bao gồm SV ngành KHHH [H9.09.02.01].

Thư viện có số lượng tài liệu phục vụ cho dạy học và nghiên cứu, đáp ứng nhu cầu dạy học và nghiên cứu cho các ngành đào tạo của Trường. Tính đến ngày 31/12/2022, Thư viện có hơn 160.839 tài liệu số và 23.373 tài liệu văn bản đưa vào phục vụ bạn đọc trực tuyến trong đó có 1.007 bài giảng HP được GV gửi đến Thư viện và cập nhật hằng năm, giúp SV dễ dàng tiếp cận và sử dụng [H9.09.02.02].

Nguồn học liệu hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của SV ngành KHHH khá đa dạng, phong phú tại Thư viện của Trường. Tính đến ngày 31/12/2022, số lượng báo và tạp chí gồm 27 Nhan đề tài liệu, Giáo trình - Bài giảng của Trường gồm 129 Nhan đề tài liệu, Luận văn - Khóa luận gồm 2170 Nhan đề tài liệu, Sách ngoại văn gồm 658 Nhan đề tài liệu và Sách tiếng việt gồm 923 Nhan đề tài liệu hỗ trợ và phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu ngành KHHH được cập nhật, đảm bảo đáp ứng được yêu cầu [H9.09.02.03]. Tuy nhiên, qua quá trình thống kê đối với Sách ngoại văn trong lĩnh vực KHHH chưa phong phú và một số đầu sách chuyên ngành đã cũ phần lớn xuất bản trước năm 2010 [H9.09.02.03]. Việc tìm kiếm các tài liệu hỗ trợ cho dạy học các HP phần chuyên ngành KHHH khá phong phú và đa dạng [H9.09.02.04]. Phần lớn bài giảng số các HP cơ sở ngành và ngành KHHH được cung cấp và lưu trữ trên hệ thống E-learning của Trường trong năm 2020 và 2021 theo quy định của Trường [H9.09.02.05].

Để có nguồn tài liệu được cập nhật và bổ sung hằng năm, Trường thông báo đăng ký mua sắm tài liệu mỗi năm học gửi đến các Khoa, BM và GV để tiến hành đăng ký [H9.09.02.06].

Thư viện thường xuyên tổ chức các lớp hướng dẫn sử dụng cho SV khóa mới, đồng thời phổ biến nội quy, quy định sử dụng thư viện, các dịch vụ thư viện, diễn đàn

thư viện tiếp nhận và trả lời các thông tin phản hồi từ bạn đọc **[H9.09.02.07]**. Từ năm 2014, Thư viện đã gắn dây từ hoặc chip cho toàn bộ tài liệu, đưa hệ thống máy mượn-trả tự động vào phục vụ, giúp quản lý người dùng tốt hơn. Hiện tại, Thư viện có 2 hình thức phục vụ: phục vụ trực tiếp (tài liệu in) và phục vụ trực tuyến (tài liệu số). Trong giai đoạn 2020-2024, xu hướng dịch chuyển của độc giả từ tài liệu in sang sử dụng tài liệu số trong đó số tài liệu in mượn từ Thư viện giảm xuống, nhưng số lượt truy cập website Thư viện và tài liệu số tăng lên, được thể hiện cụ thể ở Bảng 9.1 và Bảng 9.2 **[H9.09.02.08]** như sau:

Bảng 9. 1. Số lượt truy cập tài liệu của sinh viên ngành KHHH tại Thư viện

Năm	Lượt mượn tài liệu in (Số lượt mượn TL giấy ra khỏi kho sách)	Truy sử dụng TL số cập	Tổng lượt sử dụng (Giấy + số)
2020	203	90	293
2021	200	163	363
2022	196	141	337
2023	154	107	261
2024	106	174	280

Bảng 9. 2. Số lượt truy cập tài liệu của sinh viên toàn trường tại Thư viện

Năm	Lượt mượn tài liệu in (Số lượt mượn TL giấy ra khỏi kho sách)	Truy sử dụng TL số cập	Tổng lượt sử dụng (Giấy + số)
2020	4263	82505	86.768
2021	2183	81361	83.544
2022	3326	54891	58.217
2023	3054	54618	57.672
2024	3166	54500	57.666

(Số liệu trên chỉ tính số lượt tài liệu được mượn ra khỏi kho Thư viện)

Nguồn: Thư viện Trường

Số lượng độc giả Thư viện là SV giai đoạn 2020-2024 là 343.867, trong đó số SV ngành KHHH là 1.534 chiếm 0,5% độc giả SV trong toàn Trường **[H9.09.02.09]**

thể hiện việc đọc giả là SV ngành KHHH không cao trong tổng số hơn 35 ngành đào tạo bậc ĐH của Trường.

Thư viện cũng có nhiều hoạt động quảng bá như tổ chức hội thảo liên thư viện, hội sách học đường, giới thiệu tài liệu mới... [H9.09.02.10]. Hằng năm, thư viện đều lấy ý kiến phản hồi của người đọc và SV để cải thiện phục vụ, và kết quả cho thấy Thư viện được độc giả đánh giá cao. Kết quả khảo sát SV cuối khóa ngành KHHH các năm 2020-2024, tỉ lệ SV đánh giá mức “đồng ý” và “hoàn toàn đồng ý” tăng lên về các tiêu chí thư viện cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo cho hầu hết các HP, và thư viện có đủ chỗ cho SV học tập và nghiên cứu là cao trên 60% [H9.09.02.11]. Tiếp thu các góp ý của người đọc, Thư viện đã có những cải tiến thiết thực nhằm phục vụ tốt hơn cho CBVC, GV và SV [H9.09.02.12].

2. Điểm mạnh

CSVC, trang thiết bị (diện tích phòng đọc, môi trường) của thư viện đáp ứng tốt cho nhu cầu người đọc. Tài liệu, thông tin đầy đủ, phù hợp và có tính cập nhật. Quy trình phục vụ của thư viện dễ hiểu, thuận tiện. NV và cán bộ thư viện nghiêm túc và nhiệt tình.

3. Điểm tồn tại

Chưa có nhiều cơ sở dữ liệu số về các tạp chí chuyên ngành quốc tế, khả năng cập nhật cơ sở dữ liệu số còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Đầu tư mở rộng liên kết với nguồn cung cấp học liệu chuyên ngành.	Thư viện	Từ năm học 2024-2025	
2	Khắc phục tồn tại	Đưa các ĐCHP cùng bài giảng lên hệ thống thư viện, đồng thời giới thiệu các nguồn học liệu số hóa từ các đơn vị đối tác.	Khoa KTGT	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7).

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Khoa KTGT được trang bị đầy đủ hệ thống phòng thực hành phục vụ nhu cầu đào tạo cũng như NCKH cho khối ngành KHHH, KTTS. Hiện tại, Khoa KTGT được trang bị Phòng Thực hành Hải đồ và Thủy nghiệp, Phòng Thực hành máy điện hàng hải, Phòng Mô phỏng điều động tàu với đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho NH **[H9.09.03.01]**. Thực hành mô phỏng điều động tàu tại Phòng mô phỏng điều động tàu **[H9.09.03.02]**. Nhằm đảm bảo công tác phục vụ cũng như thực hiện kế hoạch kiểm tra giám sát mức độ hiệu quả việc sử dụng các phòng thực hành tại Khoa KTGT của Trường, Nhà trường phân công hợp lý 01 cán bộ phụ trách kết hợp hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị **[H9.09.03.03]**.

Đối với đào tạo ngành KHHH, SV được học HP Tin học đại cương B (LT+TH) với thời lượng 30 tiết tại Phòng Thực hành tin học **[H9.09.03.02]**. Nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và khai thác hiệu suất sử dụng máy vi tính và trang thiết bị dạy học, Trường ĐHNT bố trí Phòng thực hành tin học phục vụ đào tạo NH toàn trường nói chung và NH ngành KHHH nói riêng tại GĐ G8 với tổng diện tích khuôn viên 3,462 m², trong đó diện tích dành cho khu vực GĐ là 1212 m²; có tổng cộng 9 phòng học với số phòng học sử dụng thực tế là 8 phòng **[H9.09.03.04]**. Các trang thiết bị, máy vi tính tại phòng thực hành tin học được kiểm kê hàng năm và công khai theo quy định tại QĐ 1250/QĐ-ĐHNT của Hiệu trưởng Trường ĐHNT **[H9.09.03.05]**, và quy trình tiếp nhận thông tin sửa chữa hư hỏng và mua sắm vật tư trang thiết bị được Trường quy định công khai **[H9.09.03.06]**. Tuy nhiên, qua phản hồi của NH năm cuối cho rằng một số máy tính tại Phòng thực hành tin học đã cũ nên đôi khi ảnh hưởng đến việc thực hành tin học.

2. Điểm mạnh

Các phòng phục vụ cho HĐGD, học tập của NH được đầu tư, trang bị đầy đủ, phòng thực hành tin học được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phù hợp với hoạt động thực hành của sinh viên. Các thiết bị thường xuyên được bảo dưỡng, nâng cấp đảm bảo hỗ trợ tốt nhất các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của NH.

3. Điểm tồn tại

Cần nâng cấp hoặc mua sắm mới thay thế một số máy vi tính cũ nhằm phục vụ tốt nhu cầu của NH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đề xuất thiết bị chuyên sâu phục vụ cho ngành Quản lý Hàng hải và Logistics với các trang thiết bị hiện đại, phục vụ tốt nhu cầu thực hành, thực tập và nghiên cứu của NH.	Trung tâm PVTH Khoa KTGT	Từ năm học 2024-2025
2	Khắc phục tồn tại	Phối hợp rà soát với Trung Tâm PVTH, xây dựng kế hoạch đầu tư máy vi tính mới thay thế các máy cũ không còn sử dụng được đảm bảo đáp ứng tốt nhất nhu cầu của GV và NH.	Trung tâm PVTH Khoa KTGT	Từ năm học 2024-2025

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường bao gồm: hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, mạng internet, trang thông tin điện tử... đáp ứng tốt các hoạt động đào tạo và NCKH. Nhà trường đã trang bị đủ máy tính hoạt động tốt phục vụ cho hoạt động dạy học, nghiên cứu và quản lý nhằm hỗ trợ tốt nhất các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Tính đến tháng 12/2022, Trường có 441 bộ máy vi tính, trong đó 320 bộ máy tính để bàn được phân bố ở các phòng máy phục vụ dạy và học CNTT, ngoại ngữ và hỗ trợ GV giảng dạy trực tuyến tại Trường; và 100 bộ máy tính trang bị cho các văn phòng, khoa và BM **[H9.09.04.01]**.

Nhà trường hiện có GD G8 với tổng diện tích khuôn viên 3,462 m², trong đó diện tích dành cho khu vực GD là 1212 m²; có tổng cộng 9 phòng học với số phòng học sử dụng thực tế là 8 phòng, đảm bảo 100% NH có máy tính để thực hành **[H9.09.03.04]**.

Nhà trường đã chú trọng đầu tư hệ thống công nghệ thông tin để đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy, đào tạo và NCKH của CBVC, NLD và NH và cung cấp dịch vụ internet phủ sóng wifi toàn trường [H9.09.04.02]. Nhà trường thực hiện kế hoạch đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường đầu tư về hạ tầng công nghệ thông tin nhằm nâng cấp và hoàn thiện website của Trường, Khoa/Khoa như sử dụng các phần mềm quản lý đào tạo, thanh toán giảng dạy, CB, dạy học trực tuyến trên Hệ thống E-learning),... [H9.09.04.03].

Nhà trường đã cấp tài khoản email với tên miền @ntu.edu.vn cho tất cả CBVC, NLD và NH [H9.09.04.04]. Nhà trường có Phòng CNTT là đầu mối tiếp nhận và xử lý các vấn đề kỹ thuật về đường truyền, mạng máy tính thông qua việc bố trí chuyên viên phụ trách hệ thống mạng, phụ trách phần mềm với trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tốt giúp hệ thống hoạt động ngày càng hiệu quả [H9.09.04.05]. Mỗi năm Nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi của CBVC, NLD và NH về hệ thống máy tính, phần mềm, website và các trang thiết bị tin học. Kết quả khảo sát cho thấy cán bộ, giảng viên, sinh viên hài lòng với hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường [H9.09.04.06].

Từ năm 2020 đến nay, Trường ĐHNT đã triển khai các hoạt động dạy học và đánh giá trực tuyến đảm bảo phù hợp với tình hình dịch bệnh Covid-19 cho các ngành đào tạo trong trường nói chung và ngành KHHH nói riêng trong năm học 2020-2021 và HK 1 năm học 2021-2022 [H9.09.04.07]. Nhờ có Hệ thống E-learning, trang thiết bị phần cứng đảm bảo, có bộ phận nghiệp vụ chuyên trách và hệ thống CNTT đồng bộ nên hoạt động đào tạo trực tuyến được vận hành nhịp nhàng, hiệu quả và chất lượng cho NH ngành KHHH [H9.09.04.08].

Tuy vậy, hệ thống CNTT, đường truyền internet chưa đáp ứng đủ nhu cầu cho hoạt động đào tạo và NCKH trong một số thời điểm có lượng người truy cập nhiều thường tập trung vào thời gian Đăng ký HP của NH vào từng HK.

2. Điểm mạnh

Nhà trường tăng cường đầu tư hiện đại hóa hạ tầng cho CNTT, hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo và NCKH. Khi có sự cố về máy tính, về mạng internet, CBVC, NLD và NH luôn được nhân viên kỹ thuật hỗ trợ kịp thời.

3. Điểm tồn tại

Chất lượng wifi ở một số khu vực chưa được đảm bảo.

4. Kế hoạch hoành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì, bảo dưỡng đảm bảo sự hoạt động ổn định của hệ thống wifi, máy tính, phần mềm đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu cho ngành KHHH. Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án Chuyển đổi số.	Trường ĐHNT Khoa KTGT	Từ năm học 2024-2025	
2	Khắc phục điểm tồn tại	Đầu tư mua sắm phần mềm, máy tính phục vụ cho giảng dạy và NCKH. Nâng cấp chất lượng đường truyền Internet để có thể đáp ứng được những thời gian hoạt động cao điểm: Đăng ký HP, học trực tuyến,...	Phòng CNTT Trung tâm PVTH	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả hiện trạng

Trường luôn chú trọng các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn cho CBVC, GV và NH. Về môi trường cảnh quan, chiến lược phát triển của Trường đã xác định rõ xây dựng Trường có cơ sở vật chất hiện đại và đồng bộ dựa trên nền tảng không gian xanh [H9.09.05.01]. Vì vậy, từ năm 2016 đến nay, Trường luôn chú trọng đến phát triển không gian, cảnh quan môi trường, cải tạo và trồng bổ sung các cây che phủ bóng mát, quy hoạch lại các lối đi, trồng thêm cây cảnh và hoa góp phần tạo môi trường “Xanh - Sạch - Đẹp” cho Trường [H9.09.05.02].

Trường thực hiện ký các hợp đồng dịch vụ thuê đội ngũ NV quét dọn vệ sinh hàng ngày tại các khu làm việc và GD, quản lý và bảo vệ KTX, cắt tỉa và chăm sóc cây cảnh trong khuôn viên Trường; trong các hợp đồng dịch vụ quy định rõ các tiêu chuẩn về môi

trường, sức khỏe và an toàn tại phụ lục hợp đồng hoặc tại mục trách nhiệm của bên được thuê; các tiêu chuẩn này cũng được quy định đối với NH tại các KTX **[H9.09.05.03]**. Đối với an ninh an toàn, Trường đã ban hành quy định về công tác bảo vệ Trường; và hằng năm, xây dựng kế hoạch an toàn về an ninh, trật tự Trường **[H9.09.05.04]**; Trường có lực lượng an ninh và kế hoạch cụ thể cho các tình huống, đảm bảo an ninh trật tự và an toàn tài sản cho Trường; đồng thời phối hợp chặt chẽ với công an và chính quyền địa phương trong việc bảo vệ an ninh trật tự trường học và xung quanh địa bàn. Trường rất chú trọng đến công tác phòng cháy và chữa cháy (PCCC); và Ban chỉ đạo PCCC hằng năm xây dựng kế hoạch tự kiểm tra và tăng cường công tác PCCC, và thường xuyên phối hợp với phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc Công an tỉnh Khánh Hòa tổ chức diễn tập phòng cháy chữa cháy **[H9.09.05.05]**.

Để đảm bảo sức khỏe cho CBVC, GV và SV, hằng năm Trường xây dựng kế hoạch phòng chống dịch bệnh, đặc biệt tăng cường phòng chống dịch covid-19 trong năm 2020 và 2021, và có các báo cáo về công tác y tế phòng chống dịch bệnh của Trường **[H9.09.05.06]**. Nhằm tăng cường công tác giám sát, Trường đã thành lập các tổ kiểm tra vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, an ninh trật tự và phòng tránh cháy nổ nhằm đảm bảo môi trường sạch đẹp, an toàn sức khỏe, tính mạng và an ninh trật tự cho CBVC, GV và SV trong trường **[H9.09.05.07]**. Tất cả SV và CBVC của Trường đều tham gia bảo hiểm y tế. Trường có Phòng Y tế (gồm 2 NV) nằm ngay khu KTX, trên đường đi từ cổng trường đến nhà xe thuận tiện cho SV, CBVC của Trường đến khám trong trường hợp bị ốm đau đột xuất. Hằng năm, toàn thể CBVC của Trường đều được kiểm tra sức khỏe tại những cơ sở y tế có uy tín và SV khóa mới đều tổ chức khám sức khỏe tổng quát **[H9.09.05.08]**. Kết quả triển khai thực hiện công tác kiểm tra sức khỏe đều được Phòng Y tế báo cáo hằng năm.

Báo cáo kết quả khảo sát SV năm cuối năm 2021-2022 cho thấy đánh giá “đồng ý” và “hoàn toàn đồng ý” về Câu hỏi “Nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu về chỗ ăn, chỗ ở cho SV” đạt tỷ lệ trên 60% và “Nhà trường chăm lo tốt sức khỏe của SV” đạt tỷ lệ trên 70% **[H9.09.05.09]**.

Trường ĐHNT có các đường đi thuận tiện cho hoạt động của xe lăn của người khuyết tật dẫn đến các khu vực trong khuôn viên trường. Bên cạnh đó, phòng học cho người khuyết tật đã được bố trí ở tầng trệt **[H9.09.05.10]**. Tuy nhiên việc bố trí các nhà vệ sinh tại các GD, nhà làm việc chưa chú trọng đến hoạt động của người khuyết tật.

Các phương tiện chuyên dụng như xe đẩy, thiết kế bàn ghế riêng, đội ngũ chuyên trách phục vụ người khuyết tật còn thiếu, chưa được trang bị. Một số GD cũ không có lối đi riêng cho người khuyết tật nhưng chưa được nâng cấp cải tạo. Hiện nay, Trường ĐHNT chưa có báo cáo riêng việc phản hồi của người khuyết tật về tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe và an toàn.

2. Điểm mạnh

Các quy định, tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn của Trường được thiết lập và triển khai theo quy định, đảm bảo hỗ trợ cho sinh hoạt và đời sống của SV, môi trường dạy học an toàn cho CBVC, GV, SV, góp phần hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu tại Trường. Trường có không gian rộng rãi nên bước đầu đáp ứng một phần nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

3. Điểm tồn tại

Tiêu chuẩn về an toàn chưa được lưu ý đầy đủ cho nhu cầu đặc thù của người khuyết tật; đặc biệt tại các khu GD và tòa nhà làm việc cũ không có lối đi riêng cho người khuyết tật, chưa có nhà vệ sinh dành riêng, các thiết bị chuyên dụng, đội ngũ cho người khuyết tật. Chưa có báo cáo về tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe và an toàn từ việc khảo sát trực tiếp người khuyết tật.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục có chính sách duy trì các điểm mạnh.	Nhà trường Khoa KTGT	Hàng năm	
2	Khắc phục điểm tồn tại	Cải tạo, bố trí lối đi, nhà vệ sinh đặc biệt dành cho người khuyết tật ở những khu vực GD, khu vực hành chính cũ.	Trung tâm PVTH	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Trường ĐHNT nói chung và Khoa KTGT nói riêng có hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị đáp ứng được yêu cầu của hoạt động đào tạo và NCKH của CBVC, NLĐ

và NH. Phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng được đầu tư, sửa chữa và nâng cấp; phòng thực hành được trang bị các thiết bị khá hiện đại; thư viện của Nhà trường có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo hỗ trợ tốt các nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH. Nhà trường có nhà đa năng, sân vận động, thuận lợi cho CBVC, NLĐ và NH rèn luyện sức khỏe. Công tác bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm luôn được Nhà trường quan tâm CBVC, NLĐ và NH được làm việc, nghiên cứu, học tập trong không gian xanh, sạch, đẹp, trật tự và an toàn. Hiệu quả của công tác quản lý và khai thác, sử dụng cơ sở vật chất và các trang thiết bị ngày càng cao. Trường cần đầu tư để thư viện mở rộng liên kết với nguồn cung cấp tạp chí chuyên ngành quốc tế và đầu tư số hóa các tài liệu sách mới phục vụ đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực KHHH. Tăng cường hệ thống CNTT, đường truyền internet (về số lượng và chất lượng) để đảm bảo đáp ứng hoạt động đào tạo trong các thời điểm cao điểm. Trường cần đưa các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn có lưu ý cụ thể đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật vào các quy định và kế hoạch hành động. Thiết kế, bố trí lối đi, nhà vệ sinh đặc biệt, bố trí phòng học ở tầng thấp, phân công NV chuyên trách phục vụ cho người khuyết tật, nhất là SV. Do đó, Trường ĐHNT, các phòng ban liên quan và Khoa cần có kế hoạch để khắc phục trong những năm học tới.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 5/5.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Triển khai đào tạo ngành KHHH từ 2013, Trường ĐHNT và Khoa KTGT đã không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo đối với ngành này. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ (GV, NH, Cựu SV, NTD) giúp Khoa có cơ sở thiết kế và phát triển CTDH hiệu quả. Hoạt động này được thực hiện định kỳ hằng năm và luôn được đánh giá và cải tiến trong quá trình thực hiện. Trong quá trình triển khai giảng dạy, học tập, các kết quả từ việc dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các BLQ thúc đẩy việc cải tiến CLĐT.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Mô tả hiện trạng

Trường có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ. Hoạt động này được Trường tổ chức thông

qua sự phối hợp của các đơn vị khác nhau trong Trường như mô tả trong Quy định lấy ý kiến phản hồi các BLQ [H10.10.01.01], Kế hoạch ĐBCL hằng năm của Trường [H10.10.01.02], Quy định xây dựng và phát triển CTĐT của Trường [H10.10.01.03]. Cuối mỗi HK, Phòng ĐBCL&KT tổ chức lấy ý kiến của NH về HDGD của GV sau khi kết thúc HP [H10.10.01.04] dựa trên các quy định về lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ [H10.10.01.01], quy định về xây dựng và phát triển CTĐT [H10.10.01.03]. Đồng thời, BM KHHH cũng thu thập thông tin phản hồi của NH thông qua CVHT [H10.10.01.05]; của NTD đặc biệt là các DN và cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực hàng hải (Bộ NN&PTNT, Sở NN&PTNT các tỉnh, Chi cục Hàng hải các tỉnh, các Phòng NN&PTNT, các Khoa nghiên cứu và các tổ chức phi chính phủ có liên quan khác) và Cựu SV thông qua Buổi tọa đàm, Hội nghị học tốt hàng năm [H10.10.01.06]. Việc lấy ý kiến nhận xét về khóa học được thực hiện hằng năm đối với SV năm cuối [H10.10.01.07]. Ngoài ra, Trung tâm HTVL&KN là đầu mối thu thập ý kiến phản hồi từ NH đã tốt nghiệp, các đơn vị sử dụng lao động, nhu cầu của các BLQ [H10.10.01.08].

Kết quả phản hồi của các BLQ được sử dụng trong các hoạt động đánh giá chất lượng và làm căn cứ phát triển CTDH ngành KHHH. Năm 2019, với những thay đổi về các HP lý luận chính trị trong CTĐT theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Trường đã ban hành QĐ thực hiện chương trình các môn Lý luận chính trị theo quy định mới áp dụng cho khóa 61 trở đi [H10.10.01.09]. Căn cứ vào các CTĐT trình độ đại học đã được phê duyệt, thực tế công tác CVHT và các ý kiến góp ý từ các bên liên quan trong việc điều chỉnh, cập nhật, cải tiến chương trình đào tạo, Hiệu trưởng thông báo điều chỉnh tổ chức đào tạo học phần Nhập môn ngành trong CTĐT từ khóa 61 trở đi [H10.10.01.10].

Theo TB tổ chức đánh giá và cập nhật CTĐT trình độ ĐH của Trường [H10.10.01.11], theo quy trình, để tiếp tục việc cập nhật, phát triển CTĐT, Trường ban hành QĐ thành lập BCN CTĐT [H10.10.01.12], Khoa KTGT và BCN CTĐT ngành KHHH đã tiến hành xây dựng kế hoạch, thu thập thông tin và nhu cầu của các BLQ. Kết quả đánh giá cho thấy CTĐT khóa 58 ngành KHHH không đáp ứng được các phản hồi mới từ NH và yêu cầu mới từ phía DN sử dụng lao động; mục tiêu và CDR của CTDH gắn với sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường mức độ chưa cao; CTDH chưa bám sát đầy đủ yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam [H10.10.01.13]. Vì vậy, BCN đã dự thảo CTĐT mới của ngành KHHH được đánh giá và thẩm định qua các bước theo quy định [H10.10.01.14]. Kết quả của thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được cụ thể hóa bằng khung CTĐT điều chỉnh áp dụng cho khóa 62 từ năm học 2020-2021 và CTĐT cập nhật mới áp dụng cho khóa 63 áp dụng từ năm học 2021-2022 [H10.10.01.15]. Theo đó, khung CTĐT khóa 62 đã điều chỉnh số tín chỉ, tên HP, sắp xếp lại thời gian giảng dạy của một số HP chuyên ngành, bỏ bớt và bổ sung

một số HP mới nhằm đảm bảo đạt được CDR của CTĐT. Đặc biệt, khung CTĐT khóa 63 đã được cập nhật mới thay đổi phù hợp với yêu cầu, có các nội dung như mục tiêu và CDR của CTĐT, các ma trận tương thích, và sắp xếp lại cấu trúc CTĐT theo hướng thực tế, tinh gọn giúp NH dễ dàng đạt được CDR của CTĐT và bổ sung HP mới để phù hợp sau khi tiếp thu nhận định các BLQ. Bên cạnh đó, bổ sung HP “Tiếng Anh chuyên ngành” nhằm nâng cao chất lượng NH trong việc sử dụng Tiếng Anh trong ngành hàng hải áp dụng làm việc cho NTD nước ngoài sau khi tốt nghiệp [H10.10.01.15].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ theo Kế hoạch điều chỉnh CTĐT của ngành KHHH, thông qua các đơn vị trực thuộc như Phòng ĐBCL&KT, Trung tâm HTVL&KN. Ngoài ra, Khoa KTGT cũng có các hình thức riêng nhằm thu thập thêm các phản hồi từ các BLQ. Bên cạnh đó, các GV của Khoa cũng luôn duy trì kênh liên lạc thường xuyên với các DN, cơ sở thực tập và mạng lưới cựu SV trong cả nước. Các thông tin phản hồi được phân loại, xử lý, phân tích với tính khoa học, độ tin cậy cao. CTĐT ngành KHHH được thiết kế, xây dựng, điều chỉnh và phát triển dựa trên thông tin phản hồi của các BLQ.

3. Điểm tồn tại

Các phản hồi từ các BLQ khá đa dạng, bao gồm cả lĩnh vực sản xuất kinh doanh và cả công tác quản lý Nhà nước về hàng hải. Do đó, BCN CTĐT gặp nhiều khó khăn trong việc dung hoà và tích hợp các kiến nghị này để áp dụng vào việc thiết kế, cải tiến và phát triển CTĐT. Bên cạnh đó, số lượng doanh nghiệp tham gia đánh giá CTĐT ngành KHHH chưa nhiều, phạm vi khảo sát mới chỉ giới hạn ở các doanh nghiệp chủ yếu là khu vực miền Trung và miền Nam.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức rà soát đối tượng lấy ý kiến; mở rộng các hình thức lấy ý kiến từ các NTD, NH tốt nghiệp (qua email, gửi phiếu điều tra) để thu thập thông tin phản hồi của các BLQ mang tính đại diện cao hơn, nhằm đánh giá chính xác hơn và cập nhật được CTĐT KHHH hoàn thiện hơn.	Phòng ĐBCL&KT; Khoa KTGT	Giai đoạn 2024-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Khai thác hiệu quả các văn bản quy định, quy trình, kế hoạch và biểu mẫu hướng dẫn của Trường; phát huy nền tảng hệ thống thu thập thông tin sẵn có của Trường để tổ chức lấy ý kiến các BLQ làm cơ sở cho việc cập nhật, phát triển CTDH trong thời gian đến.	Khoa KHHH; BCN CTĐT KHHH	Giai đoạn 2024-2025	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Từ khi Điều lệ trường ĐH ban hành năm 2010 và 2014, Trường đã ban hành Quy chế đào tạo ĐH theo hệ thống tín chỉ vào năm 2013, và sau đó ban hành QĐ số 218/QĐ-ĐHNT ngày 17/3/2014 [H10.10.02.01] và cập nhật CTĐT theo các quy định mới của Bộ [H10.10.02.02], BCN CTĐT ngành KHHH đã được thiết lập, thực hiện qua các bước quy trình theo quy định và CTĐT ngành KHHH áp dụng cho khóa 58 được ban hành năm 2016 [H10.10.02.03]. Tuy nhiên, CTĐT khóa 58 ngành KHHH vẫn còn một số tồn tại, hạn chế [H10.10.02.04].

Để khắc phục những tồn tại, Trường đã tiến hành rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH căn cứ vào các quy định và hướng dẫn mới của Bộ GD&ĐT [H10.10.02.05]. Trường đã xây dựng kế hoạch hành động bằng việc phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị và kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTDH khóa 58 [H10.10.02.06]. Đồng thời, trong giai đoạn 2017-2020 Trường đã tổ chức nhiều lớp tập huấn cho CBVC, GV về thiết kế và phát triển CTDH theo quy định mới [H10.10.02.07]. Quy trình thiết kế và phát triển CTDH ngành KHHH đã được cải tiến thông qua việc Trường ban hành QĐ số 1008/QĐ-ĐHNT ngày 07/9/2018 về quy định phát triển CTĐT [H10.10.02.08] thay thế cho QĐ số 218/QĐ-ĐHNT ngày 17/3/2014. Trường đã xây dựng kế hoạch hành động bằng việc phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị và kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTDH khóa 58. Đồng thời, Trường đã tổ chức nhiều lớp tập huấn cho CBVC, GV về thiết kế và phát triển CTDH theo quy định mới [H10.10.02.07].

Trong quá trình thực hiện cải tiến, Trường ĐHNT đã có những cập nhật, bổ sung nhằm phù hợp với các quy định mới và thực tiễn tại trường. Trước hết là Trường đã ban hành kế hoạch tổ chức và đánh giá CTĐT **[H10.10.02.09]**, các QĐ thành lập Hội đồng, Tiểu ban, BCN phát triển CTĐT ngành KHHH **[H10.10.02.10]**, ban hành các hướng dẫn, quy định lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ nhằm phục vụ phát triển CTDH, ban hành triết lý và mục tiêu giáo dục của Trường... **[H10.10.02.11]**. BCN CTĐT ngành KHHH đã tiến hành xây dựng kế hoạch, thực hiện đánh giá CTĐT ngành KHHH theo quy trình đã thiết lập, lấy ý kiến các BLQ và qua các bước đánh giá thẩm định **[H10.10.02.04]** **[H10.10.02.12]**. Sau khi thẩm định việc đánh giá CTĐT ngành KHHH đạt yêu cầu, BCN đã triển khai cập nhật, cải tiến CTĐT ngành KHHH căn cứ vào kết quả đánh giá CTĐT. Việc triển khai cập nhật này cũng dựa vào kế hoạch chung và tuân thủ các quy định của Trường như quy định về khối lượng và cấu trúc của CTĐT, đảm bảo yêu cầu đối với chương trình GDTQ, cập nhật các môn lý luận chính trị theo quy định mới, quy định về HP nhập môn ngành **[H10.10.02.13]**. Các dự thảo CTĐT ngành KHHH đã được BCN CTĐT ngành KHHH họp thảo luận để thống nhất và được Tiểu ban liên ngành thực hiện thẩm định và đánh giá **[H10.10.02.14]**. Kết quả của sự cải tiến là CTĐT điều chỉnh cho khóa 62 áp dụng từ năm học 2020-2021 và CTĐT cập nhật mới cho khóa 63 áp dụng từ năm học 2021-2022 **[H10.10.02.15]**. CTĐT khóa 62 đã điều chỉnh số tín chỉ, tên HP, sắp xếp lại thời gian giảng dạy của một số HP chuyên ngành, bỏ bớt và bổ sung một số HP mới nhằm đảm bảo đạt được CĐR của CTĐT. CTĐT khóa 63 được cập nhật mới nhiều nội dung như mục tiêu và CĐR của CTĐT, các ma trận tương thích, và sắp xếp lại cấu trúc CTĐT theo hướng thực tế, tinh gọn giúp NH dễ dàng đạt được CĐR của CTĐT **[H10.10.02.15]**.

Các ĐCHP và ĐCCTHP mới được đánh giá và cải tiến dựa vào kết quả lấy ý kiến phản hồi của NH, cựu SV và NTD **[H10.10.02.04]**. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ cũng được sử dụng làm căn cứ để thiết kế ĐCHP và ĐCCTHP. Theo kế hoạch chung của Trường **[H10.10.02.16]**, BM KHHH đã triển khai thiết kế, cập nhật ĐCHP các HP cho khóa 63 trở đi **[H10.10.02.17]**. Tiếp thu ý kiến phản hồi và nhu cầu của DN và Cựu SV như là những nội dung gì, các ĐCHP và ĐCCTHP mới đã chú trọng tiếp thu trong quá trình thiết kế, cập nhật.

Như vậy, việc thiết kế và phát triển CTDH ngành KHHH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến của các BLQ trong quy trình đánh giá CTDH

gặp một số khó khăn về thu thập thông tin và mất nhiều thời gian, đặc biệt đối với các đơn vị sử dụng lao động và CSV.

2. Điểm mạnh

CTĐT được xây dựng bám sát CDR, CTDH cũng được thay đổi phù hợp nhằm đạt được mục tiêu đào tạo và CDR đã quy định trong ĐCHP. Trong quá trình điều chỉnh CTĐT và CTDH đã tham khảo ý kiến của các BLQ để có những điều chỉnh cho phù hợp. Định kỳ CTĐT và CTDH đều được rà soát, cập nhật, và bổ sung.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù CTDH đã được xác lập, đánh giá và cải tiến. Tuy nhiên, CTĐT khó đáp ứng được tất cả các ý kiến đánh giá từ các BLQ, độ bao phủ ý kiến chưa rộng khắp, chưa có các ý kiến đánh giá mang tính chuyên sâu của các nhà chuyên môn, nhà quản lý giàu kinh nghiệm...

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Mở rộng thêm đối tượng từ các BLQ trong việc lấy ý kiến nhằm có nhiều thông tin cho đánh giá để cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH của Trường.	Phòng ĐTĐH; Phòng ĐBCL&KT	Trong năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Đồng thời phát huy hiệu quả cách thức triển khai rà soát, đánh giá hiện hành về quy trình thiết kế và phát triển CTDH của Trường.	Phòng ĐTĐH; Phòng ĐBCL&KT	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Để triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các PPDH, PPĐG KQHT của NH trong CTĐT nhằm đảm bảo tương thích và phù hợp với CDR, BCN CTĐT ngành KHHH

được thành lập để cùng BM KHHH và GV thường xuyên rà soát và đánh giá **[H10.10.03.01]**. Căn cứ vào kế hoạch đào tạo năm học, Phòng ĐBCL&KT tổ chức lấy ý kiến của NH về hoạt động GD của GV. Các ý kiến được Phòng ĐBCL&KT tổng hợp và thống kê, sau đó được chuyển về cho từng GV, Trưởng BM và Trưởng Khoa/Khoa, từ đó các BM tiến hành họp và tiếp thu ý kiến đóng góp của NH **[H10.10.03.02]**. Mỗi HK, các GV của BM KHHH đều có các buổi tham dự giờ giảng, đóng góp ý kiến xây dựng cho HP tốt hơn, đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng và cập nhật các bài giảng, cải tiến PPGD nhằm đáp ứng mục tiêu của CĐR **[H10.10.03.03]**. GV trong trường được khuyến khích đẩy mạnh PPGD tích cực, sử dụng công cụ E-learning và kết hợp rèn luyện kỹ năng mềm cho SV **[H10.10.03.04]**.

Các ĐCHP được rà soát, đánh giá và thiết kế cập nhật có sự cải tiến. ĐCHP sử dụng trong giai đoạn 2017-2020, không có phát biểu CĐR (thay vào đó là KQHT mong đợi), không có mục “phương pháp dạy học” **[H10.10.03.05]**. Từ năm học 2021-2022, ĐCHP được công bố với đầy đủ các thông tin về CĐR, nội dung của các chủ đề, kế hoạch dạy và học, hoạt động của NH, PPDH, đánh giá KQHT với nhiều hình thức đánh giá đa dạng như ĐGQT, kiểm tra giữa kỳ, thi cuối kỳ **[H10.10.03.06]**.

Theo kế hoạch chung của Trường về tổ chức xây dựng và cập nhật ĐCHP và Mẫu ĐCHP **[H10.10.03.07]**, BM KHHH đã triển khai thiết kế, cập nhật ĐCHP cho khóa 63 trở đi **[H10.10.03.08]** với đầy đủ các thông tin về CĐR, nội dung của các chủ đề, kế hoạch dạy và học, hoạt động của NH, PPDH, đánh giá KQHT với nhiều hình thức đánh giá đa dạng như ĐGQT, kiểm tra giữa kỳ, thi cuối kỳ Bên cạnh đó, Kế hoạch kiểm tra, đánh giá được Nhà trường xây dựng và công bố vào đầu mỗi năm học.

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH là một khâu rất quan trọng không thể thiếu trong quá trình đào tạo tại Trường ĐHNT nói chung và đào tạo ngành KHHH nói riêng. Việc KTĐG về KQHT của NH được Nhà trường quy định rõ trong Quy chế đào tạo trình độ ĐH mới là QĐ số 753/QĐ-ĐHNT, ngày 13/08/2021 và QĐ số 981/QĐ-ĐHNT ngày 21/9/2021 về việc ban hành Quy định đánh giá HP **[H10.10.03.09]**. Bên cạnh đó, kế hoạch KTĐG được Nhà trường xây dựng và công bố vào đầu mỗi năm học. Việc quản lý dữ liệu KTĐG được thực hiện trên phần mềm đào tạo của trường, qua đó Nhà trường, Khoa, GV và NH đều có thể xem và theo dõi kế hoạch kiểm tra đánh giá theo từng HK, năm học **[H10.10.03.10]**. Ngoài ra, Trường ĐHNT ban hành QĐ số 1159/QĐ-ĐHNT ngày 05/9/2022 về Quy định công tác CVHT trong đó chức năng của CVHT là theo dõi KQHT của SV **[H10.10.03.11]**. Do đó, kết thúc mỗi HK, Phòng CTCT&SV tiến hành xét KQHT cho SV. Những SV bị cảnh báo 3 lần liên tiếp sẽ bị buộc thôi học. Đối với những SV bị cảnh báo dưới 3 lần Nhà trường, Khoa và CVHT sẽ

có những biện pháp hỗ trợ kịp thời nhắc nhở, thường xuyên đối với NH để có thể hoàn thành chương trình học tập [H10.10.03.12], [H10.10.03.11].

CTĐT KHHH thường xuyên được cập nhật, quá trình dạy và học thường xuyên kiểm tra và giám sát để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR [H5.05.01.01], [H10.10.03.09]. Trường đã thành lập tổ cập nhật CTĐT và tổ chuyên gia về chất lượng đào tạo nhằm hoàn thiện CĐR, nguyên tắc thiết kế CTĐT, nguyên tắc biên soạn CTĐT và đề xuất các PPĐG phù hợp với đào tạo tín chỉ [H10.10.03.13], [H10.10.03.14].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống văn bản đầy đủ về công tác ĐBCL về PPDH và PPĐG KQHT của NH được các GV tuân thủ một cách đầy đủ. Quá trình dạy và học được nhà trường tổ chức rà soát và đánh giá thường xuyên và liên tục. Việc đánh giá KQHT của NH được các phòng ban chức năng rà soát và kiểm tra chéo thường xuyên.

3. Điểm tồn tại

Việc thẩm định sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy và học, đánh giá KQHT với CĐR chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Thực hiện đánh giá mức độ phù hợp và tính hiệu quả của các PPDH và phương pháp KTĐG giúp bảo đảm sự tương thích với CĐR. - Trường tổ chức các lớp tập huấn về PPGD cho GV; BM và Khoa tổ chức các buổi chia sẻ kinh nghiệm tổ chức HGD.	Khoa KTGT; BM KHHH; Trường ĐHNT	Giai đoạn 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	- Duy trì tổ chức lấy ý kiến của NH về HGD của GV theo định kỳ. - BM duy trì thường xuyên họp thảo luận về PPDH và phương pháp KTĐG, tiếp thu ý kiến đánh giá của NH để rút kinh nghiệm và thực hiện cải tiến.	Khoa KTGT; Phòng ĐBCL&KT; BM KHHH	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả hiện trạng

Trường rất chú trọng thúc đẩy các hoạt động KHCN và đã ban hành các văn bản quản lý hoạt động KHCN trong Trường [H10.10.04.01]; có các chính sách, chế độ khuyến khích và tạo điều kiện cho GV và SV tham gia các hoạt động KHCN [H10.10.04.02] [H10.10.04.03]. Hằng năm, Phòng KHCN thường xuyên cập nhật thông tin đề xuất nhiệm vụ KHCN, thông báo tuyển chọn đề tài KHCN các cấp, thư mời viết bài báo khoa học, kế hoạch tổ chức hội thảo các cấp của Trường đến Khoa một cách kịp thời [H10.10.04.04]; tổ chức các hội nghị tìm kiếm giải pháp thúc đẩy NCKH tại Trường; xây dựng cơ chế chính sách NCKH cho GV trẻ; các buổi tập huấn trao đổi kinh nghiệm viết bài báo khoa học; tổ chức tuần KHCN cho SV; ban hành các hướng dẫn cụ thể khác cho hoạt động NCKH [H10.10.04.05].

Trong giai đoạn 2017-2022, Khoa KTGT đã có sự phát triển vượt bậc về NCKH trong hơn 5 năm qua Khoa triển khai 20 nhiệm vụ khoa học các cấp (Bộ, Tỉnh, Quốc gia), 22 Bài báo quốc tế, 38 Bài báo trong nước, 15 Báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị và hội thảo quốc tế, 17 Báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị và hội thảo trong nước, 11 các tài liệu, sách đã xuất bản [H10.10.04.06] và 03 đề tài NCKH của SV [H10.10.04.07]. Hoạt động SV tham gia đề tài NCKH giúp NH được tiếp cận với thực tiễn nghiên cứu học thuật và đóng góp có chất lượng cho sản phẩm ĐA/CD tốt nghiệp của ngành.

Trong giai đoạn 2017-2022, hằng năm Khoa tổ chức Hội thảo cấp đơn vị nhằm tạo môi trường sinh hoạt học thuật cho GV và NH để nâng cao năng lực NCKH [H10.10.04.08].

Các kết quả NCKH đã được các GV giảng dạy ngành KHHH đúc kết, biên soạn và xuất bản thành 11 tài liệu trong đó có 5 tài liệu được xuất bản từ NXB uy tín và 6 tài liệu lưu hành nội bộ. Ngoài ra, Khoa KTGT đã sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến HĐGD của GV và hoạt động học tập của NH. [H10.10.04.09]. Đây là những tài liệu học giảng dạy và học các HP chuyên môn rất bổ ích cho cả GV và SV qua đó đã cải tiến được việc dạy và học các HP chuyên ngành. Bên cạnh đó, các kết quả NCKH được SV tham khảo làm đồ án/CD tốt nghiệp [H10.10.04.10].

Khoa KTGT đã sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến HĐGD của GV và hoạt động học tập của NH. Cụ thể, kết quả NCKH được đúc kết, biên soạn và xuất bản thành sách, giáo trình; sách và bài báo [H10.10.04.10], và kết quả đề tài NCKH gắn với đồ án tốt nghiệp của SV [H10.10.04.11].

2. Điểm mạnh

GV và NH tại Khoa KTGT nói chung và BM KHHH tham gia thực hiện nhiều Đề tài NCKH (trung bình 3 đề tài/năm). Hầu hết các công trình NCKH gắn liền với Chuyên ngành đào tạo nên được GV và NH sử dụng trong hoạt động dạy và học. Bên cạnh đó, GV và NH tham gia nhiều Hội thảo Khoa học, công bố nhiều Bài báo Khoa học quốc tế và quốc gia.

3. Điểm tồn tại

Các kết quả NCKH thường ở mức độ chuyên sâu, trong khi nội dung dạy học dành cho bậc ĐH ở mức tổng quát, đặc biệt là đối với NH ở năm thứ nhất và năm thứ hai. Bên cạnh đó, việc ứng dụng kết quả NCKH để cải tiến hoạt động dạy và học chưa được triển khai đồng bộ ở tất cả các HP.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Triển khai cho các nhóm nghiên cứu lồng ghép kết quả NCKH trong tất cả các HP chuyên ngành.	Khoa KTGT; BM KHHH	Giai đoạn 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì và bổ sung cơ chế khuyến khích GV biên soạn các học liệu, tài liệu học tập và lồng ghép các nội dung, kết quả NCKH vào quá trình dạy học.	Khoa KTGT; BM KHHH	Giai đoạn 2024-2025	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Xác định công tác thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và cải tiến chất lượng đào tạo của Nhà trường. Giai đoạn 2017 - 2021, Nhà trường xác định rõ nội dung của công tác này trong Kế hoạch ĐBCL giáo dục cấp trường hàng năm và quy định cụ thể trong văn bản Quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan tại Trường ĐHNT do Phòng ĐBCL&KT thực hiện **[H10.10.05.01]**. Trong đó, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được Nhà trường giám sát, đánh giá thông qua các đợt khảo sát ý kiến của SV năm cuối về chất lượng CTĐT **[H10.10.05.02]**. Trường ĐHNT xác định rất rõ chất lượng các dịch vụ hỗ trợ như hệ thống thư viện, hệ thống CNTT góp phần rất lớn vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH cho cán bộ và SV ngành KHHH. Vì vậy, công tác đánh giá chất lượng các dịch vụ này cũng được nhà Trường quan tâm và thực hiện nghiêm túc.

Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả cho các hoạt động, Nhà trường đã thành lập các đơn vị chuyên trách cung cấp các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ cho người học như Trung tâm HTVL&KN qua đó tổ chức nhiều chương trình hỗ trợ cho NH như hỗ trợ khởi nghiệp, việc làm... góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội về chất lượng nguồn nhân lực **[H10.10.05.03]**.

Nhà trường có ban hành các văn bản quy định đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (thư viện, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng công tác giảng dạy, học tập và NCKH. Nhà trường ban hành văn bản về hệ thống thu thập thông tin phản hồi để không ngừng nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu NH **[H10.10.05.01]**. Ngoài ra, NH có thể phản ánh ý kiến trực tiếp với đơn vị quản lý hoạt động dịch vụ hoặc thông qua các buổi chào cơ, đối thoại SV hoặc thông qua kênh CVHT/báo cáo công tác SV hàng tháng **[H10.10.05.04]**, **[H10.10.05.05]**.

Trung tâm PVTH đã tổ chức các khu tự học thoáng mát, yên tĩnh. Khu KTX rộng rãi, khu để xe tập trung và gần các giảng đường. Hệ thống nhà thi đấu và tập luyện thể thao đa dạng được bố trí dành cho SV. Đồng thời, các bảng chỉ dẫn trong khuôn viên Trường được thiết kế và lắp đặt ở nhiều nơi cần thiết tạo điều kiện thuận lợi cho NH và khách tham quan đi lại và cũng tạo ấn tượng độc đáo cho cảnh quan Nhà trường **[H10.10.05.06]**, **[H10.10.05.07]**.

Chất lượng phục vụ của thư viện được cải tiến rõ rệt thông qua các lần lấy ý kiến NH (tăng thời gian mượn sách và lượt tải tài liệu số, bổ sung nhiều tài liệu chuyên ngành). Hệ thống wifi đã được phủ sóng khắp toàn trường và mạng cáp quang cũng đã được nâng cấp để CBVC, GV và NH có thể truy cập internet với chất lượng tốt và tốc độ nhanh. Từ năm học 2017-2018, Trường đã cải tiến phần mềm quản lý bằng việc sử dụng các phần mềm chuyên dụng mới có tính năng tích hợp cao, đồng bộ được hệ thống thông tin quản lý trong toàn trường **[H10.10.05.08]**.

Bảng 10.1. Kết quả đánh giá về Sinh hoạt và Đời sống 2024

STT	Tiêu chí đánh giá	HTĐY (%)	ĐY (%)	TĐĐY (%)	KĐY (%)	HTKĐY (%)	ĐTB
1	Hoạt động Đoàn, Hội có các hoạt động bổ ích cho SV	32,37	45,88	18,29	2,52	0,93	4,06
2	Nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu về văn hóa, văn nghệ của SV	34,06	48,89	15,37	1,2	0,49	4,15
3	Nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu về thể dục, thể thao của SV	34,41	49,96	14,35	0,75	0,53	4,17
4	Nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu về chỗ ăn, chỗ ở cho SV	33,04	48,58	16,61	1,24	0,53	4,12
5	Nhà trường chăm lo tốt sức khỏe của SV	32,11	46,06	19,49	1,51	0,84	4,07

Kết quả khảo sát ở Bảng 10.5 cho thấy, các tiêu chí đều có điểm trung bình lớn hơn 4, Có thể nói, điều kiện sinh hoạt và đời sống của SV tại Trường thỏa mãn nhu cầu của đa số SV. Tiêu chí “Hoạt động Đoàn, Hội có các hoạt động bổ ích cho SV” là tiêu chí có điểm trung bình thấp nhất **[H10.10.05.09]**.

2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ cơ sở vật chất, dịch vụ hỗ trợ phục vụ cho hoạt động dạy-học, NCKH và các tiện ích phong phú và đa dạng, thường xuyên được cập nhật và cải tiến. Chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ ngày càng được nâng cao trên cơ sở tiếp nhận các ý kiến phản hồi của các BLQ.

3. Điểm tồn tại

Một số thông tin phản hồi về chất lượng dịch vụ chưa được giải quyết một cách nhanh chóng, đặc biệt là các sự cố về đường truyền wifi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Nghiên cứu cách cấp quyền truy cập wifi để có thể kiểm soát lượng truy cập mạng, giúp cho việc sử dụng mạng wifi phục vụ hiệu quả việc học và nghiên cứu cho GV và NH trong Trường. - Khắc phục hầu hết các lỗi hư/hỏng của máy chiếu, thiết bị dạy học tại các GD.	Phòng CNTT; Trung tâm PVTH	Trong năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Luôn duy trì và nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích hỗ trợ cho GV và NH; tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của GV, NH để nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích.	Các đơn vị trong Trường ĐHNT	Giai đoạn 2024-2025	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Cơ chế phản hồi các BLQ tại Trường được thực hiện có hệ thống. Trường đã ban hành các quy định lấy ý kiến phản hồi của các BLQ [H1.01.01.08]. Phòng ĐBCL&KT là đơn vị chịu trách nhiệm quản lý chung hoạt động lấy ý kiến của các BLQ trong toàn trường [H10.10.06.01] và thực hiện lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động GD cuối mỗi HK [H10.10.06.02], lấy ý kiến của SV năm cuối vào cuối năm học [H5.05.04.04]. Phòng CTCT&SV thực hiện lấy ý kiến SV về đội ngũ CVHT vào cuối năm học

[H10.10.06.03] và chủ trì họp giao ban công tác SV hàng tháng **[H10.10.06.04]**. Trung tâm HTVL&KN thực hiện khảo sát SV tốt nghiệp **[H10.10.06.05]**, khảo sát DN về chất lượng SV tốt nghiệp và nhu cầu tuyển dụng **[H1.01.01.11]**. Phòng HCNS tập hợp ý kiến tại các buổi đối thoại giữa Hiệu trưởng và CBVC được tổ chức định kỳ 6 tháng/lần **[H10.10.06.06]**. Mọi SV, VC, người lao động trong Trường còn có thể gửi ý kiến vào hộp thư góp ý chung hoặc gửi thư điện tử trực tiếp cho Hiệu trưởng và các đơn vị quản lý **[H10.10.06.07]**. Kết quả lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ đều được tổng hợp, phân tích làm cơ sở điều chỉnh CTĐT **[H3.03.03.04]**.

Cơ chế phản hồi của các BLQ được đánh giá và cải tiến định kỳ. Từ năm học 2016 - 2017 trở về trước, Trường thực hiện khảo sát của các BLQ bằng hình thức phiếu giấy **[H10.10.06.08]**, nhận ra những khó khăn trong quá trình thực hiện, đặc biệt là kết quả khảo sát chưa được lưu trữ có hệ thống, việc đối sánh kết quả giữa các kỳ để làm cơ sở cải tiến chất lượng đào tạo còn hạn chế. Vì vậy, từ năm học 2017 - 2018, Trường đã triển khai việc lấy ý kiến của các BLQ bằng hình thức trực tuyến thông qua phần mềm quản lý đào tạo Trường và một số qua Google form thay hình thức khảo sát bằng phiếu giấy trước đó **[H10.10.06.09]**. Các bảng câu hỏi khảo sát cũng được các đơn vị có chức năng lấy ý kiến thường xuyên rà soát, cập nhật để nâng cao chất lượng thông tin phản hồi **[H10.10.06.10]**. Vào HK II, năm học 2019 - 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 Trường đã tổ chức GD trực tuyến cho SV. Nhằm kịp thời ghi nhận ý kiến của SV để nâng cao hơn nữa chất lượng GD trực tuyến, Phòng ĐBCL&KT đã xây dựng bảng câu hỏi, tiến hành khảo sát NH về hoạt động dạy học E-learning **[H10.10.06.11]**, **[H10.10.06.12]**. Kết quả các hoạt động khảo sát được tổng hợp, phân tích, đối sánh kết quả qua các năm và gửi đến BGH, các đơn vị, BM để nắm bắt thông tin, đưa ra các biện pháp khắc phục hạn chế, nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ tại BM, đơn vị **[H10.10.06.13]**; **[H10.10.06.14]**; **[H10.10.06.15]**. Đối với hoạt động khảo sát ý kiến SV về hoạt động GD, các BM phải tiến hành họp, đề xuất các biện pháp khắc phục, nâng cao chất lượng GD **[H10.10.06.16]** và gửi về Phòng ĐBCL&KT để tổng hợp. Ngoài ra, để hoạt động khảo sát này ngày càng mang ý nghĩa thiết thực, góp phần cải tiến chất lượng GD, Trường đã đưa kết quả khảo sát vào tiêu chí đánh giá, phân loại GV hàng năm **[H10.10.06.17]**. Hoạt động họp giao ban công tác SV được tổ chức hàng tháng là một hoạt động cải tiến có ý nghĩa rất lớn. Thông qua hoạt động này, SV được kịp thời giải đáp các thắc mắc cũng như được trình bày tâm tư nguyện vọng đến Trường thông qua các thầy cô ở BM, ban lãnh đạo khoa/Khoa/trung tâm đào tạo. Các đơn vị sẽ tập

hợp ý kiến của SV gửi đến Phòng CTCT&SV tổng hợp và trình bày trong buổi họp giao ban công tác SV có sự tham gia của lãnh đạo Trường. Từ đó Trường cũng như các đơn vị cùng phối hợp đưa ra các biện pháp, kịp thời điều chỉnh các hoạt động nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập và sinh hoạt của SV **[H10.10.06.04]; [H10.10.06.18]**.

Ngoài ra, để nâng cao hiệu quả của công tác thu thập thông tin phản hồi, Khoa KTGT còn thu thập ý kiến từ Cơ quan nhà nước về Hàng hải đã tuyển dụng SV tốt nghiệp ngành KHHH **[H10.10.06.19]**, đồng thời lắng nghe những chia sẻ của các DN tuyển dụng thông qua các chương trình Toạ đàm, Hội nghị học tốt do Khoa tổ chức **[H10.10.06.20]**. Hoạt động thu thập thông tin phản hồi được chú trọng và cải tiến **[H10.10.06.21]** nhưng vẫn chưa thực hiện hết các bộ phận trong toàn trường, thông tin chủ yếu chỉ mới có một chiều, chiều phản hồi từ Trường và các đơn vị chức năng đến SV, GV và các đơn vị có sử dụng lao động còn yếu, cơ chế chưa được xác lập rõ ràng.

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các BLQ đã được thiết lập có tính hệ thống, được thực hiện định kỳ và liên tục được cải tiến.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một số đối tượng và hoạt động của Trường chưa được khảo sát.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện khảo sát lấy ý kiến của VC hành chính để phục vụ cho việc cải tiến CTĐT ngành KHHH.	Khoa KTGT; Phòng ĐBCL&KT	Từ năm học 2024-2025 và thực hiện hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ đánh giá lại cơ chế phản hồi của các BLQ nhằm cải tiến để đảm bảo thu thập thông tin phản hồi có tính hệ thống và độ tin cậy cao.	Phòng ĐBCL&KT	Giai đoạn 2024-2025	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Việc thu thập thông tin phản hồi của các BLQ đóng vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng phục vụ cho ngành KHHH. Cũng chính vì thế Trường ĐHTN,

Khoa KTGT luôn quan tâm sâu sắc và có kế hoạch, chính sách thực hiện rất nghiêm túc. Kết quả có được từ sự đóng góp ý kiến của các BLQ được sử dụng như một tham chiếu đáng tin cậy trong việc xây dựng, hoàn thiện chất lượng CTĐT, CTDH. Ngoài ra ý kiến phản hồi của các BLQ còn giúp ngành cải thiện, thay đổi hợp lý các chính sách hiện tại nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới của xã hội.

Việc nâng cao giá trị phục vụ, giá trị sử dụng các dịch vụ cũng mang lại hiệu quả cao trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, cải thiện chất lượng sản phẩm NCKH và tạo sự thoải mái nhất có thể để đội ngũ cán bộ, SV hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Tuy nhiên, việc tiếp cận và ghi nhận thông tin phản hồi của các BLQ, đặc biệt là từ phía nhà tuyển dụng vẫn chưa đạt hiệu quả cao. Hoạt động điều chỉnh, bổ sung CTĐT, phát triển CTDH được thực hiện tại Trường ĐHNT định kỳ thực hiện đáp ứng kịp nhu cầu thay đổi nhanh của thị trường lao động thời hội nhập. Đối với hoạt động NCKH, số lượng các đề tài được thực hiện vẫn còn khá hạn chế.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

Chất lượng đào tạo là một nội dung rất quan trọng, luôn được Trường ĐHNT, Khoa KTGT quan tâm và xác định đó là nhiệm vụ hàng đầu. Chính vì thế việc nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng chuẩn đầu ra của CTĐT, cụ thể là ngành KHHH là hết sức cần thiết. Có thể khẳng định chất lượng đào tạo ngành KHHH bắt đầu ra đời từ năm 2013 trên cơ sở là ngành truyền thống thì việc đào tạo tại Trường ĐHNT mang lại nhiều lợi thế rất tốt. Điều này được thể hiện rất rõ từ khâu tuyển dụng việc làm sau ra trường, nhìn nhận về số lượng SV được tuyển dụng ngay từ năm thứ 4 của ĐH. SV được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp dưới sự giám sát, theo dõi chặt chẽ từ phía lãnh đạo nhà Trường, Khoa và Bộ môn trong suốt thời gian học. Ngoài hoạt động dạy và học, Khoa KTGT còn đẩy mạnh công tác NCKH trong GV, SV, nhằm tìm ra giải pháp nâng cao mức độ hoàn thành mục tiêu CĐR cũng như nâng cao chất lượng dạy và học. Kết quả đầu ra của SV và ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng cũng cho thấy mức độ hoàn thành các tiêu chí trong CĐR của CTĐT là rất khả quan, tạo tiền đề cung cấp nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao cùng với thái độ phục vụ rất tích cực, hiệu quả trên phạm vi cả nước.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Phòng CTCT&SV và Phòng ĐTDH phối hợp chặt chẽ với Khoa/Khoa quản lý các chuyên ngành đào tạo, trong đó có ngành KHHH. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng theo kế hoạch năm học chung của toàn trường nói chung và của Khoa KTGT nói riêng [H11.11.01.01]. Khoa và các BM tạo mọi điều kiện để SV học tập có chất lượng, cùng với sự quan tâm và hỗ trợ tốt nhất nên theo số liệu thống kê trong 5 năm gần đây, không có SV nào của ngành KHHH bị buộc thôi học do vi phạm các quy chế đào tạo. Một số SV, chủ yếu SV năm thứ nhất xin chuyển sang các Khoa/Khoa khác hoặc bỏ học vì lý do cá nhân. Tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp được giám sát qua số liệu thống kê của Phòng ĐTDH và Phòng CTCT&SV. Vào đầu mỗi HK, các SV có KQHT và rèn luyện đạt loại khá trở lên và đạt loại kém được CVHT thông báo đến gia đình SV qua đường bưu điện. Đồng thời, các SV thuộc diện cảnh báo KQHT, bị buộc thôi học và dự kiến xóa tên được CVHT thông báo trực tiếp đến bản thân SV. SV nào có nguyện vọng muốn xin học lại có đơn và bản cam kết, được CVHT, BM và Khoa xác nhận và Trường xem xét cho học lại [H11.11.01.02]. Ngoài ra, Khoa dựa trên dữ liệu được cung cấp bởi phần mềm qltd.ntu.edu.vn sau đó CVHT để rà soát tình hình học tập của từng SV trong lớp và tìm hiểu nguyên nhân thôi học của SV và cập nhật vào biên bản theo từng HK do Phòng CTCT&SV triển khai. Phòng CTCT&SV và Khoa KTGT luôn giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của NH, đối chiếu so sánh KQHT và rèn luyện của NH với quy định đào tạo của từng HK để có cảnh báo sớm đến các NH nằm trong diện cảnh cáo và bị buộc thôi học. Qua đó đã triển khai thực hiện các giải pháp nhằm giảm tỷ lệ thôi học và tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn hàng năm, kịp thời động viên, hỗ trợ để SV tiếp tục quá trình học tập, tư vấn SV phương pháp cải thiện kết quả học tập phù hợp với từng trường hợp cụ thể [H11.11.01.03], [H11.11.01.04], [H11.11.01.05], [H11.11.01.06]

Bảng 11. 1. Tỷ lệ % SV tốt nghiệp (2020-2024)

Năm tốt nghiệp	SL Đầu vào	Tốt nghiệp đúng hạn	
		SL	Tỷ lệ %
Năm 2020 (K58)	10	8	80,00
Năm 2021 (K59)	19	10	52,63
Năm 2022 (K60)	47	29	61,7
Năm 2023 (K61)	13	6	46,15
Năm 2024 (K62)	23	7	30,43

Kết quả thống kê cho thấy tỷ lệ SV ngành KHHH hoàn thành CTĐT khá cao từ năm 2020 đến 2024. Điều này chứng tỏ việc quản lý KQHT của SV được thực hiện rất chặt chẽ từ năm nhất. Nhờ đó, CVHT, Khoa và Trường đã áp dụng các biện pháp phù hợp và kịp thời để hỗ trợ SV hoàn thành CTĐT theo đúng tiến độ. Dù có giảm theo năm nhưng tỷ lệ SV hoàn thành CTĐT vẫn duy trì ở mức ổn định, phản ánh sự nỗ lực không ngừng của SV cũng như sự hỗ trợ từ CVHT và nhà trường.

Bảng 11. 2. Số lượng sinh viên thuộc các diện cảnh báo hoặc buộc thôi học hàng năm (2017-2023)

Thành phần sinh viên	Số lượng SV/Năm						
	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Buộc thôi học vì không đủ điều kiện đào tạo	0	1	1	6	1	1	2
Cảnh báo KQHT	7	17	20	13	20	10	36
Dừng học vì bỏ học dài ngày	0	5	1	10	10	5	3
Xóa tên vì bỏ học dài ngày	8	4	7	10	4	0	1
Xóa tên hết hạn	0	0	0	0	4	7	3
Tổng số	15	27	29	29	39	23	45

Có thể thấy, hàng năm số lượng SV thuộc diện cảnh báo KQHT, hoặc xóa tên vì bỏ học dài ngày còn khá cao. Nguyên nhân có thể do SV chưa xác định đúng đắn động cơ học tập, do vậy chưa tập trung cho việc học, đồng thời SV bỏ học do các nguyên nhân từ hoàn cảnh gia đình khó khăn hoặc lựa chọn sang các ngành nghề khác, chuyển nơi sinh sống hay gia đình có việc bất khả kháng....

2. Điểm mạnh

Công tác xác lập, phân tích và đánh giá tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học ngành KHHH được thực hiện rất tốt, theo đúng quy định góp phần nâng cao chất lượng CTĐT. Phòng ĐTDH và Phòng CTCT&SV xác lập, theo dõi và công bố tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn của tất cả các ngành học theo năm học. Danh sách và số lượng thống kê của ngành KHHH được gửi đến lãnh đạo Trường và Khoa. Danh sách SV bỏ học và bị buộc thôi học cũng được cập nhật để Trường và Khoa có giải pháp phù hợp.

3. Điểm tồn tại

Việc cập nhật, đối sánh các tỷ lệ cũng được chưa được thực hiện thường xuyên. Hàng năm số lượng SV thuộc diện cảnh báo KQHT, hoặc xóa tên vì bỏ học dài ngày còn khá cao do nhiều nguyên nhân nhưng chưa có giải pháp thực sự hiệu quả để cải thiện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Phối hợp các đơn vị chức năng tiếp tục duy trì, phát huy công tác giám sát các chỉ tiêu NH tốt nghiệp, thôi học của NH. Tổng hợp, phân tích và thực hiện đối sánh để làm căn cứ nâng cao chất lượng CTĐT.	Phòng ĐTĐH; Phòng CTCT&NH; Khoa KTGT; BM KHHH	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phối hợp với các phòng ban duy trì và phát triển công tác theo dõi, phân tích và đánh giá tỉ lệ SV tốt nghiệp, thôi học, đồng thời thực hiện đối sánh để làm căn cứ nâng cao chất lượng đào tạo. CVHT thực hiện theo dõi tình hình NH sát sao hơn, kịp thời báo cáo tình hình cho Khoa và Trường, đặc biệt các trường hợp NH thuộc diện cảnh cáo, buộc thôi học để có hướng xử lý kịp thời hỗ trợ NH.	Khoa KTGT; BM KHHH	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Phòng ĐTĐH và Thư ký Khoa theo dõi thời gian tốt nghiệp trung bình của người học tại trường ĐHNT trong đó có SV chuyên ngành KHHH [H11.11.02.01]. Theo đó, phòng ĐTĐH thực hiện các thống kê hàng năm về tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp của tất cả hình thức đào tạo để cung cấp cho các bên liên quan. Trường bắt đầu

thực hiện đào tạo ĐH hệ chính quy theo hệ tín chỉ thì SV có thể học vượt để rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Nhiều SV có thể tốt nghiệp chỉ với 3,5 năm theo học tại Trường.

CVHT qua các buổi họp lớp định kỳ, cũng được giao nhiệm vụ tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất các biện pháp để giúp người học rút ngắn thời gian học tập [H11.11.02.02]. Một số nguyên nhân khiến người học chưa hoàn thành khóa học đúng thời hạn quy định là chưa đạt các yêu cầu CDR về ngoại ngữ, tin học. Ngoài ra, Trường và Khoa cũng đã cung cấp cho NH đầy đủ các văn bản liên quan đến quy chế đào tạo để người học chủ động việc học của mình.

KQHT, thời gian đào tạo của NH được quản lý trên phần mềm quản lý đào tạo để NH và GV đều có thể truy cập và theo dõi. Tỷ lệ NH và thời gian tốt nghiệp của của NH được quản lý thông qua phần mềm Quản lý đào tạo được thống kê bởi Phòng ĐTĐH, Phòng CTCT&SV và Khoa KTGT [H11.11.02.03]. Đây là cơ sở và giải pháp để cập nhật quy chế đào tạo phù hợp hơn, tăng cường số lượng NH tốt nghiệp đúng hạn và trước hạn.

Bảng 11.3. Thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình (năm) của SV ngành Luật và các ngành khác trong Trường

<i>Ngành học</i>	<i>K60</i>	<i>K61</i>	<i>K62</i>	<i>TB (K60-K61-62)</i>
<i>Khoa học Hàng hải</i>	4,3	4,5	4,6	4,5
Luật	4,2	4,3	4,0	4,17
Ngôn ngữ Anh	4,3	4,2	4,0	4,17
Quản trị kinh doanh	4,2	4,2	4,0	4,13
Kinh doanh thương mại	4,1	4,2	4,0	4,10
Tài chính - Ngân hàng	4,2	4,2	4,0	4,13
Kế toán	4,2	4,2	4,0	4,13
Công nghệ sinh học	4,4	4,1	4,0	4,17

<i>Ngành học</i>	<i>K60</i>	<i>K61</i>	<i>K62</i>	<i>TB (K60-K61-62)</i>
Công nghệ thông tin	4,4	4,4	4,0	4,27
Kỹ thuật cơ điện tử	4,9	4,1	4,0	4,33
Kỹ thuật nhiệt	4,4	4,4	4,0	4,27
Kỹ thuật tàu thủy	4,5	4,5	4,0	4,33
Kỹ thuật ô tô	4,5	4,5	4,0	4,33
Kỹ thuật môi trường	4,5	4,4	4,0	4,30
Công nghệ thực phẩm	4,2	4,2	4,0	4,13
Công nghệ chế biến thủy sản	4,3	4,1	4,0	4,13
Kỹ thuật xây dựng	4,6	4,6	4,0	4,40
Nuôi trồng thủy sản	4,3	4,2	4,0	4,17
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	4,2	4,2	4,0	4,13

Bảng 11.3 được tính dựa theo công thức: Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm) = $(\text{Số SV tốt nghiệp đúng hạn} \times 4 + \text{Số SV tốt nghiệp không đúng hạn} \times 5) / \text{Tổng số SV lớp học}$. Số liệu thống kê cho thấy thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Khoa học Hàng hải cao hơn mốc chuẩn (4,25 năm). Đối sánh với các ngành khác trong Trường cho thấy thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Khoa học Hàng hải tương đồng với một số các ngành khác trong trường (trên 4,25 năm).

2. Điểm mạnh

Trường đã xây dựng được quy trình giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của người học đối với CTĐT KHHH. CVHT kịp thời hỗ trợ người học trong các tình huống chậm tốt nghiệp. Công tác quản lý đào tạo, thống kê, đối sánh định kỳ tỉ lệ SV tốt nghiệp được phối hợp thực hiện chặt chẽ để kịp thời tư vấn, hỗ trợ NH.

3. Điểm tồn tại

Khoa và Trường chưa có những biện pháp quyết liệt và hiệu quả nhằm rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của SV KHHH cũng như chưa tiến hành đối sánh với các trường khác để cải thiện vấn đề này.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường theo dõi và thống kê hằng năm thời gian tốt nghiệp trung bình của NH thông qua phần mềm quản lý đào tạo của Trường. CVHT cũng tiếp tục phát huy vai trò của mình trong công tác theo dõi, tư vấn, hỗ trợ NH.	Phòng ĐTĐH; Khoa KTGT; BM KHHH	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành KHHH của Trường với các Trường khác nhằm giúp cải thiện thông số thời gian tốt nghiệp trung bình của người học.	Phòng ĐTĐH; Khoa KTGT; BM KHHH	Hằng năm	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Giai đoạn 2017-2023, Trung tâm HTVL&KN thực hiện việc khảo sát việc làm của sinh viên sau 01 năm tốt nghiệp qua các năm [H11.11.03.01]. Tuy nhiên, mức độ phản hồi của SV sau khi TN còn rất ít, chủ yếu thông tin được phản hồi trong năm 2018-2019. Theo kết quả này thì tỷ lệ NH sau khi TN có việc làm là khá cao.

Bảng 11. 3. Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp ngành KHHH

Đối tượng đối sánh	K54	K55	K56	K57	K58	K59
Tỷ lệ của Trường	89,88%	96,13%	92,54%	87,67%	72,08%	64,88%

Đối tượng đối sánh	K54	K55	K56	K57	K58	K59
Khoa học hàng hải	0	78%	83%	80%	75%	75%
Công nghệ kỹ thuật ô tô	100%	100%	92,86	87,50%	63,44%	51,85%
Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử		92,31%	100%	86,96%	83,33%	49,40%
Khai thác thủy sản		100,00%		87,39%	50,00%	88,89%
Kinh tế nông nghiệp			81,82%	81,03%	68,18%	66,67%
Quản lý thủy sản			94,00%	85,09%	76,19%	80%
Công nghệ kỹ thuật cơ khí			92,31%	93,33%	70,18%	
Hệ thống thông tin quản lý			88,46%	90,32%	72,22%	91,43%
Công nghệ sau thu hoạch			81,82%	72,34%	76,92%	
Công nghệ kỹ thuật hóa học			93,10%	71,21%	83,33%	43,75%
Quản lý nguồn lợi thủy sản			76,00%	63,64%	100%	100%
Bệnh học thủy sản				100%	90,00%	88,89%

Nhằm gia tăng hơn nữa tỷ lệ NH có việc làm, đặc biệt là tỷ lệ % có việc làm sau 6 tháng, Khoa KTGT đã tổ chức các cuộc đối thoại, tọa đàm giữa các nhà lãnh đạo cơ quan nhà nước Hàng hải, DN với SV để NH có cơ hội tiếp xúc, tìm hiểu yêu cầu từ các DN nhằm chuẩn bị hành trang cho tương lai **[H11.11.03.02]**, **[H11.11.03.07]**, **[H11.11.03.08]**.

Khoa KTGT cũng tiến hành các hoạt động tự đánh giá CTĐT KHHH cũng như mời gọi sự tham gia của bên NTD trong việc tham gia xây dựng CTĐT mang tính thực tiễn hơn **[H11.11.03.03]**. Nhà trường và Khoa KTGT thường xuyên tổ chức ngày hội tuyển dụng và thông báo rộng rãi trên các đề SV có thể tham gia kết nối với DN, nắm bắt nhu cầu tuyển dụng của thị trường, cũng như tìm kiếm cơ hội việc làm phù hợp. Đồng thời, trên website, trang facebook của khoa cũng thường xuyên đăng tải các thông tin tuyển dụng để hỗ trợ SV tìm việc, góp phần nâng cao tỷ lệ SV có việc làm **[H11.11.03.04]**, **[H11.11.03.05]**, **[H11.11.03.06]**.

2. Điểm mạnh

Khoa KTGT và Trường đã thực hiện theo dõi và giám sát tỷ lệ SV ngành KHHH có việc làm sau tốt nghiệp một cách tương đối thường xuyên. Ngoài ra, CTĐT ngành KHHH được cập nhật định kỳ nhằm hướng đến ngày càng gần với thực tế hơn. Các hoạt động hỗ trợ SV trong việc tìm kiếm việc làm mang lại hiệu quả, hỗ trợ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Mức độ phản hồi của NH sau khi TN rất hạn chế qua các năm. Cách tiếp cận khảo sát, thống kê tỉ lệ NH có việc làm sau khi tốt nghiệp còn hạn chế, chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Từ đó thông tin thu thập được chưa đủ cơ sở để tiến hành đối sánh về tỷ lệ SV KHHH có việc làm sau tốt nghiệp với các trường khác.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Tăng cường cơ hội cho NH tiếp cận kết nối với các DN và NTD thông qua các buổi hội thảo định hướng nghề nghiệp của Khoa và ngày hội tuyển dụng hằng năm. - Đề xuất biện pháp cụ thể hỗ trợ NH sau khi tốt nghiệp mà chưa có việc làm có thể tìm việc phù hợp với chuyên ngành.	Phòng HTNH&KN; Khoa KTGT; BM KHHH	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục duy trì hoạt động khảo sát NH tốt nghiệp có việc làm sau 12 tháng. - CVHT và GV duy trì kết nối với NH đã tốt nghiệp để thuận tiện hơn trong việc khảo sát tình hình việc làm. Tiếp tục phát huy, tăng cường tạo cơ hội để NH kết nối với DN thông qua các hoạt động như ngày hội tuyển dụng hằng năm.	Trung tâm HTVL&KN; Khoa KTGT; BM KHHH	Hằng năm	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHNT đã ban hành các quy định chi tiết về vấn đề NCKH của SV cũng như có đầy đủ hệ thống theo dõi, giám sát và khích lệ hoạt động NCKH, bao gồm các vấn đề cơ bản như: quy định/hướng dẫn đề tài nghiên cứu, nguồn kinh phí đầu tư cho NCKH của người học; hồ sơ theo dõi tiến độ, đánh giá sản phẩm nghiên cứu, hỗ trợ [H11.11.04.01]. Dựa trên các văn bản trên của Trường, hiện nay Khoa KTGT đã ban hành văn bản qui định chi tiết về NCKH của SV bao gồm cách thức chọn đề tài, phân công GV hướng dẫn, tổ chức đánh giá đề tài cũng như quy định để khuyến khích động viên SV làm NCKH [H11.11.04.02]. Đối với SV ngành KHHH, việc NCKH của SV luôn được tạo điều kiện thuận lợi.

Ngoài ra, Phòng KHCN triển khai cập nhật loại hình và số lượng hoạt động NCKH của NH được công khai trên website của Phòng [H11.11.04.03]. Nội dung website cung cấp tên đề tài, chủ nhiệm đề tài và CB hướng dẫn giúp NH có thể theo dõi và cập nhật thường xuyên.

Tuy nhiên, những năm qua số lượng SV thực hiện đề tài NCKH rất hạn chế. Năm 2018 có 03 SV tham gia thực hiện đề tài NCKH cấp trường.

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa đã ban hành các văn bản chi tiết về NCKH của SV và triển khai sâu rộng đến tất cả đối tượng SV. Khoa tổ chức các buổi Hội thảo khoa học để tăng cường đam mê SV khi tham gia NCKH. Đội ngũ GV có chuyên môn vững vàng luôn sẵn sàng hỗ trợ các hoạt động NCKH.

3. Điểm tồn tại

Số lượng SV tham gia NCKH rất hạn chế. Nguyên nhân có thể do tính chất đặc thù của ngành, sự thu hút SV tham gia đề tài NCKH các cấp cùng với GV chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH giữa các ngành học và với các trường ĐH trong nước nhằm cải tiến chất lượng.	Phòng KHCN; Khoa KTGT; BM KHHH	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nghiên cứu đưa ra các khuyến khích hấp dẫn hơn nhằm thu hút và động viên SV tham gia NCKH. Tiếp tục phát động các đợt đăng ký đề tài NCKH cũng như các chính sách hỗ trợ tới NH trên các kênh truyền thông (Website, Page Facebook Khoa, BM...).	Phòng KHCN; Khoa KTGT; BM KHHH	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã ban hành các văn bản qui định về việc thực hiện khảo sát các bên liên quan gồm SV, cựu SV, cán bộ GV và nhà tuyển dụng. Hàng năm, nhà Trường phối hợp cùng các phòng ban chức năng, Khoa và BM luôn quan tâm đến việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ thông qua các hoạt động: Hội nghị CBVC; Đối thoại Hiệu trưởng với CBVC và SV... Thông qua đó, CB, GV và SV được bày tỏ sự hài lòng hoặc không hài lòng về các mặt hoạt động của Nhà trường. Mọi thắc mắc được lãnh đạo Trường, các Phòng ban liên quan trả lời trực tiếp tại buổi đối thoại [H11.11.05.01], [H11.11.05.02], [H11.11.05.03]. Việc đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ được thực hiện thông qua hình thức phiếu khảo sát online vào cuối mỗi HK nhằm lấy ý kiến của SV về hoạt động dạy học. Sau đó, ý kiến phản hồi của SV được thu thập bởi Phòng CTCT&SV, Phòng ĐBCL&KT xử lý và gửi báo cáo trực tiếp đến Khoa/Khoa, BM và GV [H11.11.05.04].

Đối với SV, việc lấy ý kiến SV đang theo học tại Trường về sự hài lòng của họ đối với CTĐT, sự cần thiết và lợi ích của các học phần trong CTĐT, phương pháp và chuyên

môn giảng dạy của GV được Trường thực hiện định kỳ mỗi học kỳ. Kết quả khảo sát cho thấy SV và cựu SV khá hài lòng với nội dung CTĐT ngành KHHH [H11.11.05.05].

Bên cạnh đó, Trường và Khoa đã tổ chức khảo sát ý kiến SV cho các HP trong CTĐT [H11.11.05.06], đồng thời lấy ý kiến DN và CSV để hoàn thiện CTĐT, từ đó có được ý kiến cụ thể, số liệu bảo đảm độ tin cậy, chính xác hơn [H11.11.05.07].

Bảng 11.4. Kết quả khảo sát lấy ý kiến của SV năm cuối K62 (tốt nghiệp năm 2024) về chất lượng đào tạo theo ngành (thang điểm 5)

Ngành	Mục tiêu và CTĐT	Đội ngũ GV	Đáp ứng của khóa học	Quản lý và phục vụ đào tạo	Sinh hoạt và đời sống
Khoa học Hàng hải	3,78	3,95	3,76	3,78	3,80
KT cơ khí động lực	4,33	4,28	4,28	4,27	4,32
KT ô tô	4,13	4,22	4,13	4,15	4,14
Luật	4,29	4,45	4,38	4,13	4,28
Marketing	3,98	4,12	3,93	4,07	4,06
Quản trị kinh doanh (song ngữ Pháp-Việt)	4,30	4,16	4,26	4,14	4,12
Quản trị kinh doanh	4,15	4,26	4,18	4,26	4,29
Kinh doanh thương mại	4,06	4,21	4,16	4,08	4,08
Kinh tế thủy sản	4,32	4,29	4,24	4,29	4,34
Kinh tế phát triển	4,13	4,40	4,26	4,27	4,28

Mặc dù kết quả khảo sát ý kiến SV năm cuối K62 (tốt nghiệp năm 2024) về chất lượng đào tạo của ngành KHHH còn thấp so với các ngành khác, tuy nhiên ngành KHHH đã có những nỗ lực cải tiến đáng kể. Cụ thể, chương trình giảng dạy được cập nhật để phù hợp hơn với yêu cầu thực tế, đồng thời tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp và tổ chức trong lĩnh vực hàng hải. Các giảng viên cũng tích cực tham gia các khóa đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn và phương pháp sư phạm. Bên cạnh đó, việc nhận diện các điểm yếu như cơ sở vật chất hạn chế hay chương trình đào tạo cần điều chỉnh đã giúp khoa định hướng các giải pháp cải thiện trong thời gian tới [H11.11.05.08].

2. Điểm mạnh

Trường thực hiện khảo sát ý kiến các BLQ định kỳ với nhiều hình thức triển khai: khảo sát giấy, khảo sát online, khảo sát qua hệ thống phần mềm quản lý đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Kết quả của các hoạt động lấy ý kiến của các BLQ chưa được phân tích một cách đầy đủ, thường xuyên và việc đối sánh để cải tiến chất lượng còn hạn chế. Chưa thực hiện đối sánh mức độ hài lòng của các BLQ với các trường ĐH trong nước.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Phân tích đối sánh mức độ hài lòng của các BLQ về CTDH, chất lượng dịch vụ giáo dục đào tạo của ngành KHHH. - Xây dựng phương pháp phương pháp khảo sát có tính hệ thống hơn để đảm bảo độ tin cậy của thông tin, từ đó có sự đối sánh để cải tiến chất lượng.	Phòng ĐBCL&KT; Khoa KTGT; BM KHHH	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Các đơn vị chức năng tiếp tục phối hợp thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ về CTDH, chất lượng dịch vụ giáo dục đào tạo của ngành KHHH.	Phòng ĐBCL&KT; Khoa KTGT; BM KHHH	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Nhìn chung việc thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ đối với ngành KHHH mang lại kết quả rất tích cực, giúp Nhà trường và Khoa có thêm thông tin điều chỉnh, bổ sung kịp thời, nâng cao chất lượng đào tạo cho ngành KHHH. SV ngành KHHH sau khi tốt nghiệp có tỷ lệ có việc làm cao, đáp ứng được yêu cầu công việc của nhà tuyển dụng. Điều này cho thấy hiệu quả thực hiện mục tiêu CĐR, nâng cao ứng dụng kết quả hoạt động NCKH tại đơn vị Bộ môn KHHH, Khoa là rất tích cực. Một số vấn đề chưa tốt như chưa đưa ra được các kế hoạch hành động cụ thể nhằm hạn chế số lượng SV bỏ học, rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình hay gia tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn. Chưa tiến hành đối sánh với các trường khác.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 5/5.

Phần III

KẾT LUẬN

TĐG CTĐT ngành KHHH là dịp để Trường và đơn vị thực hiện CTĐT tự rà soát, đánh giá về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT. Thông qua hoạt động TĐG, Trường và đơn vị thực hiện CTĐT thấy rõ những điểm mạnh, nhận ra các hạn chế trên tất cả các lĩnh vực, từ đó có kế hoạch xây dựng hệ thống các giải pháp nhằm phát huy những điểm mạnh và từng bước khắc phục các hạn chế nhằm nâng cao chất lượng CTĐT.

I. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của chương trình đào tạo

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT ngành KHHH được xây dựng rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường. CĐR được xác định rõ ràng, đáp ứng được yêu cầu chung, yêu cầu chuyên biệt của NH và đáp ứng được yêu cầu của các BLQ. Mục tiêu và CĐR của CTĐT được định kỳ rà soát điều chỉnh. Mục tiêu của CTĐT có đối sánh với CTĐT của các trường khác trong nước và tham khảo ý kiến của các BLQ. CĐR của CTĐT được mô tả chi tiết với CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, kể cả vị trí việc làm mà NH cần đạt khi hoàn thành CTĐT. CĐR của CTĐT được xác định rõ và được chuyển tải vào các HP thông qua ma trận CĐR, có tham khảo, đối sánh với các CTĐT trong nước, tham khảo góp ý của các BLQ và được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường/Khoa/BM. Tuy nhiên, mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành KHHH vẫn còn một số tồn tại cần được khắc phục, bổ sung và hoàn thiện, đặc biệt, khảo sát và sử dụng thông tin nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động về ngành KHHH để cập nhật và điều chỉnh mục tiêu CTĐT, điều chỉnh các phát biểu của các CĐR về phát triển tư duy có thể định lượng được.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Đề cương các HP đáp ứng của nội dung HP với mục tiêu, CĐR HP và CĐR CTĐT có cách đánh giá theo điểm quá trình, điểm cuối kỳ. Bản mô tả CTĐT ngành KHHH và ĐCHP, ĐCCTHP được thể hiện đầy đủ các thông tin và định kỳ bổ sung, điều chỉnh, cập nhật, được công bố công khai và các BLQ dễ dàng tiếp cận và NH có thể chủ động hoạch định kế hoạch và lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân một cách hợp lý theo từng HK, từng năm và trong toàn khóa. Quá trình bổ sung, điều chỉnh bản mô tả CTĐT

ngành KHHH được dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau từ CNH, GV, các nhà khoa học, các NTD, các nhà chuyên môn trên cơ sở tiếp thu ý kiến các BLQ, đối sánh với các CTĐT trong nước và quốc tế. Hơn nữa, ĐCCTHP được xây dựng cụ thể đến từng tuần học/ từng chủ đề, đảm bảo dựa trên ĐCHP nhưng được điều chỉnh linh hoạt cho phù hợp với từng khóa, từng lớp học. Tuy nhiên, Trường cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin, phần mềm hỗ trợ việc lưu trữ và chia sẻ thông tin và mời các chuyên gia, DN, NTD tham gia vào việc xây dựng, đánh giá CTĐT, kết quả đầu ra của NH. Gia tăng nhiều kênh thông tin bên ngoài để công bố đến DN và NH tiềm năng để giúp họ hiểu rõ hơn CTĐT, từ đó có thể thu hút thêm NH. Bên cạnh đó, cũng cần chú trọng xây dựng rubric, cập nhật tài liệu tham khảo, giáo trình, đảm bảo ma trận CĐR HP với CĐR của CTĐT thể hiện rõ nét các mức độ khác nhau của CĐR HP.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH ngành KHHH được thiết kế phù hợp với CĐR kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm NH, trong đó mỗi HP có đóng góp rõ ràng cho việc đạt được CĐR và được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các HP khối kiến thức GDĐC/GDTQ, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. CTDH được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần với sự tham khảo các CTĐT tiên tiến trong và ngoài nước để đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Cấu trúc các HP trong CTDH đảm bảo tỉ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức GDTQ, cơ sở ngành và chuyên ngành; PPGD, học tập, KTĐG KQHT của NH trong ĐCCTHP góp phần đạt được CĐR của CTĐT. Nội dung chi tiết của từng HP thể hiện rõ CĐR phù hợp với CĐR của CTĐT và được lấy ý kiến GV, DN trong CTĐT năm 2021. Năng lực nghề nghiệp của NH được xác định rõ ràng, được chuyển tải vào CTĐT, ĐCCTHP, làm cơ sở để cải tiến nội dung giảng dạy. CTDH được đối sánh với nhiều CTDH trong nước. Tuy nhiên, nội dung khối kiến thức định hướng lâu dài cho ngành KHHH còn thiếu. CĐR các HP chưa đảm bảo mức độ phát triển kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm theo tiến trình học tập, chưa thể hiện phương pháp đo lường, đánh giá các CĐR về tư duy đổi mới, tinh thần khởi nghiệp. Tính khả thi khi triển khai sự phân nhiệm CĐR của CTĐT cho các HP bắt buộc chưa rõ nét. Kỹ năng thực tập, thực hành, thực tế và kỹ năng giao tiếp của NH đáp ứng chưa cao nhu cầu DN.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Trường ĐH Nha Trang đã xây dựng mục tiêu giáo dục và công bố công khai đến các BLQ. Bên cạnh mục tiêu chung thì CTĐT ngành KHHH cũng đã xây dựng những mục tiêu riêng, cụ thể và được công khai rộng rãi trên các văn bản, các phương tiện thông tin đại chúng. Để đạt được mục tiêu, BM đã triển khai các hoạt động dạy học thích hợp để đạt được các yêu cầu về chất lượng đào tạo. Trong quá trình học tập, NH được tham gia các hoạt động ngoại khóa, được tổ chức định kỳ để tạo điều kiện cho NH rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm. Ngoài ra, SV cũng được trải nghiệm thực tế tại các nhà máy thông qua các đợt tham quan và thực tập. Tuy nhiên, việc phổ biến triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục vẫn còn một số hạn chế, một số GV và NH vẫn còn mơ hồ về triết lý giáo dục, nhiều NTD cũng chưa biết đến triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Các quy định về kiểm tra, đánh giá KQHT của NH theo CTĐT ngành KHHH rõ ràng và được thông báo công khai, kịp thời tới NH. NH luôn nắm bắt được thông tin về kế hoạch đánh giá kiểm tra, hình thức cũng như những quy định về việc đánh giá, kiểm tra của từng HP và năm học theo kế hoạch của Nhà trường. Các phương pháp kiểm tra - đánh giá KQHT luôn được đổi mới, đa dạng các hình thức, phương pháp khác nhau nhằm đánh giá một cách chính xác nhất năng lực của NH và được NH đánh giá cao. KQHT của NH được lưu trữ đầy đủ trên hệ thống phần mềm quản lý của Nhà trường. Bên cạnh đó, các thủ tục khiếu nại về KQHT đơn giản, thuận tiện và được GV giải quyết một cách nhanh chóng và thỏa đáng giúp NH có thể điều chỉnh, cải thiện KQHT của mình.

Bên cạnh những điểm mạnh đạt được, việc kiểm tra, đánh giá KQHT của ngành KHHH vẫn còn một số thiếu sót, điển hình như còn hạn chế trong việc áp dụng khoa học đánh giá để khảo sát mức độ tương thích của các hình thức kiểm tra, đánh giá với CDR của các HP, việc giám sát các quy định trả bài, sửa bài, công bố điểm ĐGQT cho NH trước khi thi kết thúc HP. Từ những hạn chế này, Khoa KTGT đã vạch ra kế hoạch hành động cụ thể từ năm học 2023 – 2024 nhằm khắc phục những hạn chế còn tồn tại, đổi mới PPĐG kiểm tra KQHT một cách hiệu quả hơn, từ đó giúp nâng cao chất lượng đào tạo của ngành KHHH.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Trường và Khoa KTGT luôn chú trọng đến quy hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ GV để đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD trong giai đoạn 2019-2023 với tầm nhìn dài hạn. Quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm được quy định và thực hiện rõ ràng, công khai, minh bạch theo đúng quy định. Khối lượng giảng dạy và NCKH của đội ngũ GV được đo lường và giám sát chặt chẽ. Tỷ lệ NH/GV của CTĐT ngành KHHH đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT. Đội ngũ GV cơ hữu được quy hoạch và được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp. Đặc biệt, đội ngũ PGS, TS được đào tạo liên tục và phát triển nhanh, đảm bảo đủ năng lực để tổ chức triển khai CTĐT của ngành KHHH trình độ DH cách có chất lượng. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV thông qua các hình thức thi đua khen thưởng, nâng lương được triển khai để tạo động lực làm việc. Kết quả cho thấy hoạt động NCKH của Khoa ngày càng được chú trọng, đặc biệt các bài báo khoa học công bố trên các tạp chí khoa học uy tín ở trong và ngoài nước của các GV trong Khoa ngày càng tăng và có bước phát triển bền vững.

Tuy nhiên, việc đo lường và giám sát một số hoạt động PVCD của GV chưa sát với thực tế. Một vài tiêu chí đánh giá chưa là động lực thúc đẩy GV thực sự phấn đấu, nhất là tiêu chí liên quan đến các hoạt động gắn kết và PVCD. Trường chưa có khảo sát chính thức ý kiến GV, NCV về việc có thực sự đồng ý, hài lòng với việc quản trị theo kết quả công việc của GV hằng năm. Chưa thực hiện khảo sát chính thức ý kiến đánh giá, phản hồi của các GV về tính phù hợp và hiệu quả của các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đối với công tác chuyên môn của bản thân và của Khoa, của CTĐT ngành KHHH. Khoa KTGT chưa xây dựng các tiêu chí riêng, đặc thù cho việc tuyển dụng GV ngành KHHH để phù hợp với định hướng phát triển ngành KHHH chuyên ngành QLHH và Logistics.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Đội ngũ NV của Khoa KTGT được thiết kế chi tiết và kỹ càng dựa trên mục tiêu chung của Nhà trường, lấy tầm nhìn của Nhà trường làm nền tảng. Các quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV cũng được lấy ý kiến từ CB công NV trước khi được ban hành chính thức. Tuy nhiên, cần quy định và tiêu chí rõ ràng để ưu tiên cho các đối tượng đặc biệt nhằm thu hút thêm các cá nhân có kinh nghiệm thực tế trong các lĩnh vực, đạt thành tích xuất sắc trong lĩnh vực chuyên môn hoặc cá nhân có ảnh hưởng lớn ở một số lĩnh vực nhất định.

Việc thực hiện đánh giá năng lực đội ngũ NV được thực hiện dựa trên các quy định đã được ban hành với đầy đủ quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá. Tuy nhiên, để kết quả đạt được của quá trình đào tạo nghiệp vụ cho đội ngũ NV được đánh giá kỹ lưỡng và rõ ràng, cần có bảng tổng hợp đánh giá kết quả đạt được của cả quá trình đào tạo.

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV được xác định dựa trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc của từng NV với các chức danh khác nhau. Tuy nhiên, cần có bảng tổng hợp đánh giá kết quả đạt được của cả quá trình đào tạo thay vì đơn lẻ.

Việc quản trị theo kết quả công việc của NV được đánh giá qua chỉ số định lượng cụ thể. Quy định về khen thưởng cũng rõ ràng giúp cho NV chủ động trong thi đua. Việc đánh giá kết quả công việc và thi đua khen thưởng đều được công khai, minh bạch. Tuy nhiên, chưa có quy định rõ ràng về khen thưởng những NV thuộc trường hợp đặc biệt.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Triết lý dân chủ là điểm nhấn của Nghị quyết 29-NQ/TW về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đào tạo, "lấy NH làm trung tâm", tích cực hoá hoạt động học tập. Những năm qua, Nhà trường và Khoa KTGT và BM luôn cung cấp đầy đủ, kịp thời cho SV ngành KHHH các tài nguyên học tập cần thiết và môi trường thuận lợi để đảm bảo hoạt động học tập đạt hiệu quả. Nhà trường đã có sự đầu tư đáng kể vào cơ sở vật chất phục vụ đào tạo. Giảng đường, thư viện, hội trường, nhà đa năng, sân vận động, KTX,... được xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu học tập, sinh hoạt, và các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao của sinh viên. Môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xung quanh Trường xanh sạch đẹp đã tạo tâm lý thoải mái, an toàn cho NH, góp phần phát huy sự sáng tạo của NH. Nhiều hoạt động ngoại khóa được tổ chức, qua đó góp phần giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống lành mạnh và hình thành những kỹ năng mềm cần thiết cho SV.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Trường ĐHNT có đủ hệ thống phòng học, phòng làm việc cũng như các phòng chức năng đạt chuẩn được trang bị đầy đủ, tạo điều kiện thuận lợi nhất phục vụ cho đào tạo và NCKH. Quản lý các phòng học theo quy định chung của Trường đảm bảo hiệu quả tốt. CSVC, trang thiết bị (diện tích phòng đọc, môi trường) của thư viện đáp ứng tốt cho nhu cầu người đọc. Tài liệu, thông tin đầy đủ, phù hợp và có tính cập nhật. Quy

trình phục vụ của thư viện dễ hiểu, thuận tiện. NV và cán bộ thư viện nghiêm túc và nhiệt tình. Các phòng phục vụ cho HĐGD, học tập của NH được đầu tư, trang bị đầy đủ, phòng thực hành tin học được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phù hợp với hoạt động thực hành của sinh viên. Các thiết bị thường xuyên được bảo dưỡng, nâng cấp đảm bảo hỗ trợ tốt nhất các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của NH. Nhà trường tăng cường đầu tư hiện đại hóa hạ tầng cho CNTT, hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo và NCKH. Khi có sự cố về máy tính, về mạng internet, CBVC, NLĐ và NH luôn được nhân viên kỹ thuật hỗ trợ kịp thời. Các quy định, tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn của Trường được thiết lập và triển khai theo quy định, đảm bảo hỗ trợ cho sinh hoạt và đời sống của SV, môi trường dạy học an toàn cho CBVC, GV, SV, góp phần hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu tại Trường. Trường có không gian rộng rãi nên bước đầu đáp ứng một phần nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Nhà trường tổ chức thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ theo Kế hoạch điều chỉnh CTĐT của ngành KHHH, thông qua các đơn vị trực thuộc như Phòng ĐBCL&KT, Trung tâm HTVL&KN. Ngoài ra, Khoa KTGT cũng có các hình thức riêng nhằm thu thập thêm các phản hồi từ các BLQ. Bên cạnh đó, các GV của Khoa cũng luôn duy trì kênh liên lạc thường xuyên với các DN, cơ sở thực tập và mạng lưới cựu SV trong cả nước. Các thông tin phản hồi được phân loại, xử lý, phân tích với tính khoa học, độ tin cậy cao. CTĐT ngành KHHH được thiết kế, xây dựng, điều chỉnh và phát triển dựa trên thông tin phản hồi của các BLQ. CTĐT được xây dựng bám sát CĐR, CTDH cũng được thay đổi phù hợp nhằm đạt được mục tiêu đào tạo và CĐR đã quy định trong ĐCHP. Trong quá trình điều chỉnh CTĐT và CTDH đã tham khảo ý kiến của các BLQ để có những điều chỉnh cho phù hợp. Định kỳ CTĐT và CTDH đều được rà soát, cập nhật, và bổ sung. Nhà trường có hệ thống văn bản đầy đủ về công tác ĐBCL về PPDH và PPĐG KQHT của NH được các GV tuân thủ một cách đầy đủ. Quá trình dạy và học được nhà trường tổ chức rà soát và đánh giá thường xuyên và liên tục. Việc đánh giá KQHT của NH được các phòng ban chức năng rà soát và kiểm tra chéo thường xuyên. GV và NH tại Khoa KTGT nói chung và BM KHHH tham gia thực hiện nhiều Đề tài NCKH (trung bình 3 đề tài/năm). Hầu hết các công trình NCKH gắn liền với Chuyên ngành đào tạo nên được GV và NH sử dụng trong hoạt động dạy và học. Bên cạnh đó, GV và NH tham gia nhiều Hội thảo Khoa học, công bố nhiều Bài báo Khoa học quốc tế

và quốc gia. Trường có đầy đủ cơ sở vật chất, dịch vụ hỗ trợ phục vụ cho hoạt động dạy-học, NCKH và các tiện ích phong phú và đa dạng, thường xuyên được cập nhật và cải tiến. Chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ ngày càng được nâng cao trên cơ sở tiếp nhận các ý kiến phản hồi của các BLQ. Cơ chế phản hồi của các BLQ đã được thiết lập có tính hệ thống, được thực hiện định kỳ và liên tục được cải tiến.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Công tác xác lập, phân tích và đánh giá tỷ lệ SV tốt nghiệp, thời học ngành KHHH được thực hiện rất tốt, theo đúng quy định góp phần nâng cao chất lượng CTĐT. Trường đã xây dựng được quy trình giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của người học đối với CTĐT KHHH. CVHT kịp thời hỗ trợ người học trong các tình huống chậm tốt nghiệp. Khoa KTGT và Trường đã thực hiện theo dõi và giám sát tỷ lệ SV ngành KHHH có việc làm sau tốt nghiệp một cách tương đối thường xuyên. Ngoài ra, CTĐT ngành KHHH được cập nhật định kỳ nhằm hướng đến ngày càng gần với thực tế hơn. Trường và Khoa đã ban hành các văn bản chi tiết về NCKH của SV và triển khai sâu rộng đến tất cả đối tượng SV. Khoa tổ chức các buổi Hội thảo khoa học để tăng cường đam mê SV khi tham gia NCKH. Trường thực hiện khảo sát SV định kỳ hàng năm.

II. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT liên quan đến sức khỏe, khả năng sáng tạo NH, trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức phục vụ của nhân dân chưa được thể hiện rõ thông qua quá trình học tập và tốt nghiệp làm việc tại các cơ quan, DN... của NH. Bên cạnh đó, việc lấy ý kiến phản hồi của NH sau tốt nghiệp và các nhà tuyển dụng lao động để góp ý cho CDR chưa được thực hiện thường xuyên theo từng năm học. Nguyên nhân là Khoa chưa có giải pháp thu hút sự quan tâm về việc dành thời gian phản hồi ý của của NH và các NTD. Ngoài ra, việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về CDR, đặc biệt là nhà tuyển dụng, chưa được thực hiện rộng rãi. Mặc dù đã được tiến hành rà soát và điều chỉnh thường xuyên, nhưng bị ràng buộc bởi tần suất rà soát CTĐT của ngành KHHH.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT chưa được đối sánh với bản mô tả CTĐT của các trường nước ngoài. Việc lấy ý kiến đánh giá đóng góp từ các BLQ còn chưa đi sâu vào từng HP cụ thể do đó các đánh giá còn mang tính chung chung. Do tần suất cập nhật định kỳ 2

năm/lần nên một số ĐCHP chưa bổ sung các TLTK mới một cách kịp thời. Tuy nhiên, tồn tại này đã được ĐCCTHP công bố theo từng HK đến NH. Bản mô tả CTĐT, ĐCHP và ĐCCTHP của ngành KHHH chưa được quảng bá rộng rãi đến các đối tượng bị hạn chế về sử dụng mạng Internet.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Việc đánh giá mức độ đạt được CĐR về năng lực học tập suốt đời đối với NH còn hạn chế. Số lượng các HP nhằm đạt được các CĐR CTĐT ngành KHHH liên quan về kỹ năng, thái độ, nhận thức còn hạn chế. Tiêu chí đánh giá chưa được lượng hoá chưa rõ ràng cụ thể cho phần thái độ và nhận thức. Một số HP trong CTDH mang tính đặc thù cao, do đó khả năng tích hợp còn hạn chế. Bên cạnh đó, một số HP chưa được cập nhật một cách kịp thời theo các công nghệ tiên tiến của xã hội.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Hoạt động dự giờ và sinh hoạt học thuật liên quan đến đổi mới PPDH chưa diễn ra thường xuyên, định kỳ.

Vẫn còn một tỷ lệ nhỏ NH chưa đảm bảo kỹ năng và khả năng tự học đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Việc KTĐG của một số HP vẫn chưa bao phủ được hết CĐR.

Vẫn còn tồn tại một bộ phận nhỏ NH chưa nắm bắt về quy định đánh giá KQHT mặc dù GV, BM, Khoa và Trường đã triển khai và thông báo công khai trên hệ thống E-learning.

Vẫn chưa áp dụng một số PPĐG được cho là khách quan và hiệu quả.

Thông tin phản hồi điểm ĐGQT của một số HP chưa kịp thời đến NH.

Nhà trường chưa triển khai hệ thống phúc khảo online để NH dễ dàng tiếp cận với quy trình phúc khảo, khiếu nại về KQHT.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Hiện nay, Khoa chưa có cán bộ có học hàm GS. Trình độ ngoại ngữ giữa các GV trong Khoa còn chưa đồng đều. Các GV trong ngành KHHH chuyên ngành QLHH và Logistics có chuyên môn sâu về ngành còn thiếu.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Một vài NV của Trung tâm TNTH còn yếu về khâu bảo dưỡng, bảo trì và vận hành các trang thiết bị hiện đại.

Tiêu chuẩn 8: Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học

Việc cập nhật và hoàn thiện chính sách tuyển sinh hằng năm chủ yếu dựa trên cơ sở dữ liệu tuyển sinh của các năm trước, chưa có phân tích chuyên sâu về tồn tại, hạn chế và nguyên nhân bằng những phương pháp có độ tin cậy cao hơn. Nhà trường mới chỉ có chính sách miễn ở KTX cho SV, mà chưa có những chính sách về miễn giảm học phí cho con em ngư dân học ngành KHHH. Điều này có thể chưa thực sự thu hút SV học ngành này. Chưa có cơ chế phản hồi của NH về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, chưa chỉ ra trách nhiệm của đội ngũ có liên quan như CVHT, GV, bộ phận chức năng. Các hoạt động kết nối với DN tạo điều kiện cho SV trải nghiệm môi trường DN còn quá ít. Các hoạt động ngoài giờ dành cho SV ngành KHHH chưa nhiều về số lượng, chưa phong phú về nội dung, chưa có các CLB sinh hoạt cho SV.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Một số trang thiết bị trong phòng học hoạt động thiếu ổn định, cần phải được thường xuyên sửa chữa và thay mới. Chưa có nhiều cơ sở dữ liệu số về các tạp chí chuyên ngành quốc tế, khả năng cập nhật cơ sở dữ liệu số còn chậm. Cần nâng cấp hoặc mua sắm mới thay thế một số máy vi tính cũ nhằm phục vụ tốt nhu cầu của NH. Chất lượng wifi ở một số khu vực chưa được đảm bảo. Tiêu chuẩn về an toàn chưa được lưu ý đầy đủ cho nhu cầu đặc thù của người khuyết tật; đặc biệt tại các khu GD và tòa nhà làm việc cũ không có lối đi riêng cho người khuyết tật, chưa có nhà vệ sinh dành riêng, các thiết bị chuyên dụng, đội ngũ cho người khuyết tật. Chưa có báo cáo về tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe và an toàn từ việc khảo sát trực tiếp người khuyết tật.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Các phản hồi từ các BLQ khá đa dạng, bao gồm cả lĩnh vực sản xuất kinh doanh và cả công tác quản lý Nhà nước về hàng hải. Do đó, BCN CTĐT gặp nhiều khó khăn trong việc dung hoà và tích hợp các kiến nghị này để áp dụng vào việc thiết kế, cải tiến và phát triển CTĐT. Bên cạnh đó, số lượng doanh nghiệp tham gia đánh giá CTĐT ngành KHHH chưa nhiều, phạm vi khảo sát mới chỉ giới hạn ở các doanh nghiệp chủ yếu là khu vực miền Trung và miền Nam. Mặc dù CTDH đã được xác lập, đánh giá và cải tiến. Tuy nhiên, CTĐT khó đáp ứng được tất cả các ý kiến đánh giá từ các BLQ, độ bao phủ ý kiến chưa rộng khắp, chưa có các ý kiến đánh giá mang tính chuyên sâu của các nhà chuyên môn, nhà quản lý giàu kinh nghiệm... Việc thẩm định sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy và học, đánh giá KQHT với CDR chưa được thực hiện thường

xuyên. Các kết quả NCKH thường ở mức độ chuyên sâu, trong khi nội dung dạy học dành cho bậc ĐH ở mức tổng quát, đặc biệt là đối với NH ở năm thứ nhất và năm thứ hai. Bên cạnh đó, việc ứng dụng kết quả NCKH để cải tiến hoạt động dạy và học chưa được triển khai đồng bộ ở tất cả các HP. Một số thông tin phản hồi về chất lượng dịch vụ chưa được giải quyết một cách nhanh chóng, đặc biệt là các sự cố về đường truyền wifi. Vẫn còn một số đối tượng và hoạt động của Trường chưa được khảo sát.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Tỉ lệ SV thôi học, bỏ học và chậm tốt nghiệp hằng năm còn cao do chưa tìm hiểu, phân tích kỹ, chưa có giải pháp thực sự hữu hiệu để cải thiện tình hình.

Tỷ lệ NH phản hồi sau khi TN còn rất hạn chế. Bên cạnh đó chưa có các giải pháp hỗ trợ SV sau tốt nghiệp tìm kiếm việc làm, kết nối với DN chưa đạt hiệu quả cao. Cách tiếp cận khảo sát, thống kê tỉ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp còn hạn chế, chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

Các hoạt động nhằm khuyến khích SV tham gia NCKH còn hạn chế. Hoạt động giám sát, phân loại các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của SV còn hạn chế. Chưa thực hiện phân tích, đối sánh các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV ngành KHHH với các ngành khác trong Trường và với các trường ĐH trong nước. Kết quả của các hoạt động lấy ý kiến của các BLQ chưa được phân tích một cách đầy đủ, thường xuyên và việc đối sánh để cải tiến chất lượng còn hạn chế. Chưa thực hiện đối sánh mức độ hài lòng của các BLQ với các trường ĐH trong nước. Các quy định, quy trình khảo sát và đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ chưa có tính hệ thống cao.

III. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo ngành KHHH

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Lĩnh vực thủy sản, kinh tế biển trong sứ mạng và tầm nhìn của Trường chưa được thể hiện rõ nét và cụ thể trong mục tiêu CTĐT. Việc khảo sát và sử dụng thông tin nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động về ngành KHHH để cập nhật và điều chỉnh mục tiêu CTĐT chưa được thể hiện rõ nét. Sự tham gia của các DN, các NTD, các chuyên gia nghề nghiệp vào quá trình cập nhật CDR hằng năm chưa được thực hiện. Phát biểu các CDR về phát triển tư duy (sáng tạo, phản biện, đổi mới, sáng tạo...) khó định lượng.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Sự tham gia của các BLQ như DN và các NTD nhằm cập nhật bản mô tả CTĐT chưa đa dạng lĩnh vực ngành nghề. Ma trận CĐR HP với CĐR của CTĐT chưa thể hiện các mức độ khác nhau. Một số HP việc cập nhật còn hình thức, thiếu đồng bộ, chưa theo kịp sự tiến bộ khoa học và nhu cầu phát triển của xã hội. Một số ĐCHP có tài liệu dạy học chưa được cập nhật, KTĐG chưa đa dạng. Hệ thống thông tin, phần mềm hỗ trợ việc lưu trữ và chia sẻ thông tin còn thiếu tính hệ thống, đồng bộ và chưa đầy đủ. Chưa có nhiều kênh thông tin bên ngoài để công bố đến DN và NH tiềm năng để giúp họ hiểu rõ hơn CTĐT, từ đó có thể thu hút thêm NH.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mức độ gắn kết về cấu trúc nội dung một số HP tự chọn thuộc khối kiến thức trong chương trình GDTQ với CĐR mang tính cơ sở ngành và chuyên ngành là chưa cao. CĐR các HP chưa đảm bảo mức độ phát triển kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm theo tiến trình học tập, chưa thể hiện phương pháp đo lường, đánh giá các CĐR về tư duy đổi mới, tinh thần khởi nghiệp. CĐR xây dựng dựa trên ý kiến đóng góp của các DN. Đối với lĩnh vực KHHH, các DN tại Việt Nam tập trung nhiều vào mảng dịch vụ, chuỗi cung ứng nên các nhóm HP xây dựng theo CĐR có sự thiên lệch về khối kiến thức, đáp ứng nhu cầu thực tế về lao động tại DN tối ưu hoá hoạt động của chuỗi cung ứng (Kỹ thuật Logislogistics) . Vì vậy mức độ các HP đóng góp vào một CĐR cụ thể liên quan kỹ thuật Logistics, tính định hướng lâu dài cho ngành KHHH chưa được rõ nét. Thêm vào đó việc khảo sát GV giảng dạy mang nhiều tính chủ quan, đối tượng SV đi làm quả thực nhiều khi họ cũng ít quan tâm đến các vấn đề này, sau khi họ đang có công việc làm tại DN.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Vẫn còn một số GV và NH chưa hiểu một cách thấu đáo triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục để có cơ sở thay đổi trong thực tiễn hoạt động dạy và học. Một số DN và NTD chưa được thông tin một cách đầy đủ về triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường. SV vẫn chưa được trang bị nhiều kỹ năng mềm và khả năng tự học thông qua các HP chính thức trong CTĐT, việc tích lũy các kỹ năng và khả năng tự học của SV chủ yếu diễn ra thông qua các hoạt động ngoại khóa.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Bên cạnh những điểm mạnh đạt được, việc kiểm tra, đánh giá KQHT của ngành KHHH vẫn còn một số thiếu sót, điển hình như còn hạn chế trong việc áp dụng khoa học đánh giá để khảo sát mức độ tương thích của các hình thức kiểm tra, đánh giá với CĐR của các HP, việc giám sát các quy định trả bài, sửa bài, công bố điểm ĐGQT cho NH trước khi thi kết thúc HP. Từ những hạn chế này, Khoa KTGT đã vạch ra kế hoạch hành động cụ thể từ năm học 2024 – 2025 nhằm khắc phục những hạn chế còn tồn tại, đổi mới PPĐG kiểm tra KQHT một cách hiệu quả hơn, từ đó giúp nâng cao chất lượng đào tạo của ngành KHHH.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Tuy nhiên, việc đo lường và giám sát một số hoạt động PVCD của GV chưa sát với thực tế. Một vài tiêu chí đánh giá chưa là động lực thúc đẩy GV thực sự phấn đấu, nhất là tiêu chí liên quan đến các hoạt động gắn kết và PVCD. Trường chưa có khảo sát chính thức ý kiến GV, NCV về việc có thực sự đồng ý, hài lòng với việc quản trị theo kết quả công việc của GV hằng năm. Chưa thực hiện khảo sát chính thức ý kiến đánh giá, phản hồi của các GV về tính phù hợp và hiệu quả của các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đối với công tác chuyên môn của bản thân và của Khoa, của CTĐT ngành KHHH. Khoa KTGT chưa xây dựng các tiêu chí riêng, đặc thù cho việc tuyển dụng GV ngành KHHH để phù hợp với định hướng phát triển ngành KHHH.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Việc thực hiện đánh giá năng lực đội ngũ NV được thực hiện dựa trên các quy định đã được ban hành với đầy đủ quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá. Tuy nhiên, để kết quả đạt được của quá trình đào tạo nghiệp vụ cho đội ngũ NV được đánh giá kỹ lưỡng và rõ ràng, cần có bảng tổng hợp đánh giá kết quả đạt được của cả quá trình đào tạo. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV được xác định dựa trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc của từng NV với các chức danh khác nhau. Tuy nhiên, cần có bảng tổng hợp đánh giá kết quả đạt được của cả quá trình đào tạo thay vì đơn lẻ. Việc quản trị theo kết quả công việc của NV được đánh giá qua chỉ số định lượng cụ thể. Quy định về khen thưởng cũng rõ ràng giúp cho NV chủ động trong thi đua. Việc đánh giá kết quả công việc và thi đua khen thưởng đều được công khai, minh bạch. Tuy nhiên, chưa có quy định rõ ràng về khen thưởng những NV thuộc trường hợp đặc biệt.

Tiêu chuẩn 8: Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học

Phân tích chuyên sâu về những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của chính sách tuyển sinh bằng cách khảo sát, phỏng vấn nhóm chuyên đề đối với SV năm nhất của ngành KHHH để hoàn thiện chính sách tuyển sinh cho ngành.

Tăng cường triển khai các hoạt động ngoại khóa, hoạt động kiên tập/thực tập cho SV tại các cơ quan về quản lý nghề cá cũng như các DN hàng hải nhằm SV có nhiều cơ hội tiếp cận với thực tiễn nghề nghiệp.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Từ năm học 2023 - 2024, Trung tâm PVTH đề xuất với Nhà Trường thực hiện bảo dưỡng định kì các trang thiết bị sẵn có để đảm bảo hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng của GV và NH trong Trường, Khoa nói chung và ngành KHHH nói riêng. Trường ĐHNT, Khoa cùng Thư Khoa rà soát và thực hiện mở rộng mối liên kết với các tạp chí và nhà phát hành ngoài nước để có nhiều ấn phẩm về ngành thủy sản nói chung và chuyên ngành KHHH nói riêng. Bên cạnh đó, Trung tâm PVTH cần phối hợp rà soát, xây dựng kế hoạch đầu tư máy vi tính mới thay thế các máy cũ không còn sử dụng được đảm bảo đáp ứng tốt nhất nhu cầu của GV và NH. Phòng CNTT tăng cường hệ thống CNTT, đường truyền internet (về số lượng và chất lượng) để đảm bảo đáp ứng hoạt động đào tạo trong các thời điểm cao điểm. Ngoài ra, Trường cần đưa các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn có lưu ý cụ thể đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật vào các quy định và kế hoạch hành động. Trung tâm PVTH cải tạo các khu GD và tòa nhà làm việc cũ để thiết kế bổ sung lối đi, nhà vệ sinh cho người khuyết tật, nhất là SV; Phòng ĐTDH sắp xếp phòng học của các lớp có SV khuyết tật ở tầng thấp để họ thuận lợi di chuyển; Trường cần lọc dữ liệu khảo sát SV khuyết tật để có báo cáo chi tiết đánh giá về tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe và an toàn đối với người khuyết tật.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Từ năm học 2023-2024, Phòng ĐBCL&KT, Trung tâm HTVL&KN và Khoa KTGT sẽ tiến hành khảo sát các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực KHHH ở 28 tỉnh thành ven biển trong cả nước. Đồng thời, BCN CTĐT sẽ hài hòa và tích hợp các ý kiến của các BLQ để đưa vào CTĐT. Khoa KTGT sẽ tiếp tục tiến hành lấy ý kiến các BLQ để phát triển CTDH đáp ứng với nhu cầu phát triển của Trường nói chung và Ngành KHHH nói riêng. Trong đó, tập trung việc xin ý kiến góp ý của các chuyên gia, các nhà quản lý nghề cá giàu kinh nghiệm trong cả nước. Bên cạnh đó, Khoa và BM KHHH thực hiện đánh giá mức độ phù hợp và tính hiệu quả của các PPGD và

phương pháp KTĐG giúp bảo đảm sự tương thích với CĐR. Cần xây dựng cơ chế khuyến khích GV biên soạn các học liệu, tài liệu học tập và lồng ghép các nội dung, kết quả NCKH vào quá trình dạy học. Đặc biệt hơn, Trường giao cho Tổ CNTT nghiên cứu cách cấp quyền truy cập wifi để có thể kiểm soát lượng truy cập mạng, giúp cho việc sử dụng mạng wifi phục vụ hiệu quả việc học và nghiên cứu cho GV và SV trong trường. Ngoài ra, Trường sẽ thực hiện khảo sát thêm về đối tượng VC hành chính và một số hoạt động của Trường.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

- Tiếp tục duy trì công tác giám sát các chỉ tiêu SV tốt nghiệp, thôi học của SV; theo dõi sát sao tình hình SV; tư vấn, động viên, giúp đỡ SV có học lực yếu kém.
- Kết nối với nhiều DN và NTD thông qua các buổi hội thảo định hướng nghề nghiệp và ngày hội tuyển dụng hằng năm.
- Đề xuất giải pháp khuyến khích SV thực hiện đề tài NCKH và các chính sách hỗ trợ để hoạt động NCKH trở thành một phong trào mạnh mẽ, nâng cao kỹ năng nghiên cứu khoa học cho SV ngành KHHH nói riêng và SV trong toàn Khoa nói chung.

III. Tóm tắt kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học

Để khắc phục những tồn tại nêu trên, Trường đã có kế hoạch từ NH 2024 - 2025, triển khai và hoàn thiện các nội dung sau:

Tiếp tục cập nhật mục tiêu CTĐT thể hiện rõ nội dung về khả năng sáng tạo quy định trong Luật GDĐH; cập nhật lại CĐR nhằm tiếp cận và thiết kế các yêu cầu chuyên biệt cho các chuyên ngành trong CTĐT của ngành KHHH; rà soát hoặc xây dựng riêng CĐR cho CTĐT cử nhân chất lượng cao/tiến tiến. Mục tiêu của CTĐT được cập nhật, điều chỉnh định kỳ nhằm thích ứng với bối cảnh hội nhập và phát triển thời kỳ 4.0, cũng như tương thích như những thay đổi về tầm nhìn, và đặc biệt mục tiêu chung của Trường, được công bố công khai.

Tiếp tục hoàn thiện rà soát, cập nhật hàng kỳ và điều chỉnh theo qui định của Trường trên cơ sở ý kiến của các BLQ nhằm phù hợp với sự thay đổi của CTĐT, CĐR và nhu cầu xã hội. ĐCCTHP được xây dựng và điều chỉnh linh hoạt phù hợp với từng khóa, từng lớp dạy và theo bối cảnh của xã hội. Tiếp tục đánh giá cấu trúc các HP trong CTDH để luôn đảm bảo tỉ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức GDĐC, cơ sở ngành và chuyên ngành. Cập nhật, điều chỉnh PPGD, học tập, KTĐG KQHT của NH trong ĐCCTHP nhằm đảm bảo CĐR của CTĐT.

Tăng cường số lượng và chất lượng các hoạt động dạy-học hiệu quả, đặc biệt là các hoạt động ngoại khóa cho NH ngành KHHH. Tổ chức thường xuyên hơn các hoạt động ngoại khóa để SV có thêm cơ hội phát triển năng lực và khả năng tự học.

Xây dựng ngân hàng đề thi đánh giá cuối kỳ cho các HP chuyên ngành một cách đồng bộ và có hệ thống, tương thích với CDR của từng HP và toàn bộ CTĐT. Đa dạng các hình thức đánh giá gồm: Bài tập lớn, thuyết trình, các bài kiểm tra định kỳ, thi giữa kỳ đều sẽ được thực hiện trên hệ thống E-learning nhằm khuyến khích NH chủ động truy cập hơn trong quá trình học và có thể TĐG năng lực học của mình thông qua các dạng bài tập tự thực hiện.

Kiểm tra, giám sát chặt chẽ hơn và đôn đốc, hỗ trợ việc thực hiện quy hoạch phát triển đội ngũ GV theo từng năm. Sử dụng thêm mạng xã hội làm phương tiện phổ biến, công khai các thông báo tuyển dụng đến ứng viên. Tiếp tục đa dạng hóa các kênh đánh giá, xếp loại VC. Tiếp tục tạo điều kiện cho VC tham gia các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Tiếp tục hoàn thiện và có các chính sách tuyển dụng, đãi ngộ, khen thưởng và bồi dưỡng chuyên môn phù hợp và xứng đáng cho đội ngũ NV hỗ trợ. Thường xuyên cập nhật số liệu nhu cầu nhân lực theo tình hình thực tế để đáp ứng kịp với sự thay đổi của nhà trường dựa trên chiến lược phát triển số lượng SV của ngành KHHH, thể hiện rõ mục tiêu về sự phát triển của BM trong thời gian tới. Tiếp tục duy trì các quy trình quy định hiện hành và trong những năm tới phải lấy thêm ý kiến đóng góp từ đội ngũ NV để có thể cải thiện hơn nữa các quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển đảm bảo đội ngũ nhân sự cho hoạt động của CTĐT. Cùng với đó phòng TCNS cần xem xét, tham mưu cho ban giám hiệu bổ sung các quy định về các trường hợp đặc biệt, đặc cách nhưng vẫn không trái quy định hiện hành. Tiếp tục duy trì mô hình quản trị theo kết quả công việc của NV, đưa ra thêm nhiều tiêu chí đánh giá cụ thể hơn nữa để NV có thể chủ động theo dõi và thực hiện.

Duy trì chính sách tuyển sinh rõ ràng, minh bạch, cập nhật, hoàn thiện và được công bố công khai bằng nhiều hình thức trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Tiếp tục tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh thuận lợi trong việc lựa chọn hình thức xét tuyển và tham gia đăng ký xét tuyển. Phát huy hiệu quả của hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện bằng phần mềm quản lý đào tạo, đội ngũ CVHT, GV, BM KHHH, Đoàn Khoa KTGT và các bộ phận chức năng trong Trường.

Đẩy mạnh việc triển khai mua sắm, sửa chữa, triển khai đầu tư cho các phòng làm việc và khu vực GD phục vụ đào tạo và NCKH của CBVC, NH. BM KHHH đề nghị nhà trường dành khoản kinh phí để mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho công tác NCKH cho GV và NH ngành KHHH, thực hiện trong NH 2024-2025.

Khai thác hiệu quả các văn bản quy định, quy trình, kế hoạch và biểu mẫu hướng dẫn của Trường; phát huy nền tảng hệ thống thu thập thông tin sẵn có của Trường để tổ chức lấy ý kiến các BLQ làm cơ sở cho việc cập nhật, phát triển CTDH trong thời gian đến. Đồng thời phát huy hiệu quả cách thức triển khai rà soát, đánh giá hiện hành về quy trình thiết kế và phát triển CTDH của Trường. Duy trì thường xuyên họp thảo luận về PPDH và phương pháp KTĐG, tiếp thu ý kiến đánh giá của NH để rút kinh nghiệm và thực hiện cải tiến. Luôn duy trì và nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích hỗ trợ cho GV và NH; tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của GV, NH để nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích.

CVHT các lớp ngành KHHH tiếp tục tăng cường theo dõi sát sao tình hình NH, cập nhật tình hình để báo cáo kịp thời Khoa và Lãnh đạo Trường, nhất là các NH diện cảnh cáo, buộc thôi học để kịp thời tư vấn, động viên, giúp đỡ NH tiếp tục học. Tiếp tục theo dõi và thống kê hằng năm thời gian tốt nghiệp trung bình của NH thông qua phần mềm quản lý đào tạo của Trường. Tiếp tục phát động, thông báo về các đợt đăng ký đề tài NCKH dành cho NH và các chính sách hỗ trợ rộng rãi trên các kênh truyền thông (Website, Page Facebook Khoa, BM...).

Tổng số tiêu chí đạt yêu cầu: 50/50.

Tổng số tiêu chí chưa đạt: 0/50.


BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Nha Trang

Mã: TSN

Tên CTĐT: Khoa học hàng hải

Mã CTĐT: 7840106

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chuẩn 1								4,67	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3				4						
Tiêu chuẩn 2								5,00	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3								4,67	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4								5,00	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5								5,00	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6								4,00	7	100
Tiêu chí 6.1				4						
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3				4						
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7				4						
Tiêu chuẩn 7								4,80	5	100
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5				4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chuẩn 8								4,80	5	100
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3				4						
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
Tiêu chuẩn 9								4,40	5	100
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3				4						
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5				4						
Tiêu chuẩn 10								4,33	6	100
Tiêu chí 10.1				4						
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3				4						
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11								4,00	5	100
Tiêu chí 11.1				4						
Tiêu chí 11.2				4						
Tiêu chí 11.3				4						
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								4,54	50	100

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Trang Sĩ Trung

Phần IV**PHỤ LỤC****Phụ lục 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 30/6/2024

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục**1. Tên cơ sở giáo dục (theo QĐ thành lập)**

Tiếng Việt: Trường Đại học Nha Trang

Tiếng Anh: Nha Trang University

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: ĐHNT

Tiếng Anh: NTU

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Thủy sản**4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Giáo dục và Đào tạo****5. Địa chỉ: 02 Nguyễn Đình Chiểu, Nha Trang, Khánh Hòa****6. Thông tin liên hệ: Điện thoại (0258) 3831149**

E-mail: dhnt@ntu.edu.vn

Website: <http://www.ntu.edu.vn>

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo QĐ thành lập): ngày 16/08/1966, theo QĐ số 155/CP của Thủ tướng Chính phủ, khoa Thủy sản tách ra khỏi Học viện Nông Lâm thành Trường Thủy sản.

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: tháng 9/1959**9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: tháng 7/1964****10. Loại hình cơ sở giáo dục:**

Công lập ☒

Bán công ☐

Dân lập ☐

Tư thục ☐

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ): không có**II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo****12. Tên Khoa/BM thực hiện CTĐT (theo QĐ thành lập)**

Tiếng Việt: Khoa Kỹ thuật Giao thông

Tiếng Anh: Faculty of Transportation Engineering

13. Tên viết tắt của Khoa/BM thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: BM Khoa học hàng hải

Tiếng Anh: Department of Maritime Science

14. Tên trước đây (nếu có): Không

15. Mã CTĐT: **7840106**

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Không có

17. Địa chỉ của Khoa/BM thực hiện CTĐT: Số 02 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Vĩnh Phước, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

18. Số điện thoại liên hệ: 02582 471 387; Email: kktgt@ntu.edu.vn; Website: <https://khoaktgt.ntu.edu.vn/>

19. Năm thành lập Khoa/BM (theo QĐ thành lập): QĐ 761/QQD-ĐHNT ngày 07/07/2023

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2014-2015

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2018

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Khoa KTGT – Trường ĐHTN được thành lập năm 2011 trên cơ sở đổi tên từ Khoa Kỹ thuật tàu thủy và chuyển đổi thêm BM KHHH từ Khoa Cơ khí, gồm có 03 BM: Kỹ thuật tàu thủy, Động lực và KHHH. Đến thời điểm hiện nay, Khoa có tổng cộng 23 CB, trong đó có 01 PGS, 09 TS và 13 ThS.

Khoa KTGT là một trong những đơn vị có thế mạnh trong đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ. Hiện nay, Khoa KTGT đang tổ chức đào tạo các bậc học ĐH và SDH với các ngành cụ thể như sau:

- Bậc ĐH:

+ Ngành Kỹ thuật tàu thủy. Ngoài các lớp chính quy tại Trường, hiện nay Khoa đang mở các lớp bằng 2 tại các địa phương, trước hết là tại Bến Tre và Bình Định.

+ Ngành Kỹ thuật Ô tô

+ Ngành KHHH: 02 chuyên ngành KHHH, QLHH và Logistics

+ Ngành Kỹ thuật cơ khí động lực

- Bậc cao học:

+ Ngành Kỹ thuật tàu thủy

+ Ngành KHHH

+ Ngành Kỹ thuật cơ khí động lực

- Bạc tiến sĩ:

+ Ngành Kỹ thuật tàu thủy

+ Ngành Kỹ thuật cơ khí động lực

Song song nhiệm vụ đào tạo, Khoa còn triển khai thực hiện các đề tài NCKH, tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực chuyên môn liên quan. Cụ thể:

- Thực hiện các hồ sơ thiết kế như thiết kế hoàn công, thiết kế cải hoán (phần vỏ, phần máy, phần trang thiết bị,...), thiết kế kỹ thuật tàu thủy bằng các loại vật liệu khác nhau, đặc biệt đối với tàu cá các loại.

- Tư vấn công tác duyệt hồ sơ thiết kế tàu cá, xây dựng quy trình duyệt hồ sơ thiết kế, ... cho đăng kiểm viên hoặc cơ sở đăng kiểm tàu cá trên toàn quốc.

- Thiết kế công nghệ thi công tàu vỏ thép.

- Thiết kế, thi công và chuyển giao công nghệ các sản phẩm liên quan đến lĩnh vực thủy sản và du lịch biển bằng các loại vật liệu khác nhau.

- Thiết kế, chuyển giao công nghệ đóng sửa tàu bằng các loại vật liệu khác nhau.

- Tư vấn, thiết kế cải hoán, nâng cao hiệu quả sử dụng ô tô.

- Tư vấn thiết kế và hướng dẫn sử dụng thiết bị hiện đại kiểm tra chất lượng trong bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa KTOT - xe cơ giới và máy động lực.

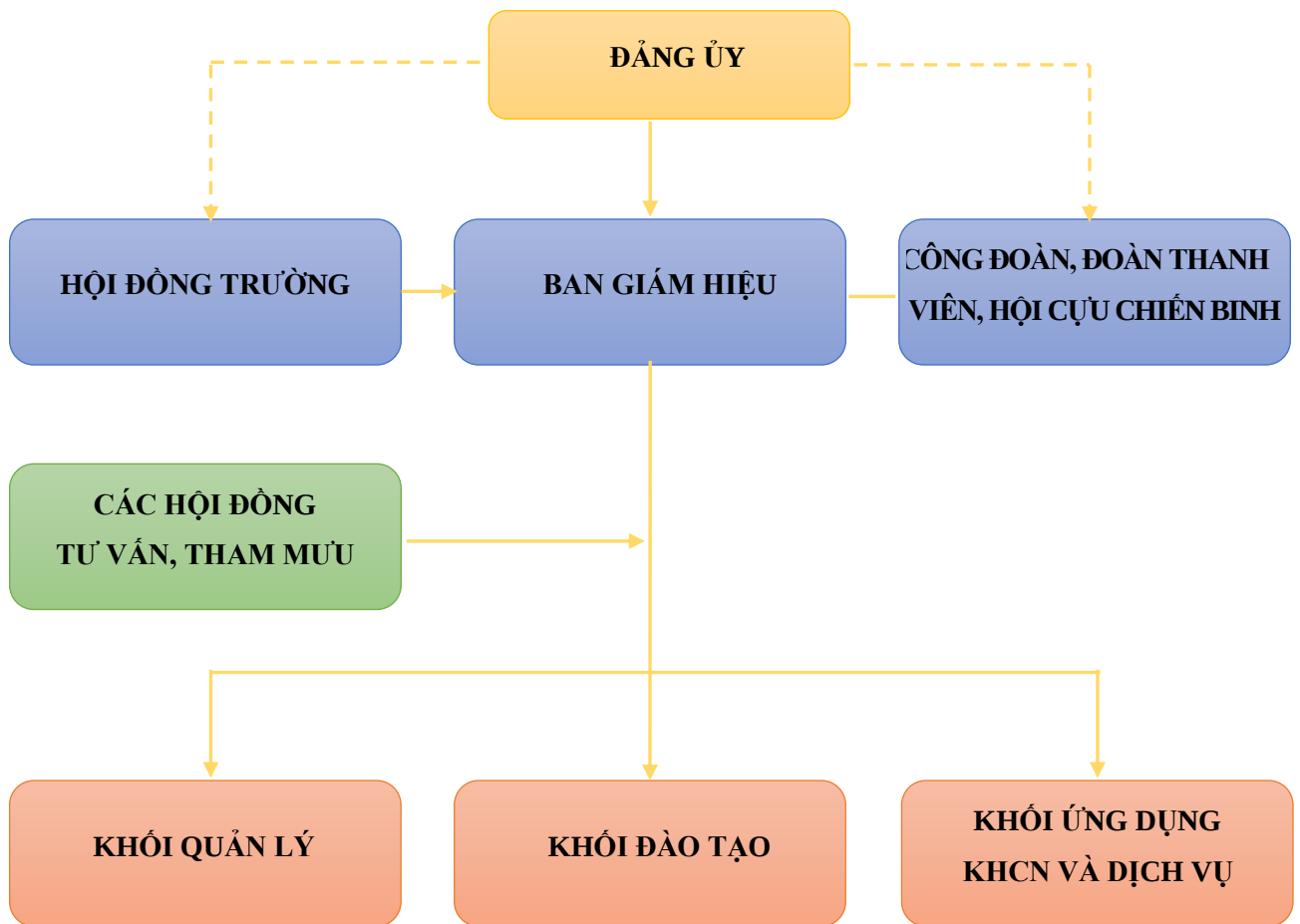
- Tư vấn thiết kế, chế tạo, chuyển giao công nghệ và thiết bị khai thác thủy sản trên các tàu đánh cá.

- Tư vấn các giải pháp kỹ thuật giảm ô nhiễm môi trường do phát thải động cơ ô tô, tàu thủy, giải pháp xác định công suất động cơ đã qua sử dụng, ...

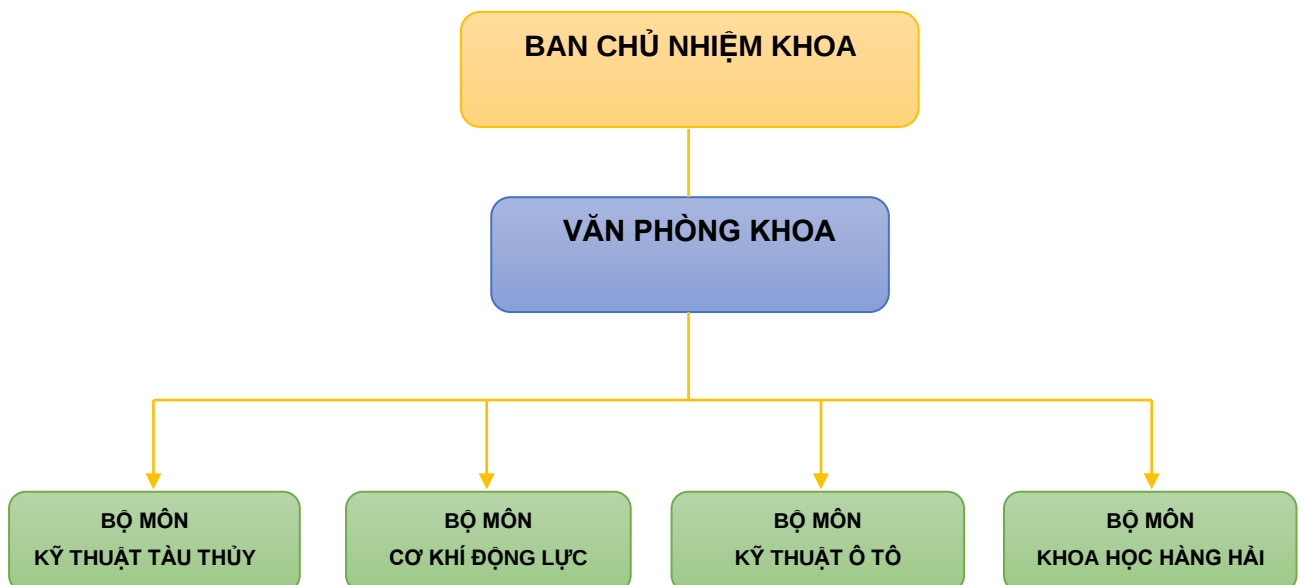
- Tư vấn, giảng dạy, hướng dẫn chuyển giao các phần mềm chuyên ngành Kỹ thuật tàu thủy, Kỹ thuật Cơ khí động lực, KTOT và KHHH.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

Tóm tắt sơ đồ cơ cấu tổ chức hành chính của Trường Đại học Nha Trang



Tóm tắt sơ đồ cơ cấu tổ chức hành chính của Khoa KTGT



TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Văn phòng Trường	Phạm Ngọc Bích	1978	ThS, Chánh văn phòng	0983652879	bichpn@ntu.edu.vn
2	Phòng Tổ chức - Nhân sự	Lê Việt Phương	1979	TS, Trưởng phòng	0989635123	phuonglv@ntu.edu.vn
3	Phòng Đào tạo Đại học	Tô Văn Phương	1985	PGS.TS, Trưởng phòng	0913451713	phuongtv@ntu.edu.vn
4	Phòng Đào tạo Sau đại học	Đặng Xuân Phương	1975	PGS.TS, Trưởng phòng	0914030017	phuongdx@ntu.edu.vn
5	Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí	Đinh Đồng Lương	1978	TS, Trưởng phòng	0966100661	luongdd@ntu.edu.vn
6	Phòng Công tác chính trị và sinh viên	Tổng Văn Toàn	1977	ThS, Trưởng phòng	0983208112	toantv@ntu.edu.vn
7	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Phạm Hồng Mạnh	1975	Trưởng phòng	0913461521	manhph@ntu.edu.vn
8	Phòng Khoa học và Công nghệ	Vũ Kế Nghiệp	1976	TS, Trưởng phòng	0967139646	vkngghiep@ntu.edu.vn
9	Phòng Hợp tác quốc tế	Nguyễn Thế Hân	1983	PGS.TS, Trưởng phòng - Phụ trách phòng	0975964605	hannt@ntu.edu.vn
10	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Nguyễn Vĩnh Trung	1968	ThS, Trưởng phòng	0914007755	trungnv@ntu.edu.vn
11	Phòng Công nghệ Thông tin	Trần Minh Văn	1977	ThS, Tổ trưởng	0775403070	minhvan@ntu.edu.vn
12	Thư viện	Nguyễn Quý Hoàn	1976	Giám đốc	0912930466	hoannq@ntu.edu.vn
13	Trung tâm Hỗ trợ việc làm và Khởi nghiệp	Đỗ Quốc Việt	1983	ThS, Giám đốc	0941116886	vietdq@ntu.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
14	Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng	Bùi Quang Thịnh	1970	ThS, Giám đốc	0903574662	thinhbq@ntu.edu.vn
15	Trung tâm Phục vụ trường học	Nguyễn Văn Hân	1980	ThS, Giám đốc	0915204489	hannv1@ntu.edu.vn
16	Trung tâm Thí nghiệm thực hành	Nguyễn Văn Hòa	1979	PGS.TS, Giám đốc	0966337972	hoanv@ntu.edu.vn
IV. Các BM						
1	Kỹ thuật tàu thủy	Huỳnh Lê Hồng Thái	1981	TS, Trưởng BM	0834310781	thai@ntu.edu.vn
2	Cơ khí động lực	Đoàn Phước Thọ	1974	ThS, Trưởng BM	0988860684	thodp@ntu.edu.vn
3	Kỹ thuật Ô tô	Nguyễn Văn Thuận	1980	PGS. TS, Trưởng BM	0393007896	thuannv@ntu.edu.vn
4	Khoa học hàng hải	Hồ Đức Tuấn	1971	TS, Trưởng BM	0982095028	tuanhd@ntu.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: 04 (Kỹ thuật Tàu thủy; Kỹ thuật Ô tô, Cơ khí Động lực và Khoa học Hàng hải)

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 01

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo ThS: 03

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 04

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: Không

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): Không

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐

Không chính quy ☐ ☒

Từ xa ☐ ☒

Liên kết đào tạo với nước ngoài ☐ ☒

Liên kết đào tạo trong nước ☒ ☐

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): không có

32. Tổng số các ngành đào tạo: 04

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, GV và NV của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	30	1	31
I.1	Đội ngũ trong biên chế	30	1	31
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng)	18	1	19
	Tổng số	48	2	50

34. Thống kê, phân loại giảng viên

T T	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là CB quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	1	0	0	0	1	0
2	Phó Giáo sư	5	3	0	0	2	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	15	9	0	2	4	0
5	Thạc sĩ	24	13	0	0	11	0
6	Đại học	4	3	0	0	1	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	49	28	0	2	19	0

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = **30 người**

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số CB cơ hữu: **96,77 %**

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là CB quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	1	0	0	0	1	0	1,00
2	Phó Giáo sư	3,0	5	3	0	0	2	0	10,20
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0,00
4	Tiến sĩ	2,0	15	9	0	2	4	0	20,80
5	Thạc sĩ	1,0	24	13	0	0	11	0	15,20
6	Đại học	0,3	4	3	0	0	1	0	0,96
	Tổng		49	28	0	2	19	0	48,16

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3	10	3	0	0	0	2	1	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	11	37	11	0	0	4	5	2	0
5	Thạc sĩ	13	43	13	0	2	4	4	2	1
6	Đại học	3	10	3	0	1	1	1	0	0
	Tổng	30	100	30	0	3	9	12	5	1

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: **45,0**

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: **46,67%**

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ ThS trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: **43,33%**

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	7.7	58.3
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	46.2	33.3
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	15.4	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	30.7	8.4
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và NCS

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số NH trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
Nghiên cứu sinh							
2019-2020	0	0	0	0	0	0	0
2020-2021	0	0	0	0	0	0	0

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2021-2022	0	0	0	0	0	0	0
2022-2023	0	0	0	0	0	0	0
2023-2024	0	0	0	0	0	0	0
Cao học							
2019-2020	0	0	0	0	0	0	0
2020-2021	0	0	0	0	0	0	0
2021-2022	0	0	0	0	0	0	0
2022-2023	0	0	0	0	0	0	0
2023-2024	0	0	0	0	0	0	0
Đại học							
2019-2020	78	25	0	13	15	0	0
2020-2021	92	34	0	23	15	0	0
2021-2022	337	153	0	104	18	0	0
2022-2023	459	135	0	127	17	0	0
2023-2024	651	171	0	162	20.5	0	0

39. Thống kê, phân loại số lượng NH theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên đại học	95	97	169	269	396

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Trong đó:					
Hệ chính quy	95	97	169	269	396
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác ...	0	0	0	0	0

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số NH	0	0	0	0	0

41. NH của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số NH có nhu cầu:

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	24.156	24.156	24.156	24.156	24.156
2. NH có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	2.741	2.538	2.038	2.035	1.900
3. NH được ở trong ký túc xá (người)	2.741	2.538	2.038	2.035	1.900
4. Tỷ số diện tích trên đầu NH ở trong ký túc xá (m ² /người)	8,81	9,52	11,9	11,9	12,7

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) NH của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)	0	1	1	1	2
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0	4,35	0.96	0.78	1.25

43. Thống kê số lượng NH của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây*Đơn vị: người*

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:	8	10	29	6	7
Hệ chính quy	8	10	29	6	7
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

*(Tính cả những NH đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)***44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:**

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Số lượng NH tốt nghiệp (người).	8	10	29	6	7

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024
2. Tỷ lệ NH tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	80 (K58)	52,63 (K59)	61,7 (K60)	46,15 (K61)	30,43 (K62)
3. Đánh giá của NH tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ NH trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	42,86 (3/7)	50,00 (2/4)	- (0/5)	33,33 (4/12)	- (0/15)
3.2. Tỷ lệ NH trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	42,86 (3/7)	25,00 (1/4)	60,00 (3/5)	41,67 (5/12)	66,67 (10/15)
3.3. Tỷ lệ NH trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	14,29 (1/7)	25,00 (1/4)	40,00 (2/5)	25,00 (3/12)	33,33 (5/15)
4. NH có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này điền các thông tin dưới đây:					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
4.1. Tỷ lệ NH có việc làm đúng ngành đào tạo (%): sau 6-12 tháng tốt nghiệp	25,00 (2/8)	6,67 (1/15)	- (0/9)	30,77 (4/13)	- (0/16)
4.2. Tỷ lệ NH có việc làm trái ngành đào tạo (%).	12,50 (1/8)	6,67 (1/15)	22,22 (2/9)	23,08 (3/13)	31,25 (5/16)
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của NH có việc làm.	8,83	11,00	11,33	9,67	8,38
5. Đánh giá của NTD về NH tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ NH đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	50,00 (1/2)	-	-	50,00 (2/4)	-
5.2. Tỷ lệ NH cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	50,00 (1/2)	100,00 (1/1)	-	50,00 (2/4)	-
5.3. Tỷ lệ NH phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao KHCN của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	1	0	2
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	0	0	0	0	1	1
3	Đề tài cấp trường	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		0	0	0	1	1	3

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: **3,0**

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao KHCN (quy đổi) trên CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: **0,09**

46. Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên CB cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2020	0	0	0
2	2021	0	0	0
3	2022	0	0	0
4	2023	0	0	0
5	2024	0	0	0

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng CB tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	7	16	16	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số CB tham gia	7	16	16	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	1	0	1,5
3	Sách tham khảo	1,0	0	2	0	1	0	3
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		0	2	0	2	0	4,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): **4,5**

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên CB cơ hữu: **0,14**

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng CB cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	2	7	2
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số CB tham gia	0	2	7	2

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	7	9	13	13	20	93,0
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	6	11	6	13	9	45,0
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	0	0	0	0,0
	Tổng		13	20	19	26	29	138,0

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): **138,0**

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên CB cơ hữu: **4,45**

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng CB cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	10	13	0
Từ 6 đến 10 bài báo	4	2	0
Từ 11 đến 15 bài báo	1	1	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số CB tham gia	15	16	0

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	3	2	2	4	0	11,0
2	Hội thảo trong nước	0,5	1	1	2	2	2	4,0
3	Hội thảo cấp trường	0,25	5	2	6	6	5	6,0
	Tổng		9	5	10	12	7	21,0

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): **21,0**

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên CB cơ hữu: **0,67**

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng CB cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	11	8	24
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	2	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số CB tham gia	11	10	24

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2019-2020	0
2020-2021	0
2021-2022	0
2022-2023	0
2023-2024	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng NH tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số NH tham gia	0	0	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích NCKH của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 515.835

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 17.296

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 5.148 Nơi học: 16.810 Nơi vui chơi giải trí: 8.417

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 16.810

- Tỷ số diện tích phòng học trên NH chính quy: 1,05 (16.810/16.000)

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin

- Thư viện: 1.207

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 20

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 02

- Dùng cho NH học tập: 350

Tỷ số số máy tính dùng cho NH/NH chính quy: 0,88

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 30

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số CB cơ hữu (%): 96,77

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 46,67

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ ThS trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 43,33

2. Người học:

Tổng số NH chính quy (người): 396

Tỷ số NH chính quy trên giảng viên: 8,22

Tỷ lệ NH tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 54,18

3. Đánh giá của NH tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ NH trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 42,06

Tỷ lệ NH trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 47,24

4. NH có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ NH có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 20,81

Tỷ lệ NH có việc làm trái ngành đào tạo (%): 19,14

Thu nhập bình quân/tháng của NH có việc làm (triệu VNĐ): 9,84

5. Đánh giá của NTD về NH tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ NH đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 50,00

Tỷ lệ NH cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 66,67

6. NCKH và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao KHCN (quy đổi) trên CB cơ hữu: 0,09

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên CB cơ hữu: 0,0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên CB cơ hữu: 0,14

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên CB cơ hữu: 4,45

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên CB cơ hữu: 0,67

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho NH trên NH chính quy: 0,88

Tỷ số diện tích phòng học trên NH chính quy: 1,05

Tỷ số diện tích ký túc xá trên NH chính quy: 10,97

Phụ lục 2. QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 137 /QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 19 tháng 04 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá
chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Khoa học hàng hải

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản, nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018 và Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-HĐT ngày 24/3/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Xét đề nghị của Trường phòng Đảm bảo chất lượng & Khảo thí.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Khoa học hàng hải, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng, gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Khoa học hàng hải theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và các tài liệu hướng dẫn sau:

- Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng;

- Hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo theo Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng.

- Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 của Cục Quản lý chất lượng về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các Trưởng đơn vị có liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐBCLKT.

HIỆU TRƯỞNG

Trang Sĩ Trung



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KHOA HỌC HÀNG HẢI**

*(Kèm theo Quyết định số 137 /QĐ-ĐHNT ngày 19 tháng 01 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)*

STT	Họ và tên		Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Trang Sĩ	Trung	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Quách Hoài	Nam	Phó Hiệu trưởng	Phó CT thường trực	
3	Huỳnh Văn	Vũ	Trưởng khoa Kỹ thuật Giao thông	Phó chủ tịch	
4	Đinh Đồng	Lưỡng	Trưởng phòng ĐBCL&KT	Thư ký	
5	Phạm Hồng	Mạnh	Thư ký Hội đồng trường	Thành viên	
6	Tô Văn	Phương	Trưởng phòng Đào tạo Đại học	Thành viên	
7	Tổng Văn	Toàn	Trưởng phòng CTCT&SV	Thành viên	
8	Vũ Kế	Nghiệp	Trưởng phòng KHCN	Thành viên	
9	Vũ Thị	Lương	Kế toán trưởng	Thành viên	
10	Lê Việt	Phương	Trưởng phòng TC-NS	Thành viên	
11	Đỗ Quốc	Việt	Giám đốc TT HTVL&KN	Thành viên	
12	Nguyễn Văn	Hân	Giám đốc TT PVTH	Thành viên	
13	Nguyễn Quý	Hoàn	Giám đốc Thư viện	Thành viên	
14	Nguyễn Văn	Hòa	Giám đốc TT Thí nghiệm thực hành	Thành viên	
15	Nguyễn Thanh	Tuấn	Phó trưởng khoa Kỹ thuật Giao thông	Thành viên	
16	Hồ Đức	Tuấn	Trưởng BM Khoa học hàng hải	Thành viên	
17	Vũ Như	Tân	Giảng viên BM Khoa học hàng hải	Thành viên	
18	Trần Công	Minh	Giảng viên BM Khoa học hàng hải	Thành viên	
19	Hồ Lục Tiểu	Hà	Sinh viên lớp 63.KHHH1	Thành viên	

(Danh sách gồm có 19 người)

BN



DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 137/QĐ-ĐHNT ngày 19 tháng 01 năm 2024

của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

STT	Họ và tên		Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Thanh	Tuấn	Phó trưởng khoa Kỹ thuật Giao thông	Trưởng ban thư ký
2	Ngô Quang	Trọng	Phó trưởng phòng ĐBCL&KT	Phó trưởng ban
3	Hồ Đức	Tuấn	Trưởng BM Khoa học hàng hải	Thành viên
4	Trương Đắc	Dũng	Giảng viên BM Khoa học hàng hải	Thành viên
5	Vũ Như	Tân	Giảng viên BM Khoa học hàng hải	Thành viên
6	Trần Công	Minh	Giảng viên BM Khoa học hàng hải	Thành viên
7	Lê Công	Lập	Giảng viên BM Khoa học hàng hải	Thành viên
8	Trần Trương Thy	Thơ	CV Phòng ĐBCL&KT	Thành viên

(Danh sách gồm có 08 người)

Handwritten signature/initials.



DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 137/QĐ-ĐHNT ngày 19 tháng 01 năm 2024

của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

Nhóm/STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1 (TC 1, 2, 3)	1. Huỳnh Văn Vũ	Trưởng khoa Kỹ thuật Giao thông	Tổ trưởng
	2. Trương Đắc Dũng	Giảng viên BM Khoa học hàng hải	Thành viên
	3. Tô Văn Phương	Trưởng phòng ĐTDH	Thành viên
	4. Lê Công Lập	Giảng viên BM Khoa học hàng hải	Thành viên
	5. Trần Công Minh	Giảng viên BM Khoa học hàng hải	Thành viên
	6. Nguyễn Thái Vũ	Giảng viên BM Khoa học hàng hải	Thành viên
Nhóm 2 (TC 4,5)	1. Hồ Đức Tuấn	Trưởng BM Khoa học hàng hải	Tổ trưởng
	2. Trần Công Minh	Giảng viên BM Khoa học hàng hải	Thành viên
	3. Tô Văn Phương	Trưởng phòng ĐTDH	Thành viên
	4. Vũ Như Tân	Giảng viên BM Khoa học hàng hải	Thành viên
	5. Trương Đắc Dũng	Giảng viên BM Khoa học hàng hải	Thành viên
	6. Nguyễn Thái Vũ	Giảng viên BM Khoa học hàng hải	Thành viên
Nhóm 3 (TC 6,7)	1. Huỳnh Văn Vũ	Trưởng khoa Kỹ thuật Giao thông	Tổ trưởng
	2. Lê Việt Phương	Trưởng phòng TC-NS	Tổ phó
	3. Trần Trương Thy Thơ	CV Phòng ĐBCL&KT	Thành viên
	4. Nguyễn Thanh Tuấn	Phó trưởng khoa Kỹ thuật Giao thông	Thành viên
	5. Trần Công Minh	Giảng viên BM Khoa học hàng hải	Thành viên
	6. Phạm Thị Thu	CV Phòng TC-NS	Thành viên
Nhóm 4 (TC 8,11)	1. Hồ Đức Tuấn	Trưởng BM Khoa học hàng hải	Tổ trưởng
	2. Ngô Văn An	Phó trưởng phòng CTCT&SV	Tổ phó
	3. Trần Thị Nhâm	CV Trung tâm HTVL&KN	Thành viên
	4. Vương Thị Bích Hào	CV Phòng ĐTDH	Thành viên
	5. Nguyễn Thanh Tuấn	Giảng viên BM Khoa học hàng hải	Thành viên
	6. Vũ Như Tân	Giảng viên BM Khoa học hàng hải	Thành viên
Nhóm 5 (TC 9,10)	1. Nguyễn Thanh Tuấn	Phó trưởng khoa Kỹ thuật Giao thông	Tổ trưởng
	2. Ngô Quang Trọng	Phó trưởng phòng ĐBCL&KT	Tổ phó
	3. Nguyễn Văn Hân	Giám đốc TT PVTH	Thành viên
	4. Vũ Thị Trang	Phó giám đốc Thư viện	Thành viên
	5. Vũ Như Tân	Giảng viên BM Khoa học hàng hải	Thành viên
	6. Lê Công Lập	Giảng viên BM Khoa học hàng hải	Thành viên
	7. Trần Trương Thy Thơ	CV Phòng ĐBCL&KT	Thành viên

82

Phụ lục 3. KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 72./KH-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 04 năm 2024

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KHOA HỌC HÀNG HẢI

I. Mục đích tự đánh giá

- Giúp CTĐT tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT; xác định đúng điểm mạnh, điểm tồn tại của CTĐT từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng (kế hoạch hành động) phù hợp, khả thi và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT.
- Là điều kiện cần thiết để cơ sở giáo dục đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT với một tổ chức KĐCLGD.
- Thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá (TĐG) là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và các tài liệu hướng dẫn sau:

- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục (nay là Cục Quản lý chất lượng) về việc hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học (GDĐH).
- Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của GDĐH được ban hành kèm theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD.
- Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.
- Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 của Cục Quản lý chất lượng về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng (HĐ) TĐG CTĐT trình độ đại học ngành Khoa học hàng hải được thành lập theo Quyết định số 137/QĐ-ĐHNT ngày 19 tháng 1 năm 2024 của Trường Đại học Nha Trang. HĐ gồm có 19 thành viên (danh sách kèm theo).

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo).

3. Phân công thực hiện

a) Nhóm thư ký (TK):

- Tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.
- Hoàn thiện báo cáo TĐG trên cơ sở các ý kiến góp ý của HĐ TĐG CTĐT, các bên liên quan, giảng viên, nhân viên và người học.

b) Các nhóm công tác chuyên trách:

- Xác định nội hàm, phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng (theo mẫu).
- Đánh giá, xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu thập (theo mẫu).
- Dự thảo báo cáo từng tiêu chí và dự thảo báo cáo đối với từng tiêu chuẩn (theo mẫu).

STT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1	Nhóm 1	Tháng 01/2024-6/2024	
2	Tiêu chuẩn 2			
3	Tiêu chuẩn 3			
4	Tiêu chuẩn 4	Nhóm 2	Tháng 01/2024-6/2024	
5	Tiêu chuẩn 5			
6	Tiêu chuẩn 6	Nhóm 3	Tháng 01/2024-6/2024	
7	Tiêu chuẩn 7			
8	Tiêu chuẩn 8	Nhóm 4	Tháng 01/2024-6/2024	
9	Tiêu chuẩn 11			
10	Tiêu chuẩn 9	Nhóm 5	Tháng 01/2024-6/2024	
11	Tiêu chuẩn 10			

V. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính, ...) và thời điểm cần huy động/cung cấp

STT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời điểm cần huy động
1		Tổ chức tập huấn HĐ TĐG, Ban TK và các nhóm công tác CT triển khai công tác TĐG.	- Ban Giám hiệu. - Toàn thể thành viên HĐ TĐG, Ban TK và các nhóm CT.	Tháng 01-02/2024
		Truyền thông, công bố Kế hoạch TĐG CTĐT đến toàn thể CBVC, nhân viên và SV tham gia thực hiện CTĐT.	- Ban Giám hiệu. - Đơn vị thực hiện TĐG CTĐT. - Các đơn vị liên quan.	
2	1-11	Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐ, Ban TK và các nhóm công tác CT.	HĐ TĐG.	

STT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời điểm cần huy động
		Phân tích nội hàm tiêu chí.	Các nhóm công tác CT.	Tháng 01-3/2024
		Thu thập thông tin và MC đã xác định.		
		Phân tích, lý giải nội hàm của các thông tin, MC thu được.		
		Sắp xếp, phân loại thông tin và MC thu được.		
3	1-11	Viết các báo cáo của từng tiêu chí.	- Ban thư ký và các nhóm công tác CT. - Kinh phí hỗ trợ cho hoạt động TĐG CTĐT theo Quy chế chỉ tiêu nội bộ hiện hành.	Tháng 3/2024
		Tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn; thu thập thông tin, MC bổ sung.		
		Mã hóa thông tin và MC thu được.		
4	1-11	Tổ chức góp ý cho các tiêu chí, tiêu chuẩn do các nhóm công tác CT dự thảo (lần 1).	- Hội đồng TĐG. - Kinh phí hỗ trợ cho hoạt động TĐG CTĐT theo Quy chế chỉ tiêu nội bộ hiện hành.	Tháng 4/2024
		Xác định các thông tin, MC cần thu thập bổ sung.		
		Hoàn thiện dự thảo báo cáo TĐG và danh mục MC (lần 1).		
5	1-11	Tổ chức góp ý dự thảo báo cáo TĐG trong nội bộ đơn vị thực hiện CTĐT và các đơn vị liên quan (lần 2).	HĐ TĐG.	Tháng 5/2024
		Hoàn thiện dự thảo báo cáo TĐG và danh mục MC (lần 2).	Ban TK và các nhóm công tác CT.	
		Công bố dự thảo báo cáo TĐG trong nội bộ Trường.	HĐ TĐG.	
6	1-11	Thu thập các ý kiến đóng góp (lần 3).	CBVC, SV toàn Trường.	Tháng 5-6/2024
		Hoàn thiện báo cáo TĐG và hồ sơ MC lần cuối.	Ban TK và các nhóm công tác CT.	
		Thông qua báo cáo TĐG chính thức.	HĐ TĐG.	
		Phê duyệt báo cáo TĐG.	Hiệu trưởng.	

STT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời điểm cần huy động
		Lưu thông tin và MC thu được trong mục MC kiểm định tại địa chỉ https://canbo.ntu.edu.vn	Ban TK và các nhóm công tác CT.	
7		In báo cáo TĐG, đóng tập.	- Phòng ĐBCL&KT - Kinh phí hỗ trợ cho hoạt động TĐG CTĐT theo Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành.	Tháng 6/2024
		Gửi báo cáo TĐG đến Cục QLCL theo quy định.	Phòng ĐBCL&KT.	
		Đăng ký lịch đánh giá ngoài với Trung tâm KĐCLGD, hoàn thiện các thủ tục đăng ký ĐGN với Trung tâm KĐCLGD.		

VI. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Bảng danh mục mã minh chứng được thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 và Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 của Cục Quản lý chất lượng về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

VII. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tháng 01-02/2024	- Thành lập HĐ TĐG, Ban TK và các nhóm công tác CT. - Tổ chức tập huấn HĐ TĐG, Ban TK và các nhóm công tác CT. - Truyền thông, công bố Kế hoạch TĐG CTĐT đến toàn thể CBVC, nhân viên và SV tham gia thực hiện CTĐT.
Tháng 01-3/2024	- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐ TĐG, Ban TK và các nhóm công tác CT. - Phân tích nội hàm tiêu chí. - Thu thập thông tin và MC đã xác định. - Phân tích, lý giải nội hàm của các thông tin, MC thu được. - Sắp xếp và phân loại MC thu được
Tháng 3/2024	- Viết các báo cáo của từng tiêu chí. - Tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo TC; thu thập thông tin, MC bổ sung. - Mã hóa MC thu được.
Tháng 4/2024	- Tổ chức góp ý cho các tiêu chí, TC do các nhóm công tác CT dự thảo (lần 1).

Thời gian	Nội dung hoạt động
	- Xác định các thông tin, MC cần thu thập bổ sung. - Hoàn thiện dự thảo báo cáo TĐG, mã hóa MC và lập danh mục MC (lần 1).
Tháng 5/2024	- Tổ chức góp ý dự thảo báo cáo TĐG trong nội bộ đơn vị thực hiện CTĐT và các đơn vị liên quan (lần 2). - Hoàn thiện dự thảo báo cáo TĐG và danh mục MC (lần 2). - Công bố dự thảo báo cáo TĐG trong nội bộ Trường.
Tháng 5-6/2024	- Thu thập các ý kiến đóng góp (lần 3). - Hoàn thiện báo cáo TĐG và hồ sơ MC lần cuối. - Thông qua báo cáo TĐG chính thức. - Phê duyệt báo cáo TĐG. - Lưu thông tin và MC thu được vào trang web: canbo.ntu.edu.vn
Tháng 6/2024	- Gửi báo cáo TĐG đến Cục QLCL. - Đăng ký lịch đánh giá ngoài với Trung tâm KĐCLGD, hoàn thiện các thủ tục đăng ký ĐGN với Trung tâm KĐCLGD.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (để b/c);
- Hội đồng TĐG (để th/h);
- Các đơn vị trong Trường (để th/h);
- Lưu: VT, ĐBCLKT.


HIỆU TRƯỞNG *BN*
Trang Sĩ Trung